

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI HỮU THÊM

**ĐẢNG BỘ TỈNH TUYẾN QUANG LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BÙI HỮU THÊM

**ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG LÃNH ĐẠO
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mã số: 9229015

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS,TS. NGUYỄN DANH TIÊN

2. TS. ĐOÀN THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án là công trình nghiên cứu độc lập và không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố. Các tài liệu, số liệu, trích dẫn trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Bui Huu Thiem', with a horizontal line underneath.

Bùi Hữu Thêm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	9
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.....	9
1.2. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu.....	27
Chương 2. CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2015) ...	34
2.1. Những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nông thôn mới.....	34
2.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nông thôn mới....	48
2.3. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.....	56
Chương 3. ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2015 - 2020)	98
3.1. Những yếu tố mới tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nông thôn mới.....	98
3.2. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.....	106
3.3. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới...	117
Chương 4. NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM	154
4.1. Nhận xét sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng nông thôn mới (2010 - 2020).....	154
4.2. Một số kinh nghiệm Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020.....	169
KẾT LUẬN	192
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	195
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	196
PHỤ LỤC	212

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Ban Chỉ đạo	BCĐ
2	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	CNH, HĐH
3	Hệ thống chính trị	HTCT
4	Hội đồng nhân dân	HĐND
5	Hợp tác xã	HTX
6	Kinh tế - xã hội	KT - XH
7	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn	NN, ND, NT
8	Mặt trận Tổ quốc	MTTQ
9	Mục tiêu quốc gia	MTQG
10	Ủy ban nhân dân	UBND
11	Xây dựng nông thôn mới	XDNTM

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xây dựng nông thôn mới (XDNTM) là một nội dung quan trọng trong chủ trương của Đảng và được thực hiện từ rất sớm. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng CSVN rất chú trọng xây dựng đời sống mới và coi đó là biện pháp hiệu quả nhằm xóa bỏ tàn dư lạc hậu do chế độ cũ để lại. Đây cũng là biện pháp để từng bước giáo dục các tầng lớp Nhân dân nhận thức được tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Trong tác phẩm “Đời sống mới” viết vào tháng 3/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những quan điểm ban đầu, làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối của Đảng về XDNTM. Theo Người, thực hành đời sống mới là công việc quan trọng, bắt đầu từ mỗi người, gia đình, làng, xã: “Do nhiều người nhóm lại mà thành Làng, do nhiều Làng nhóm lại mà thành Nước. Nếu người này cũng xấu, người kia cũng xấu, thì thành Làng xấu, Nước hèn; nếu mỗi người cá nhân tốt, thì Làng tốt, Nước mạnh. Người là gốc của Làng, Nước, nếu mỗi người cố gắng làm đúng đời sống mới thì Dân tộc nhất định phú cường” [82, tr.117].

Trong thời kỳ đổi mới, XDNTM là một chủ trương lớn của Đảng. Nghị quyết Đại hội X của Đảng (2006) đề ra nhiệm vụ: “thực hiện chương trình XDNTM. Xây dựng các làng, xã có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh” [49, tr.90]. Trên cơ sở đó, Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương, khóa X, ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về NN, ND, NT. Nghị quyết xác định: NN, ND, NT có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, trong đó, nông dân là chủ thể của quá trình phát triển; XDNTM gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt. Cụ thể hóa Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quyết định về phê duyệt Chương trình, ban hành Bộ tiêu chí về

XDNTM. Đây là cơ sở quan trọng để các địa phương bám sát và thực hiện có hiệu quả trong thực tiễn.

Tiếp tục chủ trương XDNTM theo hướng văn minh, giàu đẹp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, Đại hội XI của Đảng xác định: “Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, giàu đẹp, đi đôi với nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân” [51, tr.39]. Đến Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ và giải pháp là “tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân” [52, tr.281]. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (1/2021) của Đảng đề ra phương hướng, nhiệm vụ về XDNTM, đó là “...phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với XDNTM theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh... tiếp tục đẩy mạnh chương trình MTQG XDNTM-nâng-cao, xây dựng đời sống văn hoá, NTM kiểu mẫu và bảo vệ môi trường sinh thái” [53, tr.124-125].

Thực hiện chủ trương của Đảng, chương trình MTQG XDNTM đã đạt được những kết quả nổi bật, song cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập; do đó, nghiên cứu, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm qua thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo XDNTM trên phạm vi cả nước nói chung và XDNTM ở các địa phương nói riêng là cơ sở để Đảng hoàn thiện chủ trương về XDNTM trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng nông thôn hiện đại, văn minh, vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tuyên Quang là tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc, là vùng đất gắn liền với các sự kiện lịch sử trọng đại của cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là “Thủ đô Khu giải phóng”, “Thủ đô kháng chiến”. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng bộ tỉnh đã cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của

tỉnh; từ đó, hoạch định chủ trương và chỉ đạo chính quyền và hệ thống chính trị (HTCT) đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua XDNTM. Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và sự vào cuộc của cả HTCT cũng như sự đồng tình, ủng hộ của toàn dân đã đem lại những kết quả tích cực; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, thu nhập bình quân người dân nông thôn ngày càng được nâng lên, trật tự an ninh được giữ vững.

Tuy nhiên, quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM vẫn còn những hạn chế, hiệu quả chưa cao. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chưa toàn diện, chưa quyết liệt ở một số địa phương; việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với NTM còn lúng túng, chưa có những giải pháp tạo được sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Kết quả XDNTM tại một số địa phương chưa thực sự bền vững. Đời sống, thu nhập của một bộ phận người dân nông thôn, còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Bên cạnh đó, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc cùng với việc sáp nhập hai tỉnh Tuyên Quang với Hà Giang và thực hiện chính quyền hai cấp ở địa phương đang đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới, cần phải tổng kết và đúc rút kinh nghiệm từ hoạt động xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, làm cơ sở cho quá trình hoạch định chủ trương, tổ chức thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn tới.

Từ những lý do trên, nghiên cứu, tổng kết quá trình Đảng bộ tỉnh tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng NTM là rất-cần, thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài **“Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ năm 2010 đến năm 2020”**, làm luận án Tiến sĩ lịch sử, ngành Lịch sử Đảng CSVN.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020; qua đó, đúc rút một số kinh nghiệm chủ yếu, góp

phần nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng NTM ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, nghiên cứu, luận giải các yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010-2020.

Hai là, phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM trong những năm 2010- 2020.

Ba là, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo XDNTM qua 2 giai đoạn (2010-2015) và (2015-2020).

Bốn là, đưa ra những nhận xét và đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ trương và quá trình chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: XDNTM là vấn đề rộng lớn, với nhiều nội dung phong phú. Trong khuôn khổ luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Đảng CSVN, nghiên cứu sinh tập trung nghiên cứu chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM trên các mặt: (1) Thành lập bộ máy chỉ đạo và công tác quy hoạch, (2) Công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua, (3) Xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn, (4) Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn, (5) Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn, (6) Xây dựng HTCT cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cũ, gồm các huyện trước khi giải thể là thành phố Tuyên Quang và 6 huyện: Hàm Yên, Na Hang, Chiêm Hóa, Lâm Bình, Yên Sơn, Sơn Dương.

Về thời gian: Thời gian nghiên cứu của luận án là 10 năm (2010-2020), tương ứng với hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang cũng là 10 năm đầu Đảng bộ tỉnh thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của Chính phủ. Tuy nhiên, để vấn đề nghiên cứu có tính hệ thống, luận án có đề cập một số nội dung liên quan trong thời gian trước năm 2010 và sau năm 2020.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về NN, ND, NT và quan điểm của Đảng CSVN về XDNTM. Đồng thời Luận án kế thừa kết quả nghiên cứu của một số công trình khoa học có liên quan thuộc chuyên ngành triết học, chính trị học, quản trị công, kinh tế chính trị, xây dựng Đảng...

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; hệ thống phương pháp luận sử học mác xít. Luận án chủ yếu sử dụng các phương pháp, cụ thể như: Lịch sử và lôgic, phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học, phỏng vấn, điền dã, thâm nhập thực tế...

Phương pháp lịch sử: Làm rõ bối cảnh, trình bày một cách hệ thống, cụ thể và sinh động chủ trương và sự chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010-2020.

Phương pháp lôgic: Trên cơ sở làm rõ chủ trương và chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020, đề luận án đánh giá, bình luận, rút ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và một số kinh nghiệm.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê: Nhằm làm rõ chủ trương, tổng hợp, thống kê các số liệu để chứng minh cho kết quả chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010-2020.

Phương pháp so sánh: Thực hiện so sánh quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang giữa các giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020; giữa Tuyên Quang với một số tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc có đặc điểm tương đồng. Kết quả so sánh là cơ sở để nhận xét, đánh giá và rút ra kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ 2010-2020.

Phương pháp điều tra xã hội học: Ứng dụng Google biểu mẫu để khảo sát 524 ý kiến của Nhân dân và 141 cán bộ là Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND (UBND) xã, thực hiện tháng 11/2024. Thực hiện khảo sát với số lượng là 665 người. Đây là phương pháp giúp tác giả luận án có thể mở rộng đối tượng khảo sát và thu thập kết quả nhanh chóng. Kết quả tổng hợp phiếu điều tra là kênh thông tin quan trọng trong quá trình nhận xét, đánh giá khách quan sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM.

Ngoài ra tác giả luận án sử dụng các phương pháp phỏng vấn, tham nhập thực tế để gắn lý luận với thực tiễn, thu thập dẫn chứng phục vụ cho những nhận định, đánh giá. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành thuộc các lĩnh vực triết học, chính trị học, xây dựng Đảng... để xây dựng các luận chứng, luận cứ trong quá trình đánh giá về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM.

4.3. Nguồn tài liệu

Nguồn tài liệu chính là: Các văn kiện của Đảng và Nhà nước về XDNTM; Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh; các nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy Tuyên Quang về XDNTM; một số nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Tuyên Quang; các quyết định, kế hoạch, báo cáo của UBND tỉnh, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các sở, ngành

và các tổ chức chính trị-xã hội các địa phương trong tỉnh Tuyên Quang về XDNTM.

Một số văn kiện, báo cáo về XDNTM của một số tỉnh có điều kiện tương tự để so sánh, đối chiếu. Các công trình khoa học: sách chuyên khảo, bài báo, tạp chí, đề tài khoa học, luận án có liên quan đến đề tài luận án.

5. Đóng góp mới của luận án

Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật, tin cậy liên quan đến quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020. Góp phần phục dựng khách quan, chân thực, có hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020, qua 2 giai đoạn: 2010-2015 và 2015-2020.

Đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; đúc kết một số kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong những năm 2010-2020 nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chương trình MTQG XDNTM tại tỉnh trong kỷ nguyên mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

Từ việc tổng kết quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng về XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang, góp phần bổ sung cơ sở lý luận, thực tiễn để Đảng tiếp tục hoàn thiện chủ trương và chỉ đạo thực tiễn về XDNTM trong phạm vi khu vực vùng miền và cả nước.

Nghiên cứu tổng kết quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM, rút ra kinh nghiệm; từ đó, xây dựng luận cứ để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, giải pháp lãnh đạo XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn tiếp theo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương và Lịch sử Đảng CSVN thời kỳ đổi mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu tuyên truyền về XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang cũng như trên phạm vi cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới

Đề cập đến vấn đề này, có các công trình nghiên cứu, tiêu biểu là:

Cuốn sách “Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển” của Ellis Frans (1994) do Phạm Thị Mỹ Dung dịch [164], nghiên cứu những nội dung cơ bản về chính sách nông nghiệp ở các nước đang phát triển thông qua phân tích lý luận, khảo cứu thực tiễn ở nhiều nước châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La tinh. Công trình đề cập những vấn đề về chính sách phát triển vùng, chính sách hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp, chính sách thương mại nông sản, những vấn đề phát sinh, trong quá trình đô thị hóa. Điểm nổi bật là đã đánh giá nền nông nghiệp của các nước đang phát triển trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa; nêu lên những mô hình thành công, thất bại trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và giải quyết vấn đề nông dân. Tuy nhiên, cuốn sách xuất bản từ năm 1994, hiện nay điều kiện thương mại quốc tế có nhiều thay đổi, dẫn đến chính sách nông nghiệp của các quốc gia đã có sự điều chỉnh mới.

Nguyễn Điền (1997), trong cuốn sách “Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn các nước châu Á và Việt Nam” [57], đã trình bày những vấn đề lý luận về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; khái quát một số vấn đề về nông thôn và công nghiệp hóa nông thôn như: khái niệm về nông thôn, vấn đề phát triển nông thôn, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn các nước châu Á, CNH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.

Công trình “Một số vấn đề NN, ND, NT ở các nước và Việt Nam”, của các tác giả Benedict J. tria Kerrkvliet, Jamesscott (2000), do Nguyễn Ngọc và Đỗ

Đức Định [163] sưu tầm và giới thiệu và nghiên cứu về vai trò, đặc điểm của nông dân, thiết chế nông thôn ở một số nước trên thế giới và những kết quả bước đầu trong nghiên cứu làng truyền thống ở Việt Nam. Cuốn sách có giá trị tham khảo để đánh giá về những vấn đề phát triển nông nghiệp gắn với XDNTM như: Tương lai của các trang trại nhỏ, mối quan hệ giữa nhà nông với nhà khoa học; vấn đề hệ tư tưởng của giai cấp nông dân, các hình thức sở hữu đất đai, những mô hình tiến hóa của nông nghiệp, nông thôn...

Đặng Kim Sơn (2001), trong cuốn sách “Công nghiệp hóa từ nông nghiệp-Lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam” [100] đã điểm lại một số học thuyết kinh tế trong phát triển nông nghiệp như: Các lý thuyết phát triển nông nghiệp theo giai đoạn, liên kết giữa các lĩnh vực kinh tế,... Giới thiệu kinh nghiệm của một số nước châu Á như: Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc trong quá trình phát triển nông nghiệp trong bối cảnh tiến hành CNH. Từ đó, tóm lược một số bài học kinh nghiệm; đồng thời, nhìn lại quá trình phát triển, CNH nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam, cơ hội và triển vọng; từ đó đề nghị về chính sách, cách tiến hành để phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn tới.

Đào Thế Tuấn (2005), trong bài viết: “Chính sách nông thôn, nông dân và nông nghiệp mới ở Trung quốc” [134] đã khái quát tình hình nông thôn Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 2005; những chính sách xây dựng nông thôn XHCN mới. Chính sách chủ yếu là thực lực kinh tế đã tăng, phải thay “lấy nhiều cho ít” bằng “lấy ít cho nhiều”. Năm 2004, đánh dấu bước ngoặt trong cải cách nông thôn của Trung Quốc nhằm điều chỉnh chính sách và chỉ rõ yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ của quá trình XDNTM.

Dự án MISPA 2006 với vấn đề “Lý luận và thực tiễn XDNTM XHCN”, do dịch giả Cù Ngọc Hương [133] đã nghiên cứu vấn đề XDNTM XHCN ở Trung Quốc trên nhiều khía cạnh. Từ sự hình thành khái niệm, bối cảnh, nội hàm, ý nghĩa thực hiện của sự nghiệp XDNTM. Công trình tổng hợp ý kiến đa chiều của các học giả về những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như: hệ thống lý luận XDNTM

XHCN; lý thuyết, nguyên tắc, phương pháp và sự đảm bảo thực hiện các kế hoạch XDNTM; hệ thống chỉ tiêu đánh giá quá trình XDNTM XHCN; phạm vi, trọng điểm và phương án XDNTM; thể chế quản lý, cơ chế trao vốn, các chỉ tiêu đánh giá hiệu ích kinh tế, cơ chế giám sát và cơ chế đảm bảo của sự nghiệp XDNTM.

Tác giả Trác Vệ Hoa (2008) trong bài viết “Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm qua” [63] đã khái quát tiến trình lịch sử vĩ đại của cải cách, phát triển nông thôn Trung Quốc trong 30 năm, thành tựu và kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ rõ phải “ra sức thúc đẩy cải cách sáng tạo, tăng cường xây dựng chế độ ở nông thôn, tạo động lực lớn mạnh và bảo đảm về chế độ cho phát triển nhịp nhàng kinh tế, xã hội thành thị và nông thôn” [63, tr.55]; phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nâng cao năng lực tổng hợp sản xuất nông nghiệp; phát triển sự nghiệp công cộng và thúc đẩy xã hội nông thôn tiến bộ toàn diện, hài hòa, ổn định. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh phải tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao trình độ và uy tín Đảng trong quá trình lãnh đạo phát triển nông thôn.

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình CNH ở các nước trên thế giới, cuốn sách “Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình CNH, HĐH” của tác giả Đặng Kim Sơn (2008) [101] đã liên hệ vào Việt Nam những vấn đề mang tính lý luận, thực tiễn như: vai trò của nông nghiệp trong CNH, vấn đề cơ cấu sản xuất, giải quyết vấn đề đất đai, lao động, môi trường... trong CNH đất nước.

Trần Ngọc Ngoạn (2008), trong cuốn sách “Phát triển nông thôn bền vững những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới” [88] đã tiếp cận đến những vấn đề lý luận và kinh nghiệm trong phát triển nông thôn bền vững với 3 trụ cột chính: một là, phát triển bền vững kinh tế nông thôn; hai là, phát triển bền vững xã hội nông thôn; ba là, tăng cường bảo vệ, quản lý môi trường tự nhiên. Cuốn sách đã khái quát những vấn đề lý luận về phát triển nông thôn bền vững, nông nghiệp theo chiều sâu, là một trong những yếu tố cốt lõi cần quan tâm khi thực hiện XDNTM.

Đỗ Tiến Sâm (2008), trong cuốn sách “Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp” [98] đã khái quát những vấn đề cơ bản như: khái niệm và quan điểm cơ bản về tam nông; hiện trạng của nông thôn Trung Quốc, kể cả những thành tựu, những khó khăn trong giải quyết vấn đề nông thôn và phương hướng, giải pháp XDNTM XHCN. Ngoài ra, cuốn sách còn phân tích thực trạng và đề xuất những chính sách, giải pháp đối với nông dân.

Cát Chí Hoa (2009) trong cuốn sách “Từ NTM đến đất nước mới [62], đã khẳng định vai trò của XDNTM XHCN, coi đây là nhiệm vụ trọng đại trong tiến trình hiện đại hóa ở Trung Quốc. Từ việc làm rõ bối cảnh, yêu cầu, mục tiêu, phương thức giải quyết vấn đề “tam nông” và thành tựu đạt được để rút ra một số kinh nghiệm trong công cuộc XDNTM ở các địa phương làm điểm, đó là: phải coi việc tăng thu nhập của nông dân là trọng tâm và phải lấy việc phát triển lực lượng sản xuất nông thôn làm căn bản; lấy quy hoạch làm đầu tàu; thực hiện “làm việc vì quần chúng nông dân”. Bên cạnh đó, tác giả còn giới thiệu kinh nghiệm giải quyết vấn đề xây dựng và phát triển NN, NT của một số quốc gia trên thế giới.

Cuốn sách “Tăng cường xây dựng văn hóa nông thôn, nâng cao trình độ văn hóa nông dân, đóng góp cho XDNTM XHCN”, của tác giả Chu Hòa Bình (2009) [23], đã tập trung làm rõ vai trò to lớn của NN, ND, NT trong phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc. Tác giả đã rút ra một vấn đề quan trọng, đó là “tam nông” luôn là tư tưởng chiến lược quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, trong đó nhấn mạnh: “xây dựng văn hóa là nội dung quan trọng trong XDNTM XHCN, đồng thời gánh vác trách nhiệm và sứ mệnh quan trọng, tạo sự bảo đảm tư tưởng, động lực, tinh thần và sự ủng hộ văn hóa cho XDNTM XHCN” [23, tr. 117].

Đảng CSVN và Đảng Cộng sản Trung Quốc (2009), Kỷ yếu Hội thảo lần thứ tư về “Vấn đề NN, ND, NT: kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc” [54], tập trung vào những vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề NN, ND, NT trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của hai nước. Các tác giả đã phân

tích, làm rõ những kinh nghiệm quý rút ra từ quá trình thực hiện chính sách đối với NN, ND, NT của Việt Nam-Trung Quốc. Nhiều vấn đề liên quan đến XDNTM của Việt Nam được phân tích dưới các góc độ khác nhau, từ vai trò và mối quan hệ giữa NN, ND, NT trong phát triển theo hướng hiện đại; phát triển kinh tế thị trường, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường ở nông thôn; hay XDNTM ở Việt Nam những vấn đề đặt ra và giải pháp.

Nguyễn Xuân Cường (2010), trong cuốn “Quá trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn ở Trung Quốc (1978-2008)” [37] đã đề cập đến phát triển nông thôn ở Trung Quốc. Tác giả tập trung nghiên cứu KT-XH nông thôn Trung Quốc thời kỳ trước và sau quá trình cải cách và phát triển nông thôn, với những vấn đề như: chuyển đổi thể chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn (1978-1984), phát triển công nghiệp nông thôn (1985-1991); quá trình giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn; về đẩy mạnh phát triển nông thôn (1992-2003). Những vấn đề của xã hội nông thôn như: xóa đói giảm nghèo nông thôn, việc làm và chuyển dịch lao động nông thôn, giáo dục nông thôn, hệ thống an sinh xã hội nông thôn... thành tựu cải cách, phát triển nông thôn, về chuyển biến xã hội nông thôn, những khó khăn trong cải cách, phát triển nông thôn... Nhìn chung, bức tranh về quá trình phát triển KT-XH nông thôn Trung Quốc giai đoạn 1978-2008 được tác giả trình bày một cách khá đầy đủ. Bên cạnh đó, cuốn sách còn đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Trung Quốc thời kỳ đổi mới, là cơ sở để so sánh và rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Bun-Thoong Chít-ma-ni (2011), “Đảng nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo XDNTM trong giai đoạn hiện nay”[30]. Tác giả luận án đã khái quát những đặc điểm của nông dân, nông thôn của nước CHDCND Lào; phân tích những quan điểm, nội dung và phương thức lãnh đạo XDNTM của Đảng nhân dân Cách mạng Lào; thực tiễn quá trình XDNTM của nước Lào. Từ đó, tác giả rút ra một số kinh nghiệm, đề xuất phương hướng và 7 giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng nhân dân Cách mạng Lào đối với trong XDNTM ở nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào hiện nay.

“Kinh nghiệm XDNTM ở một số nước trên thế giới” là bài viết của Trịnh Cường, in trong cuốn sách “XDNTM-những vấn đề lý luận và thực tiễn”, của tác giả Vũ Văn Phúc (Chủ biên-2013). Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm về XDNTM ở các nước như: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, tác giả khẳng định: “Khu vực nông thôn luôn đóng một vai trò rất quan trọng trong tiến trình phát triển của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới... Chính vì vậy, phát triển nông thôn trong giai đoạn hiện nay đang là mối quan tâm chung của cả cộng đồng thế giới” [93, tr.313]. Từ đó, tác giả nêu kinh nghiệm XDNTM ở 4 quốc gia tiêu biểu là Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan như: Tăng cường sử dụng lao động trình độ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; cải tiến máy móc, giống, hệ thống tưới tiêu và kiểm soát sâu bệnh hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp; phát triển “kinh doanh nông nghiệp”, với những tập đoàn sản xuất nông nghiệp; phát triển Phong trào “Mỗi làng, một sản phẩm”. Phong trào làng mới được xác định bằng ba tiêu chí: Cần cù (chăm chỉ), tự lực vượt khó và hợp tác (hiệp lực cộng đồng). Phát triển bền vững nền nông nghiệp với một số chiến lược như: Tăng cường vai trò cá nhân và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; đẩy mạnh phong trào học tập, nâng cao trình độ của từng cá nhân và tập thể bằng cách mở rộng các lớp học và các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường công tác bảo hiểm xã hội cho nông dân, giải quyết tốt vấn đề nợ trong nông nghiệp; giảm nguy cơ rủi ro cho nông dân. Thực tiễn quá trình XDNTM ở Việt Nam đã vận dụng hiệu quả những bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là những nước có đặc điểm tương đồng.

Lê Thế Cương (2013) với bài viết, “Thực tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam” [36]. Trên cơ sở phân tích thực tiễn con đường “hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc”, tác giả rút ra bài học cho Việt Nam như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tạo chuyển biến một cách rõ rệt để nhận thức sâu sắc hơn vai trò, ý nghĩa của CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn trong cả HTCT, đặc biệt, chủ thể chính là cư dân

khu vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, đổi mới cơ chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển chất lượng nhân lực, nguồn lực kỹ thuật các trường, viện, trung tâm nghiên cứu nông nghiệp; thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm túc, quyết liệt những chính sách và chương trình kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn đó ban hành; phát triển công tác nghiên cứu khoa học ứng dụng; xây dựng, hỗ trợ, phát triển các tổ chức kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đẩy mạnh nguồn vốn đầu tư vào nông nghiệp.

Phạm S (2014) với cuốn sách “Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là yêu cầu tất yếu để hội nhập quốc tế” [97], đã đi sâu phân tích, làm sáng tỏ cơ sở khoa học về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nêu khái quát nhiều thông tin bổ ích về công nghệ cao; phân tích các chính sách ứng dụng công nghệ cao; tổ chức sản xuất quy mô hàng hóa, đặc biệt là nông sản xuất khẩu, ứng dụng công nghệ cao mang tính đột phá và đồng bộ; xây dựng và quảng bá thương hiệu nông sản; xây dựng và phát triển nông sản chủ lực quốc gia của một số nước có nền nông nghiệp tiên tiến, hiện đại trên thế giới. Cuốn sách là sản phẩm nghiên cứu của tác giả trong suốt 10 năm qua tại hàng chục quốc gia đã ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao thành công trên thế giới, cùng với quá trình khảo sát, nghiên cứu về các mô hình ứng dụng công nghệ cao tại Việt Nam. Từ đó, tác giả phân tích khó khăn và đưa ra những giải pháp ở tầm vĩ mô và cả vi mô trong việc ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam. Cuốn sách có giá trị tham khảo trong nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn khi thực hiện XDNTM, đặc biệt là NTM kiểu mẫu ở Việt Nam nói chung và các địa phương nói riêng.

Phạm Đi (2015) với bài viết “Chương trình “Chấn hưng nông thôn” của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam” [55], phân tích một số chính sách và các bước triển khai chương trình “Chấn hưng nông thôn” của Nhật Bản và khẳng định thực hiện thành công của chương trình “Chấn hưng nông thôn”. Với chính sách đúng đắn đó, Nhật Bản đã xây dựng được một nền nông nghiệp hiện đại, xã hội nông thôn phát triển. Từ đó, tác giả đưa ra ba gợi

ý cho quá trình XDNTM ở Việt Nam đó là: Để XDNTM đạt được hiệu quả tích cực thì cần phát huy tối đa vai trò của Chính phủ; lấy phát triển kinh tế nông thôn, tăng thu nhập cho người nông dân làm hạt nhân, then chốt và phải nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, lòng tin và sự quyết tâm cho người nông dân.

Phạm Thị Thanh Bình (Chủ biên, 2018), trong cuốn sách “Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam” [24]. Cuốn sách trình bày cơ sở lý luận, thực tiễn của chính sách phát triển nông nghiệp bền vững; nghiên cứu so sánh về quan điểm, chính sách, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân trong phát triển nông nghiệp bền vững của các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Israel, Việt Nam. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp cho phát triển nông nghiệp trong XDNTM ở Việt Nam.

Kanha Senthammavong (2024), “Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay” [74]. Dưới góc độ tiếp cận từ chuyên ngành xã hội học, Luận án đã khái quát cơ sở lý luận về vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM; đánh giá thực trạng vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Bolikhamxay; phân tích các yếu tố tác động, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát huy vai trò của HTCT cấp cơ sở trong XDNTM ở tỉnh Bolikhamxay. Trên cơ sở đó, luận án kết luận với 9 nội dung trong đó, khẳng định “xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bolikhamxay là một nội dung quan trọng trong chương trình tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của cả tỉnh, là sự cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào về nông nghiệp, nông dân và nông thôn” [74, tr.177].

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu chung về xây dựng nông thôn mới

Chu Hữu Quý (1996), trong cuốn sách “Phát triển toàn diện KT-XH nông thôn, nông nghiệp Việt Nam” [95] đã đánh giá thực trạng nông thôn Việt Nam trên hai khía cạnh: vị trí và vai trò của nông nghiệp, nông thôn; sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực đối với việc chăm lo thúc đẩy phát triển nông

ng nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những nhận định về một số vấn đề về phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là tính bền vững; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KT-XH nông thôn. Tuy nhiên, ở đây mới chỉ đề cập đến phát triển nông nghiệp, nông thôn trước năm 1995.

Phạm Xuân Nam (1997), với cuốn sách “Phát triển nông thôn” [86], là một công trình nghiên cứu chuyên sâu về phát triển nông thôn. Tác giả đã phân tích khá sâu sắc một số nội dung về phát triển KT-XH nông thôn ở Việt Nam về các vấn đề: dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sử dụng và quản lý nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, phân tầng xã hội và xóa đói giảm nghèo. Trên cơ sở phân tích thành tựu, yếu kém, cũng như thách thức đặt ra trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, tác giả đã chỉ ra yêu cầu cần phải hoàn thiện hệ thống chính sách và cách thức chỉ đạo của Nhà nước trong quá trình vận động của nông thôn.

Cuốn sách “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới-Quá khứ và hiện tại” của Nguyễn Văn Bích (2007) [22] đã hệ thống toàn diện lịch sử quá trình phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở nước ta trong thế kỷ XX, nhất là 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới. Trong đó, cuốn sách được kết cấu gồm: nông nghiệp; nông thôn Việt Nam dưới chế độ thuộc địa, nửa phong kiến (1901-1945); nông nghiệp, nông thôn Việt Nam từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đến giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1945-1975); nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước xây dựng CNXH (1976-1986); nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 20 năm đổi mới (1986-2006). Từ việc so sánh, đánh giá khách quan về kinh tế nông nghiệp Việt Nam trước và sau đổi mới, tác giả nhận định: “trong đường lối đổi mới và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta luôn đề cao, đặt sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm số một” [22, tr.397]. Đây là công trình có giá trị tổng kết về lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam qua các thời kỳ, làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn về nông nghiệp, nông thôn và quan hệ sản xuất và cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

Đặng Kim Sơn (2008), với cuốn “NN, ND, NT Việt Nam hôm nay và mai sau” [102], đã nêu bật thực trạng các vấn đề NN, ND, NT, với đầy đủ những thành tựu và khó khăn, vướng mắc. Từ đó, tác giả đã đề xuất những định hướng và kiến nghị chính sách nhằm đưa NN, ND, NT ngày càng phát triển. Đây là công trình nghiên cứu toàn diện, cụ thể về NN, ND, NT, với những số liệu, dẫn chứng sinh động.

Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009) với bài viết: “Xây dựng mô hình NTM ở nước ta hiện nay” [104], tập trung phân tích các nội dung: Một là, nông thôn Việt Nam trước yêu cầu mới; hai là, hình dung ban đầu về những tiêu chí của mô hình NTM; ba là, về những nhân tố chính của mô hình NTM như: kinh tế, chính trị, văn hóa, con người, môi trường... Các nội dung trên trong cấu trúc mô hình NTM có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, trong đó Nhà nước đóng vai trò chỉ đạo, tổ chức điều hành, Nhân dân tự nguyện tham gia, chủ động trong thực thi và hoạch định chính sách.

Phạm Ngọc Dũng (2011), trong cuốn sách “CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay” [40] đã đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn để xem xét, đánh giá KT-XH trong thực hiện CNH, HĐH ở nông thôn, đánh giá thực trạng KT-XH ở nông thôn trong quá trình thực hiện CNH, HĐH; từ đó, đưa ra những quan điểm và nhóm giải pháp phát triển KT-XH ở nông thôn theo hướng CNH, HĐH bền vững.

Hồ Xuân Hùng (2011), “XDNTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta” [71] đã nêu rõ nội dung nông thôn và NTM XHCN Việt Nam được thể hiện ở ba chức năng: chức năng về sản xuất nông nghiệp, gìn giữ bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc và bảo đảm môi trường sinh thái. Tác giả cũng nhấn mạnh một số biện pháp và điều kiện nhằm thực hiện 19 tiêu chí Quốc gia về XDNTM trong giai đoạn hiện nay.

Nguyễn Thị Tố Quyên (2012), trong cuốn sách "NN, ND, NT trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020" [96] đã đề cập đến vấn đề NN, ND, NT Việt Nam trước những bối cảnh, cơ hội và thách thức trong mô

hình tăng trưởng kinh tế. Trong đó, vấn đề nông nghiệp, nông thôn làm rõ ba quan điểm chính là: Đề cao vai trò của nông nghiệp, coi nông nghiệp là cơ sở hay tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa; tiến thẳng vào công nghiệp hóa, đô thị hóa; tư tưởng kết hợp hài hòa giữa nông nghiệp và công nghiệp, nông thôn và đô thị trong quá trình phát triển. Ngoài ra, cuốn sách còn làm rõ một số điểm nổi bật về thành công và tồn tại của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế hiện nay.

Lê Quốc Lý (2012), trong cuốn sách “CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn-Vấn đề và giải pháp” [78] khẳng định, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn cũng phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, như: Sự bất cập trong các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; các mâu thuẫn giữa lợi ích công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, giữa nền nông nghiệp dựa trên tri thức khoa học, với sự bảo tồn giá trị và tri thức nông nghiệp truyền thống, giữa hàng hóa nông nghiệp hiện đại với những sản phẩm nông nghiệp mang sắc thái vùng, miền mang tính tự nhiên. Đây là công trình đã nghiên cứu toàn diện về kết quả và tác động của tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn lên toàn bộ đời sống xã hội ở nông thôn, trong đó có những yếu tố hình thành nên diện mạo NTM. Từ đó, tác giả kết luận “CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là phương tiện để ta đạt được mục tiêu đưa người dân nông thôn giàu lên, góp phần đưa đất nước ta mạnh lên và xã hội ta ngày một dân chủ, công bằng, văn minh” [78, tr.484]

Nguyễn Ngọc Hà (2012), trong cuốn sách “Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng CSVN trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)” [58] đã phân tích điều kiện lịch sử và quá trình hình thành những quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng xã hội nông thôn văn minh hiện đại; nghiên cứu toàn diện về kinh tế nông nghiệp và những biến đổi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội nông thôn trong thời kỳ đổi mới; quá trình thực hiện đường lối, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp và những thành tựu đạt được. Trong đó, trọng tâm là vấn đề Đảng lãnh đạo thực hiện đổi mới cơ

chế quản lý trong nông nghiệp, ruộng đất, giải phóng sức lao động, phát huy sự năng động, sáng tạo của người nông dân.

Đoàn Phạm Hà Trang (2012), với bài viết: “XDNTM: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính” [132] khẳng định, quy hoạch XDNTM phải được thực hiện từ trên xuống; việc quy hoạch của mỗi làng, xã phải nằm trong chính thể toàn quốc, khu vực và địa phương... các cấu trúc kiến trúc, dân cư, hạ tầng KT-KT, hạ tầng xã hội, vừa phải đa dạng, bền vững trong xu thế phát triển chung của đất nước. Để thực hiện tốt chương trình MTQG xây dựng NTN, huy động vốn thực hiện bằng các hình thức: Nhà nước, Nhân dân đóng góp, các nguồn tài trợ, sự hỗ trợ vốn từ các ngân hàng... với phương châm phát huy nội lực là chính. Chính phủ cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn để giải quyết các khâu chế biến, việc làm cho nông dân trong quá trình XDNTM. Bài viết đã đi vào những vấn đề cụ thể và quan trọng trong tổ chức thực hiện XDNTM như: Công tác quy hoạch và huy động nguồn lực tài chính góp phần cung cấp phương pháp tiếp cận, cơ sở lý luận và giải pháp trong tổ chức thực hiện các tiêu chí về XDNTM.

Vũ Văn Phúc (Chủ biên, 2013), với cuốn sách “XDNTM những vấn đề lý luận và thực tiễn” [93] là tập hợp 33 bài viết của các nhà khoa học, lãnh đạo các cơ quan Trung ương, địa phương, các ngành, các cấp, gồm hai phần: những vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về XDNTM và thực tiễn XDNTM ở một số tỉnh của Việt Nam. Cuốn sách đi sâu vào nghiên về chủ trương của Đảng, những kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, cuốn sách đã đề cập đến quá trình thực hiện XDNTM ở một số địa phương trong giai đoạn đầu.

Hồ Xuân Hùng (2018), trong cuốn sách “NTM Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” [72] đã làm rõ những vấn đề về nông thôn và NTM như: Khái niệm nông thôn, NTM, phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn; vai trò, vị trí, đặc điểm của nông thôn trong nền kinh tế và một số định hướng phát triển nông thôn ở Việt Nam. Đồng thời, phân tích những ưu điểm và bất cập từ các

mô hình XDNTM ở nước ta; từ đó, đề xuất mô hình XDNTM. Từ những vấn đề lý luận chung về NTM, kết hợp với kinh nghiệm của các nước, vùng lãnh thổ trên thế giới và từ thực tiễn thực hiện Chương trình XDNTM giai đoạn 2010-2015 ở Việt Nam, tác giả đã đưa ra mục tiêu, giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường XDNTM ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020, trong đó giải pháp được tác giả tập trung phân tích sâu sắc và nhấn mạnh là “Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới” [72, tr.286].

Tô Trọng Mạnh (2020), “Thực hiện chính sách XDNTM ở Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Chính sách công, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam [79]. Luận án đã tập trung nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về XDNTM và thực hiện chính sách XDNTM; đánh giá thực trạng thực hiện chính sách XDNTM ở Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp nâng cao việc thực hiện chính sách XDNTM ở Việt Nam đến năm 2025.

Đặng Kim Oanh và Nguyễn Hữu Tài (2020) trong bài viết “Đảng lãnh đạo XDNTM (2008-2020)” [89] đã khẳng định XDNTM là một chủ trương lớn của Đảng CSVN, nhằm hướng đến mục tiêu “xây dựng các làng, xã ấp, bản có cuộc sống no ấm, văn minh, sạch đẹp gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hóa” [89, tr.51]. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách quan trọng để triển khai xây dựng chương trình XDNTM với nhiều kết quả tích cực. Bài viết đánh giá một số kết quả đạt được và hạn chế trong XDNTM, từ đó đề xuất 6 nhóm định hướng lớn nhằm XDNTM đạt được nhiều kết quả thực chất, bền vững trong thời gian tới.

Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), “Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” [66], là công trình khoa học tuyển chọn các tham luận tại hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về NN, ND, NT”. Cuốn sách gồm 26 bài viết của các nhà khoa học đề cập đến những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển NN, ND, NT nước ta sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-

NQ/TW và đề xuất giải pháp đột phá để xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đặc biệt trong cuốn sách có bài viết “Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” đã hệ thống các quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước, thực trạng, giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực NN, ND, NT. Trên cơ sở đó, tác giả kết luận: “Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng có vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội nói chung và đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân nói riêng... góp phần đáng kể vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, đặc biệt các vùng còn nhiều khó khăn” [66, tr. 377].

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở các vùng miền, địa phương trên cả nước

Phạm Đi (2016) trong cuốn sách “XDNTM ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu vùng duyên hải Nam Trung Bộ)” [56] đã khái quát một số vấn đề lý luận-thực tiễn về phát triển nông thôn và XDNTM, đúc kết kinh nghiệm XDNTM ở một số nước; đánh giá thực trạng XDNTM ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ; từ đó, nêu 4 quan điểm định hướng và những nhóm giải pháp chủ yếu về XDNTM. Đặc biệt, trong quan điểm định hướng là kết tinh từ quá trình nghiên cứu, khảo sát công phu các tỉnh thuộc duyên hải Nam Trung bộ, tác giả chỉ rõ “việc XDNTM gắn với đặc điểm của địa phương và Vùng là xu hướng cần phải nhìn nhận và áp dụng trong tương lai” [56, tr. 240]. Tuy mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá quá trình XDNTM ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ đến năm 2014, nhưng cuốn sách đã góp phần tổng kết thực tiễn, rút ra kinh nghiệm, đưa ra những định hướng, giải pháp trong giai đoạn tiếp theo.

Ngô Thị Lan Hương (2016), “Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2001 đến năm 2013” [73], Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Thông qua

nghiên cứu về tình hình phát triển nền nông nghiệp của Thành phố Hà Nội những năm 2001-2013, luận án khẳng định: Trong những năm 2001-2013, Chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được Đảng bộ Thành phố Hà Nội khơi dậy, khuyến khích phát triển nhằm xây dựng một nền nông nghiệp bền vững, tạo bộ mặt NTM cho thành phố. Luận án làm rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ thành phố Hà Nội trong quá trình vận dụng chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững vào thực tế của Thủ đô, trong đó tác giả đánh giá cao việc Đảng bộ Thành phố Hà Nội đã tập trung lãnh đạo “Nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp; phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân 3,5-4% năm” [73, tr.46]. Trên cơ sở đó, luận án nhận xét và đúc kết một số kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững của Đảng bộ thành phố Hà Nội.

Đoàn Thị Hân (2017) “Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam”, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương-Bộ Kế hoạch và Đầu tư [59]. Luận án đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận về huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM; đánh giá thực trạng huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM vùng Trung du miền núi phía Bắc; đề xuất phương hướng, giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực tài chính thực hiện chương trình XDNTM vùng Trung du miền núi phía Bắc. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về một khía cạnh huy động nguồn lực trong XDNTM.

Nguyễn Trọng Bình-Nguyễn Thị Ngọc Anh (2020), trong cuốn sách “Sự tham gia của người dân trong quá trình XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long” [25] đã hệ thống cơ sở lý luận về sự tham gia của người dân trong quá trình XDNTM; tổng hợp việc phát huy sự tham gia của người dân trong quá trình XDNTM ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra của người dân trong việc tham gia XDNTM ở khu

vực đồng bằng sông Cửu Long; nêu quan điểm và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của người dân trong quá trình XDNTM ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, các tác giả kết luận “XDNTM là một chính sách quan trọng nhằm góp phần phát triển và hiện đại hóa nông thôn Việt Nam hiện nay, vì vậy cần tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình triển khai chính sách này nhằm đảm bảo vai trò chủ thể của người dân” [25, tr.286]. Đóng góp quan trọng của công trình là đã tập trung nghiên cứu chuyên sâu về vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM (từ nghiên cứu lý luận đến tổng kết thực tiễn tại đồng bằng sông Cửu Long).

Hồ Chí Diên (2020), “Đẩy mạnh XDNTM ở tỉnh Thái Nguyên”, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên [38]. Luận án đã hệ thống hóa lý luận về XDNTM và việc đẩy mạnh XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đánh giá hoạt động triển khai, kết quả đẩy mạnh XDNTM giai đoạn 2010-2019 của tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, đề xuất các giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh Chương trình MTQG XDNTM ở tỉnh Thái Nguyên.

Hoàng Công Vũ (2021), “Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020”, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị-Bộ Quốc phòng [161]. Luận án đã làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020; phân tích và hệ thống chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020; đánh giá ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang từ năm 2010 đến năm 2020; từ đó, rút ra những kinh nghiệm qua thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020.

Đào Sơn Hải (2023) “Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020”, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị-Bộ Quốc phòng [61]. Luận án đã làm rõ những yếu tố tác động đến quá trình Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020; phân tích và hệ thống chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Thái Bình về XDNTM từ năm 2010

đến năm 2020; đánh giá ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Thái Bình từ năm 2010 đến năm 2020 và rút ra những kinh nghiệm.

Tiếp tục nghiên cứu về vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh của Nguyễn Thị Ngọc Anh (2025), với tiêu đề “Vai trò của đồng bào Khơmer trong XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” [2], đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng vai trò của đồng bào Khơmer trong XDNTM ở đồng bằng sông Cửu Long; từ đó, xác định quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của đồng bào Khơmer trong XDNTM ở đồng bằng Sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, khẳng định vai trò chủ thể của người dân gắn với yếu tố đặc thù là người dân tộc thiểu số ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Tuyên Quang

Cuốn Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975) xuất bản năm 2000 [10] và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1976-2005) xuất bản năm 2009 [11], đã khái quát các yếu tố về điều kiện tự nhiên-xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa của tỉnh và trình bày đầy đủ quá trình ra đời, lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang qua các thời kỳ (từ 1940-2005) và rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo nói chung. Trong một chừng mực nhất định, cuốn sách đã đề cập đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, cuốn sách chưa đánh giá cụ thể, toàn diện về nội dung Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM.

Cuốn Địa chí tỉnh Tuyên Quang, do Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Tuyên Quang xuất bản năm 2014 [113] đã trình bày toàn diện các vấn đề về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, dân cư-dân tộc, lịch sử, KT-XH, văn hóa, HTCT của tỉnh Tuyên Quang; khái lược về địa lý, đơn vị hành chính, dân cư, lịch sử, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế của các huyện, thành phố trong tỉnh. Đây là tài liệu quan trọng để nghiên cứu tổng quan, toàn diện về các lĩnh vực của tỉnh Tuyên

Quang, trong đó có những nội dung khái lược về nông nghiệp, nông thôn và XDNTM.

Cuốn lịch sử Đảng bộ các huyện, thị xã của tỉnh Tuyên Quang như: Lịch sử Đảng bộ huyện Chiêm Hóa (1940-2005) [4], Lịch sử Đảng bộ Thị xã Tuyên Quang (1940-2008) [9], Lịch sử Đảng bộ huyện Hàm Yên (1940-2010) [5], Lịch sử Đảng bộ huyện Na Hang (1940-2010) [6], Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Sơn (1940-2010) [8], Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Dương (1941-2017) [7], do BCH Đảng bộ huyện, thị xã xuất bản, đã khái quát điều kiện tự nhiên-xã hội, truyền thống lịch sử và hệ thống quá trình ra đời, lãnh đạo của Đảng bộ huyện, thị xã qua các thời kỳ. Các cuốn sách đã bước đầu đánh giá về sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, thị xã về phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn. Tuy nhiên, việc đánh giá về Đảng bộ huyện, thị xã lãnh đạo XDNTM còn ở mức khái quát và sơ lược.

Thanh Phúc (2015) “XDNTM ở Tuyên Quang: Những kết quả vượt trội” [92]. Tác giả khẳng định những thành công vượt trội trong XDNTM ở một số xã điểm của tỉnh Tuyên Quang, là kết quả của sự quyết tâm và nỗ lực vượt qua khó khăn của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân ở các xã triển khai mô hình điểm. Thực trạng đó đòi hỏi phải tiếp tục củng cố quyết tâm lãnh đạo cả HTCT của tỉnh nhằm hoàn thành mục tiêu XDNTM giai đoạn 2010-2015.

Hiếu Anh (2019) “Bí quyết XDNTM ở Tuyên Quang” [1]. Tác giả khẳng định, Tuyên Quang bước vào XDNTM với xuất phát điểm rất thấp. Tại thời điểm 2011, tỉnh chưa có xã nào đạt NTM, song đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 30 xã đạt NTM. Để có kết quả này, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tích cực trong việc huy động mọi nguồn lực XDNTM và đặc biệt chú trọng đến các mô hình sản xuất nông nghiệp. Với những dẫn chứng cụ thể, tác giả đã chứng minh, tỉnh Tuyên Quang đã có những thành công quan trọng nhờ thực hiện tốt việc huy động nguồn lực, thay đổi tư duy sản xuất và xây dựng các mô hình kinh tế hiệu quả.

Nguyễn Văn Hòa (2019), “Đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang”, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [64]. Luận án đã khái quát một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân; đánh giá thực trạng việc đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006-2017 và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025.

Cuốn sách “Tuyên Quang 30 năm đổi mới và phát triển (1991-2021) [18], do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang xuất bản năm 2021, đã khái quát đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa của tỉnh; hệ thống thành tựu tỉnh Tuyên Quang trong thời kỳ đổi mới về kinh tế văn hóa-xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, HTCT; những tồn tại, hạn chế; rút ra bài học kinh nghiệm. Từ đó đưa ra những định hướng phát triển tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tuy cuốn sách chưa đi sâu vào phân tích, đánh giá chủ trương và quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM, nhưng cuốn sách đã bước đầu đưa ra đánh giá tổng quát quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có nội dung về XDNTM.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

1.2.1.1. Về tư liệu

Các tài liệu, tư liệu có liên quan đến đề tài luận án là các văn kiện Đảng toàn tập, văn kiện các kỳ đại hội Đảng toàn quốc, các nghị quyết chuyên đề của Đảng; các quyết định, chương trình, kế hoạch của chính phủ, các bộ, ngành; văn kiện, nghị quyết, chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận của Tỉnh ủy Tuyên Quang; các nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định, đề án, kế hoạch

chương trình, báo cáo của UBND tỉnh... là những tư liệu gốc, phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và cấp ủy, chính quyền địa phương. Các công trình nghiên cứu chuyên khảo của các nhà khoa học trên thế giới và trong nước về NN, ND, NT và XDNTM khá phong phú về thể loại, bao gồm: Sách, tạp chí, báo cáo khoa học, luận án tiến sĩ,... được khai thác, tiếp cận dưới nhiều góc độ, phạm vi, không gian, thời gian khác nhau. Đó là nguồn tư liệu phong phú để nghiên cứu sinh, bổ sung và phát triển trong nội dung của Luận án.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Các công trình nghiên cứu về NN, ND, NT và XDNTM được tiếp cận dưới nhiều góc độ các chuyên ngành khác nhau như: Kinh tế, Chính trị, Địa lý, Phát triển nông thôn, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Lịch sử Đảng CSVN... Tiếp cận trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm trong nước và của các quốc gia trên thế giới. Về phương pháp nghiên cứu, các công trình sử dụng đa dạng các phương pháp như phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, lôgic... Sự đa dạng trong phương pháp tiếp cận với nhiều mức độ và phạm vi nghiên cứu khác nhau là những gợi mở để tham khảo trong quá trình viết Luận án.

1.2.1.3. Về nội dung

Các công trình khoa học được công bố đã làm rõ những vấn đề cơ bản sau:

Một là, luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về NN, ND, NT và xây dựng nông thôn mới.

Những công trình nghiên cứu của một số tác giả nước ngoài, đã đề cập đến nền nông nghiệp của các nước đang phát triển trong quá trình chuyển sang sản xuất hàng hóa với những thành tựu và hạn chế trong việc phát triển nông nghiệp, nông thôn; về vai trò, đặc điểm của nông dân, xây dựng thiết chế nông thôn ở một số nước trên thế giới và Việt Nam; về quá trình XDNTM ở Trung Quốc; kinh nghiệm trong XDNTM ở một số nước trên thế giới, tiêu biểu là ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc... Những công trình đã nêu trên có giá trị tham khảo cho việc giải quyết những vấn đề cụ thể trong phát triển

nông thôn nước ta hiện nay như: tương lai của các trang trại nhỏ, nông dân với khoa học, hệ tư tưởng của nông dân, các hình thức sở hữu đất đai, những mô hình phát triển nông thôn ở các nước nông nghiệp trồng lúa. Đồng thời, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả XDNTM như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền; đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, cơ chế kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thực hiện một cách đồng bộ, nghiêm túc, quyết liệt những chính sách và chương trình kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn...

Các công trình nghiên cứu trong nước đã luận giải, làm rõ những vấn đề cơ bản về NTM như: Khái niệm, vị trí, vai trò, đặc trưng, các tiêu chí XDNTM; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, tính tất yếu khách quan về XDNTM ở Việt Nam; về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn... Một số công trình đã phân tích lịch sử hình thành, phát triển NN, ND, NT qua các thời kỳ; việc thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn; quá trình thực hiện đường lối của Đảng, Nhà nước về nông dân, nông nghiệp, nông thôn qua các thời kỳ lịch sử.

Một số công trình bước đầu đã đề cập đến chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về XDNTM. Các công trình đã khái lược nội dung văn kiện Đảng và những văn bản mang tính chất chỉ đạo của Chính phủ cũng như các bộ, ngành liên quan về XDNTM.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo cho các công trình nghiên cứu tiếp theo trong việc khai thác bổ sung, phát triển lý luận, là cơ sở để nghiên cứu đánh giá thực trạng quá trình XDNTM.

Hai là, đánh giá thực trạng xây dựng nông thôn mới, từ đó đúc rút kinh nghiệm, đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước và một số vùng miền, địa phương.

Dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các công trình đã làm nổi bật tác động tích cực của XDNTM đến đời sống KT-XH, bảo vệ môi trường, xây dựng HTCT và củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh ở Việt Nam. Một số công trình đã khảo sát, đánh giá, làm rõ kết quả về huy động nguồn lực, phát huy vai

trò chủ thể của người dân, công tác quy hoạch, phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, xây dựng cơ sở vật chất, đời sống văn hóa tinh thần và những tác động tích cực về KT-XH từ việc XDNTM..., với những số liệu phong phú, tin cậy và có tính thuyết phục cao. Hầu hết các công trình đều có điểm tương đồng trong đánh giá những hạn chế trong quá trình XDNTM ở Việt Nam là: Chất lượng công tác quy hoạch chưa cao, cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đồng bộ, tỷ lệ các xã đạt chuẩn còn hạn chế, nhiều tiêu chí XDNTM khó có khả năng hoàn thành, còn những khó khăn cần tháo gỡ... Trên cơ sở đó, đề xuất nhiều giải pháp, kinh nghiệm có tính khả thi nhằm đẩy mạnh XDNTM ở Việt Nam.

Một số công trình nghiên cứu đã phân tích, luận giải khá thuyết phục sự năng động, sáng tạo của các địa phương trong hoạch định chủ trương, xác định mô hình XDNTM phù hợp với thực tiễn và xu thế chung của cả nước; đồng thời, rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo NTM của một số Đảng bộ ở địa phương.

Những công trình nghiên cứu về XDNTM ở các địa phương, cơ sở khẳng định yêu cầu khách quan và vai trò quan trọng của XDNTM, với quá trình phát triển KT-XH ở mỗi địa phương. Đồng thời, khắc họa bức tranh khá đa dạng về thực trạng XDNTM, với những định hướng, mô hình phát triển mang tính đặc trưng, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương.

Những kết quả nghiên cứu về XDNTM ở các địa phương là những tư liệu quan trọng để Luận án có cái nhìn tổng thể, đa chiều về XDNTM ở Việt Nam; đồng thời, vận dụng trong quá trình tiếp cận, nghiên cứu, đánh giá về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM.

Ba là, khái quát điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế-xã hội, vấn đề nông nghiệp, nông thôn và XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang.

Một số công trình nghiên cứu về Tuyên Quang đã đánh giá khái quát điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế-xã hội, những tiềm năng, thế mạnh và thuận lợi, khó khăn trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; khái quát về thực trạng phát triển nông nghiệp, nông thôn và XDNTM; nghiên cứu về lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang; khái quát quá trình ra đời

và lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ 1940 đến năm 2005; những thành tựu trong thời kỳ đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã cung cấp những cứ liệu khoa học quan trọng để nghiên cứu sinh kế thừa trong quá trình viết Luận án.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về tỉnh Tuyên Quang mới chỉ đề cập đến vấn đề XDNTM một cách khái quát. Đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, đánh giá sâu sắc và hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020. Các công trình nghiên cứu nêu trên chưa chỉ ra được những yếu tố tác động; chưa hệ thống và làm rõ được những chủ trương và quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM. Đặc biệt chưa đánh giá được ưu điểm, hạn chế và rút ra bài học kinh nghiệm của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM, làm cơ sở để vận dụng trong giai đoạn tới.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Thứ nhất, những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM, từ năm 2010 đến năm 2020

Để làm rõ vấn đề này, luận án tập trung phân tích thuận lợi, khó khăn của điều kiện tự nhiên, KT-XH và thực trạng nông thôn tỉnh Tuyên Quang trước năm 2010; tình hình thế giới, khu vực, trong nước và chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về XDNTM tác động đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020. Quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang phải bám sát và vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tiễn của tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả XDNTM.

Thứ hai, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020

Để làm rõ nội dung trên, luận án tập trung phân tích, làm rõ chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020, trên các vấn đề cơ bản như: Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Đồng

thời, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo XDNTM trên các mặt: Thành lập bộ máy chỉ đạo và công tác quy hoạch; công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua; xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở những kết quả đạt được, so sánh, làm rõ sự phát triển trong hoạt động lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2015-2020 so với giai đoạn 2010-2015.

Ba là, nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ năm 2010 đến năm 2020

Thông qua việc phân tích thực tiễn lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, luận án tập trung làm rõ ưu điểm, hạn chế của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong hoạch định chủ trương, chỉ đạo thực tiễn và những kết quả đạt được trong XDNTM. Đồng thời phân tích, làm rõ nguyên nhân những ưu điểm, hạn chế của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong quá trình lãnh đạo XDNTM.

Bốn là, những kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020

Từ thực tiễn quá trình nhận thức, hoạch định chủ trương, chỉ đạo thực tiễn và những kết quả đạt được trong quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM, Luận án đúc rút những kinh nghiệm; trên cơ sở phân tích, luận giải nội hàm những kinh nghiệm và định hướng vận dụng những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo XDNTM trong thời gian tới.

Kết luận chương 1

NN, ND, NT và XDNTM là nội dung quan trọng, là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển KT-XH của mỗi quốc gia trong đó có Việt Nam. Vì vậy, đây là đề tài được nhiều tác giả, nhà nghiên cứu trong nước và trên thế giới tập trung khai thác, làm rõ. Các công trình nghiên cứu về NN, ND, NT và XDNTM có nội dung khá phong phú, mang tính chuyên sâu, được tiếp cận ở nhiều góc độ, chuyên ngành khác nhau.

Các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã đề cập những vấn đề lý luận và thực tiễn về XDNTM. Trong đó, tập trung khẳng định vị trí, vai trò, đặc điểm của NN, ND, NT và XDNTM đối với sự phát triển KT-XH của một quốc gia, địa phương; nêu kinh nghiệm về XDNTM của một số nước trên thế giới; hệ thống chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam về NN, ND, NT và XDNTM; đánh giá thực trạng và rút ra kinh nghiệm, nhiệm vụ và giải pháp XDNTM trong phạm vi cả nước, địa phương và ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Từ sự phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, nghiên cứu sinh xác định rõ những kết quả nghiên cứu, những nội dung có thể tham khảo, kế thừa trong quá trình viết luận án. Trên cơ sở đó, phát hiện những khoảng trống, những vấn đề mới cần tiếp tục tập trung giải quyết, đó là những yếu tố tác động, quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM và rút ra kinh nghiệm, góp phần nâng cao chất lượng XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn tới.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2015)

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội tỉnh Tuyên Quang

2.1.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Tuyên Quang có vị trí địa lý từ $21^{\circ}30'$ đến $22^{\circ}41'$ độ vĩ Bắc và $104^{\circ}50'$ đến $105^{\circ}35'$ độ kinh Đông; phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Hà Giang; phía Nam giáp tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc; phía Đông và Đông Bắc giáp các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Thái Nguyên; phía Tây giáp tỉnh Yên Bái. Ở vị trí trung tâm của khu vực miền núi phía Bắc, tỉnh Tuyên Quang có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, văn hóa với các tỉnh trong khu vực, là cầu nối giữa miền núi phía Bắc với vùng trung du và đồng bằng, giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

Tỉnh Tuyên Quang là địa phương có địa hình chuyển tiếp từ núi sang đồi, trong đó địa hình núi chiếm ưu thế, bị chia cắt mạnh bởi hệ thống sông ngòi, núi đồi trùng điệp, thung lũng sâu và phân chia thành ba vùng khá rõ nét. Độ cao phổ biến 300-700m và giảm dần từ Bắc xuống Nam. Với địa hình đồi núi có sự phân chia khu vực đã tạo nên những đặc thù trong phát triển kinh tế của mỗi địa phương.

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, Tuyên Quang có lượng mưa trung bình hằng năm rất lớn, độ ẩm cao, chia thành hai mùa rõ rệt: Mùa nóng kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9, nhiệt độ trung bình 24°C ; mùa lạnh từ tháng 10 đến tháng 3, nhiệt độ trung bình 16°C có lúc xuống dưới 10°C . Lượng mưa trung bình hằng năm đạt từ 1.497,3 mm đến 2.109,0 mm. Cùng với đó, đất đai màu mỡ, nên rất thuận lợi cho Nhân dân khu vực nông thôn để phát triển nông, lâm nghiệp nhất là rừng, cây công nghiệp và cây dược liệu.

Tuyên Quang có nhiều sông suối, lớn nhất là sông Lô, sông Gâm và sông Phó Đáy. Ngoài 3 con sông chính, ở Tuyên Quang còn có các sông, suối nhỏ

như: Sông Năng, ngòi Bắc Nhụng, ngòi Chinh, ngòi Quảng, ngòi Là, ngòi Sính... Hệ thống sông, ngòi vừa là một bộ phận quan trọng của hệ thống giao thông, vừa cung cấp nước, thủy sản phục vụ đời sống, sản xuất và chứa đựng tiềm năng lớn về phát triển thủy điện.

Đến năm 2015, tổng diện tích đất toàn tỉnh Tuyên Quang là 586.790 ha, trong đó: đất sản xuất nông nghiệp là 95.095 ha, đất lâm nghiệp có rừng 441.758 ha, đất chuyên dùng 23.018 ha, đất ở 6.130 ha [34, tr.30]. Đây là cơ sở để phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản theo hướng hàng hóa ở khu vực nông thôn.

Là tỉnh miền núi có thế mạnh về phát triển lâm nghiệp, đến hết năm 2015, Tuyên Quang có 415.554 ha rừng, trong đó: rừng tự nhiên 233.273 ha, rừng trồng 182.281 ha [34, tr.235]; độ che phủ rừng đạt trên 64%, là một trong những tỉnh có độ che phủ của rừng lớn nhất cả nước. Cư dân nông thôn có thể khai thác tối đa giá trị từ rừng để nâng cao đời sống thông qua việc phát triển nông lâm kết hợp, trồng rừng phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến lâm sản, trồng cây dược liệu, dịch vụ môi trường rừng; khai thác hiệu quả rừng cho phát triển du lịch sinh thái, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu...

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế-xã hội

Trong những năm (2010-2015), kinh tế tăng trưởng bình quân 14,08%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp-xây dựng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, thủy sản. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 5,78%/năm. Đời sống của Nhân dân trong tỉnh được nâng lên, giá trị tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.368 USD, Tuyên Quang thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển [43, tr.46]. Kinh tế có sự tăng trưởng, đặc biệt là sự chuyển biến trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đã động tích cực đến quá trình XDNTM.

Tuyên Quang có 07 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: 01 thành phố và 06 huyện, với 141 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 7 phường, 5 thị

trần và 129 xã. Các đường giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh là Quốc lộ 2 và Quốc lộ 37, tạo nên sự kết nối giữa các vùng, các tỉnh và các địa phương trong tỉnh góp phần đẩy mạnh phát triển KT-XH.

Dân số trung bình năm 2015 là 760.289 người, bao gồm: dân số thành thị 102.687 người, chiếm 13,82%; dân số nông thôn 657.602 người, chiếm 86,18% [34, tr.45]. Năm 2015, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 480.633 người; lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 57.310 người, ở nông thôn 423.323 người, chiếm 88,1% [34, tr.54]. Do đó, việc phát huy sức mạnh nguồn nhân lực để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cư dân nông thôn là nhiệm vụ quan trọng trong XDNTM.

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS, tập trung phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi. Quy mô, mạng lưới trường, lớp tiếp tục được đầu tư xây dựng; thành lập Đại học Tân Trào, hoàn thiện các cấp học tạo bước phát triển mới cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh. Giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn từng bước được nâng lên. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Đổi mới hoạt động đào tạo nghề; thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút cán bộ đi đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh nói chung và khu vực nông thôn nói riêng với tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%, trong đó lao động qua đào tạo nghề 27% [43, tr. 57].

Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Các loại hình khám, chữa bệnh phát triển đa dạng, xã hội hóa lĩnh vực y tế đạt kết quả bước đầu, chất lượng khám, chữa bệnh từng bước nâng lên, tạo cơ sở cho việc hoàn thành các tiêu chí về y tế trong XDNTM.

Thực hiện tốt công tác giảm nghèo, hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ nghèo, cận nghèo, bình quân mỗi năm tỷ lệ hộ nghèo giảm 5%, tỷ lệ hộ nghèo còn 9,7%. [43, tr.

61-62]. Kết quả giảm nghèo đã góp phần nâng cao đời sống Nhân dân khu vực nông thôn và hoàn thành các tiêu chí XDNTM.

2.1.1.3. Truyền thống văn hóa

Tuyên Quang là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử. Đó là truyền thống yêu nước, cách mạng, đoàn kết, cần cù, lòng dũng cảm, sáng tạo trong lao động sản xuất, chiến đấu và truyền thống giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Đây là yếu tố quan trọng cần phát huy trong XDNTM để thúc đẩy kinh tế phát triển, giữ gìn bản sắc văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp, hình thành giá trị con người mới để xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại.

Toàn tỉnh có 22 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 8 dân tộc dân số đông là: Kinh, Tày, Dao, Cao Lan, Nùng, Hoa, Mông, Sán Dìu... đã tạo nên sự đa dạng, phong phú các nét văn hóa độc đáo. Trong lao động, sản xuất, Nhân dân các dân tộc Tuyên Quang đã sáng tạo, gìn giữ được một kho tàng văn hóa giàu bản sắc. Những đình, đền, chùa, miếu, thành quách, chuông, bia, thần phả, ngọc phả; những câu chuyện cổ tích, tục ngữ, ca dao; những làn điệu Then, Cọi Sli, Lượn, Sinh Ca...; các lễ hội, trò chơi dân gian tung còn, đẩy gậy, đánh yến...; những đường nét đẹp, tinh xảo, duyên dáng của hoa văn trên những tấm thổ cẩm, vải, hàng mây, tre đan và đồ trang sức đã thể hiện sinh động, đặc sắc đời sống tinh thần của các dân tộc Tuyên Quang. Nhiều di sản văn hóa của các dân tộc nơi đây được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: Lễ hội Lồng Tồng, Lễ hội Đền Hạ, Lễ Cấp Sắc, hát Páo Dung của dân tộc Dao... Đặc biệt, nghi lễ thực hành "Then Tày-Nùng-Thái Việt Nam" được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; lễ hội Thành Tuyên với nhiều nét đặc sắc, độc đáo. Những giá trị văn hóa độc đáo là tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch đặc thù cho khu vực nông thôn như: du lịch cộng đồng, du lịch homstay, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh

thái... Do đó, trong XDNTM phải đi đôi việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa để phát triển du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn.

Như vậy, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa truyền thống như trên đã tác động nhiều mặt đến quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM. Những yếu tố trên đã chi phối đến quá trình hoạch định chủ trương của Đảng bộ tỉnh trong XDNTM, đó là việc xác định những khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm tập trung vào những tiềm năng lợi thế của tỉnh như: du lịch, phát triển kinh tế nông, lâm, thủy sản theo hướng hàng hóa; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; phát huy là tỉnh ở vị trí trung tâm của khu vực để mở rộng hợp tác, liên kết với các tỉnh lân cận trong phát triển kinh tế, văn hóa; phát huy giá trị của truyền thống, văn hóa đặc trưng của Tuyên Quang để xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại... Bên cạnh đó, KT-XH của tỉnh Tuyên Quang có bước phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng cải thiện đã tác động tích cực, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân trong thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về XDNTM.

Tuy nhiên, trong XDNTM, các yếu tố vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội đã tác động, gây khó khăn cho quá trình chỉ đạo thực hiện. Các hiện tượng thiên tai diễn biến khá phức tạp như: lũ quét, sạt lở đất, mưa đá, gió lốc thường xảy ra; mùa khô nguy cơ cháy rừng luôn ở mức cao... làm ảnh hưởng đến phát triển sản xuất và đời sống người dân. Địa hình đồi núi dốc, chia cắt có ảnh hưởng không nhỏ đến việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phân bố dân cư, làm gia tăng quá trình xói mòn đất, bạc màu nhanh, gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông-lâm nghiệp và các hoạt động giao thông nội địa, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các địa phương trong tỉnh. Điều kiện KT-XH, mức sống và trình độ văn hóa, hủ tục lạc hậu của Nhân dân ở khu vực vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế gây nên những khó khăn cho việc huy động nguồn lực và triển khai thực hiện các tiêu chí về XDNTM. Vấn

đề dân tộc, tôn giáo cùng sự chống phá của các thế lực thù địch luôn tiềm ẩn những nguy cơ và yếu tố phức tạp, gây bất ổn đã tác động tiêu cực đến an ninh chính trị, việc huy động và phát huy sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc và sự đồng thuận xã hội trong XDNTM.

2.1.2. Thực trạng nông nghiệp, nông thôn tỉnh Tuyên Quang trước năm 2010

Xác định tầm quan trọng của vấn đề NN, ND, NT, trong những nhiệm kỳ trước năm 2010, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn và nâng cao đời sống Nhân dân. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010 đã xác định “tập trung phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa” [41, tr.35]; sử dụng có hiệu quả diện tích gieo trồng cây lương thực, đảm bảo an ninh lương thực; quy hoạch và phát triển vùng sản xuất; củng cố và hoàn thiện hệ thống khuyến nông; chú trọng và sử dụng cơ giới trong sản xuất nông nghiệp, tăng cường đầu tư xây dựng, quản lý, tu bổ, nâng cấp và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi...

Với mục tiêu đưa Tuyên Quang thoát khỏi tình nghèo, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, trong giai đoạn 2005-2010, với quyết tâm chính trị cao của cả HTCT, kinh tế-xã hội, trong đó có lĩnh vực NN, ND, NT của tỉnh có nhiều chuyển biến và đạt được những kết quả quan trọng. Cụ thể:

Sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển và chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, giá trị sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản đều có sự tăng trưởng, bình quân là 8,1%/năm. Sản phẩm nông nghiệp ngày càng đa dạng, phong phú. Sản lượng lương thực đạt trên 32 vạn tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 440 kg/người/năm. Tỉnh đã hình thành một số vùng chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hoá. Chăn nuôi phát triển khá, đã tăng dần tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp, thủy sản từ 30,7% (năm 2005) lên 35,6% (năm 2010). Diện tích nuôi thủy sản được

mở rộng, sản lượng thủy sản tăng khá nhanh. Đến năm 2010, ở hầu hết các xã, phường, thị trấn, thôn, bản trong tỉnh đều có những mô hình tiêu biểu trong sản xuất, kinh doanh nông, lâm nghiệp hiệu quả, với trên 12.000 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh giỏi; nhiều mô hình kinh tế trang trại có thu nhập mỗi năm hàng trăm triệu đồng.

Khuyến khích phát triển ngành, nghề ở khu vực nông thôn, hình thành một số làng nghề nông thôn tại huyện Na Hang, Sơn Dương, Yên Sơn; chú trọng phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể.

Xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn được đẩy mạnh: Tỉnh đã huy động nguồn lực đầu tư hệ thống giao thông nông thôn, cấp nước sinh hoạt, các công trình hạ tầng xã hội, tạo chuyển biến quan trọng về sản xuất và đời sống của Nhân dân. Đến năm 2010, 99% thôn, bản có đường ô tô đến trung tâm; 67,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Tập trung tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi theo quy hoạch như: đầu tư kè sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy; tu sửa, nâng cấp 298 công trình thủy lợi, kiên cố hóa 2.005 km kênh mương, xây dựng 180 công trình đập nâng bằng rọ thép...; quản lý, khai thác hiệu quả trên 2.600 công trình thủy lợi. Hệ thống hạ tầng lưới điện, thông tin có bước phát triển, Tuyên Quang là tỉnh miền núi đầu tiên trong cả nước đưa điện lưới đến với tất cả xã, phường trong tỉnh; trường học, trạm y tế, thiết chế văn hóa ở cơ sở cũng được quan tâm đầu tư xây dựng đáp ứng cho đời sống và sinh hoạt của Nhân dân khu vực nông thôn.

Đời sống Nhân dân ở nông thôn từng bước được cải thiện và nâng lên. Thực hiện tốt các dự án, chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo, đề án hỗ trợ người nghèo về nhà ở; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 35,64% (năm 2005) xuống còn 14,85% (năm 2010). Thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, mạng lưới cơ sở giáo dục có bước phát triển đảm bảo 100% xã, phường, thị trấn có trường tiểu học và THCS, các cụm

xã có trường THPT; chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn. Mạng lưới y tế tiếp tục phát triển đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Phong trào văn nghệ quần chúng và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được đẩy mạnh góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho cư dân nông thôn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thực hiện chính sách về NN, ND, NT còn một số hạn chế:

Thứ nhất, mặc dù đã thoát khỏi tình nghèo, song đến năm 2010, Tuyên Quang vẫn là tỉnh kém phát triển, thu nhập bình quân đầu người là 12,6 triệu đồng (702 USD), thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước [42, tr.73]. Tuyên Quang là tỉnh thuần nông nghiệp nên hạn chế chung của tỉnh cũng phần lớn là từ lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm. Hiệu quả kinh tế nông, lâm nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; sức cạnh tranh của hàng hoá nông sản còn thấp. Kinh tế tập thể hoạt động thiếu sáng tạo, chậm đổi mới, hiệu quả chưa cao; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ít quan tâm đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Việc huy động, lồng ghép các nguồn vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa đạt hiệu quả cao. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh còn chậm, một số hộ dân còn thiếu đất sản xuất; chăn nuôi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Trình độ sản xuất, khả năng tiếp cận thị trường, khoa học công nghệ của lao động nông thôn còn thấp.

Thứ ba, quá trình triển khai XDNTM theo chủ trương của Trung ương còn chậm, đến năm 2010 tỉnh Tuyên Quang chưa có xã đạt chuẩn tiêu chí NTM; tỷ lệ số xã đạt các tiêu chí thành phần còn thấp, đạt trên 10 tiêu chí có 01 xã; xã đạt dưới 5 tiêu chí có 115 xã; 04 xã không đạt tiêu chí nào. Bình quân tiêu chí đạt thấp (2,8 tiêu chí/xã) [16, tr.1]. Sự phát triển của nông thôn Tuyên Quang còn rất nhiều hạn chế, các xã chưa có quy hoạch phát triển đồng bộ; hạ tầng kinh tế-xã hội còn nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu đời sống của Nhân dân cũng như phát

triển sản xuất theo hướng hàng hoá; phần lớn lao động chưa qua đào tạo, thiếu việc làm, thu nhập không ổn định; y tế xã nhiều nơi chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân; cơ sở vật chất văn hoá, thông tin, giáo dục còn hạn chế nhất là ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa; vệ sinh môi trường nông thôn chưa được chú trọng để bảo vệ sức khỏe người dân; nhiều cán bộ cấp xã còn hạn chế về trình độ chuyên môn. Bộ mặt nông thôn và đời sống của nông dân ở một số nơi chậm chuyển biến; giảm nghèo chưa bền vững.

Nguyên nhân của những hạn chế: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền đối với NN, ND, NT và XDNTM một số nơi còn lúng túng, hiệu quả thấp; vai trò của MTTQ, các đoàn thể chính trị-xã hội và cộng đồng chưa thực sự được phát huy. Việc tổ chức thực hiện một số chủ trương của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước về NN, ND, NT chưa đạt hiệu quả cao, có nơi còn lúng túng. Công tác đôn đốc, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện ở một số cơ quan địa phương chưa thường xuyên; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức quản lý về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu.

Thực trạng nông thôn tỉnh Tuyên Quang trước năm 2010 đã tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong XDNTM. Trong giai đoạn tiếp theo Đảng bộ tỉnh cần đánh giá đúng tình hình thực tiễn, từ đó phát huy những ưu điểm đã đạt được, khắc phục hạn chế, khuyết điểm để đề ra những chủ trương và chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG XDNTM.

2.1.3. Tình hình thế giới, trong nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

2.1.3.1. Tình hình thế giới và trong nước

Tình hình thế giới

Những năm đầu thập kỷ thứ hai, thế kỷ XXI, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng có sự diễn biến phức tạp, khó lường với những bất ổn

như: xung đột tôn giáo, sắc tộc, chiến tranh cục bộ, khủng bố, an ninh phi truyền thống, tội phạm công nghệ cao... Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học-công nghệ, kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ. Sau năm 2010, kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, bất ổn... Những vấn đề toàn cầu đang đặt ra như: An ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp, đòi hỏi sự chung tay của các nước trên thế giới.

Những đặc điểm của tình hình thế đã tác động rõ nét đến sự lãnh đạo của Đảng trong XDNTM. Xu thế hợp tác, toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập giúp Việt Nam tiếp cận được các nguồn lực quốc tế, học tập mô hình phát triển nông thôn hiện đại, mở rộng thị trường, thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ trong XDNTM. Cùng với đó là cơ hội để tận dụng các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI), viện trợ (ODA) để phát triển hạ tầng nông thôn. Bên cạnh đó, khủng hoảng kinh tế toàn cầu sẽ tác động khó khăn cho việc huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho XDNTM; vấn đề an ninh phi truyền thống: an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... đặt ra vấn đề phát triển nông nghiệp sinh thái, thích ứng và bền vững trong XDNTM.

Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á, là khu vực phát triển năng động; giúp Việt Nam tham gia các chương trình của ASEAN về phát triển nông nghiệp bền vững, tăng cường liên kết, giao lưu nông sản và học tập mô hình NTM kiểu mới từ Thái Lan, Malaysia... Đồng thời đặt ra yêu cầu phải đẩy nhanh quá trình XDNTM để không bị tụt hậu so với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, tranh chấp lãnh thổ, biển đảo ngày càng gay gắt đòi hỏi phải lồng ghép thêm nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong quá trình XDNTM và tăng cường nguồn lực cho các địa phương vùng biên giới, hải đảo.

Tình hình trong nước

Đến năm 2010, những thành tựu, kinh nghiệm sau 25 năm tiến hành công cuộc đổi mới đã tạo ra thế, lực và sức mạnh tổng hợp của đất nước, tạo tiền đề

thúc đẩy KT-XH phát triển. Sự phát triển của đất nước là cơ sở, điều kiện để tập trung nguồn lực đầu tư XDNTM. Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố, tạo đồng thuận xã hội, là yếu tố chính trị tinh thần quan trọng thúc đẩy phong trào XDNTM phát triển. Tuy nhiên, nước ta vẫn phải đứng trước nhiều thách thức lớn, đặc biệt là nguy cơ: tụt hậu xa hơn về kinh tế; tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đây là những rào cản, gây khó khăn cho quá trình triển khai Chương trình XDNTM.

Những đặc điểm của tình hình thế giới và trong nước đã ảnh hưởng đến việc hoạch định chủ trương, tổ chức thực hiện của Đảng bộ tỉnh trong XDNTM. Trong xác định đường lối xây dựng và phát triển đất nước, phải đảm bảo phát huy nội lực, tranh thủ được những yếu tố thuận lợi của tình hình thế giới và khu vực; đồng thời, khắc phục khó khăn và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực để đảm bảo triển khai có hiệu quả trong thực tiễn.

2.1.3.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Chủ trương của Đảng

XDNTM là vấn đề lớn luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo. Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng xác định: “Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn. Thực hiện chương trình XDNTM. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh” [49, tr.90]. Trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH, Đảng coi “vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn

hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững... Gắn phát triển kinh tế với XDNTM” [49, tr.190-191].

Trên cơ sở quan điểm của Đại hội X, Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH Trung ương Đảng, khẳng định “NN, ND, NT có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [19, tr.48]. Bên cạnh đó, NN, ND, NT còn là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển KT-XH bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Xác định trọng tâm và các mối quan hệ liên quan, Nghị quyết nêu rõ: các vấn đề NN, ND, NT phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Trong đó, CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình CNH, HĐH đất nước. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn thì nông dân là chủ thể của quá trình phát triển, XDNTM gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch là căn bản; phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp là then chốt.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 chỉ rõ, “trong quá trình phát triển NN, NT và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực, để giải phóng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; khai thác tốt các điều kiện thuận lợi trong hội nhập kinh tế quốc tế cho phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy cao nội lực; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân”.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 nêu rõ quan điểm về trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị-xã hội và Nhân dân. Giải quyết vấn đề NN, ND, NT là nhiệm vụ của cả HTCT và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực tự cường vươn lên của nông

dân. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và XDNTM, nâng cao đời sống nông dân.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 đề ra mục tiêu hàng đầu là “không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ NTM. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại. XDNTM có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; HTCT ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân-nông dân-trí thức vững mạnh, tạo nền tảng KT-XH và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

Những điểm căn cốt của Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của BCH Trung ương Đảng, đánh dấu sự đổi mới quan trọng trong nhận thức, tư duy của Đảng về vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Đây là lần đầu tiên vấn đề XDNTM được đặt ra một cách toàn diện nhất, là cơ sở để Nhà nước triển khai đồng bộ Chương trình XDNTM trên phạm vi cả nước. Nghị quyết và quá trình triển khai Chương trình MTQG XDNTM đã đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân và thỏa mãn yêu cầu mục tiêu công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra những định hướng lớn về phát triển KT-XH, trong đó xác định “phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và XDNTM” [51, tr.75].

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (năm 2011), chủ trương: “Triển khai chương trình xây dựng NTM phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của nông thôn Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều lao động. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo nghề cho 1 triệu lao động nông thôn mỗi năm. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ nhà ở cho người nghèo và các đối tượng chính sách, chương trình nhà ở cho đồng bào vùng bão, lũ; bố trí hợp lý dân cư, bảo đảm an toàn ở những vùng ngập lũ, sạt lở núi, ven sông, ven biển [51, tr.197-198].

Chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

Thực hiện chủ trương của Đảng về XDNTM, giai đoạn 2010-2015, Chính phủ ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, tiêu biểu Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010, đã xác định, “XDNTM có kết cấu hạ tầng KT-XH từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN; mục tiêu cụ thể, đến năm 2015 có 20% số xã đạt tiêu chuẩn NTM; đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn NTM” [107, tr.1].

Chương trình MTQG XDNTM là một chương trình tổng thể về phát triển KT-XH, chính trị, an ninh quốc phòng, bao gồm 11 nội dung nhằm thực hiện 19 tiêu chí về NTM.

Để triển khai thực hiện Chương trình, Thủ tướng Chính phủ ban hành các quy định như: Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 về phê duyệt chương trình rà soát quy hoạch XDNTM; Quyết định số 1620/QĐ-TTg ngày

20/9/2011 về ban hành kế hoạch tổ chức phong trào thi đua “cả nước chung sức XDNTM”; Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 Thủ tướng Chính phủ về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM,...

Đặc điểm tình hình thế giới, trong nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã tác động lớn đến nhận thức và sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM. Trên cơ sở đánh giá và dự báo đúng tình hình thế giới và trong nước, bám sát chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang nghiên cứu, quán triệt, cụ thể hóa phù hợp với thực tiễn địa phương để hoàn thành tốt Chương trình XDNTM.

2.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Xuất phát từ đặc điểm của tình hình thế giới, trong nước và những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn địa phương. Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV, đã tổng kết, đánh giá về vấn đề NN, ND, NT, và khẳng định: “Nông, lâm nghiệp tiếp tục phát triển và chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được tăng cường. Văn hoá-xã hội phát triển phù hợp với tăng trưởng kinh tế. Chất lượng giáo dục, đào tạo, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được nâng lên; đời sống văn hoá tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội đạt được kết quả quan trọng. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, Tuyên Quang vẫn là tỉnh kém phát triển, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mức bình quân chung của cả nước” [42, tr.72-73].

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những thành tựu và hạn chế trong thực hiện Chương trình XDNTM, Đại hội xác định phương hướng là “chuyển dịch nông,

lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá” [42, tr.79]. Đồng thời Đại hội xác định chỉ tiêu đến năm 2015 “về kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 25% trong cơ cấu nền kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 5%/năm. Các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội, trong đó có khu vực nông thôn: Duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 45%, trong đó qua đào tạo nghề trên 27%. Trên 75% hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá; trên 70% số thôn, bản, tổ Nhân dân đạt chuẩn văn hoá. 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; có 22 giường bệnh/10.000 dân. Tạo việc làm cho trên 80.000 lao động. Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới bình quân 3-4%/năm. Về môi trường, tỷ lệ che phủ của rừng trên 60%; 75% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% chất thải nguy hại, chất thải y tế, trên 90% chất thải rắn thông thường được xử lý đạt tiêu chuẩn” [42, tr.81-82].

Để đạt được mục tiêu trên, Đại hội đề ra các giải pháp lớn “phát triển vững chắc nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, chuyên canh, gắn với XDNTM, tạo chuyển biến mạnh mẽ về đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn” [42, tr.95]. Phát triển các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến. Chuyển đổi cơ cấu giống và đầu tư thâm canh mía, chè, nhất là chè đặc sản; phát triển vùng sản xuất lạc, đậu tương, cây ăn quả; quy hoạch và quản lý vùng trồng lúa nước, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

Đại hội đề ra những giải pháp cụ thể về “đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, trọng tâm là xây dựng và phát triển NTM, tập trung hoàn thành quy hoạch 100% số xã và phấn đấu đến năm 2015 trên 5% số xã đạt chuẩn NTM” [42, tr.97]. Bên cạnh đó, tập trung thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương về phát triển kinh tế nông thôn, chính sách tín dụng, khuyến nông, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, nhân rộng mô hình kinh

tế trang trại; huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, các thiết chế văn hóa, công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh trật tự và xây dựng HTCT ở nông thôn.

Điểm nổi bật của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV là đã quyết tâm đưa Tuyên Quang thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước đầu đã quan tâm lãnh đạo để phát triển các lĩnh vực thuộc NN, ND, NT, trong đó NTM được xác định là trọng tâm. Từ phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp được đề ra tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XV, trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết chuyên đề, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện XDNTM.

Ngày 04/6/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2010-2020, với mục tiêu, nội dung và các tiêu chí cụ thể được bổ sung. Xác định Chương trình MTQG XDNTM là chủ trương lớn, có ý nghĩa chiến lược của Đảng, Nhà nước và là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt của cả HTCT, để tập trung lãnh đạo XDNTM, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 Về XDNTM giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Tỉnh ủy đánh giá: Những năm qua, ngành nông lâm nghiệp của tỉnh phát triển khá, sản phẩm nông nghiệp ngày càng phong phú, bước đầu đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh như chè, mía, lạc, cam... Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư, nhất là đường giao thông nông thôn, các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế và một số thiết chế văn hóa ở cơ sở. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư khu vực nông thôn được nâng lên. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp còn chậm; bộ mặt NT và đời sống của nông dân ở một số nơi chậm chuyển biến. Hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; phát triển vùng sản xuất hàng hoá tập trung chuyên canh còn chậm, sức cạnh tranh

của hàng hoá nông sản thấp; chăn nuôi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Kết cấu hạ tầng nông thôn ở nhiều nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DT thiểu số còn khó khăn.

Trên cơ sở đó, Nghị quyết xác định XDNTM “là nhiệm vụ trọng tâm của cả HTCT và toàn xã hội” [117, tr.3]. Nghị quyết chỉ rõ chủ thể thực hiện là cộng đồng dân cư, Nhà nước có vai trò định hướng, hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện. Xác định người dân vừa là người thực hiện, vừa là người thụ hưởng thành quả của NTM, nên trong quá trình “XDNTM phải bảo đảm phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được thụ hưởng” [116, tr.3]. Trong quá trình triển khai có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên nguồn lực tập trung vào một số nội dung quan trọng như: phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH thiết yếu; cần phải triển khai đồng bộ ở tất cả các xã, phấn đấu thực hiện hoàn thành các tiêu chí và bảo đảm phát triển bền vững. Quá trình triển khai thực hiện XDNTM phải dựa trên quy hoạch, kế hoạch cụ thể, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH gắn với giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nghị quyết xác định mục tiêu chung cho quá trình XDNTM giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến 2020 là: “XDNTM với kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ và từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất hợp lý; gắn sản xuất nông, lâm nghiệp với phát triển CN, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân NT; xây dựng NT ổn định, dân chủ được phát huy giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững” [117, tr.3-4].

Về mục tiêu cụ thể, trên cơ sở lựa chọn những xã tiêu biểu để làm thí điểm, rút kinh nghiệm trước khi đặt ra chỉ tiêu cao hơn; đồng thời, lựa chọn những tiêu chí dễ, phù hợp với điều kiện, khả năng của tỉnh để tập trung hoàn thành trước. Trong quá trình hoạch định chủ trương, Đảng bộ tỉnh thể hiện sự

thận trọng, tiến hành có bước đi phù hợp, sát với thực tiễn. Nghị quyết chỉ rõ mục tiêu cụ thể đến năm 2015, có ít nhất 7 xã (mỗi huyện, thành phố 1 xã: Tân Trào, Mỹ Bằng, Kim Bình, Bình Xa, An Khang, Năng Khả, Thượng Lâm) đạt chuẩn NTM theo Bộ tiêu chí quốc gia về XDNTM.

Về thực hiện các tiêu chí thành phần, Nghị quyết xác định: 100% số xã đạt chuẩn các tiêu chí về: Quy hoạch, y tế, HTCT. 50% số xã đạt tiêu chí về giao thông; 50% kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa; 85% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn; 30% trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia; trên 10% số xã đạt chuẩn về cơ sở vật chất văn hóa; trên 10% số xã có chợ nông thôn đạt chuẩn; 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; 30% số thôn có Internet, 100% số xã không còn nhà tạm; 60% số hộ dân có nhà ở đạt tiêu chuẩn. Mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 xã đạt thu nhập bình quân đầu người/năm bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân chung của tỉnh. Ít nhất 10% số xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%; trên 6% số xã có tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 45%; trên 50% số xã có tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả. Duy trì 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở; trên 70% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc hoặc học nghề); tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 45%; có 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 70 số xã đạt tiêu chí về văn hoá: 75% số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó 45% số hộ dân sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn quốc gia; 20% số xã đạt chuẩn về môi trường. Trên 85% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; hằng năm, trên 85% đảng bộ xã đạt trong sạch, vững mạnh, chính quyền và các đoàn thể chính trị-xã hội cấp xã đạt vững mạnh. 100% số xã không xảy ra điểm nóng về an ninh trật tự.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG về XDNTM, Nghị quyết đề ra 7 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: Lập quy hoạch, đề án XDNTM; đầu tư hạ tầng KT-XH nông thôn gắn với phát triển đô thị; đổi mới và xây dựng

các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng, bổ sung cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực phát triển nhanh kinh tế nông thôn, XDNTM; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, chú trọng bảo vệ môi trường; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể chính trị-xã hội và Nhân dân đối với XDNTM. Các giải pháp được Nghị quyết đề ra mang tầm bao quát, tính toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, bám sát đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương và có ý nghĩa lâu dài để hoàn thành mục tiêu XDNTM.

Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 23/11/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và đặc điểm tình hình của tỉnh để xác định chủ trương và chỉ đạo XDNTM, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đặt ra. Đây là nghị quyết chuyên đề đánh dấu bước quan trọng trong sự phát triển nhận thức của Đảng bộ tỉnh về vị trí, tầm quan trọng của vấn đề XDNTM; đồng thời, có tính định hướng, đề ra phương châm, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong từng giai đoạn để chỉ đạo quá trình thực hiện XDNTM của tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình lãnh đạo XDNTM, nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh tiếp tục khẳng định quan điểm và bổ sung những nhận thức mới về XDNTM. Tại Kết luận số 73-KL/TU, ngày 20/4/2012 của BCH Đảng bộ tỉnh về Kết luận Hội nghị BCH Đảng bộ tỉnh lần thứ 8 (khóa XV), nhiệm kỳ 2010-2015, tiếp tục khẳng định những vấn đề trọng tâm, phương pháp tiến hành là phải “tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình MTQG về XDNTM; huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các tiêu chí NTM, tập trung tại các xã điểm; đẩy mạnh thực hiện Chương trình bê tông hóa đường giao thông NT” [120, tr.4]. Tiếp tục đề ra những giải pháp xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, thiết chế văn hóa, Chương trình số 13-CTr/TU, ngày 30/5/2012 của BCH

Đảng bộ tỉnh, đã đề ra một số định hướng lớn “phấn đấu hầu hết các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông xi măng; bê tông hóa đường giao thông NT theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm” [118, tr.4]; “xây dựng đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất hàng hóa, kết hợp với hệ thống kênh mương thuộc chương trình XDNTM” [118, tr.6]; “từng bước đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và hỗ trợ trang thiết bị cho các thiết chế văn hóa ở xã, thôn, bản, trước mắt tập trung tại 7 xã điểm XDNTM” [118, tr.13].

Trên cơ sở đánh giá 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp và ban hành Kết luận số 145-KL/TU ngày 26/11/2013, chỉ rõ: “Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung vào các cây cam, chè, mía, lạc, nguyên liệu giấy và một số nông sản hàng hóa có lợi thế của địa phương... thực hiện có hiệu quả chương trình XDNTM; huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên đầu tư các xã điểm XDNTM... Tập trung thực hiện kế hoạch nhựa hóa hoặc bê tông xi măng các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã giai đoạn 2013-2015; phấn đấu vượt kế hoạch chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn” [124, tr.4].

Bám sát và cập nhật những chủ trương của Đảng về NN, ND, NT và XDNTM, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 08/8/2014, với 09 nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào việc “đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền; rà soát, điều chỉnh, bổ sung, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch; đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn gắn với tái cơ cấu nền nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đẩy mạnh XDNTM, chú trọng nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh của dân cư nông thôn; tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, HTX; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông

sản; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đổi mới cơ chế, chính sách, huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp”. Kế hoạch số 110-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục là sự cụ thể hóa chủ trương của Đảng về NN, ND, NT và XDNTM để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chú trọng lãnh đạo phát triển NN, ND, NT và XDNTM. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM thể hiện ở những điểm sau:

Một là, về quan điểm, mục tiêu XDNTM. Đảng bộ tỉnh nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của XDNTM. Ngay từ năm 2011, Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về XDNTM để tập trung tổ chức thực hiện đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn. Quan điểm của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2010-2015 đã xác định: Tập trung thực hiện tốt vấn đề NN, ND, NT, XDNTM là trọng tâm; phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung vào các nông sản hàng hóa có lợi thế của địa phương. Trong hoạch định đường lối, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM để cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn của địa phương. Tỉnh ủy chủ trương tập trung vào những thế mạnh của địa phương để phát huy; đồng thời khắc phục những khó khăn, yếu tố không thuận lợi để thực hiện chương trình XDNTM đạt mục tiêu đề ra. Mục tiêu XDNTM được Tỉnh ủy đề ra phù hợp với khả năng của tỉnh, phấn đấu đến năm 2015 có 7 xã đạt tiêu chí NTM.

Hai là, về nhiệm vụ, giải pháp XDNTM. Các nhiệm vụ, giải pháp được Tỉnh ủy xác định khá toàn diện trên các lĩnh vực. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện 19 tiêu chí về XDNTM, nhưng tập trung một số lĩnh vực chủ lực như: Lập quy hoạch; phát triển các hình thức sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi; đẩy mạnh đào tạo nghề, phát triển giáo dục, văn hóa; công tác tuyên truyền XDNTM... Tiến hành XDNTM với phương

pháp nhà nước và Nhân dân cùng làm; đồng thời, phát huy dân chủ với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”. Phát huy sức mạnh của cả HTCT và sự đồng thuận xã hội tạo sức mạnh tổng hợp trong XDNTM.

2.3. ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

2.3.1. Thành lập bộ máy chỉ đạo và công tác quy hoạch

2.3.1.1. Thành lập bộ máy chỉ đạo

Để thực hiện tốt Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2010-2020, tỉnh Tuyền Quang chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành từ tỉnh đến cơ sở, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện sớm để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, tập trung và thông suốt. Ban Chỉ đạo các cấp được thành lập và thường xuyên được củng cố, bổ sung theo đúng hướng dẫn của Trung ương, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình.

Về thành lập BCD và văn phòng điều phối thực hiện Chương trình cấp tỉnh. Việc thành lập BCD được triển khai từ rất sớm, thể hiện tinh thần tích cực, chủ động của Đảng bộ tỉnh trong thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Ngày 06/9/2010, trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1147/QĐ-CT về việc thành lập BCD Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tuyền Quang, giai đoạn 2010-2020. Chức năng, nhiệm vụ của BCD là xây dựng các văn bản chỉ đạo, điều hành Chương trình MTQG XDNTM; xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh với các cơ quan, MTTQ, các tổ chức tổ chức chính trị-xã hội để thực hiện nhiệm vụ XDNTM. Ban chỉ đạo đã ban hành Quy chế hoạt động trong đó phân công từng thành viên phụ trách huyện, thành phố và thực hiện công tác tham mưu về lĩnh vực chuyên môn thuộc tiêu chí của ngành.

Để giúp việc cho BCD, tỉnh thành lập Văn phòng điều phối Chương trình gồm 25 thành viên (22 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 3 thành viên chuyên

trách) là chuyên viên các sở, ban, ngành liên quan. Chánh Văn phòng điều phối do Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm; Tổ thường trực của Văn phòng điều phối gồm 5 thành viên (2 thành viên kiêm nhiệm, 3 thành viên chuyên trách).

Về thành lập BCD cấp huyện, cấp xã. Các huyện, thành phố đã thành lập BCD; thành lập Cơ quan thường trực điều phối giúp việc cho BCD cấp huyện, cán bộ tham gia hoạt động thực hiện chế độ kiêm nhiệm. Ở xã, thành lập BCD do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban với 129/129 BCD. Phó trưởng BCD do Chủ tịch UBND xã đảm nhận, thành viên BCD là các Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch Ủy ban MTTQ và trưởng các đoàn thể cấp xã.

Thành lập Ban quản lý XDNTM do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban với 129/129 Ban quản lý, Phó trưởng Ban quản lý là Phó Chủ tịch UBND xã; các chức danh chuyên môn công chức xã, hiệu trưởng các trường học, trạm trưởng Trạm Y tế xã, chủ nhiệm/giám đốc các HTX nông lâm nghiệp là thành viên Ban quản lý xã. Ban phát triển thôn do Nhân dân bầu ra, Chủ tịch UBND các xã ra quyết định công nhận.

Ban Chỉ đạo các cấp đã xây dựng, ban hành quy chế hoạt động và phân công thành viên phụ trách địa bàn, phụ trách tiêu chí theo chức năng nhiệm vụ của sở ngành. Hoạt động của BCD tỉnh, Văn phòng điều phối thường xuyên được duy trì, hàng quý tổ chức họp để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho cơ sở. Hệ thống tổ chức bộ máy thực hiện chương trình đã giúp cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền được thống nhất, xuyên suốt; thiết lập được cơ chế điều hành liên thông giữa các cấp, các ngành; tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều phối và nâng cao hiệu quả giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện. Chất lượng hoạt động của bộ máy các cấp đã góp phần đảm bảo hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình XDNTM.

2.3.1.2. Công tác lập quy hoạch

Trong Chương trình XDNTM, công tác quy hoạch có vai trò rất quan trọng, là bước đi đầu tiên, mang tính định hướng, tạo tiền đề cho việc tổ chức

không gian phát triển KT-XH ở nông thôn. Việc thực hiện các quy hoạch NTM tác động lớn đến đời sống người dân nông thôn, góp phần hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Vì vậy, cùng với công tác quy hoạch phát triển KT-XH, quy hoạch NTM được Đảng bộ tỉnh quan tâm và chỉ đạo thực hiện từ sớm. Xác định hoàn thành quy hoạch phát triển KT-XH là một trong 5 khâu đột phá của giai đoạn 2005-2010, ngày 12/6/2006, BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Nghị quyết xác định mục tiêu là: Quy hoạch xây dựng nhằm xác lập các vùng trung tâm, động lực phát triển của tỉnh và hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn hợp lý trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng hiện đại phát triển bền vững; đảm bảo cho mỗi đô thị phát huy được thế mạnh thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh và XDNTM. Tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch-khâu đột phá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghe và cho ý kiến đối với 19 quy hoạch về lĩnh vực kinh tế, 6 quy hoạch về lĩnh vực văn hoá-xã hội, góp phần thiết lập được nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội cũng như phát triển KT-XH của tỉnh những năm tiếp theo. Đây là cơ sở tạo thuận lợi cho công tác quy hoạch NTM trong giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 15/UBND-KH ngày 26/4/2011 về thực hiện Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tuyên Quang, năm 2011 đề ra nhiệm vụ “Cơ bản hoàn thành việc lập, phê duyệt quy hoạch XDNTM của 129 xã trong tỉnh. Các xã điểm hoàn thành trong tháng 5; 39 xã đã phân bổ kinh phí năm 2010 hoàn thành trong tháng 8; 84 xã còn lại hoàn thành trong tháng 11” [138, tr.2]. Cho thấy sự chủ động và quyết tâm cao của Tỉnh để sớm hoàn thành mục tiêu công tác quy hoạch, tạo cơ sở để triển khai các tiêu chí còn lại trong XDNTM.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện hướng dẫn nội dung quy hoạch đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã; Sở Xây dựng tham mưu ban hành đề cương về nhiệm vụ lập quy hoạch XDNTM cấp xã, thành lập Tổ tư vấn giúp các huyện, thành phố, các xã xây dựng đề án và lập quy hoạch NTM của các xã; hướng dẫn quy hoạch phát triển hạ tầng KT-XH, môi trường; phát triển các khu dân cư mới của xã; các huyện, thành phố có nhiệm vụ phê duyệt quy hoạch NTM cho các xã.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự vào cuộc của các ngành, các huyện, thành phố, đến hết năm 2014, toàn tỉnh có 129/129 xã hoàn thành công tác lập quy hoạch và đề án XDNTM. Quy hoạch, đề án được xây dựng và phê duyệt đúng quy định, cơ bản đáp ứng quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-TNMT, ngày 28/10/2011 của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã NTM. Đây là kết quả quan trọng tạo cơ sở để đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thúc đẩy phát triển các vùng sản xuất hàng hóa, khu dân cư mới. Quy hoạch luôn đi trước một bước, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn, thu hút sự tham gia của Nhân dân và các tổ chức xã hội trong đầu tư, thúc đẩy phát triển KT-XH ở các địa phương.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cho thấy tầm nhìn và quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền tỉnh Tuyên Quang, đã góp phần định hướng, tạo nền tảng cho tổ chức triển khai và hoàn thành mục tiêu XDNTM. Tuy nhiên, các xã mới chỉ dừng lại ở quy hoạch chung, còn thiếu các quy hoạch chi tiết. Hầu hết chưa được cắm mốc quản lý quy hoạch (có 10/129 xã đã tổ chức cắm mốc quy hoạch theo quy định) [16, tr.6].

2.3.2. Công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua

Tuyên truyền, vận động để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức rõ tầm quan trọng của XDNTM và trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân, tạo đồng

thuận xã hội trong XDNTM. Vì vậy, trong chỉ đạo thực hiện XDNTM, Đảng bộ tỉnh luôn coi trọng công tác tuyên truyền và xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức đảng, các cấp, các ngành, các địa phương. Để phong trào XDNTM đi vào chiều sâu, đạt kết quả thiết thực với phương châm lấy người dân làm trung tâm, nông dân là chủ thể trong XDNTM, các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, hướng về cơ sở.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt và sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh công tác tuyên truyền đã đạt được những kết quả quan trọng. UBND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng điều phối NTM biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền dạng hỏi đáp, sổ tay về XDNTM; phát hành trên 93.000 tờ rơi về XDNTM cho các xã, thôn (bản), hộ gia đình trên địa bàn tỉnh [16, tr.4]. Đây là cách làm hiệu quả, sáng tạo giúp đưa chính sách đến tận tay người dân với những phương tiện trực quan, dễ tiếp cận, dễ nhớ, phù hợp với trình độ nhận thức không đồng đều ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng cao, góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền.

Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông như Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang đã xây dựng được trên 85 chuyên đề, 50 tạp chí; trên 158 bài phản ánh, hơn 303 tin, ảnh tuyên truyền về những kết quả đã đạt được, các mô hình tiêu biểu và cách làm sáng tạo ở cơ sở [16, tr.4]. Đây là hình thức truyền thông đa tầng giúp khắc họa rõ nét kết quả, giúp nhân rộng và lan tỏa cách làm sáng tạo, mô hình hay ở cơ sở.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động phong phú như cuộc thi Thanh niên tìm hiểu về XDNTM; cuộc thi báo chí với chủ đề “Tuyên Quang chung sức XDNTM” với trên 400 tác phẩm dự thi... Ở cấp huyện hàng trăm hội nghị, nhiều cuộc đối thoại, các cuộc thi, dựng hơn 1.500 pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền đã được triển khai [16, tr.4]. Những hoạt động này có ý nghĩa giáo

dục, cổ động sâu sắc, đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước; khơi dậy sự tích cực, chủ động, sáng tạo của cộng đồng dân cư, tạo động lực to lớn thúc đẩy phong trào XDNTM phát triển toàn diện.

Trong giai đoạn đầu triển khai Chương trình XDNTM, công tác tuyên truyền đã được Đảng bộ tỉnh chú trọng triển khai bài bản, sáng tạo, có chiều sâu và đem lại hiệu quả rõ rệt. Tỉnh không chỉ bám sát thực hiện đúng định hướng của Trung ương mà còn có phương pháp, hình thức tổ chức linh hoạt, phù hợp với thực tiễn Tuyên Quang. Công tác tuyên truyền đã thực sự trở thành cuộc vận động chính trị sâu rộng, giúp nâng cao nhận thức, chuyển hóa thành hành động cụ thể cho mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm cơ sở cho sự thành công của XDNTM.

Nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và Nhân dân đoàn kết, đồng lòng, hăng hái tham gia, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua XDNTM. Ngày 05 và 06/01/2012, Thường trực Tỉnh ủy họp ra Thông báo số 236-TB/TU ngày 07/01/2012 giao “Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện đúng quy định” [121, tr.3] phong trào thi đua XDNTM. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 01/02/2012, xác định rõ mục đích: “Tổ chức thực hiện hiệu quả phong trào thi đua, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT, các ngành, các cấp, các tầng lớp Nhân dân, lực lượng vũ trang, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tập trung thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh” [142, tr.1]. UBND tỉnh yêu cầu “Phong trào thi đua chung sức XDNTM phải là một nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch công tác hằng năm và kế hoạch 05 năm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở trong giai đoạn 2011-2020” [142, tr.3].

Tỉnh xác định rõ, nội dung phong trào thi đua là phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động sự vào cuộc của cả HTCT, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang,

các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế, các tầng lớp Nhân dân tập trung thực hiện các tiêu chí NTM. Huy động mọi nguồn lực, phát huy nội lực, trí tuệ, công sức, cơ sở vật chất để phát triển hạ tầng KT-XH nông thôn. Đẩy mạnh phát triển sản xuất; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá, giáo dục-đào tạo, y tế; củng cố HTCT cơ sở vững mạnh. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong XDNTM, thường xuyên nêu gương “Người tốt-Việc tốt” để cán bộ, Nhân dân học tập. Phấn đấu mỗi xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị-xã hội, doanh nghiệp đều có những phong trào thi đua tiêu biểu, từng cơ quan, đơn vị, địa phương đều có những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua XDNTM.

Phong trào thi đua được triển khai đồng bộ, toàn diện từ tỉnh đến cơ sở. UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua XDNTM, trong đó có lộ trình, giải pháp cụ thể, phù hợp với từng vùng, từng địa bàn và đối tượng dân cư, đồng thời phối hợp, liên kết với các ngành liên quan để tổ chức thực hiện hoàn thành những tiêu chí, mục tiêu kế hoạch XDNTM tại địa phương. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, các cụm, khối thi đua căn cứ chức năng nhiệm vụ, đưa việc tham gia XDNTM là một nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình công tác từng thời kỳ, đồng thời vận động, tổ chức cho đoàn viên, hội viên, tập thể, cá nhân thuộc đơn vị mình tích cực tham gia các phong trào thi đua, chung sức XDNTM hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc phát động phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” gắn với phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư". MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội triển khai đa dạng các phong trào gắn với nhiệm vụ của từng tổ chức, như: MTTQ tổ chức cuộc vận động Ngày vì người nghèo, tạo nguồn lực từ Quỹ vì người nghèo gắn với công tác xóa nhà tạm, dột nát cho hộ nghèo; Hội Nông dân tổ chức Phong trào thi

đua nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, xây dựng 3 công trình vệ sinh, phát triển chăn nuôi kết hợp với xây dựng hầm bể Biogas; Hội Phụ nữ với phong trào 5 không 5 sạch; Đoàn thanh niên tổ chức các Câu lạc bộ Thanh niên phát triển kinh tế tham gia XDNTM, Chương trình thấp sáng đường quê... Thực hiện tốt phong trào thi đua MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội các cấp đã góp phần quan trọng trong việc động viên, khích lệ, hỗ trợ đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng phong trào thi đua XDNTM.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành quan tâm công tác tổng kết phong trào thi đua hằng năm. Các cấp, các ngành bình xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua XDNTM. Chú trọng khen thưởng đột xuất những tập thể, cá nhân có sáng kiến, giải pháp hữu ích hoặc có đóng góp ủng hộ lớn về vật chất góp phần đẩy nhanh tiến độ XDNTM. Thực hiện tốt công tác tổng kết và thi đua khen thưởng là một nội dung quan trọng để tạo động lực, kịp thời động viên, khích lệ và tổng kết kinh nghiệm, nhân rộng mô hình, cách làm hay và điển hình tiên tiến góp phần thúc đẩy phong trào XDNTM phát triển sâu rộng và đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

Phong trào thi đua XDNTM đã đạt được những kết quả quan trọng góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” cũng đã khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, giảm nghèo và làm giàu hợp pháp ở từng địa phương. Phát huy vai trò của Nhân dân tích cực tham gia chung tay phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn, vận động các tập thể, cá nhân trong và ngoài tỉnh ủng hộ nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo làm mới, sửa chữa nhà ở. Phong trào lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội với không khí hăng hái thi đua, tạo đồng thuận cao góp phần hoàn thành mục tiêu XDNTM.

Quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua XDNTM giai đoạn 2010-2015 cho thấy Tỉnh đã triển khai đồng bộ, hệ thống và rộng khắp với cách làm hiệu quả, sát thực tiễn. Phong trào thi đua không chỉ huy động sức mạnh tổng hợp của HTCT và toàn xã hội, mà còn tạo ra động lực chính trị-xã hội to lớn để hoàn thành mục tiêu đề ra. Cách làm của tỉnh Tuyên Quang là minh chứng cho tính hiệu quả của việc khơi dậy và phát huy sức dân trong XDNTM.

2.3.3. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn

2.3.3.1. Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn

Phát triển hệ thống giao thông nông thôn là một tiêu chí quan trọng trong XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang. Giao thông thuận tiện góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang xác định xây dựng hệ thống giao thông là khâu đột phá, nhằm giải quyết nhu cầu bức thiết của người dân cũng như phục vụ cho mục tiêu phát triển KT-XH.

Nhằm tập trung lãnh đạo phát triển hệ thống giao thông nông thôn, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 09/5/2011, xác định mục tiêu đến 2015, “bê tông hóa trên 70% đường giao thông NT, 100% thôn, bản có đường ô tô” [116, tr.4]. Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 23/8/2011, xác định nhiệm vụ chủ yếu trong xây dựng hệ thống giao thông, trong đó “bê tông hóa trên 2.100 km đường giao thông nông thôn” [115, tr.3]. Bên cạnh đó, Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định mục tiêu có “50% số xã đạt tiêu chí về giao thông” [144, tr.10] và “giai đoạn 2012-2015: Nhựa hoá 282 km, bê tông hoá 100km đường trục xã, liên xã; cứng hoá 230 km đường trục thôn, liên thôn, 331 km đường ngõ xóm, 353 km đường nội đồng” [144, tr.12].

Để hoàn thành các mục tiêu trên, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành phải xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh phát triển

hệ thống giao thông giai đoạn 2011-2015, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH từ nay đến năm 2015. UBND tỉnh yêu cầu Sở Giao thông và các địa phương tập trung thực hiện tốt các giải pháp về quy hoạch tổng thể mạng lưới giao thông của tỉnh, nguồn vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng, tổ chức quản lý và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học và công nghệ, tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với công tác phát triển giao thông. Qua đó cho thấy, sự chỉ đạo toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, thể hiện tư duy tổng thể trong chỉ đạo phát triển hệ thống giao thông của UBND tỉnh Tuyên Quang. Đây là cơ sở để các cấp, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể triển khai thực hiện xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn.

UBND tỉnh tiếp tục triển khai Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, với mục đích là: “Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các Chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về NN, ND, NT; các quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh đối với nhiệm vụ phát triển giao thông nông thôn. Làm cơ sở cho các ngành, UBND các huyện, thành phố và các xã, phường, thôn bản chỉ đạo thực hiện các mục tiêu phát triển giao thông nông thôn; huy động các nguồn lực đầu tư đường bê tông nông thôn đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu đi lại của Nhân dân, góp phần phát triển KT-XH của các địa phương trong tỉnh” [141, tr.2].

Đề án nêu rõ quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các giải pháp chủ yếu, tập trung vào việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; kết hợp giữa đầu tư mới, nâng cấp và triển khai đồng bộ công tác quản lý, khai thác, bảo trì; nâng cao năng lực quản lý của nhà nước, trong quản lý, đầu tư phát triển giao thông nông thôn. Tỉnh cũng xác định bê tông hóa đường giao thông nông thôn là nhiệm vụ của cả HTCT và toàn xã hội.

Để tập trung chỉ đạo có hiệu quả, Tỉnh tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để học tập, quán triệt chủ trương và tập huấn cách làm cụ thể. Các cấp ủy

đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội từ cấp huyện đến xã, các thôn, xóm, bản xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để tổ chức chỉ đạo, thực hiện; tích cực tuyên truyền, vận động mọi thành phần kinh tế và Nhân dân tham gia phát triển giao thông nông thôn. Thành lập BCD cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng Ban, cấp huyện do Chủ tịch UBND làm trưởng Ban và cấp xã do Bí thư Đảng ủy làm trưởng Ban. UBND tỉnh chỉ đạo quy định rõ trách nhiệm của các sở ngành có liên quan, UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức đoàn thể theo chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Đề án.

Tiếp tục chỉ đạo sát sao quá trình thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn, Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (kỳ thứ 30), ngày 08/4/2013 chỉ rõ: giao “Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh, ban hành văn bản và tổ chức thực hiện” [123, tr.1] nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường từ trung tâm cấp huyện đến trung tâm cấp xã giai đoạn 2013-2015. Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/6/2013, đề ra mục tiêu: Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống đường giao thông từ trung tâm cấp huyện đến trung tâm cấp xã tạo sự gắn kết liên hoàn giữa các địa phương, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân; nâng cao năng lực vận tải phục vụ phát triển KT-XH, đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt. Phấn đấu đến năm 2015 hầu hết các tuyến đường từ trung tâm cấp huyện đến trung tâm cấp xã trên địa bàn toàn tỉnh được rải nhựa hoặc bê tông hóa đảm bảo hoàn thành 977km/977km [145, tr.2]. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành có liên quan, hàng năm bố trí nguồn vốn, quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, huy động, đóng góp khác thực hiện đầu tư phát triển giao thông nông thôn. Theo dõi, bám sát tiến độ các dự án đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện kế hoạch. Các huyện, thành phố tập trung giải quyết nhanh các nội dung liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và tổ chức quản lý chặt

chế nguồn vốn, chất lượng công trình đầu tư trên địa bàn. Các cơ quan đoàn thể của tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành có liên quan tăng cường công tác vận động Nhân dân thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 09/5/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh. Trên cơ sở đó, việc xây dựng hệ thống giao thông nông thôn được triển khai đồng bộ, phân rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo kế hoạch đề ra.

Để tạo cơ chế, chính sách và nguồn lực hỗ trợ cho xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, ngày 15 và 16/11/2010 BTV Tỉnh ủy họp và ban hành Kết luận số 01-KL/TU, ngày 17/11/2010, chỉ đạo: “Giao Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh tiếp thu ý kiến, rà soát lại toàn bộ số liệu hoàn chỉnh Đề án, trình HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ bê tông hóa giao thông nông thôn, ban hành các Văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện... Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, bảo đảm hiệu quả, dân chủ, công khai, chống thất thoát, lãng phí; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong quá trình thực hiện” [114, tr.2].

Trên cơ sở chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND, ngày 27/12/2010 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 13/12/2012, xác định kinh phí thực hiện bê tông hoá đường giao thông nông thôn bao gồm hỗ trợ của Nhà nước và Nhân dân tự nguyện đóng góp theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Trong đó Nhà nước hỗ trợ 100% xi măng; ống cống để xây dựng hệ thống thoát nước ngang (nếu có) và chi phí vận chuyển, bốc xếp xi măng và chi phí vận chuyển ống cống đến tổ Nhân dân, thôn, xóm, bản đã có đường ô tô.

Quá trình triển khai thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh về xây dựng hệ thống giao thông đã xuất hiện những cách làm hay, sáng tạo. Đó là: thực hiện phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm để huy động sức dân; hay

chủ động vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách của Trung ương và chủ động ban hành các chính sách hỗ trợ đặc thù phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tuyên Quang chính là nơi xuất phát phong trào “Xây dựng đường giao thông nông thôn” và thí điểm thành công cơ chế đầu tư đặc thù, trao quyền chủ động cho người dân thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Đây là cách làm sáng tạo của Tuyên Quang được Trung ương đánh giá cao và có nhiều địa phương đến thăm quan, học tập kinh nghiệm và áp dụng thực hiện. Đây cũng là cơ sở để Chính phủ nghiên cứu, ban hành Nghị định số 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Với những chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, nên đã huy động được sự vào cuộc của cả HTCT và sự tham gia nhiệt tình của toàn thể Nhân dân, trở thành phong trào rộng khắp toàn tỉnh. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội cơ sở đã vận động Nhân dân tham gia đóng góp kinh phí, ngày công để thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn. Trong quá trình thực hiện bê tông hóa đường giao thông nông thôn, Tỉnh đã huy động được nhiều tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương, việt kiều từ nước ngoài tham gia đóng góp ngày công, kinh phí, vật liệu xây dựng, hiến đất làm đường. Tổng kinh phí đầu tư cho chương trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn trong giai đoạn 2011-2015 đạt tới 1.319,5 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ 630,256 tỷ đồng, Nhân dân đóng góp 686,5 tỷ đồng, các doanh nghiệp, cá nhân và gia đình ủng hộ 2,78 tỷ đồng, tổng diện tích đất đã hiến để làm đường hơn 41.840m². Trong thực hiện làm đường bê tông nông thôn đã xuất hiện nhiều địa phương đi đầu và cán đích trước kế hoạch như: Xã Mỹ Bằng, Chân Sơn, Phúc Ninh (Yên Sơn); Ninh Lai, Minh Thanh, Hợp Hòa (Sơn Dương); Yên Nguyên (Chiêm Hóa), Phù Lưu (Hàm Yên), Thanh Tương (Na Hang), An Khang, Lưỡng Vượng (TP Tuyên Quang); Lãng Can (Lâm Bình)... Nhiều điển

hình tập thể và cá nhân tích cực, thi đua, tự nguyện hiến tặng đất để làm đường giao thông nông thôn như: Hộ ông Nguyễn Văn Đáng, thôn Ninh Hòa 2, xã Ninh Lai hiến 2.143m² đất; hộ ông Nguyễn Văn Ngụ, thôn Tân Trào, xã Hợp Hòa hiến 336 m² đất; hộ ông Ma Văn Viết, thôn Núi Độc, xã Hợp Hòa hiến 320 m² đất. Hộ ông Nguyễn Văn Cửu, thôn 3, xã Đội Cấn ở thành phố Tuyên Quang hiến 300m² đất...

Việc triển khai thực hiện Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn, Tỉnh luôn hoàn thành và vượt kế hoạch giai đoạn 2011-2015 đề ra. Đến năm 2015, toàn Tỉnh đã bê tông hoá trên 2.700 km đường giao thông nông thôn, vượt kế hoạch, hoàn thành sớm hơn 1 năm so với mục tiêu đề ra. Toàn tỉnh đã có 20 xã đạt tiêu chí về giao thông, tăng 19 xã so với năm 2011 (1 xã) [16, tr.6]. Hệ thống giao thông nông thôn được phát triển đồng bộ đã mang đến diện mạo mới, thúc đẩy phát triển KT-XH, tăng thu nhập, nâng cao đời sống, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Đây là dấu ấn nổi bật trong sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh về xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

2.3.3.2. Phát triển thủy lợi

Xác định thủy lợi có vai trò trọng yếu đối với sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ tỉnh đã quan tâm chỉ đạo tập trung vào xây dựng hệ thống thủy lợi, coi đây là một nội dung quan trọng trong XDNTM. Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng, ban hành các đề án về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi, thủy sản. Tỉnh ủy chỉ đạo BCS Đảng UBND tỉnh xây dựng cơ chế chính sách, định mức hỗ trợ XDNTM, tập trung “rà soát nội dung, định mức chi hỗ trợ đối với từng loại công trình bảo đảm hợp lý, nhất là bê tông hóa đường giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương” [122, tr.2]. Bám sát sự chỉ đạo của TƯ, tại Chương trình số 13-CTr/TU, ngày 30/5/2012 của BCH Đảng bộ tỉnh Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng (khóa XI), Tỉnh ủy chỉ đạo “tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển thủy lợi,...

Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các đập thủy lợi đầu mối, các tuyến kênh chính, các công trình kè chống xói lở bờ sông, bờ suối, bảo vệ khu dân cư” [118, tr.7].

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, đề tập trung vào nội dung trọng tâm là xây dựng hệ thống thủy lợi, UBND tỉnh xác định mục tiêu đến năm 2015 có “50% kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá. Trong những năm 2012-2015, cần làm mới 38 công trình; nâng cấp, sửa chữa 516 công trình; kiên cố hoá 390,7km kênh mương” [144, tr.12]. Trong xây dựng hạ tầng thủy lợi, tỉnh tập trung nguồn vốn để triển khai “kiên cố hoá kênh mương thủy lợi: Nhà nước hỗ trợ toàn bộ lượng xi măng cần thiết để xây, trát, láng và đổ bê tông kiên cố hoá hệ thống kênh mương công trình thủy lợi” [144, tr.22]. UBND tỉnh chỉ đạo Sở NN và Phát triển nông thôn tăng cường hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng và báo cáo tiến độ thực hiện xây dựng các công trình thủy lợi. Chỉ đạo các địa phương thực hiện đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Để tiếp tục hỗ trợ xây dựng hạ tầng KT-XH nông thôn giai đoạn 2013-2015, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012, trong đó “hỗ trợ 100% xi măng, tiền vận chuyển xi măng đến thôn, bản và hỗ trợ 20 triệu đồng/01 km kênh mương” [68, tr.3]. Trên cơ sở đó, các địa phương bám sát Nghị quyết và vận dụng, huy động nguồn lực để triển khai xây dựng và phát triển hệ thống thủy lợi ở thôn, xã.

Quá trình thực hiện, cấp huyện, cấp xã đã bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và điều kiện thực tiễn ở địa phương để triển khai xây dựng hệ thống thủy lợi, tập trung vào kênh mương nội đồng. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở đã tăng cường chỉ đạo, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đóng góp ngày công xây dựng các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương ở các thôn, xã.

Với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và cả HTCT, việc xây dựng kết cấu hạ tầng thủy lợi đã đạt được những kết quả nhất định góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, hoàn thành các mục tiêu XDNTM. Tỉnh đã huy động nguồn lực xây dựng các đập thủy lợi đầu mối, các tuyến kênh chính, các công trình kè chống xói lở bờ sông, bờ suối bảo vệ khu dân cư, tăng tỷ lệ tưới cho diện tích lúa và các vùng cây công nghiệp; hoàn thành dự án kè bảo vệ bờ sông Phó Đáy đoạn qua thị trấn Sơn Dương; xây dựng 4.220 m kè bảo vệ bờ sông Lô đoạn qua thành phố Tuyên Quang; duy tu, sửa chữa, nâng cấp 80 công trình thủy lợi, kiên cố hoá trên 145 km kênh mương, trên 12,7 km đê, kè sông suối. Xây dựng bản đồ ngập lụt ứng với các mức nước phục vụ công tác chỉ huy phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai khi có lũ trên hệ thống sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy. Trong 5 năm (2010-2015), tỉnh đã xây dựng tu sửa trên 140 công trình thủy lợi, kiên cố hoá 126,03 km kênh mương phục vụ tưới tiêu đảm bảo sản xuất. Đến 2015 tỉnh đã có 86 xã đạt tiêu chí về thủy lợi, tăng 61 xã so với năm 2011 (25 xã) [16, tr.7].

Kết quả thực hiện tiêu chí về xây dựng thủy lợi giai đoạn 2010-2015 cho thấy, sự chỉ đạo sát sao, hiệu quả của cấp ủy, chính quyền tỉnh Tuyên Quang. Hệ thống thủy lợi phát triển là yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí số 10 (về thu nhập) và tiêu chí số 13 (về tổ chức sản xuất) và các tiêu chí khác trong XDNTM. Đồng thời, góp phần phòng chống thiên tai, bảo vệ hạ tầng nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân nông thôn.

2.3.3.3. Phát triển hệ thống điện nông thôn

Điện có vai trò quan trọng trong phát triển SX và nâng cao đời sống Nhân dân, đặc biệt là khu vực NT. Vì vậy, lãnh đạo hoàn thành tiêu chí về điện là nội dung cần kíp trong XDNTM. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định mục tiêu đến năm 2015 có “85% số hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn” [144, tr.10]. Giai

đoạn 2012-2015, ngành điện lực của tỉnh đã nâng cấp 50 trạm biến áp, xây mới 55 trạm; nâng cấp 252 km đường dây hạ thế, xây mới 186 km; xây mới 70 km đường dây 35 KV; nâng cấp hệ thống điện gia đình 19.500 hộ [144, tr.13].

Để hoàn thành mục tiêu của Đề án, UBND tỉnh chỉ đạo ngành điện lực tỉnh bám sát chỉ tiêu hằng năm triển khai thực hiện. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Để hoàn thành tiêu chí hạ tầng điện trong XDNTM, Tỉnh chỉ đạo tập trung đầu tư cho các xã điểm NTM để đảm bảo hoàn thành mục tiêu theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Đến năm 2015, hệ thống điện nông thôn được quan tâm đầu tư xây dựng, xây dựng mới cải tạo nâng cấp 205 trạm biến áp, 176 km đường dây trung áp, 768 km đường dây hạ áp. Vận động Nhân dân tự chỉnh trang cải tạo hệ thống điện gia đình đảm bảo an toàn sử dụng. Đến năm 2015 đã có 50 xã đạt tiêu chí tăng 47 xã so với năm 2011 (3 xã) [16, tr.7]. Đây là kết quả vượt bậc trong xây dựng hệ thống điện nông thôn đã góp phần hoàn thành tiêu chí số 4 trong XDNTM, thúc đẩy sản xuất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt cho cư dân nông thôn.

2.3.3.4. Xây dựng chợ nông thôn

Chợ nông thôn là nơi giao thương, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm và người dân mua sắm thuận tiện. Xây dựng chợ nông thôn là một mắt xích không thể thiếu trong quá trình thực hiện Chương trình MTQG XDNTM. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang, xác định mục tiêu đến năm 2015 có “trên 10% số xã có chợ nông thôn đạt chuẩn” [144, tr.10]. Giai đoạn 2012-2015: xây mới 4 chợ; nâng cấp, cải tạo 5 chợ [144, tr.14]. UBND tỉnh chỉ đạo cấp huyện, cấp xã tập trung nguồn lực hỗ trợ của tỉnh và điều kiện ở địa phương để đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo chợ đạt chuẩn. Ưu tiên đầu tư cho các xã trung tâm khu, cụm, các chợ đầu mối trước nhằm phục vụ tốt nhu cầu trao đổi hàng hoá, tiêu thụ nông sản của Nhân dân

nông thôn. Thực hiện tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí XDNTM, Tỉnh ưu tiên tập trung đầu tư xây dựng chợ cho các xã điểm NTM.

Để hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ cải tạo, nâng cấp chợ nông thôn “Quy mô: Diện tích quy hoạch chi tiết xây dựng từ 1.500 m² đến 3000 m². Mức hỗ trợ 50% dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/chợ” [68, tr.3].

Đến năm 2015, tỉnh đã huy động xã hội hóa, huy động nhiều nguồn vốn hợp pháp để đầu xây dựng, nâng cấp cải tạo 29 chợ nông thôn, đáp ứng nhu cầu giao thương buôn bán hàng hóa cho Nhân dân; 56 xã đạt tiêu chí tăng 51 xã so với năm 2011 (5 xã) [16, tr.7]. Việc xây dựng và nâng cấp hệ thống chợ nông thôn đã góp phần hoàn thành tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí XDNTM. Các chợ nông thôn được xây dựng, nâng cấp trở thành điểm giao thương, thúc đẩy kinh tế, nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn.

2.3.3.5. Xây dựng mạng lưới bưu chính-viễn thông

Xây dựng điểm bưu điện văn hóa xã không chỉ là một phần của chương trình XDNTM mà còn là một giải pháp quan trọng để nâng cao đời sống tinh thần và văn hóa của người dân nông thôn. Tỉnh xác định mục tiêu đến năm 2015 có “100% số xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông; 30% số thôn có internet” [144, tr.11]. Giai đoạn 2012-2015: nâng cấp 50 điểm bưu điện văn hóa xã, xây dựng hạ tầng đảm bảo kết nối Internet đến 368 thôn bản [144, tr.15].

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh Tuyên Quang đã tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống bưu điện trung tâm xã; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng viễn thông Internet, sóng di động phục vụ Nhân dân. Kết quả, đến năm 2015, 100% xã đã có Điểm bưu điện văn hóa xã, một số xã đã có điểm truy cập Internet công cộng; các xã đã được phủ sóng điện thoại di động. Hầu hết người dân khu vực nông thôn được sử dụng các dịch vụ bưu chính viễn thông thuận tiện, 129/129 xã đạt tiêu chí tăng 121 xã so với năm 2011 (8 xã)

[16, tr.7]. Đây là một bước tiến vượt bậc trong xây dựng hạ tầng viễn thông, hoàn thành tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí NTM, góp phần tăng cường tiếp cận thông tin, nâng cao dân trí nông thôn, hỗ trợ quản lý và điều hành NTM ở cơ sở, mở rộng không gian văn hóa và xây dựng đời sống mới ở nông thôn.

2.3.4. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn

2.3.4.1. Đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ có hiệu quả ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá

Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm điều kiện thực tiễn địa phương, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân là một nội dung cốt lõi trong XDNTM. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND và các cấp, các ngành của tỉnh đã triển khai các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa.

Trong những năm 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang tập trung chỉ đạo ngành nông nghiệp thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định các nội dung nhằm củng cố, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả trong nông thôn: Trọng tâm là tạo môi trường kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, tạo chuỗi giá trị hàng hóa có chất lượng, giá trị, thương hiệu và sản xuất ổn định, bền vững. Củng cố, nâng cao hoạt động của các HTX nông nghiệp hiện có, phát triển đa dạng các loại hình HTX mới trong sản xuất kinh doanh như: HTX chăn nuôi gia súc, thủy sản, sản xuất rau an toàn; HTX chế biến nông lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ... Tổ chức, hướng dẫn hộ nông dân hợp tác, liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, khoa học để được hỗ trợ về vốn, tư vấn về kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ nông sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Củng cố, đổi mới hình thức hoạt động của 100

HTX trung bình, yếu kém, hoạt động chưa hiệu quả để phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển kinh tế trang trại của địa phương. Tỉnh định hướng đến năm 2030, phát triển khoảng 200 trang trại về chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, cây ăn quả và trang trại tổng hợp, trong đó giai đoạn 2012-2020 phát triển 100 trang trại [144, tr.16].

Tỉnh Tuyên Quang tập trung thực hiện các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Xây dựng Quy hoạch sử dụng đất lúa, phát triển trồng trọt, phát triển chăn nuôi; điều chỉnh Quy hoạch phát triển thủy sản, thủy lợi, phát triển lâm nghiệp và cơ cấu lại 3 loại rừng. Ban hành chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn thuộc Chương trình MTQG XDNTM, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực, gồm: cam, chè đặc sản, mía, trâu, cá; ban hành chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn, chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, chính sách hỗ trợ giống sản xuất vụ đông trên chân ruộng 02 vụ lúa và hỗ trợ vắc xin và tiền công tiêm phòng cho đàn gia súc...

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất đã góp phần thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh. Tỉnh luôn quan tâm đẩy mạnh ứng dụng khoa học-kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, như: Sử dụng phân viên nén NPK trong canh tác lúa; trồng ngô mật độ cao, ngô biến đổi gen; trồng rau, chè an toàn theo hướng Viet GAP.... Thực hiện nạc hoá đàn lợn, nhập lợn đực ngoại thuần để sản xuất lợn thịt thương phẩm. Ứng dụng phương pháp sản xuất giống cá lăng chấm, cá chiên, cá dầm xanh, anh vũ bằng sinh sản nhân tạo; nhân giống cam sạch bệnh bằng phương pháp ghép vi đỉnh sinh trưởng. Nghiên cứu, tuyển chọn giống bưởi Xuân Vân; cam sành không hạt; chè chất lượng cao; phục tráng giống lúa đặc sản; ứng

dụng khoa học công nghệ tưới chủ động cho sản xuất mía... đã thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đối với sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Việc ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đã giải phóng được sức lao động thủ công của con người trong các khâu nặng nhọc như: làm đất, thu hoạch, vận chuyển, giúp người dân đảm bảo thời vụ, tăng hệ số sử dụng đất, mở rộng được diện tích đất canh tác, đáp ứng được nhu cầu sản xuất quy mô lớn; tiết kiệm được giống, phân bón, cải thiện chất lượng nông sản, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, góp phần quan trọng nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế trên cùng đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân khu vực nông thôn.

Chủ trương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; bảo tồn, phát triển làng nghề thực hiện trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đem lại hiệu quả trong việc thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, hình thành các HTX; tổ sản xuất; nhóm hộ và các làng làm nghề, từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; tạo việc làm và tăng thu nhập cho các hộ nông dân, từng bước thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo bền vững. Năm 2015 toàn tỉnh có 168 HTX nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng 13 HTX so với năm 2010, các HTX đã cơ bản được củng cố, chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo Luật HTX năm 2012; năm 2014, có 28,3% HTX xếp loại hoạt động từ khá trở lên.

Tỉnh thực hiện sắp xếp, đổi mới các lâm trường quốc doanh; thành lập các ban quản lý rừng; củng cố, chuyển đổi, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp; thực hiện quy hoạch lĩnh vực ngành, quy hoạch vùng sản xuất nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản; thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển

nông thôn; đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới chắc cho trên 80% diện tích gieo trồng.

Về trồng trọt: UBND tỉnh xây dựng và phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất lúa; Quy hoạch trồng trọt đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía đường. Tỉnh đang triển khai thực hiện “Đề án phát triển vùng sản xuất cam sành tỉnh Tuyên Quang”. Năm 2015, diện tích chè toàn tỉnh 8.650 ha, sản lượng búp tươi trên 63 nghìn tấn; diện tích mía nguyên liệu 11.722 ha, sản lượng đạt trên 708 nghìn tấn; diện tích lạc 4.270 ha, sản lượng đạt trên 11 nghìn tấn; diện tích Cam 5.411 ha, diện tích cho thu hoạch 3.366 ha, hình thành các vùng sản xuất tập trung như: vùng cam sành Hàm Yên, Chiêm Hóa, vùng Lạc Chiêm Hóa, Lâm Bình; xây dựng thành công một số mô hình sản xuất theo quy trình Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP), sản phẩm đã được người tiêu dùng tiếp nhận và đánh giá cao, giá trị tăng 12-15 % [16, tr.8].

Về chăn nuôi: Xây dựng và phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Chăn nuôi có những chuyển dịch rõ rệt từ tự cung, tự cấp sang chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng quy mô lớn từ 200 đến 400 con lợn nái ngoại, 500-700 lợn thịt/lứa; chăn nuôi gia cầm với quy mô từ 1.000-3.000 con, thời gian luân chuyển đàn ngắn (đặc biệt rõ nét trong chăn nuôi lợn), đưa sản lượng thịt hơi năm 2014 đạt 55 nghìn tấn; duy trì và phát triển đàn bò sữa với quy mô phù hợp, sản lượng sữa tươi năm 2014 đạt trên 12.300 tấn [16, tr.8].

Về thủy sản: Hoàn thành Quy hoạch phát triển thủy sản đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Hình thành và phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông, hồ theo hướng sản xuất hàng hóa đã góp phần đưa sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Bước đầu sản xuất thành công một số giống cá đặc sản bằng phương pháp nhân tạo như: cá Lăng Chấm, cá Chiên, cá Dầm Xanh. Sản lượng thủy sản năm 2015 đạt 7.100 tấn, tăng trưởng bình quân 11,9%/năm [42, tr.53].

Về lâm nghiệp: Với việc xác định kinh tế lâm nghiệp là thế mạnh, tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế lâm nghiệp. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND, ngày 31/12/2011, triển khai thực hiện Kết luận số 30-KL/TU, ngày 02/8/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XV), đặt ra nhiệm vụ chung, trong đó: “Giá trị sản xuất lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015: 1.922.909 triệu đồng. Quản lý bảo vệ 2.112.557 lượt ha rừng, bình quân 422.511,4 ha/năm. Khoanh nuôi, tái sinh 7.400 ha rừng tự nhiên (phòng hộ, đặc dụng). Trồng rừng mới 80.500 ha, trong đó trồng 78.000 ha rừng tập trung (trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 5.500 ha; rừng sản xuất 72.500ha); trồng cây phân tán (quy diện tích) 2.500 ha. Duy trì, nâng cao chất lượng độ che phủ của rừng đạt trên 60%. Khai thác 29.230 ha rừng trồng sản xuất, sản lượng gỗ 2.668.000 m³; 106.400 tấn tre nứa các loại. Sản phẩm chế biến: Giấy và bột giấy 663.200 tấn; các sản phẩm gỗ chế biến 30.000 m³” [139, tr.2].

Tập trung hoàn thành quy hoạch phát triển lâm nghiệp; quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho các nhà máy, cơ sở chế biến lâm sản trên địa bàn tỉnh; triển khai giao rừng trồng gắn với giao đất lâm nghiệp theo quy hoạch. Tỉnh đã hoàn thành và phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2011-2020, cơ cấu 3 loại rừng hợp lý; trong đó, tăng diện tích rừng sản xuất (diện tích rừng tự nhiên sản xuất 112.958,37 ha; rừng trồng sản xuất 129.231,37 ha), tăng cường áp dụng các giống cây lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao (keo lai mô), thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho các công ty lâm nghiệp, khai thác rừng trồng hợp lý, thu hút phát triển mạnh công nghiệp chế biến gỗ rừng trồng, xuất khẩu đồ mộc chế biến từ gỗ rừng trồng, độ che phủ rừng luôn duy trì trên 60%; hoàn thành Quy hoạch các vùng sản xuất nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản; Quy hoạch, bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020. Trong những năm 2011-2015, trồng rừng tập

trung toàn tỉnh đạt trên 70.900 ha, khai thác, chế biến gỗ và lâm sản ước đạt 1.4 triệu m³. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, diện tích đất có rừng luôn tăng, năm sau cao hơn năm trước [16, tr.9].

Trong những năm 2010-2015, kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá, an ninh lương thực được đảm bảo, sản lượng lương thực đạt trên 33 vạn tấn/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp (theo giá cố định năm 1994), tăng bình quân 5,8%/năm (tăng trên 4% theo giá so sánh năm 2010) [16, tr.8], vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội XV đề ra. Đến năm 2015, có 68 xã đạt tiêu chí Hình thức tổ chức sản xuất (tăng 45 xã so với năm 2011) [16, tr.9-10]. Sản xuất từng bước chuyển dịch theo hướng hàng hóa, tạo ra các vùng chuyên canh cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; hình thành và phát triển ổn định một số vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa như: Cam, chè, mía, lạc, gỗ nguyên liệu...; phát triển được một số vùng sản xuất cây ăn quả đặc sản, một số sản phẩm sản xuất và chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được nhãn hiệu, trong đó, cam sành Hàm Yên, Bưởi Yên Sơn đã trở thành thương hiệu và chiếm lĩnh thị phần trên thị trường tiêu thụ.

Sự phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản trong những năm 2010-2015 là kết quả của vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự năng động của doanh nghiệp và sự hưởng ứng tích cực của người dân. Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; năng suất, chất lượng sản phẩm một số cây trồng, vật nuôi và thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp còn thấp; việc quảng bá xây dựng thương hiệu sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh còn chậm; thành phần kinh tế HTX hoạt động còn kém hiệu quả.

2.3.4.2. Phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn

Để thúc đẩy sản xuất phát triển, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã cụ thể hóa quy định của Trung ương, chỉ đạo UBND, HĐND, các cơ quan, ban, ngành bám sát thực tiễn địa phương; xây dựng, ban hành các đề án về Điều chỉnh, bổ

sung quy hoạch phát triển thủy lợi, thủy sản, quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, quy hoạch sử dụng đất lúa, quy hoạch phát triển chăn nuôi...

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 16/12/2011, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết trong lĩnh vực phát triển nông, lâm nghiệp, tiêu biểu như: Nghị quyết số 40/2011/NQ-HĐND, ngày 16/12/2011 về việc sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND, ngày 23/7/2009 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 13/12/2012; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 18/7/2013. Các nghị quyết trên đã góp phần tạo cơ chế, chính sách thúc đẩy sản xuất phát triển.

Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách của Trung ương và biện pháp của tỉnh liên quan đến XDNTM. Cụ thể:

Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại: Tổng nhu cầu đăng ký vay vốn của các trang trại trên địa bàn tỉnh là 77.950 triệu đồng/164 trang trại. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã thực hiện giải ngân được 25.800 triệu đồng/76 trang trại. Tập trung chủ yếu cho các trang trại chăn nuôi lợn và trang trại trồng cam. Kinh tế trang trại đã có bước phát triển mạnh cả về số lượng, quy mô và giá trị sản phẩm hàng hóa, đã góp phần tích cực đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, dần đưa sản xuất nông nghiệp từ sản xuất nhỏ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hoá tập trung với quy mô lớn hơn và gắn với thị trường tiêu thụ, mở ra hướng làm giàu cho nông dân. Toàn tỉnh có 292 trang trại, tăng 250 trang trại so với năm 2011 (42 trang trại) [16, tr.9].

Chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi: Tổng nhu cầu đăng ký vay vốn là 304.850 triệu đồng. Đến năm 2015, đã thực hiện giải ngân được trên 53.969 triệu đồng (giải ngân cho 825 hộ chăn nuôi trâu sinh sản với 1.856 con; 125 trâu đực giống; Phát triển thêm 84 lồng cá đặc sản; thâm canh trên 132 ha cam).

Chính sách hỗ trợ hội viên hội nông dân lãi suất vay vốn để phát triển chăn nuôi (trâu, bò, lợn) có kết hợp xây hầm Biogas bằng vật liệu nhựa Composite: vận động Nhân dân xây dựng lắp đặt 3.982 hầm Biogas, đồng thời đã giải ngân được 70,74 tỷ đồng vốn vay để phát triển chăn nuôi trâu, bò, lợn nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân.

Để nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần phát triển sản xuất, Tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các HTX, cơ sở sản xuất thực hiện công tác tiếp cận thị trường, xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chất lượng, quảng bá sản phẩm để tạo giá trị gia tăng sản phẩm nông sản của nông dân, tạo hiệu quả kinh tế cho HTX, cơ sở sản xuất và hộ nông dân trong sản xuất nông lâm nghiệp. Tỉnh thực hiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm và cấp mã số mã vạch cho 26 sản phẩm, trong đó, có 13 nhãn hiệu được cấp giấy chứng nhận.

UBND tỉnh chỉ đạo các xã tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương bằng các mô hình liên kết “4 nhà” (Cam sành Hàm Yên; chè Vĩnh Tân, Gạo đặc sản xã Tân Trào; Mật ong Phong Thổ xã An Khang; chè Bát tiên xã Mỹ Bằng; Gạo chất lượng cao xã Kim Phú; rượu chuối xã Kim Bình...) giá trị sản phẩm được nâng lên gấp 2-3 lần so với khi chưa thực hiện liên kết sản xuất.

Hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân để nâng cao chất lượng, năng suất sản phẩm nông nghiệp. UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: Mô hình trồng cây rau màu vụ đông theo hướng sản xuất hàng hóa, mô hình canh tác lúa cải tiến SRI, gieo sạ lúa bằng giàn kéo tay, cơ giới hóa trong khâu làm đất; trồng trọt, chăn nuôi an toàn theo quy trình VietGap... Quá trình triển khai thực hiện các đề án, dự án, mô hình đã tạo ra sự chuyển biến tích cực về sản xuất hàng hóa tập trung, quy

mô lớn hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như cam, chè, mía, cây nguyên liệu giấy... gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong công tác tuyên truyền vận động Nhân dân phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Thông qua Chương trình phối hợp giữa UBND tỉnh với Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội để vận động Nhân dân thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch liên tịch số 18-KH/MTTQ-ĐT ngày 10/11/2009 của Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh phát động phong trào thi đua vận động Nhân dân giữ gìn vệ sinh bảo vệ môi trường, tận dụng đất đai tăng gia sản xuất; xây dựng khu dân cư thực hiện hài hoà xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường. MTTQ chủ trì thực hiện tốt Cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" được các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh tiếp tục hưởng ứng thực hiện, đã huy động được sức mạnh của cả cộng đồng, họ tộc tham gia và khơi dậy được ý chí vươn lên của chính các hộ nghèo. MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tích cực vận động Nhân dân thực hiện chương trình xuất khẩu lao động của tỉnh; tín chấp giúp hàng vạn lượt hộ nghèo vay vốn, vật tư, phổ biến kinh nghiệm sản xuất và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật; giúp đỡ hàng triệu ngày công lao động để người nghèo cải thiện điều kiện sản xuất, học tập và chữa bệnh...

Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh 1994) bình quân trên 5,7%/năm, vượt mục tiêu đề ra (4,1%/năm), trong đó: Ngành nông nghiệp tăng 3,79%/năm, ngành lâm nghiệp tăng 12,48%/năm, thủy sản tăng 13,83%/năm, đều vượt mục tiêu đề ra [69, tr.51]. Sản xuất gia năng, kinh tế nông thôn có sự chuyển biến, góp phần quan trọng nâng cao thu nhập cho nông dân và thực hiện tiêu chí giảm nghèo trong XDNTM. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành, địa phương đã quan tâm đẩy mạnh công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân. Chính sách giảm nghèo gắn với XDNTM theo hướng bền vững được cấp

ủy, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể các cấp tập trung chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện hiệu quả; huy động các nguồn lực hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng các xã nghèo, xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh và các huyện, thành phố đều giảm, đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch giai đoạn và hàng năm đề ra, cụ thể: Năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo còn 9,7%, giảm bình quân 5 %/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra [43, tr. 62]. Tiêu biểu là ở huyện nghèo Lâm Bình, tỷ lệ hộ nghèo từ 71,16% đầu năm 2011 giảm xuống còn 37,6% năm 2015, bình quân giảm 6,71%/ năm. Qua đó cho thấy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh kinh tế nông thôn những năm 2010-2015 có sự chuyển biến hình thành các hình thức sản xuất mới, sản xuất phát triển, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, hoàn thành các chỉ tiêu về thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất trong XDNTM.

Việc thực hiện các tiêu chí giảm nghèo trong XDNTM gắn liền với xây dựng nhà ở dân cư, xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định mục tiêu đến năm 2015 có “100% số xã không còn nhà tạm, 60% số hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn” [144, tr.11]. Giai đoạn 2012-2015: vận động Nhân dân nâng xây dựng mới (thay thế nhà tạm, dột nát) 27.212 nhà; nâng cấp cải tạo 15.500 nhà bán kiên cố [144, tr.15]. Tính đến năm 2015, công tác xóa nhà tạm dột nát được các cấp các ngành quan tâm thực hiện, cùng với các Chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn trong những năm qua đã giúp đỡ xóa nhà tạm dột nát cho nhiều hộ gia đình. Đến năm 2015 có 19 xã đạt tiêu chí, tăng 17 xã so với năm 2011 (2 xã) [16, tr.7]. Xóa nhà tạm, dột nát là nội dung trọng tâm của tỉnh Tuyên Quang để thực hiện tiêu chí số 9 trong XDNTM. Kết quả trên thể hiện sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền với những giải pháp hiệu quả để chăm lo và nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn. Tuy nhiên, kết quả công tác giảm nghèo chưa bền vững, đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.3.5. Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường nông thôn

2.3.5.1. Về giáo dục

Thực hiện tiêu chí về giáo dục trong XDNTM là một yếu tố quan trọng và không thể thiếu trong công việc nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững ở nông thôn. Giáo dục không chỉ là nền tảng giúp nâng cao trình độ dân trí, mà còn là yếu tố quyết định để cung cấp quá trình chuyển đổi cơ sở kinh tế, cải thiện thu nhập và phát triển toàn diện các mặt kinh tế, xã hội trong cộng đồng nông thôn. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang, xác định mục tiêu đến năm 2015 có “30% trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia” [144, tr.10]. Về tiêu chí giáo dục đề án nêu rõ “tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG về giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM. Duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở” [144, tr.16].

Với đặc thù của tỉnh miền núi, điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn, nhưng Tuyên Quang đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp hệ thống trường học để phát triển giáo dục đào tạo. Trong những năm 2010-2015 hệ thống cơ sở vật chất trường học các cấp từng bước được xây dựng đạt chuẩn; xây dựng trên 700 phòng học, một số hạng mục phụ trợ của trường học. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trường học cho 7 xã điểm XDNTM. Đến năm 2015, toàn tỉnh đã có 23 xã đạt tiêu chí về trường học, tăng 23 xã so với năm 2011 (0 xã) [16, tr.7].

Trên cơ sở xác định phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong 4 nhiệm vụ đột phá của tỉnh giai đoạn 2010-2015, ngày 13/5/2011, Tỉnh ủy Tuyên Quang ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, xác định mục tiêu cụ thể đối với công tác giáo dục-đào tạo là: Đến năm 2015, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 40%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 99% và trung học phổ thông đạt 67%; duy trì 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở. Đến năm 2020: Tỷ lệ huy động trẻ trong

độ tuổi đi nhà trẻ đạt 50%: tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đi mẫu giáo đạt 100%. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi: Tiểu học 100%; trung học cơ sở 99% và trung học phổ thông 70%”, đồng thời xác định giải pháp để thực hiện. Cụ thể hóa Nghị quyết số 02 của BCH Đảng bộ tỉnh, ngày 17/6/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TU, về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nhằm tạo nền tảng lâu dài, bền vững để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. UBND tỉnh xây dựng, ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. HĐND tỉnh ban hành 03 nghị quyết về cơ chế, chính sách để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

Chỉ đạo thực hiện tiêu chí về giáo dục trong XDNTM, Tỉnh luôn quan tâm thực hiện phát triển giáo dục mầm non gắn với phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn. Cụ thể hóa quan điểm và chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TU, ngày 17/6/2012 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và Kế hoạch số 37-KH/TU, ngày 09/7/2012 về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị, xác định rõ mục đích: “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo, đặc biệt là công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn. Thực hiện công tác phổ cập giáo dục thực sự hiệu quả, vững chắc góp phần nâng cao dân trí, đảm bảo công bằng trong giáo dục, tạo nền tảng vững chắc và lâu dài để phát triển nguồn nhân lực của tỉnh” [119, tr.1-2].

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra mục tiêu đến năm 2015: “Đến hết tháng 5 năm 2013 hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên

địa bàn toàn tỉnh; trên 99% số trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo. 100% xã, phường, thị trấn duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 1; huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn vững chắc phổ cập giáo dục trung học cơ sở; mở các lớp xóa mù chữ cho người lớn từ độ tuổi 36 đến hết tuổi lao động” [119, tr.3].

Sau một năm rưỡi thực hiện nghị quyết 36-NQ/TU, ngày 17/6/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tỉnh đã thực hiện thành công chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tuyên Quang là tỉnh thứ 7 trong cả nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi với 100 xã, phường, thị trấn thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 100% xã, phường, thị trấn duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo thực hiện tiêu chí về giáo dục trong XDNTM là nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp của người dân nông thôn. Thực hiện tiêu chí về giáo dục đào tạo trong XDNTM, đào tạo nghề là rất quan trọng để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định: “Khuyến khích lao động nông thôn tham gia đào tạo nghề; thúc đẩy đưa công nghiệp, dịch vụ thương mại vào nông thôn để giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn cần đào tạo nghề cho 119.400 lao động; giai đoạn 2012-2015 đào tạo 57.700 lao động” [144, tr.16].

Để phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm thực hiện Chương trình MTQG XDNTM, UBND tỉnh xây dựng và ban hành Đề án xác định mục tiêu: “Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Gắn đào tạo, giải quyết việc làm với tăng thu nhập, cải thiện đời sống của

Nhân dân, nhất là lao động khu vực nông thôn. Đa dạng hóa các loại hình dạy nghề, gắn các Trung tâm, từ các dự án khuyến công, khuyến nông của Tỉnh. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý, điều hành KT-XH và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh năm 2015 đạt 27%, năm 2020 đạt 37%” [140, tr.2].

Quá trình triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả quan trọng: từ năm 2010 đến năm 2015, Tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho trên 36.000 lao động, góp phần nâng tỷ lệ đào tạo từ 30,45% năm 2010 lên 45,8% năm 2015, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng từ 17,2% lên 27,5%. Đến năm 2015 toàn tỉnh có 126/129 xã đạt tiêu chí về tỷ lệ lao động qua đào tạo [16, tr.10].

Sau 05 năm triển khai thực hiện Chương trình, sự nghiệp giáo dục và đào tạo ở các xã được từng bước phát triển, cơ sở vật chất giáo dục tiếp tục được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa. Đến năm 2015, có 126/129 xã đạt chuẩn về giáo dục, tăng 121 xã so với năm 2011 (5 xã) [16, tr.10]. Giai đoạn 2010-2015, Tỉnh đã tập trung thực hiện tốt tiêu chí về giáo dục trong XDNTM, trọng tâm là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiếp tục củng cố, giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Là một tỉnh miền núi, dân cư chủ yếu sống ở khu vực nông thôn; một bộ phận tương đối lớn sống ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn nên chất lượng giáo dục đào tạo trên phạm vi toàn tỉnh đã góp phần quan trọng giúp nâng cao dân trí ở khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, việc thực hiện tiêu chí về giáo dục còn một số hạn chế như: Chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia chưa đạt kế hoạch; đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu của xã hội.

2.3.5.2. Về y tế

Thực hiện tốt tiêu chí y tế đóng vai trò quan trọng trong việc XDNTM. Đó không chỉ là một tiêu chí để đánh giá mức độ phát triển của một vùng nông thôn mà còn là yếu tố quyết định đến chất lượng cuộc sống, sức khỏe và hạnh phúc của người dân.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân luôn được các cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành và các cơ quan, đơn vị coi trọng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và quy mô giường bệnh của các bệnh viện đã được củng cố, nâng cấp và phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân. Đầu tư nâng quy mô một số bệnh viện, với 05 bệnh viện tuyến tỉnh, 9 bệnh viện đa khoa huyện và 13 phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc bệnh viện huyện với 1.505 giường bệnh. Từng bước tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, đạt tỷ lệ 22 giường bệnh/10.000 dân [43, tr.61], cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân.

Để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, Tỉnh đã chú trọng thu hút cán bộ y tế giỏi và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ y tế. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 3.810 cán bộ, viên chức, nhân viên trong ngành y tế; trong đó có 24 bác sĩ chuyên khoa II, 180 thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa I; số lượng bác sĩ đảm bảo có 7,5 bác sĩ/10.000 dân [43, tr.61]. UBND tỉnh chỉ đạo ngành y tế tích cực triển khai ứng dụng các kỹ thuật cao trong chẩn đoán và điều trị tại các cơ sở y tế, vì vậy chất lượng khám, chữa bệnh từng bước nâng lên.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lãnh đạo ngành y tế thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác phòng, chống dịch bệnh được quan tâm, tạo chuyển biến về ý thức giữ gìn vệ sinh và phòng bệnh trong cộng đồng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cộng đồng được thực hiện thường xuyên, thông tin đầy đủ và kịp thời về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực

y tế để Nhân dân hiểu và nhận thức đúng các hoạt động về chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Các loại hình khám, chữa bệnh phát triển đa dạng, xã hội hóa lĩnh vực y tế đạt kết quả bước đầu; thực hiện kịp thời các chính sách y tế đối với người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế từ 87% năm 2011, tăng lên 92% vào năm 2015 [43, tr.61].

Các Chương trình MTQG về y tế đã được triển khai có hiệu quả. Một số bệnh dịch đã được khống chế, đẩy lùi như: sốt rét, sốt xuất huyết, tiêu chảy cấp, cúm A/H5N1. Ngành y tế tỉnh đã loại trừ bệnh phong và được Bộ Y tế ra quyết định công nhận. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em được chú trọng. Hằng năm, trên 98% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin phòng bệnh, từ đó khống chế, loại trừ một số dịch bệnh nguy hiểm như ho gà, bại liệt, uốn ván sơ sinh; tỷ lệ bướu cổ trẻ em từ 8 đến 10 tuổi giảm xuống dưới 5%, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm còn 17,1%, tỷ lệ mắc bệnh và tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi giảm hàng năm, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 7,7%, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 11,1 %.

Với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, hệ thống cơ sở vật chất về y tế phát triển toàn diện, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế ngày càng được nâng cao, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được thực hiện tốt. Đến năm 2015 có 70/129 xã đạt chuẩn Quốc gia (chuẩn mới) về y tế, tăng 57 xã so với năm 2011 (13 xã) [16, tr.11]. Kết quả trên cho thấy sự hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền tỉnh Tuyên Quang, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống cho cư dân nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả XDNTM. Tuy nhiên, chất lượng khám, chữa bệnh có mặt chưa đáp ứng yêu cầu đã ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện tiêu chí về y tế trong XDNTM.

2.3.5.3. Về văn hóa-xã hội

Tiêu chí văn hóa-xã hội là một trong những yếu tố cốt lõi trong XDNTM, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo nên một cộng đồng

nông thôn văn minh, hiện đại. Để thực hiện tốt tiêu chí văn hóa trong XDNTM, tỉnh Tuyên Quang chủ trương quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, tập trung xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ở các xã, thôn đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Đến năm 2015, tỉnh đã thực hiện xây dựng mới, nâng cấp trên 330 công trình nhà văn hoá thôn bản, nhà văn hóa xã; trên 190 sân thể thao thôn và liên thôn. Đến năm 2015 toàn tỉnh có 10 xã đạt tiêu chí tăng 10 xã so với năm 2011 (0 xã) [16, tr.7].

Thực hiện Đề án phát triển văn hóa nông thôn đến năm 2015 định hướng đến năm 2020, ngày 23/3/2012, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND về thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 xác định mục tiêu đến năm 2015, “thu hút 25% trở lên số người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở; 30% nhà văn hóa và khu thể thao xã; 30% nhà văn hóa và khu thể thao thôn, bản đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trên 75% hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; trên 70% thôn, bản, tổ dân phố được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa”; 80% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 5% xã đạt chuẩn văn hóa NTM; 5% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” [143, tr.2-3].

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" diễn ra sôi nổi, liên tục, rộng khắp trở thành động lực mạnh mẽ, xây dựng những cá nhân, tập thể, gia đình, thôn, xóm, bản, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, thúc đẩy phát triển KT-XH, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” được các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội từ tỉnh đến cơ sở triển khai sâu rộng và đạt hiệu quả cao. Việc xây dựng nếp sống

văn hóa, gia đình văn hóa, thôn, bản văn hóa được thực hiện thường xuyên, chất lượng ngày càng được nâng cao. Các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư. Hoạt động văn hoá, thể dục-thể thao ở nông thôn diễn ra sôi nổi, góp phần từng bước nâng cao đời sống tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Các phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao phát triển mạnh cả về chất lượng và số lượng. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 2.635 tổ, đội văn nghệ; trong đó, 141 tổ, đội văn nghệ xã, phường, thị trấn, 2.494 tổ, đội văn nghệ thôn, bản, cơ quan, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh, văn hóa cộng đồng được chú trọng, chất lượng gia đình văn hóa, làng bản văn hóa từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần cho người dân nông thôn được cải thiện. Đến năm 2015, tỷ lệ hộ được công nhận gia đình văn hóa trên toàn tỉnh đạt trên 84,1% (năm 2011 đạt 82,6%); tỷ lệ làng bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 70,7% (năm 2011 đạt 63%); có 87/129 xã (tăng 72 xã so với năm 2011) đạt tiêu chí văn hóa, đạt 67,4% [16, tr.11].

Ngày 17/7/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU, các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chỉ đạo và tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, được Nhân dân đồng tình hưởng ứng. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân được đặc biệt chú trọng, nên đã thu được kết quả: Đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa đã bỏ hủ tục ép gả, thách cưới cao, tình trạng tảo hôn được ngăn chặn, việc tổ chức tang lễ được đưa vào quy ước để thực hiện đảm bảo phù hợp với truyền thống các dân tộc và đúng quy định của Nhà nước. Việc khôi phục, tổ chức lễ hội theo đúng quy định.

Thực hiện tiêu chí văn hóa trong XDNTM, Tỉnh đã khơi dậy và phát huy được những bản sắc tốt đẹp của truyền thống văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương; xây dựng đời sống văn hóa, văn minh ở nông thôn, bài trừ các hủ tục lạc hậu; thúc đẩy phong trào văn nghệ thể thao phát triển. Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng, đậm bản sắc dân tộc

cho cư dân nông thôn, góp phần hình thành nền văn hóa mới. Tuy nhiên, trong chỉ đạo thực hiện tiêu chí về văn hóa còn có hạn chế như: Xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở còn chậm; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, hoạt động lễ hội có nơi chưa nghiêm.

2.3.5.4. Về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Trong XDNTM, việc đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt sạch và hợp vệ sinh cho dân cư; bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái nông thôn là rất cần thiết. Để đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 352/QĐ-UBND, ngày 05/9/2007 và Quyết định số 49/QĐ-UBND, ngày 26/02/2010 của UBND tỉnh. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, các huyện, thành phố tập trung thực hiện tốt việc xử lý rác thải, chất thải từ sản xuất, chăn nuôi ở nông thôn. MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường nông thôn.

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường nên người dân nông thôn đã tích cực hưởng ứng các phong trào về vệ sinh môi trường, trồng và bảo vệ cây xanh, cải tạo vườn tạp, cải tạo công trình vệ sinh, chỉnh trang nhà cửa, vệ sinh thu gom và xử lý rác thải, góp phần tạo cảnh quan sạch đẹp. Toàn tỉnh đã xây dựng được trên 34 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; thực hiện hỗ trợ làm trên 3.319 công trình vệ sinh nông thôn (nhà tắm: 1.103 công trình, nhà tiêu: 1.171 công trình, chuồng trại chăn nuôi: 1.045 công trình); xây dựng gần 5.000 hầm biogas; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 70%. Đến năm 2015 có 10/129 xã (tăng 07 xã so với năm 2011) đạt tiêu chí về môi trường [16, tr.11]. Đó là những kết quả bước đầu cho thấy sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân nông thôn.

2.3.6. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Để thực hiện thành công Chương trình MTQG XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang xác định tổ chức cơ sở đảng có vai trò là hạt nhân chính trị, cùng với sự chỉ đạo điều hành quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc tích cực của hệ thống MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định mục tiêu “hàng năm có trên 85% Đảng bộ xã đạt "trong sạch, vững mạnh"; chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã đạt vững mạnh" [144, tr.11]. Do đó, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo HTCT ở cơ sở. Bên cạnh đó, Tỉnh cũng thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ từ tỉnh đến cơ sở, Tỉnh ủy đã chú trọng chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 14/4/2012, Hướng dẫn số 02-HD/TU ngày 16/4/2012 về kiểm điểm tự phê bình và phê bình, Hướng dẫn số 01-HD/TU ngày 02/12/2013 về kiểm điểm tự phê bình và phê bình gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng. Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng và ban hành Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU, ngày 02/5/2012 về một số nội dung sinh hoạt chi bộ trong các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, xây dựng tiêu chí, bảng điểm đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng đối với từng loại hình chi bộ, đảng bộ cơ sở. Để nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng ở khu vực nông thôn, Đảng bộ tỉnh đã chú trọng chỉ đạo các tổ chức đảng thực hiện tốt công tác phát triển đảng theo tinh

thần Nghị quyết số 56-NQ/TU ngày 17/6/2009 về đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của chi, đảng bộ cơ sở. Trong nhiệm kỳ 2010-2015, có 100% đảng bộ xã xây dựng và thực hiện tốt quy chế làm việc của cấp ủy.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, Tỉnh tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ XDNTM. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảm bảo cơ cấu hợp lý, quan tâm sử dụng cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cán bộ cấp xã để tổ chức thực hiện XDNTM. Đến năm 2015, tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ đào tạo chuyên môn từ Trung cấp trở lên đạt trên 90% (trong đó Đại học, Cao đẳng chiếm trên 33%), cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh đã đạt chuẩn về chuyên môn theo quy định hiện hành của Nhà nước [16, tr.11]. Đây là yếu tố quan trọng tạo thuận lợi cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở và góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện XDNTM.

Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, điều hành chính quyền cơ sở. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đảm bảo 100% xã thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 28/4/2009 về thực hiện thí điểm đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cấp xã. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, xóm, bản, tổ nhân dân. Chính quyền xã thường xuyên quan tâm, củng cố, kiện toàn, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, phó thôn, phát huy các hình thức tự quản của cộng đồng trên địa bàn dân cư ở nông thôn. Tỉnh cũng tập trung chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND xã; cải tiến việc chuẩn bị nội dung và điều hành các kỳ họp HĐND, nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết phù hợp với thực tiễn địa phương; tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, giám sát thực hiện nghị quyết của HĐND xã.

Phát huy vai trò MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM; thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động. Để phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Công văn số 2734-CV/TU ngày 26/6/2010, chỉ đạo các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở quán triệt, thực hiện hiệu quả Kết luận số 62-KL/TW ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội. Phát huy vai trò MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở trong việc tham gia và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; tham gia thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở.

Nhờ thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đã góp phần củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các chi, đảng bộ cơ sở; nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở; phát huy tốt vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội ở cơ sở. Sau gần 05 năm triển khai thực hiện chương trình, các xã đã tập trung chỉ đạo, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể trong HTCT ở cơ sở. Đến năm 2015, có 102/129 xã đạt tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh, tăng 10 xã so với năm 2011 (92 xã) [16, tr.11].

Lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục được xây dựng, củng cố về tổ chức, quân số. Công tác tuyển quân, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy rừng đảm bảo kế hoạch, chất lượng. Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc được duy trì thường xuyên, góp phần giải quyết có hiệu quả những phức tạp nảy sinh ở cơ sở, giữ vững an ninh chính trị; công tác phòng chống tội

phạm, tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cho Nhân dân được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống các loại tội phạm; gắn với trợ giúp pháp lý với phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến năm 2015 có 110/129 xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự xã hội [16, tr.11].

Bên cạnh đó, việc thực hiện tiêu chí về xây dựng HTCT cơ sở còn hạn chế: về an ninh, trật tự an toàn xã hội có nơi vẫn còn tiềm ẩn sự phức tạp; năng lực lãnh đạo của một số tổ chức đảng chưa đáp ứng yêu cầu; quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, địa bàn còn yếu; hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội có việc chưa đạt hiệu quả cao.

Kết luận chương 2

Quá trình thực hiện công cuộc đổi mới và đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành XDNTM là một tất yếu khách quan. Quán triệt chủ trương của Đảng vận dụng phù hợp với lợi thế về điều kiện tự nhiên, KT-XH; trong 5 năm (2010-2015) Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khai thác các lợi thế của địa phương đề ra hệ thống quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về XDNTM phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo UBND, HĐND các cấp, các ngành, tập trung thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ XDNTM, với bước đi và cách làm phù hợp. Quá trình XDNTM đã đạt được những kết quả quan trọng, nổi bật là công tác quy hoạch, bê tông hóa đường giao thông nông thôn là điển hình trong khu vực miền núi phía Bắc, xây dựng các thiết chế văn hóa, chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi... Do đó, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc; kinh tế nông nghiệp phát triển khá toàn diện cả về trồng trọt, chăn nuôi, phát triển rừng và thủy sản. Đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 10 xã được công nhận đạt tiêu chí NTM, tăng 03 xã so với mục tiêu đề ra; trung bình đạt 10,1 tiêu chí/xã, tăng 7,3 tiêu chí so với năm 2011. Kết quả XDNTM giai đoạn 2010-2015 đã góp phần thúc đẩy kinh tế Tuyên Quang tăng trưởng liên tục và đạt tốc độ tăng khá, quy mô nền kinh tế được mở rộng, đời sống Nhân dân trong tỉnh được nâng lên, hoàn thành mục tiêu đưa Tuyên Quang thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Bên cạnh đó, XDNTM ở Tuyên Quang còn hạn chế: Hầu hết nhà văn hóa còn thiếu các trang thiết bị cần thiết và chưa duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên; tỷ lệ hộ nghèo còn cao so với bình quân chung của cả nước, số hộ cận nghèo nhiều khả năng tái nghèo lớn; việc thực hiện tiêu chí về môi trường còn nhiều hạn chế,...

Những kết quả quan trọng đã được và tồn tại hạn chế là cơ sở giúp Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục khó khăn để thực hiện đầy mạnh XDNTM trong những năm tiếp theo.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2015-2020)

3.1. NHỮNG YẾU TỐ MỚI TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

3.1.1. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước

3.1.1.1. Tình hình thế giới và khu vực

Trong những năm 2015-2020, tình hình thế giới xuất hiện những yếu tố mới. Xu thế lớn vẫn là “hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển”, nhưng diễn biến phức tạp, khó đoán định hơn. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh, song cũng bị chi phối bởi xu thế dân túy, dân tộc và bảo hộ thương mại sẽ là lực cản đối với sự phát triển. Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; các nước lớn vẫn vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, song khía cạnh đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau trở nên gay gắt và phức tạp hơn, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, sau này là cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Công nghiệp 4.0), nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, đã tạo ra những thời cơ và thách thức đối với các nước trên thế giới. Tình hình chính trị-an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng,... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực. Những vấn đề toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp và nghiêm trọng hơn, đặc biệt là: an ninh phi truyền thống, an ninh mạng, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh COVID-19... Kinh tế thế giới phục hồi chậm sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, trước sự gia tăng cạnh tranh nước lớn, nhất là cạnh tranh Mỹ-Trung Quốc và sự xuất hiện của dịch bệnh COVID-19 làm cho kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài.

Khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có khu vực Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động. Bên cạnh đó, đây cũng là khu vực có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng nên đã có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra phức tạp, quyết liệt hơn. ASEAN tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

Tình hình thế giới và khu vực giai đoạn 2015-2020 tiếp tục duy trì những đặc điểm cơ bản như trong giai đoạn trước, nhưng được bổ sung những yếu tố mới tác động đến quá trình lãnh đạo của Đảng trong XDNTM. Cách mạng công nghiệp 4.0 đã mở ra cơ hội mới cho mô hình phát triển nông nghiệp, ứng dụng công nghệ số, tự động hóa... để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiện đại hóa chuỗi giá trị nông thôn. Xuất hiện mô hình nông thôn thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ thích ứng với biến đổi khí hậu. Mặc dù khó khăn những quá trình hợp tác, hội nhập vẫn đang tạo ra sự tham gia hợp tác, ký kết các hiệp định thương mại giúp mở ra cơ hội xuất khẩu nông sản, thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, diễn biến phức tạp của dịch bệnh và biến đổi khí hậu đang đe dọa đến các tiêu chí phát triển bền vững trong NTM. Xu hướng bảo hộ thương mại, cạnh tranh của các nước lớn khiến việc tiếp cận thị trường, mở rộng xuất khẩu nông sản gặp khó khăn và đầu tư ODA cho nông thôn bị hạn chế. Chiến tranh mạng có ảnh hưởng không nhỏ đến mất an toàn thông tin và hoạt động điều hành của nông thôn thông minh. Các yếu tố trên đòi hỏi Đảng phải đổi mới tư duy, kịp thời thích ứng, phản ứng kịp thời trong quá trình lãnh đạo XDNTM.

3.1.1.2. Tình hình trong nước

Sau gần 30 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao. Trong giai đoạn tới, Việt Nam tiếp tục hội nhập quốc tế với ngày càng sâu rộng hơn. Kinh tế từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó

khăn, thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn tồn tại và có mặt phức tạp hơn; khoảng cách giàu-nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Đặc điểm trên đã chi phối đến chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về mọi mặt của đời sống xã hội trong đó có lĩnh vực XDNTM.

Tuyên Quang sau 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, kinh tế của tỉnh luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá. Giai đoạn 1991-2020, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 8,26%, trong đó: Dịch vụ tăng 12,74%; công nghiệp-xây dựng tăng 8,41%; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,04% [18, tr. 30]. Quy mô nền kinh tế có bước phát triển khá, năm 1991 tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành là 432,608 tỷ đồng, đến năm 2020 đạt 34.624 tỷ đồng. GRDP bình quân đầu người của tỉnh năm 1991 đạt 0,723 triệu đồng/năm, đến năm 2020 đạt 44,57 triệu đồng/người/năm [18, tr. 31]. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Sản xuất công nghiệp, nông, lâm nghiệp, thủy sản, du lịch đều có sự tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được quan tâm đầu tư. Diện mạo đô thị, nông thôn ngày càng đổi mới. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm đều đạt và vượt dự toán được giao. Giáo dục-đào tạo phát triển khá toàn diện, quy mô được mở rộng từ mầm non tới đại học, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. An sinh xã hội, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm. Công tác giảm nghèo, an sinh, bảo trợ xã hội tiếp tục được quan tâm, và đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 3%/năm [44, tr.65]. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của Nhân dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Công tác xây dựng Đảng được triển khai tích cực, toàn diện, có nhiều chuyển biến tiến bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng chính quyền được chú trọng, tạo sự chuyển biến về hiệu quả quản lý, điều

hành. Tình hình chính trị-xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường; nền dân chủ XHCN được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường. Với sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân, Tuyên Quang từ một tỉnh nghèo, kém phát triển đã vươn lên trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc. Thành tựu 30 năm đổi mới đã tác động tích cực, tạo thuận lợi để nâng cao chất lượng XDNTM.

Bên cạnh đó, Tuyên Quang vẫn đang là một tỉnh còn nhiều khó khăn, sự phát triển của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển của giai đoạn mới. Kinh tế tăng trưởng còn chậm, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra còn chậm. Thu nhập bình quân đầu người so với mặt bằng chung cả nước còn thấp, đời sống Nhân dân, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Nguồn lực huy động chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu. Những hạn chế trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội chậm được khắc phục...

Những yếu tố mới của tình hình thế giới, trong nước và tỉnh Tuyên Quang có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ mới cần đẩy mạnh XDNTM. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang phải nhạy bén nắm bắt những lợi thế của thời đại, hạn chế những tác động tiêu cực và căn cứ vào đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương để đề ra chủ trương và sự chỉ đạo phù hợp góp phần hoàn thành mục tiêu đề ra.

3.1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới

3.1.2.1. Chủ trương của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là: “Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, chú trọng CNH, HĐH

nông nghiệp, nông thôn gắn với XDNTM” [52, tr.52]. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020, trong đó “Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, XDNTM và cải thiện đời sống của nông dân” [52, tr.281]. Trong sản xuất nông nghiệp, trước hết là đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; khai thác lợi thế, tập trung vào các sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao; tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị; khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý.

Đại hội chỉ rõ “tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình XDNTM. Phần đầu đến năm 2020 khoảng 40-50% số xã đạt chuẩn NTM” [52, tr.283]. Để thực hiện được nhiệm vụ trên cần phải rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chí XDNTM phù hợp với đặc thù của từng vùng, từng địa phương. Quy hoạch lại các điểm dân cư phân tán tại địa bàn miền núi, đồng bào dân tộc. Tập trung ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng KT-XH. Trong phát triển sản xuất cần khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Tập trung giải quyết tình trạng du canh, du cư, di cư tự do.

Để thúc đẩy phong trào XDNTM, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 15/12/2016. Trên cơ sở đánh giá ưu điểm, hạn chế và đề cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh" đạt kết quả, có sức lan toả rộng rãi, mang lại hiệu quả thiết thực, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng “quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước về thực hiện giảm nghèo bền vững, XDNTM, đô thị văn minh” [3, tr.1]. Yêu cầu MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tăng cường công tác tuyên truyền; đổi mới nội dung, phương thức chia sẻ thông tin, phối hợp hành động, xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản của khu dân cư; gắn các phong trào thi đua của tổ chức với việc thực hiện nội dung cuộc vận động; lắng nghe ý kiến, kịp thời phản ánh, tham mưu với cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp những nguyện vọng, đề xuất, sáng kiến của Nhân dân; sơ kết, tổng kết, phát hiện, nhân rộng, biểu dương, khen thưởng kịp thời, thoả đáng các điển hình trong thực hiện cuộc vận động, tạo sự lan toả rộng rãi trong cộng đồng, tạo động lực mạnh mẽ trong xã hội. Chỉ thị của Ban Bí thư đã góp phần thúc đẩy cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh” ở các địa phương, phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội trong XDNTM.

Tiếp đó, Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá X “Về NN, ND, NT” khẳng định “NN, ND, NT có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta” [26, tr.3]. Kết luận số 54-KL/TW nêu 06 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong đó, tập trung vào một số nội dung quan trọng là: Rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế...; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ, có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững. Quy hoạch và xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, các ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là các ngành nghề sử dụng nhiều lao động gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Đa dạng nguồn lực của Nhà nước và các thành phần kinh tế để xây dựng, duy tu,

bảo dưỡng các công trình hạ tầng thiết yếu, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, công trình phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, hệ thống hạ tầng thương mại ở nông thôn. Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả XDNTM, kịp thời nhân rộng cách làm hay, hiệu quả và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm những biểu hiện lệch lạc. Thực hiện XDNTM toàn diện, đi vào chiều sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn; hoàn thành và nâng cấp chất lượng các mục tiêu XDNTM đã đề ra tới năm 2020. Nghiên cứu, xây dựng Chương trình MTQG XDNTM gắn với đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn mới. Đánh giá hiệu quả các chương trình hỗ trợ người dân nông thôn, người nghèo, các đối tượng chính sách, đặc biệt là ở các vùng khó khăn. Triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường, sinh thái nông thôn. Kết luận số 54-KL/TW, ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị là định hướng quan trọng để các địa phương có giải pháp cụ thể khắc phục hạn chế, khó khăn và tiếp tục đẩy mạnh XDNTM hoàn thành mục tiêu đề ra.

Trong những năm 2015-2020, trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới, Đảng tiếp tục khẳng định XDNTM có vị trí chiến lược và là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, Đảng chủ trương đẩy mạnh quá trình XDNTM và đặt ra những mục tiêu cao hơn so với giai đoạn trước. Đó là cơ sở để Chính phủ và các bộ, ngành cụ thể hóa, bổ sung những quy định mới và các địa phương triển khai thực hiện.

3.1.2.2. Chính sách của Nhà nước

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 12/11/2015, QH đã thông qua Nghị quyết số 100/2015/QH13 phê duyệt Chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, xác định mục tiêu: “XDNTM để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng KT-XH phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội

nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh, trật tự được giữ vững. Cụ thể là đến năm 2020 số xã đạt tiêu chuẩn NTM khoảng 50%; không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí [94, tr.2].

Ngày 16/8/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2016-2020 (thay thế Quyết định số 800/QĐ-TTg). Chương trình MTQG về XDNTM giai đoạn 2016-2020, đề ra mục tiêu tổng quát là: “XDNTM để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng KT-XH phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững” [110, tr.3].

Mục tiêu cụ thể đến năm 2020, số xã đạt tiêu chuẩn NTM khoảng 50%, trong đó, riêng miền núi phía Bắc: 28,0%; bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã riêng miền núi phía Bắc đạt 13,8 tiêu chí/xã; cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn: giao thông, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế xã; nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn; tạo nhiều mô hình sản xuất gắn với việc làm ổn định cho Nhân dân, thu nhập tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2015. Chương trình đã đề ra 11 nội dung và 8 giải pháp để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, để nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình, ngày 10/11/2017 của Thủ tướng chính phủ Quyết định 1760/QĐ-TTg, về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1600/QĐ-TTg, với sự điều chỉnh, bổ sung các nội dung thực hiện tiêu chí về NTM.

Để cụ thể hóa việc thực hiện Chương trình MTQG về XDNTM, ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 (thay thế

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ), với 19 tiêu chí chính và 49 tiêu chí thành phần. Ngày 05/6/2018, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg về tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

Với chủ trương của Đảng về đẩy mạnh XDNTM và các quy định của Chính phủ với yêu cầu ngày càng cao hơn trong việc bổ sung thêm các mục tiêu, giải pháp và các tiêu chí XDNTM và nâng tầm lên NTM nâng cao và kiểu mẫu, đã đặt ra cho các địa phương những yêu cầu, nhiệm vụ mới. Yếu tố đó đã tác động đến quá trình lãnh đạo, đòi hỏi Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang phải tiếp tục quán triệt, vận dụng để đề ra chủ trương, đường lối phù hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả đảm bảo hoàn thành mục tiêu XDNTM trong điều kiện mới.

3.2. CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến mới. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015, đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; quân sự, quốc phòng được củng cố, tạo tiền đề để Tuyên Quang hoàn thành mục tiêu thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Lĩnh vực XDNTM có sự chuyển biến khá rõ nét bộ mặt nông thôn, nhất là về sản xuất, giao thông nông thôn, ngày càng phát triển, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng lên; toàn tỉnh có 10 xã đạt chuẩn NTM, vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Tuy nhiên, quy mô kinh tế còn nhỏ, phát triển chưa bền vững, nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với cả nước còn cao. Ngành nông, lâm nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, sản xuất vẫn ở tình trạng manh mún. Hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu, chưa đồng bộ, xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở còn chậm. Công tác xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, đời sống của một bộ phận Nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa còn khó khăn.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc những thành tựu, hạn chế, để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển KT-XH của tỉnh, Đại hội xác định mục tiêu chung, trong đó: phát triển kinh tế nhanh và bền vững, cơ cấu hợp lý; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc. Từ đó, Đảng bộ tỉnh xác định đẩy mạnh XDNTM với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 có “trên 30% số xã đạt chuẩn NTM” [43, tr. 92].

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, nên đã xác định XDNTM là một trong 4 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2015-2020, là “huy động nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và XDNTM” [43, tr. 94]. Chủ trương về XDNTM trong Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh là định hướng quan trọng để HTCT và toàn dân đẩy mạnh quá trình XDNTM.

Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra những giải pháp cơ bản về “nâng cao hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hoá gắn với XDNTM” [43, tr. 97]. Trong đó, xác định: thực hiện cơ cấu lại ngành nông, lâm nghiệp, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, thúc đẩy sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm sản hàng hóa, tập trung đối với một số cây trồng chủ lực như nguyên liệu giấy, mía, chè, cam, lạc. Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản. Chú trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm; mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, từng bước hướng tới nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. củng cố, nâng cao hiệu quả của hệ thống cung ứng các dịch vụ nông, lâm nghiệp. Rà soát quy hoạch đất lâm nghiệp, quản lý và bảo vệ chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng, chuyển đổi một số diện tích đất lâm nghiệp, đất trồng cây ăn quả có hiệu quả thấp sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị

trường. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi hàng hóa, tạo sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh cao. Phát triển thủy sản theo hướng nuôi thâm canh các loài cao sản; mở rộng diện tích nuôi các loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao gắn với nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh nuôi cá lồng trên sông, hồ.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn, rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách về NN, ND, NT phù hợp với điều kiện thực tế. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp, HTX trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Khuyến khích tích tụ đất đai và các nguồn lực để phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô phù hợp. Đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông, lâm nghiệp. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ phát triển các ngành nghề truyền thống, xây dựng sản phẩm đặc trưng của các địa phương gắn với phát triển du lịch.

Cùng với các giải pháp về phát triển nông nghiệp, nông thôn, Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh “Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình XDNTM, bảo đảm các tiêu chí vững chắc, trọng tâm là đẩy mạnh phát triển sản xuất, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn” [43, tr. 102]. Trên cơ sở đó, quá trình thực hiện XDNTM cần phải đa dạng hoá các nguồn lực, trong đó, chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn; triển khai cơ chế, chính sách thực hiện Đề án quy hoạch khuôn viên, xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng ở thôn, bản, tổ Nhân dân; Đề án cứng hóa các tuyến kênh mương nội đồng; quan tâm xây dựng HTCT, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước để xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển NN, ND, NT và XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang trong nhiệm kỳ 2015-2020. Là đại hội đánh dấu bước phát triển trong

tư duy nhận thức và hoạch định đường lối của Đảng bộ tỉnh, mở đầu cho quá trình đẩy mạnh XDNTM, khi coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển KT-XH của tỉnh; xác định mục tiêu cao hơn so với giai đoạn trước và đề ra những giải pháp mang tính toàn diện, cập nhật và cụ thể, trong đó nhấn mạnh về việc tiếp tục phát triển nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung vào một số sản phẩm có lợi thế, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển văn hóa, y tế, ổn định chính trị, bảo vệ môi trường; phát huy vai trò làm chủ của nông dân trong XDNTM... Chủ trương của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, là cơ sở để Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh XDNTM trong những năm 2015-2020.

Để thực hiện chủ trương Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình số 05-CTr/TU ngày 27/2/2016 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, tiếp tục định hướng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cần tập trung thực hiện các khâu đột phá, các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó “đa dạng hóa các nguồn vốn XDNTM; thực hiện tốt chủ trương xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ Nhân dân, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nội đồng” [125, tr.2] Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch về lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi. Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Huy động nguồn lực phát triển hệ thống giao thông; ban hành và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng KT-XH nông thôn. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn

hóa”. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân; xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Huy động cả cộng đồng và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện phương châm lãnh đạo có trọng tâm, trọng điểm, nhất quán tập trung lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, kết luận, chương trình, đề án, nhất là 03 khâu đột phá, 04 nhiệm vụ trọng tâm, trong nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ tỉnh đã ban hành các nghị quyết chuyên đề về lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển nông nghiệp hàng hóa, giảm nghèo bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng Chương trình MTQG XDNTM. Cụ thể:

Ngày 22/5/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, chủ trương: “Thực hiện kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hoá, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ Nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên theo phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, phát huy nguồn lực của Nhân dân và các tổ chức, cá nhân, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hoá, tạo điều kiện cho các sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Thực hiện kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hoá, xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao và khuôn viên thôn, bản, tổ nhân dân phải gắn với Chương trình MTQG về XDNTM; kế hoạch phát triển sản xuất hàng hoá giai đoạn 2016-2025 và các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án khác có liên quan” [126, tr.2].

Nghị quyết nêu 6 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tham gia tích cực của Nhân dân; nâng cao chất lượng công tác xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch; về cơ chế, chính sách; về quản lý, sử dụng các nguồn vốn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội.

Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016, ra đời là tiếp tục khẳng định sự nhất quán trong quan điểm của Đảng bộ tỉnh từ nhiệm kỳ trước về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn là tập trung vào một số nội dung quan trọng như giao thông, thủy lợi, thiết chế văn hóa... nhưng được nâng tầm ở mức độ cao hơn khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề nhằm đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất, hiện đại hóa nông thôn, góp phần đẩy nhanh việc hoàn thành nhóm tiêu chí về hạ tầng KT-XH trong XDNTM.

Để thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng XDNTM, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025. Nghị quyết nêu rõ quan điểm “Phát triển nông nghiệp hàng hóa là động lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình MTQG XDNTM, nâng cao đời sống Nhân dân, tạo sự ổn định và phát triển bền vững. Đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa; tập trung vào cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương với quy mô lớn, sản phẩm có chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường” [127, tr.3].

Mục tiêu chung của phát triển nông nghiệp hàng hóa là nhằm phát huy lợi thế để phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững với năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn về tư duy, phương thức tổ chức theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo chuỗi giá trị sản phẩm có thương hiệu. Nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu XDNTM và thúc đẩy KT-XH của tỉnh phát triển.

Nghị quyết nêu 03 nhiệm vụ trọng tâm và 08 giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp hàng hóa đến năm 2025, trong đó, tập trung xây dựng: sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của địa phương có lợi thế, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có chất lượng, hiệu quả cao và phát triển bền vững. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch, kế hoạch

sử dụng đất để cơ cấu lại quỹ đất, cơ cấu lại sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực. Đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, tăng cường liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị và kết hợp với phát triển du lịch sinh thái. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin để nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa. Tăng cường xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh. Thực hiện tốt các chính sách của Trung ương, đồng thời xây dựng, hoàn thiện đồng bộ các cơ chế, chính sách của tỉnh để thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp; năng lực cho nông dân trong việc tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông, lâm sản...

Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016, là sự kế thừa, phát triển quan điểm của Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ trước, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ tỉnh trong việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương là nông, lâm nghiệp, thủy sản; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, thúc đẩy sự phát triển, nâng cao giá trị nền nông nghiệp hàng hóa của tỉnh, tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần hoàn thành nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất trong XDNTM.

Để có những giải pháp sâu hơn về phát triển nông nghiệp hàng hóa, trong Chương trình số 27-CTr/TU, ngày 02/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2019 đã đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp như: “Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đẩy mạnh hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho một số sản phẩm lợi thế; thực hiện chương trình mỗi huyện phát triển 1-2 sản phẩm, mỗi xã phát triển 1 sản phẩm có hiệu quả kinh tế... Tiếp tục thực hiện Chương trình XDNTM, phấn đấu có thêm ít nhất 05 xã đạt chuẩn NTM, toàn tỉnh đạt bình quân 14 tiêu chí/xã” [129, tr.2-3].

Trong XDNTM, vấn đề giảm nghèo là một tiêu chí quan trọng. Đây cũng là nội dung của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Vì vậy, quá trình XDNTM phải gắn liền với giảm nghèo bền vững và nâng cao đời sống cho Nhân dân. Nhận thức rõ điều đó, ngày 20/10/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 46-NQ/TU, nêu rõ quan điểm “Giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả HTCT và toàn dân; thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo là điều kiện cần thiết để hoàn thành mục tiêu phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc... Phát huy tối đa nguồn lực của Nhân dân và các tổ chức, cá nhân để thực hiện công tác giảm nghèo. Ưu tiên đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện cho vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo tiêu chí NTM...” [128, tr.2-3].

Các giải pháp để thực hiện giảm nghèo luôn gắn liền với thực hiện các tiêu chí trong XDNTM, cụ thể là: Ưu tiên xây dựng các công trình giao thông nông thôn, công trình thủy lợi, hệ thống điện ở các xã XDNTM, xã đặc biệt khó khăn, vùng sản xuất hàng hóa để phục vụ sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, nông sản cho người dân. Huy động, vận động mọi nguồn lực đầu tư, các chính sách hỗ trợ để thực hiện các chương trình, dự án về nước sinh hoạt, xây dựng chuồng trại chăn nuôi và nhà tiêu hợp vệ sinh. Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, cải thiện điều kiện sống, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn và hoàn thành các tiêu chí về XDNTM. Tăng cường lồng ghép các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với các dự án, chương trình phát triển KT-XH khác trên địa bàn, nhất là Chương trình MTQG XDNTM; ưu tiên phân bổ vốn đối với những xã trong kế hoạch hoàn thành XDNTM. Phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội trong công tác giảm nghèo gắn với thực hiện XDNTM... Việc kết hợp hài hòa Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững với Chương trình MTQG XDNTM là yếu tố quan trọng nâng cao hiệu quả thực hiện, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân.

Trong XDNTM, Đảng bộ tỉnh xác định, phải huy động sự vào cuộc của cả HTCT. Theo đó, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội phải tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”, trọng tâm là phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người dân, tham gia làm đường giao thông nông thôn, cầu nông thôn, xây dựng nhà văn hóa và thực hiện xóa nhà tạm, nhà ở dột nát cho hộ nghèo” [131, tr.3].

Bên cạnh đó, trong các kỳ họp BCH, Ban Thường vụ, các kỳ sơ kết, tổng kết hằng năm, các buổi làm việc của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy với các địa phương đều nhấn mạnh những vấn đề cốt lõi trong quan điểm của Đảng bộ tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của XDNTM, triển khai XDNTM cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm là các Chương trình kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên; phát triển nông nghiệp hàng hóa, thực hiện Chương trình Giảm nghèo, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân... Các chỉ tiêu đặt ra với số xã đạt chuẩn NTM, nâng cao số tiêu chí bình quân toàn tỉnh.

Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM tiếp tục được bổ sung những nhận thức mới. Tại Kế hoạch số 410-KH/TU, ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xác định “mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn. Coi phát triển sản xuất nông nghiệp là then chốt, XDNTM là căn bản, nông dân giữ vai trò chủ thể trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn” [130, tr.3].

Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với XDNTM; đẩy mạnh liên kết các khâu trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị một cách bền vững; chuyển đổi mô hình nông nghiệp đa chức năng, khai thác hiệu quả những tiềm năng lợi thế trong lĩnh vực nông nghiệp để phát triển một số sản phẩm đặc sản gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm”. Tập trung

phát triển các ngành công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, thu hút doanh nghiệp có tiềm lực, ứng dụng công nghệ cao đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển kinh tế HTX, tổ hợp tác, kinh tế trang trại, gia trại. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế. Đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với NN, ND, NT; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp trong thực hiện các nội dung về NN, ND, NT.

Về XDNTM, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG XDNTM toàn diện, đi vào chiều sâu gắn với công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn. Tập trung chỉ đạo, tạo đồng thuận cao, sự vào cuộc quyết liệt, hiệu quả của cả HTCT, tham gia chủ động tích cực của người dân và toàn xã hội. Huy động, lồng ghép nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH ở nông thôn đạt tiêu chí NTM. Nâng cao chất lượng các tiêu chí đáp ứng tiêu chí NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, nhất là các tiêu chí về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của các đô thị văn minh, xanh, sạch, đẹp, giữ vững ổn định an ninh trật tự, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Chú trọng nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, bảo vệ cảnh quan môi trường nông thôn; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”.

Kế hoạch số 410-KH/TU, ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thể hiện những quan điểm, giải pháp được cập nhật bổ sung theo đúng quan điểm mới của Trung ương, mang tính thời đại và sát với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Với những quan điểm mới và giải pháp toàn diện nhằm hướng tới việc thúc đẩy quá trình XDNTM tại tỉnh đi vào chiều sâu, đem lại hiệu quả cao trong thực tiễn, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao đời sống Nhân dân.

Như vậy, giai đoạn 2015-2020, chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về XDNTM được kế thừa, bổ sung, phát triển để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới và thực tiễn địa phương. Cụ thể:

Về quan điểm, kế thừa quan điểm của nhiệm kỳ trước, Đảng bộ tỉnh tiếp tục khẳng định, XDNTM có vai trò quan trọng trong phát triển KT-XH, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và nâng cao đời sống Nhân dân; XDNTM là nhiệm vụ của cả HTCT với Nhân dân là chủ thể. Điểm nổi bật nhiệm kỳ này là đã xác định, XDNTM là một trong bốn nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đó là cơ sở để Đảng bộ tỉnh xác định NTM là khâu đột phá trong nhiệm kỳ 2020-2025. Bên cạnh đó, quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh tiếp tục cập nhật chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, những yếu tố mới của tình hình thế giới, trong nước và điều kiện thực tiễn của tỉnh để chỉ đạo XDNTM như: đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất và chế biến nông, lâm sản, đổi mới phương châm trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn từ “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” sang “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”...

Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp XDNTM của Đảng bộ tỉnh đã kịp thời, nhạy bén trong việc xác định những vấn đề trọng tâm, xây dựng chương trình, kế hoạch, Nghị quyết chuyên đề, kết luận...; đề ra mục tiêu cao hơn giai đoạn trước, với những giải pháp cụ thể để lãnh đạo toàn diện, đồng bộ chương trình XDNTM. Trong chỉ đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh chủ trương tập

trung vào những lĩnh vực quan trọng như: Giao thông nông thôn, kênh mương, nhà văn hóa gắn với sân thể thao; quan tâm thực hiện giảm nghèo bền vững; chú trọng phát triển nông nghiệp hàng hóa với những sản phẩm chủ lực mà địa phương có lợi thế gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm. Chương trình XDNTM được triển khai thực hiện với quy mô, chất lượng ngày càng được nâng cao, nhằm góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, từ đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

3.3. ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG CHỈ ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

3.3.1. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo và công tác quy hoạch

3.3.1.1. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo

Để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng XDNTM, Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh thành lập và thường xuyên được kiện toàn, bổ sung BCD các cấp và bộ phận giúp việc BCD từ tỉnh đến cơ sở đảm bảo hoạt động hiệu quả theo đúng hướng dẫn thực hiện Chương trình của Trung ương. Trong những năm 2015-2020, tổ chức bộ máy điều hành chương trình được kiện toàn chặt chẽ, chuyên nghiệp hóa và có nhiều điểm mới trong cơ cấu, chức năng và phương thức vận hành.

Về thành lập BCD: Cấp tỉnh, cấp huyện tiếp tục duy trì BCD Chương trình XDNTM, giai đoạn 2010-2020 và thành lập BCD các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, do đồng chí Chủ tịch UBND cùng cấp làm Trưởng ban; kịp thời bổ sung, kiện toàn thành viên BCD khi có sự thay đổi nhân sự. Thành viên BCD là người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, các tổ chức đoàn thể chính trị cùng cấp. Việc thành lập BCD các Chương trình MTQG đã mở rộng phạm vi, đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo, tăng tính tích hợp, phối hợp nguồn lực trong thực hiện các chương trình có liên quan. Cấp xã, tiếp tục kiện toàn và duy trì tốt hoạt động BCD Chương trình MTQG XDNTM, giai đoạn 2010-2020 do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban; Ban Quản lý XDNTM xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã là Trưởng ban. Chủ tịch UBND

các xã quyết định công nhận Ban phát triển thôn (Ban phát triển thôn do Nhân dân bầu), nhằm phát huy dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, tạo sự tích cực và phát huy vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM.

Ban Chỉ đạo các cấp thường xuyên bổ sung, điều chỉnh quy chế hoạt động và phân công thành viên phụ trách địa bàn, phụ trách tiêu chí đảm bảo phù hợp theo chức năng nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn. Hoạt động của BCĐ tỉnh thường xuyên được duy trì, định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức họp để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Điều này thể hiện sự sát sao, chuyên nghiệp trong phương pháp chỉ đạo, điều hành, giúp tăng cường tính hiệu quả trong tổ chức thực hiện để hoàn thành tiến độ và chất lượng XDNTM. Ban Chỉ đạo đã tích cực thực hiện đẩy mạnh XDNTM, “tăng cường chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình, phấn đấu nâng số tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt 10 tiêu chí/xã năm 2015 lên 15 tiêu chí/xã năm 2020, thành phố Tuyên Quang có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới” [148148, tr.2]

Về thành lập Bộ máy giúp việc: Cấp tỉnh, Văn phòng Điều phối NTM được thành lập, kiện toàn theo đúng quy định. Để tăng cường nhân sự chuyên trách của bộ máy giúp việc, Tỉnh chỉ đạo bố trí đồng chí Chánh Văn phòng Điều phối do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm; 02 Phó Chánh Văn phòng là lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, gồm: 09 cán bộ chuyên trách và 29 cán bộ kiêm nhiệm. Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh được tăng cường về số lượng so với giai đoạn trước, thể hiện sự quan tâm đầu tư cho bộ máy chỉ đạo điều hành. Đồng thời, củng cố và tăng cường mô hình điều phối NTM cấp huyện. Từ việc chưa có văn phòng điều phối độc lập, chỉ lồng ghép tại Phòng nông nghiệp phát triển nông thôn (hoặc phòng kinh tế thành phố) đến việc thành lập Văn phòng điều phối NTM cấp huyện, với mô hình tổ chức rõ ràng. Trong những năm 2015-2020, Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng và đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế thành phố) làm Phó Chánh Văn

phòng để tăng tính chuyên trách, chuyên nghiệp trong tham mưu điều phối. Cấp xã đã bố trí 01 công chức theo dõi, tổng hợp và tham mưu giúp việc BCD về Chương trình MTQG XDNTM.

Việc thống nhất Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Văn phòng Điều phối NTM các cấp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đã hình thành và củng cố. Bộ máy giúp việc cho BCD thực hiện Chương trình các cấp hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả hơn; qua đó, nâng cao chất lượng tham mưu cho BCD chương trình. Trong hoạt động, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh, huyện đã có sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành của tỉnh, các phòng ban chuyên môn của huyện, đặc biệt là trong công tác xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phân bổ và sử dụng nguồn lực, rà soát, hướng dẫn các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch thực hiện Chương trình.

Như vậy, bộ máy chỉ đạo, điều hành XDNTM trong những năm 2015-2020 có sự đổi mới rõ rệt. Tổ chức bộ máy đã được hoàn thiện, tăng cường, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hệ thống và chặt chẽ hơn, tăng cường dân chủ và vai trò của cấp thôn. Trong tổ chức thực hiện có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng hơn, phương pháp điều hành hiệu quả, giúp nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình XDNTM.

3.3.1.2. Công tác quy hoạch

Tiếp tục triển khai XDNTM trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy đã lãnh đạo UBND chỉ đạo các sở ngành có liên quan và các huyện, thành phố, các xã thực hiện công tác quy hoạch chi tiết và điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với không gian phát triển và yêu cầu nhiệm vụ mới. Để thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, Tỉnh ủy đề ra các giải pháp chỉ đạo “triển khai lập, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch: Quy hoạch hệ thống giao thông nội đồng, quy hoạch xây dựng và phát triển thủy lợi, quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hoá, quy hoạch dân cư nông thôn” [128, tr.3].

Tỉnh ủy chỉ đạo HĐND ban hành Nghị quyết số 35/NQ-HĐND, ngày 15/7/2015 xác định quan điểm về điều chỉnh quy hoạch phát triển KT-XH, trong đó có quy hoạch NTM, “điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020 và bổ sung quy hoạch đến năm 2025 của tỉnh bảo đảm thống nhất, đồng bộ với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội vùng Trung du miền núi Bắc bộ; quy hoạch ngành, lĩnh vực của cả nước; đảm bảo thực hiện liên kết, hợp tác chặt chẽ giữa các tiểu vùng trong tỉnh, giữa Tuyên Quang với các tỉnh khác trong vùng và các tỉnh, thành trong cả nước và giữa Tuyên Quang với quốc tế phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế” [69, tr.97].

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, đến năm 2020, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo và hoàn thành cắm mốc quy hoạch được thêm 31 xã và rà soát điều chỉnh quy hoạch cho 41 xã điều chỉnh quy hoạch chung XDNTM đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế. Trên cơ sở phê duyệt của tỉnh, các xã ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

Bên cạnh việc thực hiện quy hoạch các xã, Tỉnh quan tâm chỉ đạo quy hoạch huyện làm cơ sở để xây dựng huyện NTM. Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 phê duyệt chủ trương Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2030, định hướng đến năm 2050. UBND tỉnh chỉ đạo huyện Hàm Yên phối hợp với các sở, ngành chuyên môn của tỉnh rà soát bổ sung các quy hoạch xây dựng để thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng và quy hoạch chi tiết Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất theo kế hoạch. Việc lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Yên, giai đoạn 2018-2030 định hướng đến năm 2050 đã tạo cơ sở, tiền đề để xây dựng Huyện nông thôn mới. Thực hiện nhiệm vụ XDNTM trong quá trình đô thị hóa, huyện Hàm Yên đã đạt được một số kết quả bước đầu như: Xác định vùng sản xuất nông nghiệp, không gian phát triển cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ

thương mại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống hạ tầng xã hội với 03 vùng cụ thể. Tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn. Quy hoạch trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất với nội dung là lựa chọn các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất, lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn huyện, lập dự án đầu tư xây dựng các điểm trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

3.3.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền gắn với phong trào thi đua

Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được, trong những năm 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo HTCT, các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền với hoạt động đa dạng, phong phú, nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chương trình XDNTM trong sự phát triển chung của địa phương. Trong chỉ đạo công tác tuyên truyền XDNTM, UBND tỉnh nhấn mạnh, “tiếp tục, đổi mới tuyên truyền sâu rộng đến mọi cán bộ, đảng viên và người dân về quan điểm, chủ trương, mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới và cách làm hay, sáng tạo thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thăm quan các mô hình điểm, các hình thức sinh hoạt cộng đồng... nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về xây dựng nông thôn mới; phát huy cao độ vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới” [148, tr.5].

Do đó, công tác tuyên truyền được đẩy mạnh và có nhiều điểm mới, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình XDNTM.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM, BCĐ các Chương trình MTQG đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-BCĐ, ngày 10/8/2017 về truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020 tiếp tục xác định mục đích là “nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, vai trò, nội dung và nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG XDNTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp” [15, tr.1]. Bên cạnh đó, công

tác tuyên được đẩy mạnh, đi vào chiều sâu nhằm phổ biến những kết quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm, những cách làm hay, sáng tạo, những điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình để nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc tích cực tham gia thực hiện Chương trình theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”. Tạo sự đồng thuận của cả HTCT và các tầng lớp Nhân dân để hoàn thành mục tiêu XDNTM.

Cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể tập trung tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của tỉnh Tuyên Quang về NN, ND, NT; các tiêu chí, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp XDNTM nâng cao và kiểu mẫu. Tuyên truyền về kết quả thực hiện Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; những kết quả và bài học kinh nghiệm rút ra sau 5 năm thực hiện XDNTM giai đoạn 2010-2015. Thông tin, tuyên truyền về những gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt, mô hình sản xuất tiêu biểu, cách làm hay, sáng tạo trong XDNTM.

Công tác tuyên truyền được đổi mới về phương pháp và hình thức để phù hợp với từng nhóm đối tượng người dân. Tỉnh tập trung chỉ đạo sự vào cuộc của cả HTCT, các cấp, các ngành đều phải tham gia công tác tuyên truyền về NTM. Các cơ quan thông tin, truyền thông đã xây dựng được trên 185 chuyên đề, 50 tạp chí; trên 5000 bài phản ánh, hơn 10.000 tin, ảnh tuyên truyền về những kết quả đã đạt được, phổ biến những mô hình thành công và những cách làm hay ở các địa phương để nhân ra diện rộng. Tổ chức cuộc thi báo chí với chủ đề “Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới” với trên 800 tác phẩm dự thi... Cấp huyện đã tổ chức hàng trăm hội nghị, dựng hơn 2.500 pano, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền...

Những năm 2015-2020, trong bối cảnh hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tỷ lệ người dân sử dụng Internet, mạng xã hội ở khu vực nông thôn từng bước được tăng lên, tỉnh Tuyên Quang đặc biệt chú trọng phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng, mở các chuyên mục, tăng

thời lượng tuyên truyền, xây dựng các phóng sự, chuyên trang về NTM. Tích cực sử dụng các trang thông tin điện tử, tiêu biểu là chuyên trang của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (nongthonmoituyenquang.gov.vn), cổng thông tin điện tử của tỉnh và các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh thường xuyên đưa các tin, bài, mô hình tiêu biểu, cách làm hay trong các lĩnh vực về xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất, văn hóa giáo dục, môi trường nông thôn,... Phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên tích cực tuyên truyền trên mạng xã hội như Zalo, Facebook... để nâng cao nhận thức và lan tỏa điển hình tiên tiến, những điểm sáng trong XDNTM.

Giai đoạn 2015-2020, công tác tuyên truyền đã được đẩy mạnh và đi vào chiều sâu, không chỉ nhằm nâng cao nhận thức, mà còn thúc đẩy, khích lệ, cổ vũ tinh thần, phát huy nội lực, nêu cao tinh thần tự giác, khắc phục tâm lý trông chờ, ỷ lại của người dân trong XDNTM. Nội dung, phương pháp tuyên truyền được đổi mới theo hướng đa chiều, sử dụng các phương tiện truyền thông, tận dụng tối đa hiệu quả của Internet, mạng xã hội để tiếp cận đa dạng đối tượng người dân. Công tác tuyên truyền gắn với phong trào thi đua đã đẩy mạnh và nâng cao chất lượng XDNTM.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức XDNTM” do Thủ tướng Chính phủ phát động và thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 25/11/2016 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” giai đoạn 2016-2020, xác định “phát huy sức mạnh của cả HTCT trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trực tiếp tham gia thực hiện thắng lợi chủ trương XDNTM của Đảng và Nhà nước” [150, tr.1]. MTTQ, các đoàn thể chính trị-xã hội các cấp đã xây dựng kế hoạch và thực hiện phát động phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”; đồng thời, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể gắn với tính chất hoạt động của từng cơ quan đơn vị.

Để triển khai phong trào thi đua sâu rộng trong toàn tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội, UBND các cấp, các Khối thi đua đã căn cứ đặc điểm tình hình, yêu cầu nhiệm vụ và đối tượng cụ thể để có các hình thức tuyên truyền phù hợp, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, sự đồng thuận của toàn xã hội và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn xã hội trong XDNTM. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Các địa phương và đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động thi đua thiết thực, tạo sức lan tỏa sâu rộng, thu hút sự tham gia đông đảo của các tầng lớp Nhân dân, hướng đến thực hiện hiệu quả các tiêu chí của Chương trình MTQG về XDNTM. Nhiều phong trào thi đua được triển khai trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung trọng tâm phong trào thi đua vào phát triển hệ thống hạ tầng nông thôn, phát triển kinh tế, văn hóa, bảo vệ môi trường và xây dựng HTCT, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Chú trọng gắn liền việc tổ chức hiệu quả phong trào thi đua với việc phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong XDNTM. Phấn đấu mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương đều có những phong trào thi đua tiêu biểu, có những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua XDNTM.

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, MTTQ từ tỉnh đến cơ sở đã bám sát chức năng, nhiệm vụ để xác định nội dung cho từng nhiệm kỳ, xây dựng các chương trình, kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện. Ủy ban MTTQ các cấp và các tổ chức chính trị-xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”. Tiếp tục phát huy vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội trong tổ chức các phong trào thi đua gắn với đặc thù của từng tổ chức. Mặt trận Tổ quốc tổ chức cuộc vận động Ngày vì người nghèo, tạo nguồn lực từ Quỹ vì người nghèo gắn với công tác xóa nhà tạm, dột nát cho hộ nghèo; Hội Nông dân tổ chức Phong trào thi đua nông dân sản xuất kinh

doanh giỏi, đoàn kết giúp đỡ nhau giảm nghèo và làm giàu bền vững; Hội Phụ nữ với phong trào 5 không 3 sạch; Đoàn thanh niên tổ chức các Câu lạc bộ Thanh niên phát triển kinh tế, Chương trình thấp sáng đường quê... Tuyên truyền để người dân hiểu rõ vai trò chủ thể của mình, từ đó tự giác và tích cực tham gia thực hiện các tiêu chí XDNTM ngay tại gia đình và cộng đồng dân cư. Với phương châm “lấy sức dân để chăm lo cho đời sống Nhân dân”, MTTQ các cấp thực hiện tốt công tác vận động Nhân dân đóng góp nguồn lực, hiến đất, tham gia xây dựng hạ tầng cơ sở, phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, chấp hành pháp luật, thực hiện văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Thành công lớn nhất của công tác tuyên truyền gắn với phong trào thi đua giai đoạn 2015-2020 là đã góp phần tạo chuyển biến về nhận thức, tạo nên sự đồng thuận, đoàn kết và khích lệ sự hăng hái tham gia của người dân trong XDNTM. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong HTCT đã nhận thức đầy đủ về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện. Người dân ngày càng nhận thức sâu sắc về vai trò chủ thể của mình và chủ động, tích cực tham gia XDNTM như: đóng góp ý kiến cho các đề án, quy hoạch XDNTM, đề xuất kế hoạch nội dung công việc thực hiện Chương trình, chủ động đóng góp kinh phí, đất đai, công sức, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, tích cực tham gia giữ gìn bảo vệ môi trường nông thôn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, duy trì nếp sống văn hóa, an ninh trật tự trên địa bàn được giữ vững. Cùng với đó, việc huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, vốn tài trợ, viện trợ cũng đã đạt được nhiều những kết quả tích cực góp phần quan trọng thực hiện hoàn thành các mục tiêu XDNTM.

3.3.3. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn

3.3.3.1. Phát triển hệ thống giao thông nông thôn

Giai đoạn 2015-2020, trên cơ sở mục tiêu bê tông hóa giao thông nông thôn đã hoàn thành, Tỉnh tập trung chỉ đạo phát triển hệ thống giao thông nội

đồng, phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 22/5/2016, yêu cầu Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh thành lập BCD, xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể, đảm bảo nguồn vốn và tổ chức thực hiện hoàn thành mục tiêu nghị quyết đề ra. Đồng thời, để phát huy vai trò chủ thể và sự chủ động của người dân, trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, Tỉnh ủy nêu quan điểm chỉ đạo về thay đổi phương châm thực hiện từ “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” sang “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”.

Bên cạnh đó, để thực hiện Quyết định số 2426/QĐ-TTg ngày 28/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kết luận số 65-KL/TU ngày 25/10/2016, tập trung chỉ đạo chú trọng huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng, tiếp tục bê tông hóa đường giao thông nông thôn ở những nơi còn khó khăn với chính sách phù hợp.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 về việc phê duyệt Đề án bê tông hóa đường giao thông nội đồng tỉnh Tuyên Quang, đề ra mục tiêu đến năm 2020 “phấn đấu bê tông hóa trên 35% số km đường giao thông nội đồng, trong đó ưu tiên tập trung thực hiện ở các xã đạt chuẩn NTM và một số tuyến đường phục vụ cho các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực của tỉnh” [152, tr.2]. Tập trung xây dựng trên 414,18 km đường nội đồng cho 30 xã đạt chuẩn NTM và một số tuyến đường phục vụ cho các vùng sản xuất hàng hóa chủ lực của tỉnh (cam, chè, mía). Để triển khai Đề án, UBND tỉnh thành lập BCD bê tông hóa đường giao thông nội đồng cấp tỉnh, cấp huyện. BCD cấp tỉnh do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải làm Phó Trưởng ban Thường trực, thành viên là lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan và lãnh đạo UBND huyện, thành phố. Tỉnh phân công nhiệm vụ và giao trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành có liên quan, các huyện, thành phố, UBND cấp xã, các tổ chức đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ tập trung thực hiện hoàn thành mục

tiêu đề ra. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố tập trung tổ chức phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Hằng tháng, tổ chức kiểm tra tình hình, tiến độ thực hiện tại cơ sở và họp kiểm điểm, đánh giá việc triển khai thực hiện, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

Để hỗ trợ đẩy mạnh xây dựng hệ thống giao thông nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016, quy định việc bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, “hỗ trợ 100% xi măng, ống cống (nếu có) và chi phí vận chuyển, bốc xếp đến chân công trình hoặc địa điểm thi công gần nhất ô tô vận chuyển đến được. Kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý 02 triệu đồng/01 km đường”. Nghị quyết của HĐND tỉnh đã tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh và hoàn thành mục tiêu bê tông hóa giao thông nội đồng.

Các cấp, các ngành và chính quyền cấp huyện, cấp xã đã triển khai thực hiện tốt chủ trương của tỉnh về phát triển hệ thống giao thông nông thôn, trọng tâm là bê tông hóa giao thông nội đồng. Với phương châm Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, cấp ủy, chính quyền địa phương, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đã vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia hiến đất, giải phóng mặt bằng; huy động xe, máy, thiết bị, nhân công đào đắp, san gạt, lu lèn nền đường, công trình thoát nước ngang, rãnh dọc, lề đường, đổ bê tông mặt đường; đóng góp kinh phí để mua vật liệu cát, sỏi... Với sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền, vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội và tích cực tham gia của người dân, đến năm 2019 toàn tỉnh đã xây dựng trên 3.890,94 km đường giao thông nông thôn [154, tr.8]. Đặc biệt, giai đoạn 2015-2020, tỉnh đã hoàn thành bê tông hóa 633 km đường giao thông nội đồng [44, tr.47]. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 66 xã đạt tiêu chí về Giao thông, chiếm 53,2% [99, tr.4], góp phần hoàn thành vượt mức mục tiêu XDNTM theo nghị quyết của Đảng bộ tỉnh.

Trong chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn đã có sự chuyển hướng ưu tiên nguồn lực đầu tư từ phát triển các trục đường xã, thôn, xóm phục vụ cho nhu cầu dân sinh sang xây dựng giao thông nội đồng phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa và tái cơ cấu kinh tế nông thôn. Trong chỉ đạo thực hiện có sự thay đổi phương châm nhằm phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông. Với hướng chỉ đạo và phương pháp điều hành trên không chỉ giải quyết bài toán về vốn đầu tư công, mà còn phát huy sức dân, tạo sự đồng thuận, nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí XDNTM.

3.3.3.2. Phát triển hệ thống thủy lợi

Trong những năm 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh xây dựng hạ tầng thủy lợi, trong đó trọng tâm là kiên cố hóa kênh mương, góp phần hoàn thiện tiêu chí quan trọng trong XDNTM. Trong quá trình chỉ đạo phát triển thủy lợi, Tỉnh ủy đã chuyển trọng tâm đầu tư phân tán sang tập trung, có trọng điểm để phục vụ sản xuất hàng hóa và hướng tới xây dựng tiêu chí NTM một cách bền vững. Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, xác định mục tiêu đến năm 2020 “tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa đạt trên 70%”. Tại Kết luận số 25-KL/TU ngày 13/4/2016 của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Kỳ thứ 4) đã chỉ đạo Ban cán sự đảng UBND tỉnh xây dựng và hoàn thiện đề án và chính sách hỗ trợ thực hiện kiên cố hóa kênh mương.

Trên cơ sở chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 232/QĐ-UBND, ngày 22/7/2016, xác định nhiệm vụ giai đoạn từ 2016-2020 là “kiên cố hoá: 780 km kênh mương (làm lại kênh bị hư hỏng 280 km, xây mới 500 km)” [151, tr.2]. Về kỹ thuật, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai lắp ghép kênh bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn (Kênh Parabol thành mỏng cốt sợi thép phân tán mác 500). Tỉnh thành lập BCĐ kiên cố hóa kênh mương từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đối với cấp tỉnh, BCĐ do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm

Trưởng ban, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Trưởng ban Thường trực, Chi cục Thủy lợi là Văn phòng BCD, thành viên là các sở, ban, ngành liên quan. Phân định rõ trách nhiệm đối với các cấp, ngành, địa phương trong hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc để đảm bảo mục tiêu đề ra. Đồng thời thông tin, báo cáo, kịp thời, nhằm xử lý các vướng mắc trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện. MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội, chính quyền cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh về hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương. Thực hiện tốt công tác tổng kết rút kinh nghiệm và thi đua, khen thưởng trong thực hiện kiên cố hóa kênh mương. Việc xây dựng và triển khai đề án của UBND tỉnh cho thấy sự quyết tâm, sự chỉ đạo có hệ thống, chặt chẽ và toàn diện nhằm hoàn thành mục tiêu trọng tâm kiên cố hóa kênh mương theo nghị quyết của Đảng bộ tỉnh.

Tỉnh đã quán triệt đến các cấp, các ngành và cơ sở thực hiện hiệu quả phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” trong triển khai bê tông hóa kênh mương nội đồng. Để hỗ trợ cho kiên cố hóa kênh mương, Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh quy định, “hỗ trợ 100% cầu kiện kênh bê tông thành mông đúc sẵn (kênh Parabol cốt sợi thép phân tán mác 500), gói đỡ và chi phí vận chuyển, bốc xếp cầu kiện đến trung tâm xã, phường, thị trấn”. Quá trình triển khai các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể địa phương đã tiếp tục phát huy sức dân trong tham gia đóng góp công đào, đắp đất, vật tư, vật liệu phụ thi công mỗi nôi cầu kiện; vận chuyển cầu kiện từ địa điểm tập kết và thi công lắp đặt hoàn thiện công trình. Đặc biệt, vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội có đóng góp quan trọng, tiêu biểu là cán bộ, hội viên Hội Nông dân đã đóng góp trên 2.110.840 ngày công để lắp đặt, xây dựng, sửa chữa 15.956 km kênh mương [20, tr.2]. Triển khai xây dựng kênh mương được lồng ghép thực hiện trong các dự án đầu tư xây dựng công

trình thủy lợi, nguồn khắc phục hậu quả thiên tai do Trung ương hỗ trợ. Trên cơ sở đó Tỉnh đã linh hoạt trong huy động đa dạng các nguồn lực, khắc phục khó khăn trong điều kiện của tỉnh miền núi, khơi dậy và phát huy sức mạnh từ Nhân dân để hoàn thành tiêu chí về Thủy lợi.

Với sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, tập trung vào trọng tâm là kiên cố hóa kênh mương, nên việc thực hiện tiêu chí về thủy lợi đã đạt được những kết quả quan trọng. Toàn tỉnh xây dựng 316 công trình thủy lợi, 900,45 km kênh mương, nâng tỷ lệ kênh kiên cố hoá đạt 73,74%, đảm bảo tưới chủ động 96,4% diện tích [154, tr.8]. Trong những năm 2015-2020, toàn tỉnh đã hoàn thành kiên cố hóa 1.004 km kênh mương [44, tr.47]; có 124/124 xã đạt tiêu chí, chiếm 100% [99, tr.4], tăng 104 xã so với năm 2011. Đây là kết quả thể hiện sự chỉ đạo sát sao, có trọng tâm của Đảng bộ tỉnh, nỗ lực vượt bậc của các cấp, các ngành, sự ủng hộ và tham gia tích cực của Nhân dân, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống cho cư dân nông thôn.

3.3.3.3. Phát triển hệ thống điện nông thôn

Xác định vai trò của hệ thống điện trong cải thiện và làm thay đổi bộ mặt nông thôn, Tỉnh ủy đã định hướng cụ thể, chỉ đạo sát sao trong quá trình thực hiện. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang đề ra mục tiêu đến năm 2020, “95% số hộ được sử dụng điện thường xuyên, an toàn”, về “trạm biến áp nâng cấp 77 trạm, xây mới 83 trạm; đường dây hạ thế cần nâng cấp 379 km, xây mới 280 km; đường dây 35 KV cần xây mới 105 km; nâng cấp hệ thống điện gia đình 15.122 hộ” [144, tr.13]. Đây là bước tiến mới so với giai đoạn 2010-2015, khi Tỉnh tập trung đầu tư tích hợp đồng bộ giữa nâng cấp hạ tầng điện công cộng và chất lượng điện hộ gia đình, nhằm nâng cao hơn chất lượng cuộc sống cho cư dân nông thôn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh chỉ đạo ngành điện và các sở ngành có liên quan tập trung nguồn lực đẩy nhanh quá trình xây dựng hệ thống điện nông thôn.

Với sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, hệ thống lưới điện nông thôn tiếp tục được đầu tư, nâng cấp góp phần cải thiện điều kiện sống của cư dân nông thôn. Đến năm 2019, Tỉnh đã xây dựng 387 trạm biến áp, 348,5 km đường dây trung áp, 1.045 km đường dây hạ áp, nâng tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới đạt 98,43% [154, tr.8]. Đến hết năm 2020 có 118/124 xã đạt tiêu chí về Điện, chiếm 95,2% [99, tr.4], tăng 115 xã so với năm 2011. Kết quả trên đã góp phần phát triển sản xuất, giáo dục, y tế, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng sinh hoạt cho khu vực nông thôn.

3.3.3.4. Hạ tầng thương mại nông thôn

Trong đời sống của người dân nông thôn chợ có vai trò rất quan trọng, đó là nơi tiêu thụ nông sản hàng hoá nông sản, tập trung hàng hoá để cung ứng cho các thị trường tiêu thụ lớn trong và ngoài nước; chợ cũng là nơi đáp ứng nhu cầu hàng hóa tiêu dùng cho cư dân nông thôn. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của chợ nông thôn và để thực hiện tiêu chí này, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quy hoạch và xây dựng chợ nông thôn. Đây là bước chuyển biến trong chỉ đạo thực hiện phát triển hệ thống chợ nông thôn. Từ việc đầu tư đơn thuần sang phát triển theo hướng có sự quy hoạch, thể hiện tầm nhìn, tạo cơ sở để đầu tư tập trung và hiệu quả hơn. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang, xác định giai đoạn 2016-2020 tập trung “xây mới 23 chợ; nâng cấp, cải tạo 32 chợ” [144, tr.14]. Triển khai thực hiện đề án, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành có liên quan và các địa phương tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống chợ nông thôn. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ và chất lượng đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, sự vào cuộc của các cấp, ngành, đến năm 2019, toàn tỉnh đã xây dựng 59/97 chợ nông thôn theo quy hoạch, đồng thời chú trọng phát triển hệ thống siêu thị mini, cửa hàng kinh doanh tiện lợi, cửa hàng tổng hợp hiện đại,... đã đáp ứng cơ bản nhu cầu

giao dịch thương mại, trao đổi hàng hóa ở nông thôn. Đến năm 2020 có 117/124 xã đạt tiêu chí, đạt 94,4%, tăng 112 xã so với năm 2011 [99, tr.5]. Sự phát triển hệ thống chợ nông thôn đã tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Tuy nhiên, việc đưa vào sử dụng và khai thác chợ nông thôn hiệu quả chưa cao, do những rào cản về phong tục, tập quán, cách thức giao dịch thương mại của người dân ở những chợ truyền thống vùng nông thôn miền núi.

3.3.3.5. Thông tin và Truyền thông

Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2030, xác định giai đoạn 2016-2020 thực hiện “nâng cấp 61 điểm bưu điện văn hoá xã, xây dựng hạ tầng đảm bảo kết nối Internet đến 1.252 thôn bản” [144, tr.15]. Để triển khai thực hiện đề án, Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc XDNTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020, xác định tập trung nguồn lực thực hiện tiêu chí về Bưu điện là “hỗ trợ lắp đặt thiết bị 3G cho 09 trạm BTS đảm bảo đạt chuẩn chỉ tiêu Internet đến thôn, kinh phí thực hiện 3,2 tỷ đồng” [148, tr.4].

Để thực hiện mục tiêu này, UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho Sở Thông tin và Truyền thông Tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi tổ chức thực hiện nội dung này. Do vậy, đến năm 2019, các xã đều đã có các điểm phục vụ bưu chính, viễn thông, internet và có hệ thống truyền thanh cơ sở, kịp thời cung cấp thông tin đến Nhân dân. Công nghệ thông tin đã được áp dụng trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương. Đến năm 2020, có 123/124 xã đạt tiêu chí, đạt 99,2%, tăng 115 xã so với năm 2011 [99, tr.5]. Kết quả xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông đã góp phần nâng cao tri thức cho người dân, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin cho hoạt động của HTCT ở cơ sở, các hoạt động văn hóa, giáo dục, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, là cơ sở để XDNTM nâng cao và kiểu mẫu.

3.3.4. Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo

3.3.4.1. Phát triển nông nghiệp hàng hóa và các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập

Thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa phù hợp với kinh tế thị trường, để tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình MTQG XDNTM, Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI), xác định mục tiêu giai đoạn 2016-2020, “giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 4%/năm (trong đó: Nông nghiệp tăng trên 4%/năm, lâm nghiệp tăng trên 4%/năm, thủy sản tăng 3%/năm). Đến năm 2020, tổng giá trị nông sản hàng hóa chủ lực chiếm 60% tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; giá trị sản xuất bình quân/ha canh tác gấp 1,6 lần so với năm 2015” [127, tr.3].

Về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập: Hiện thực hóa chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 79/KH-UBND, ngày 28/9/2016, xác định nhiệm vụ “Tập trung phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân, góp phần hoàn thành mục tiêu XDNTM và thúc đẩy KT-XH của tỉnh phát triển” [149, tr.2]. Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân được tỉnh Tuyên Quang đặc biệt quan tâm và được triển khai thực hiện thông qua việc: Lập, phê duyệt các quy hoạch ngành và lĩnh vực; triển khai quyết liệt các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh và lồng ghép các chương trình, dự án đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản với quy mô lớn theo hướng tập trung như: cam, chè, mía, lạc, cây nguyên liệu giấy, chăn nuôi gia súc, gia cầm, cá đặc sản,... Tập trung tổ chức thực hiện 03 nhiệm vụ trọng tâm là: phát triển, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh và một số nông sản có hiệu quả kinh tế của địa phương; tích cực huy động, lồng

ghép các nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất. Ban hành nhiều cơ chế, chính sách, biện pháp giải quyết các vấn đề về hỗ trợ xây dựng hạ tầng, giống cây trồng, vật nuôi, khoa học, công nghệ, về hình thức tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu và tạo dựng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chỉ đạo các xã đã tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương bằng các mô hình liên kết “4 nhà: Nhà nước-nhà doanh nghiệp-nhà khoa học-nhà nông”, giá trị sản phẩm được nâng lên gấp 2-3 lần so với khi chưa thực hiện liên kết sản xuất. Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội, trong đó nòng cốt là Hội Nông dân trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ, phát động phong trào thi đua nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi. MTTQ chủ trì phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội xây dựng được 272 mô hình tự quản về giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững tại cộng đồng dân cư. Tiêu biểu là Hội Nông dân các cấp đã phối hợp tổ chức trên 59.424 buổi tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho hơn 3 triệu lượt hội viên nông dân; sử dụng hiệu quả 18,825 tỷ đồng vốn Quỹ hỗ trợ nông dân 583 hộ hội viên vay 18,470 tỷ đồng, thực hiện 144 dự án phát triển sản xuất; xây dựng gần 2.000 mô hình phát triển kinh tế có thu nhập cao [20, tr.2].

Ngày 19/3/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 282/QĐ-UBND, chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối NTM, các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở danh mục các dự án đã được phê duyệt. Tuyên Quang là một trong 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành sớm nhất việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị đến năm 2020, đó là cơ sở tạo đà thúc đẩy sản xuất phát triển. Trên cơ sở đó UBND tỉnh chỉ đạo ngành nông nghiệp thực hiện tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa, một số địa phương, doanh nghiệp đã đầu tư phát triển sản

xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm. Bước đầu đã có 38 cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; việc sản xuất hữu cơ, diện tích sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, hữu cơ...) được quan tâm phát triển. Các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng sản xuất an toàn, gắn với nhu cầu thị trường; năng suất các cây trồng chủ lực tăng bình quân hằng năm từ 1 đến 5%; giá trị sản phẩm thu được bình quân trên ha canh tác đều tăng so năm 2015. Giá trị sản xuất trồng trọt (theo giá so sánh năm 2010) năm 2020 đạt trên 4.200 tỷ đồng, giai đoạn 2015-2020 tăng bình quân 2,39%/năm.

Để phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị sản phẩm có lợi thế của từng địa phương, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 11/3/2019, chỉ đạo thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Quá trình triển khai đã đem lại hiệu quả quan trọng. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 79 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP (62 sản phẩm 3 sao, 17 sản phẩm 4 sao); có 54 sản phẩm đã được Cục Sở hữu trí tuệ-Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận nhãn hiệu; trên 200 sản phẩm được dán tem truy xuất nguồn gốc; 24 cơ sở được chứng nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Một số sản phẩm OCOP tiêu biểu như: Cam sành Hàm Yên được công nhận là 01 trong 50 trái cây ngon nhất Việt Nam, lọt Top 10 thương hiệu-nhãn hiệu nổi tiếng; chè hữu cơ Shan Tuyết Hồng Thái, chè đặc sản Vĩnh Tân, cá lăng được bình chọn danh hiệu "Thương hiệu vàng nông nghiệp Việt Nam"; chè Bát Tiên Mỹ Bằng, mật ong Tuyên Quang được "Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu"; bưởi Xuân Vân đứng TOP 10 Thương hiệu-nhãn hiệu nổi tiếng...

Việc ban hành nghị quyết chuyên đề và sáng tạo trong tổ chức thực hiện đã giúp cho ngành nông lâm, thủy sản chuyển dịch mạnh theo hướng hàng hóa với quy mô, năng suất và chất lượng ngày càng cao, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Đến năm 2020, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân trên 4,3%/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả

nước (3%); cơ cấu GRDP khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đứng thứ 3/11 tỉnh miền núi phía Bắc. So sánh tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng toàn ngành trong tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 4,4%/ năm (vùng miền núi phía Bắc đạt 3,1%/năm; vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 3,7%/năm), tính cả giai đoạn 2011-2020 đạt 4,6%/năm, cao gấp 1,4 lần và 1,2 lần so với mức bình quân của vùng miền núi phía Bắc và vùng Trung du và miền núi phía Bắc [156, tr.57]. Kinh tế nông, lâm nghiệp, thủy sản nông thôn phát triển góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Tính đến năm 2020 thu nhập bình quân người dân nông thôn (theo giá hiện hành) đạt 2,67 triệu đồng/người/tháng (tăng 1,55 lần so với năm 2015) [44, tr.47]. Xếp hạng thu nhập bình quân đầu người tỉnh Tuyên Quang đứng thứ 2 trong vùng miền núi phía Bắc (tăng 4 bậc so với năm 2016) và đứng thứ 5 trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc (tăng 2 bậc so với năm 2016) [156, tr.53]. Đến năm 2020, có 59/124 xã đạt tiêu chí thu nhập, chiếm tỷ lệ 47,6%, tăng 59 xã so với năm 2011 [99, tr.6].

Về tổ chức sản xuất: UBND tỉnh chỉ đạo đổi mới các loại hình tổ chức sản xuất được đổi mới phù hợp, hiệu quả hơn. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn; toàn tỉnh có 65 doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản. Kinh tế hộ tiếp tục được tạo điều kiện để phát triển như hỗ trợ kỹ thuật, giống mới cho vay vốn đầu tư phát triển sản xuất. Đặc biệt, mô hình kinh tế trang trại đã có bước phát mạnh mẽ, đến năm 2019, có 816 trang trại (tăng 774 trang trại so với năm 2011), có 475 trang trại vay vốn theo chính sách của tỉnh trên 167,1 tỷ đồng. Cùng với đó, kinh tế HTX cũng có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng, đến năm 2020 có 260 HTX (tăng 102 HTX so với năm 2011); có 98/260 HTX (chiếm 37,7%) có tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tăng 81 HTX so với năm 2011 (năm 2011 có 17 HTX); có 20 HTX được cấp nhãn hiệu, mã vạch hàng hóa với 22 sản phẩm [154, tr.10]. Đến năm 2020 có 116/124 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 93,5% [99, tr.6], tăng 103 xã so với năm 2011.

3.3.4.2. Giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo

Về đào tạo nghề và giải quyết việc làm: Thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới, kết hợp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giáo viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện các giải pháp đào tạo nghề theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm cho người lao động, chú trọng rà soát, nắm chắc tình hình lao động, thị trường lao động, đẩy mạnh hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và thông tin thị trường lao động qua các phiên giao dịch việc làm, trên các trang thông tin điện tử của quốc gia, của tỉnh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu của xã hội, có 12 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó có 01 trường cao đẳng thực hiện đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Trong những năm 2015-2020, toàn tỉnh có 55.839 người được học nghề, trong đó cao đẳng: 704 người, trung cấp: 2.975 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 52.160 người. Thực hiện tốt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 45% năm 2015 lên 60% năm 2020, trong đó, lao động qua đào tạo nghề tăng từ 27% lên 37%. Công tác đào tạo nghề đã góp phần tạo việc làm cho trên 114.000 lao động. Đến năm 2020, có 124/124 xã trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100% [99, tr.6], tăng 121 xã so với năm 2011.

Về giảm nghèo, an sinh xã hội: Là tỉnh miền núi, có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cuộc sống còn khó khăn, Tỉnh ủy đã xác định giảm nghèo, nâng cao đời sống cho Nhân dân là một nội dung quan trọng trong thực hiện tiêu chí XDNTM. Ngày 20/10/2017 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 46-NQ/TU, chỉ đạo tập trung huy động nguồn lực, tích cực triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo. Tỉnh ủy đã chỉ đạo sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo.

Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong thực hiện cuộc tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; hằng năm MTTQ chủ trì phát động tháng cao điểm “Vì người nghèo”, qua đó vận động, kêu gọi, khơi dậy những tấm lòng nhân ái, nghĩa cử cao đẹp cùng chung tay giúp đỡ người nghèo. Trong 5 năm, Quỹ vì người nghèo các cấp đã tiếp nhận số tiền trên 41,423 tỷ đồng, tập trung hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế và làm nhà ở tại các xã trong lộ trình về đích NTM, giai đoạn 2016-2020 [135, tr.7]. Trong những năm 2016-2020, UBND từ tỉnh đến cơ sở đã huy động được 7.887,5 tỷ đồng để triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; trong đó, tập trung triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ giảm nghèo, huy động các nguồn lực trong cộng đồng xã hội để hỗ trợ giảm nghèo; các chế độ, chính sách đối với người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Kết quả là tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn đa chiều của tỉnh giảm nhanh, từ 27,81% (vùng miền núi phía Bắc 34,81%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc 30,18%) năm 2015, xuống còn 9,03% năm 2020 (vùng miền núi phía Bắc đạt 15,3%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 12,76%). Tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo theo Chuẩn đa chiều đạt 20,1%/ năm giai đoạn 2016-2020 (vùng miền núi phía Bắc đạt 15,2%/năm; vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt 15,8%/năm) [156, tr.55-56]. Qua so sánh cho thấy tỷ lệ hộ nghèo của Tuyên Quang thấp hơn mức bình quân của vùng miền núi phía Bắc và vùng Trung du và miền núi phía Bắc; mặt khác tốc độ giảm nghèo của tỉnh cao hơn mức bình quân của vùng. Đây là nỗ lực vượt bậc của Đảng bộ tỉnh trong thực hiện tiêu chí giảm nghèo trong điều kiện tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn. Đến năm 2020, đã có 77/124 xã đạt tiêu chí về giảm nghèo, đạt 62,1% [99, tr.6], tăng 73 xã so với năm 2011. An sinh xã hội của người dân nông thôn được bảo đảm và ngày càng nâng lên. Tuy nhiên,

giảm nghèo ở một số nơi chưa bền vững, đời sống của một bộ phận Nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Mặc dù là tỉnh miền núi, còn nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh rất quan tâm đến việc cải thiện đời sống của cư dân nông thôn thông qua chương trình xóa nhà tạm, dột nát. UBND tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo các địa phương thực hiện chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát từ các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, Chương trình MTQG giảm nghèo và sự hỗ trợ của cộng đồng, vận động Nhân dân dựng mới (thay thế nhà tạm, dột nát); nâng cấp, cải tạo nhà bán kiên cố. Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang xác định: Từ năm 2016 đến năm 2020, toàn tỉnh “vận động Nhân dân nâng cấp cải tạo 23.163 nhà bán kiên cố” [144, tr.15].

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cả HTCT và toàn xã hội đã cùng vào cuộc. Công tác chỉnh trang nhà cửa và xóa nhà tạm, dột nát được quan tâm thực hiện, thông qua các chính sách, các chương trình, dự án, Nhân dân đã chủ động xây dựng, chỉnh trang trên 10.000 căn nhà đạt chuẩn theo quy định. Toàn tỉnh đã có 5.698 hộ nghèo được hỗ trợ làm mới và sửa chữa nhà ở, với tổng kinh phí trên 156,26 tỷ đồng. Trong đó: ngân sách nhà nước 0,26 tỷ đồng; vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội trên 93 tỷ đồng; Quỹ “Vì người nghèo” các cấp trên 27 tỷ đồng; nguồn tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân gần 36 tỷ đồng [155, tr.8]. Đến năm 2020, có 56/124 xã đạt tiêu chí, đạt 45,2% [99, tr.3], tăng 54 xã so với năm 2011.

Việc chỉ đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều chuyển biến, nhất là sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ. Chú trọng phát triển theo chiều sâu hướng đến giá trị bền vững. Tổ chức sản xuất theo hướng liên kết giữa khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương trên cơ sở Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Đặc biệt, Tuyên

Quang là điểm sáng về quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững, giá trị lớn về môi trường, với diện tích rừng trồng và sản lượng khai thác đứng đầu cả nước; là một trong ba tỉnh có tỷ lệ cao về che phủ rừng, với trên 65%. Qua đó cho thấy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã định hướng có trọng tâm, chỉ đạo sát thực tiễn với những phương pháp, cách làm hiệu quả góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nền nông nghiệp của tỉnh, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho cư dân nông thôn.

3.3.5. Nâng cao chất lượng giáo dục và bảo vệ môi trường ở nông thôn

3.3.5.1. Nâng cao chất lượng giáo dục

Nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục, đào tạo trong nâng cao dân trí, góp phần vào quá trình phát triển của tỉnh, Đảng bộ tỉnh tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, trọng tâm là xóa mù chữ, phổ cập giáo dục các cấp học, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Tỉnh ủy ban hành các văn bản chỉ đạo như: Kết luận số 51-KL/TU ngày 17/8/2016, Kết luận số 226-KL/TU ngày 10/7/2018, Nghị quyết số 73-NQ/TU ngày 10/12/2018, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy hoàn thành tiêu chí Giáo dục và đào tạo trong XDNTM.

Để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, Tỉnh tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống cơ sở vật chất. Trong những năm 2015-2020, hệ thống trường học đã được xây dựng, sửa chữa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Toàn tỉnh xây dựng trên 964 công trình trường học các cấp (trường học, phòng học và công trình phụ trợ) và trang cấp thiết bị cho 108 điểm trường các cấp [154, tr.8-9]. Tỉnh đã quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy học. Đến năm 2020, có 63/124 xã đạt tiêu chí về Trường học, đạt 50,8% [99, tr.4], tăng 63 xã so với năm 2011.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 26/10/2015, xác định mục tiêu chung là: “Nâng cao trình độ dân trí một cách toàn diện, củng cố kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở với chất lượng

và hiệu quả ngày càng cao; xóa mù chữ và ngăn chặn tái mù chữ ở người lớn. Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH trong thời kỳ CNH, HĐH” [146, tr.2]. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019, quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Phát huy kết quả đã đạt được, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo ngành giáo dục tập trung thực hiện tốt Đề án phát triển giáo dục mầm non tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, với mục tiêu giai đoạn 2016-2020: “Tỷ lệ huy động trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ: 50%; tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo: Trên 99%; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi: Dưới 5%; tỷ lệ trẻ được học 2 buổi/ngày: 80%, trong đó tỷ lệ trẻ năm tuổi được học 2 buổi/ngày đạt trên 85%; tỷ lệ các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia: 20%; tỷ lệ giáo viên mầm non đạt chuẩn về trình độ đào tạo trở lên: 100%; tỷ lệ giáo viên mầm non đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo: 30%; tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non trong biên chế nhà nước: 70%; tỷ lệ giáo viên mầm non không trong biên chế nhà nước: 30%” [137, tr.3].

Ngành giáo dục tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Chất lượng đội ngũ giáo viên từng bước được tăng cường cả về số lượng, chất lượng góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. So với năm 2011, mức độ đạt ở các chỉ tiêu đều được nâng lên: 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở hàng năm đều đạt 100%. Sự chỉ đạo sát sao và phù hợp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Tuyên Quang đã góp phần thực hiện tốt tiêu chí về giáo dục trong XDNTM. Đến năm 2020, có 124/124 xã đạt tiêu chí về Giáo dục và đào tạo, chiếm tỷ lệ 100%, tăng 116 xã so với năm 2011 [99, tr. 6].

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển vượt bậc; quy mô, mạng lưới trường, lớp học được sắp xếp lại một cách hợp lý, hiệu quả, phù hợp; cơ

sở vật chất, trang thiết bị dạy học từng bước được đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao; đội ngũ giáo viên, giảng viên ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đóng góp quan trọng vào sự phát triển KT-XH của tỉnh. Bên cạnh kết quả đạt được, còn có những hạn chế, khuyết điểm: Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mầm non còn hạn chế; chất lượng giáo dục đại trà chưa đồng đều; cơ sở vật chất dành cho giáo dục đào tạo còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

3.3.5.2. Nâng cao chất lượng y tế cơ sở

Với quan điểm chỉ đạo: Tạo chuyển biến về chất lượng chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, trong giai đoạn 2015-2020, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, có nhiều tiến bộ. Ngày 06/3/2018, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Kế hoạch số 172-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng khóa XII và Kế hoạch số 173-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 21-NQ TW, ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương Đảng, khóa XII, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ giải pháp để nâng cao chất lượng y tế cơ sở, góp phần hoàn thành tiêu chí về Y tế trong XDNTM.

UBND tỉnh tập trung chỉ đạo ngành y tế thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Chương trình mục tiêu y tế-dân số được triển khai đồng bộ, hiệu quả; mức tăng dân số hợp lý, chất lượng dân số có tiến bộ. Chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; hằng năm trên 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ các loại vắc xin phòng bệnh; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn dưới 13%, thể thấp còi giảm còn 24%. Công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm được quan tâm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm đông người.

Đặc biệt, trước nguy cơ của đại dịch Covid-19, ngày 30/01/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Văn bản số 3402-CV/TU; UBND tỉnh ban hành Công điện khẩn ngày 31/01/2020 và Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 01/02/2020 để chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp thực hiện. Tỉnh đã tích cực, chủ động thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, giám sát chặt chẽ các ca bệnh truyền nhiễm lây lan vào tỉnh. Xây dựng kế hoạch đối phó dịch bệnh; phun khử khuẩn, vệ sinh môi trường; chuẩn bị phương tiện, vật tư, hóa chất phòng chống dịch; theo dõi, cách ly các trường hợp có nguy cơ lây nhiễm; thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống dịch; xây dựng khu vực cách ly tập trung cho bệnh nhân theo dõi Covid-19; chuẩn bị kế hoạch, phương án thành lập Bệnh viện dã chiến; thành lập 05 tổ, đội dự bị động viên sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh gây ra. Kết quả chống dịch hiệu quả đã giúp đảm bảo sức khỏe, an toàn cho Nhân dân toàn tỉnh, trong đó có khu vực nông thôn.

Tỉnh chỉ đạo tập trung phát triển mạng lưới y tế cơ sở, trang thiết bị y tế được ưu tiên đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; công tác thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất ngành y tế được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực. Từ năm 2011 đến năm 2019, thông qua nhiều nguồn vốn đã đầu tư, xây mới 4 bệnh viện với tổng kinh phí 654 tỷ đồng (Bệnh viện Phổi 268 tỷ, Bệnh viện ATK 220 tỷ, Bệnh viện đa khoa Sơn Dương 36 tỷ, Bệnh viện đa khoa Lâm Bình 130 tỷ); nâng cấp, sửa chữa 01 bệnh viện đa khoa Chiêm Hóa với tổng kinh phí 79 tỷ đồng; xây mới trên 35 Trạm y tế xã, phường, thị trấn với tổng kinh phí trên 100 tỷ đồng. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ BHYT, nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế từ 88,2% năm 2011 lên 96,6% năm 2018 [154, tr.11]. Tỉnh tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các cơ sở vật chất y tế. Mạng lưới trạm y tế được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, đồng thời thực hiện xây dựng mới 35 trạm y tế. Đến năm 2020 có 114/124 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, đạt 91,9% [99,

tr.5], tăng 48 xã so với năm 2011. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, chất lượng khám, chữa bệnh của một số cơ sở y tế chưa đáp ứng yêu cầu.

3.3.5.3. Phát triển văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần cho cư dân nông thôn

Để tập trung xây dựng thiết chế văn hóa nông thôn, BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 22/5/2016, xác định mục tiêu đến năm 2020 có “trên 40% số thôn, bản, tổ nhân dân có nhà văn hóa gắn với sân thể thao và khuôn viên đạt chuẩn theo quy định” [126, tr.3]. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành Đề án xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, to dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên giai đoạn 2016-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, xác định nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 xây dựng “tổng số 595 nhà văn hóa, kinh phí thực hiện ước tính 285.845 triệu đồng” [153, tr.2]. Với sự đầu tư và chỉ đạo quyết liệt của tỉnh, cùng với sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng, hệ thống nhà văn hóa ở các xã, thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã có sự thay đổi rõ rệt, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Toàn tỉnh đã xây dựng 1.218 công trình văn hóa, với 50 xã có nhà văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn, 1.281/1.790 thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn, hầu hết các thôn đã bố trí được các khu thể thao đơn giản phục vụ văn hóa, văn nghệ, thể thao của Nhân dân [154, tr.9]. Đến năm 2020, có 74/124 xã đạt tiêu chí, đạt tỷ lệ 59,7% [99, tr.4], tăng 74 xã so với năm 2011. Trong thực hiện tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, Tuyên Quang là một trong số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiêu biểu có số xã đạt tỷ lệ cao gồm: Sóc Trăng 100%; Hải Phòng 96,5%; Thái Bình 94,4%; Vĩnh Phúc 92,9%; Tây Ninh 92,5%; Tuyên Quang 89,9%. Đây cũng là sự khẳng định sự đúng đắn, phù hợp với thực tiễn địa phương trong chủ trương của Đảng bộ tỉnh, khi đã quan tâm ban hành nghị quyết chuyên đề, xác định đúng trọng tâm và quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện.

Đối với lĩnh vực văn hóa, tỉnh xác định xây dựng con người phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, có nhân cách, lối sống, kế thừa và phát huy truyền thống quê hương cách mạng. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, thôn bản, tổ nhân dân văn hóa. Quan tâm tạo điều kiện phát triển văn học, nghệ thuật, thông tin, truyền thông. Tăng cường công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa; chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa gắn với phát triển du lịch. Triển khai thực hiện Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020”; tập trung bảo tồn các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số. Khôi phục, duy trì các lễ hội truyền thống như: Lễ hội Lồng Tồng, Lễ hội nhảy lửa, Lễ hội cấp sắc...; thành lập các câu lạc bộ hát then, đàn tính, hát Páo dung; vận động Nhân dân giữ nguyên hiện trạng, kiến trúc nhà ở, các trò chơi dân gian, văn hóa ẩm thực, khôi phục và duy trì một số nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc gắn với phát triển du lịch.

Tỉnh ủy thông qua Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, chỉ đạo UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, quyết định phê duyệt các đề án về lĩnh vực văn hóa như: Đề án phát triển du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2025; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 15/4/2016 thực hiện Đề án truyền thông về phát triển Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 8/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang...; qua đó, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và các chỉ tiêu chủ yếu trên lĩnh vực văn hóa được tập trung thực hiện hiệu quả.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, trọng tâm là xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hoá”, “Xã đạt chuẩn văn hóa NTM gắn với xây dựng xã đạt chuẩn NTM”, luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo. MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội giữ vai trò nòng cốt, tiên phong trong thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Qua phong trào, thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần thực hiện có hiệu quả chương trình XDNTM trong toàn tỉnh. Số hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa, khu dân cư đạt văn hóa và xã đạt chuẩn văn hóa đều tăng qua các năm. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển. Phong trào văn nghệ quần chúng tiếp tục được duy trì và nâng cao chất lượng; các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng được tổ chức thường xuyên, thu hút sự tham gia của đông đảo Nhân dân. Các mô hình văn nghệ quần chúng, câu lạc bộ đàn và hát dân ca tiếp tục phát triển, năm 2020, tỉnh có 138 đội văn nghệ quần chúng xã, phường, thị trấn; 2.667 đội văn nghệ quần chúng thôn, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, trường học...; trên 200 câu lạc bộ đàn hát dân ca và bảo tồn văn hóa dân tộc. Thiết chế văn hoá, thể thao ở cơ sở được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, đầu tư xây dựng từng bước đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao mức hưởng thụ cho Nhân dân. Từ đó, phong trào văn hóa, văn nghệ của thôn, bản được phát triển, thường xuyên tổ chức giao lưu thi đấu thể thao, biểu diễn văn nghệ, góp phần quan trọng xây dựng tinh thần đoàn kết, xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư, toàn tỉnh có 138 đội văn nghệ quần chúng xã, phường, thị trấn; 2.638 tổ, đội văn nghệ quần chúng thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang; 4.015 đội thể thao cơ sở; trên 44.176 vận động viên cơ sở; 350 câu lạc bộ thể thao; 409 sân bóng chuyền, 305 sân bóng đá, 686 sân cầu lông; 29 sân quần vợt và một số sân chơi bãi tập khác thường xuyên hoạt động. Đến năm 2020 có 119/124 xã đạt tiêu chí, đạt 95,97% (tăng 53 xã so với năm

2011) [99, tr.6]. Mặc dù là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, nhưng đời sống tinh thần của Nhân dân ở nông thôn rất phong phú và ngày càng được nâng lên. Đây là một điểm sáng trong thực hiện tiêu chí về văn hóa trong XDNTM ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa có mặt còn hạn chế; hiệu quả bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa chưa cao; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu.

3.3.5.4. Nâng cao chất lượng bảo vệ môi trường

Bảo vệ môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của tỉnh. Nhằm thực hiện tốt tiêu chí môi trường góp phần XDNTM hiện đại, văn minh, môi trường trong sạch; do đó, Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, xác định: “ngăn chặn gia tăng ô nhiễm và nâng cao chất lượng môi trường, bảo đảm cho mọi người dân đều được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực do Nhà nước quy định... Đảm bảo 95% dân số nông thôn được sử dụng đủ nước sinh hoạt hợp vệ sinh” [136, tr.9].

Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, xác định những nội dung cụ thể trong thực hiện tiêu chí về môi trường giai đoạn 2016-2020 là: “xây mới 69 công trình, cải tạo nâng cấp 23 công trình cấp nước nông thôn. Làm mới 28.500 giếng nước hợp vệ sinh; làm bể nước, nhà tắm của hộ 25.332 công trình; làm mới 50.639 công trình nhà tiêu hợp vệ sinh; Xây dựng hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi với 25.487 công trình; Xây dựng điểm thu gom rác thải của xã với 45 điểm thu gom rác; trang bị 270 xe chở rác...” [144, tr.17-18].

Dưới sự chỉ đạo tập trung và quyết liệt của UBND tỉnh, công tác quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn được các địa phương quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả tốt. Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90,5% (tăng 30,8% so với 2010), trong đó, 62% số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, vận hành hệ

thống xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp tục được chú trọng: Tập trung chỉ đạo nhân rộng mô hình thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật, ứng dụng công nghệ cao, sử dụng các sản phẩm sinh học, quản lý dịch hại tổng hợp...; quy hoạch chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, chăn nuôi kết hợp xây dựng hầm biogas theo công nghệ mới (17.430 công trình), vận động Nhân dân thực hiện chính trang 03 công trình vệ sinh (đã xây dựng 20.045 Công trình chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh). Các hội, đoàn thể tăng cường vận động Nhân dân thu gom, xử lý rác thải đạt hiệu quả (kết quả: rác thải nông thôn được thu gom và xử lý đạt khoảng 30%, tăng 20% so với 2011) [154, tr.12]. Các xã đã chủ động xây dựng, ban hành quy chế quản lý nghĩa trang theo quy hoạch, nhận thức được sự cần thiết phải đóng cửa các nghĩa trang không theo quy hoạch, ảnh hưởng đến môi trường. Các cơ sở, hộ gia đình kinh doanh đã chú trọng và thực hiện theo các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm. Tại cơ sở và địa bàn khu dân cư, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đã phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường, nổi bật như mô hình “5 không, 5 sạch” của Hội Phụ nữ; mô hình “Thắp sáng đường quê” của Đoàn Thanh niên; chương trình xây dựng hầm bể Biogas của Hội Nông dân... góp phần thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đến năm 2020 có 48/124 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 38,7% [99, tr.5], tăng 48 xã so với năm 2011. Tuy nhiên, việc thu gom và xử lý rác thải ở khu vực nông thôn còn gặp nhiều khó khăn; vấn đề ô nhiễm môi trường ở các khu vực chăn nuôi chưa được xử lý triệt để hoàn toàn.

3.3.6. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn

3.3.6.1. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở

Xác định HTCT vững mạnh hoạt động hiệu lực, hiệu quả có ý nghĩa quan trọng trong triển khai và hoàn thành các mục tiêu XDNTM. Cụ thể hóa sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, UBND tỉnh

xác định mục tiêu đến năm 2020: “Trên 95% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn; hàng năm 100% Đảng bộ xã đạt trong sạch, vững mạnh, chính quyền xã và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cấp xã đạt vững mạnh” [144, tr.12].

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, công tác xây dựng Đảng và HTCT tiếp tục được các đảng bộ xã quan tâm chỉ đạo, thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở được chú trọng. Từng bước chuẩn hoá đội ngũ cán bộ, công chức theo chức danh, ngành nghề đào tạo, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ tham dự các lớp tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được 12.832 cán bộ công chức cấp xã (đến năm 2019, 100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn) [154, tr.12]. Để nâng cao chất lượng XDNTM, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND, ngày 19/01/2016, với mục tiêu “đến năm 2020, có 100% cán bộ làm công tác XDNTM ở các cấp có khả năng tham mưu, tổ chức thực hiện các nội dung thuộc Chương trình MTQG XDNTM phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao” [147, tr.1-2]. Đối tượng đào tạo là thành viên BCD XDNTM của các Sở, ngành, đoàn thể được giao nhiệm vụ thực hiện các nội dung của Chương trình MTQG XDNTM; cán bộ Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM. Trưởng BCD, Phó trưởng BCD và các thành viên BCD và cán bộ phụ trách XDNTM cấp huyện. BCD, Ban quản lý XDNTM cấp xã; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; cán bộ, công chức xã theo quy định tại Nghị định số 92/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ; cán bộ Đảng, đoàn thể; cán bộ được cấp trên tăng cường về xã; cán bộ nguồn theo diện quy hoạch của xã. Việc tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng giúp cho cán bộ làm công tác XDNTM nâng cao nhận thức, kiến thức và ý thức trách nhiệm trong tổ chức triển khai và nâng cao chất lượng XDNTM trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy đã triển khai đồng bộ các giải pháp về công tác xây dựng Đảng, như: Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ

chức Đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đến việc xây dựng các đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh...[43, tr.134-139]. Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo cấp ủy cấp huyện, xã xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy. Đảng ủy các xã phân công cấp ủy viên phụ trách và dự sinh hoạt chi bộ thôn, bản. Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng mô hình bí thư (hoặc phó bí thư) đồng thời là chủ tịch HĐND ở các cấp; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND xã; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn. Công tác xây dựng đảng bộ đạt “trong sạch, vững mạnh”, chính quyền xã đạt “vững mạnh” được thực hiện quyết liệt, hiệu quả.

Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả, thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, UBND, các cơ quan hành chính cấp cơ sở. Việc tổ chức các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri, hoạt động giám sát, giải trình, chất vấn của HĐND xã được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả tích cực. Cải cách thể chế được đẩy mạnh, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì tại 100% các xã. Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở được đẩy mạnh. UBND các xã đã đổi mới, chủ động, linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội. Kỷ luật, kỷ cương hành chính của chính quyền cơ sở được tăng cường; nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, hiệu quả công việc của cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm túc các quy định về sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tinh giản biên chế trong hệ thống chính quyền ở cơ sở.

Nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội từng bước được đổi mới, hướng mạnh về cơ sở. Phát huy tính chủ động của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là phong trào “Toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh”. củng cố, kiện toàn tổ chức, đa dạng hóa mô hình, phương thức hoạt động, từng bước đáp ứng nguyện vọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Phát huy tốt vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội, thực hiện tốt quy chế dân chủ, giải quyết các vấn đề phát sinh ngay tại cơ sở; chú trọng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo ở khu vực nông thôn.

Với HTCT vững mạnh, đặc biệt là ở cơ sở đã tạo đà để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn và xây dựng địa phương ngày càng phát triển. Đến năm 2020 có 115/124 xã đạt tiêu chí, đạt 92,7% [99, tr.6], tăng 19 xã so với năm 2011.

3.3.6.2. Đảm bảo quốc phòng và an ninh ở cơ sở

Đề án XDNTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2020, UBND tỉnh xác định mục tiêu đến năm 2020 “100% số xã không xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự” [144, tr.12]. UBND tỉnh đã chỉ đạo 100% xã triển khai xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy quân sự, quốc phòng; xây dựng và triển khai kế hoạch quân sự quốc phòng hằng năm. Phát huy vai trò của Nhân dân tham gia các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; xây dựng hệ thống quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân vững chắc ở cơ sở.

Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm quán triệt và nhất quán chỉ đạo trong thực tiễn việc kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh địa bàn, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội luôn được coi là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng bộ, chính quyền, của cả HTCT và toàn dân. Chủ

động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng; xây dựng được "thể trận lòng dân"; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các nguy cơ gây mất ổn định ở cơ sở từ sớm, từ xa.

Quá trình triển khai ở cơ sở, Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng hệ thống quốc phòng, an ninh ở cơ sở, với 100% số xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định; xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm; các cơ quan, đơn vị trong lực lượng vũ trang đã làm tốt công tác xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; phối hợp, tham gia đấu tranh phòng chống các tệ nạn, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Lực lượng công an đã đề ra nghị quyết, kế hoạch để làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể, xã hội ở cơ sở về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện chỉ tiêu “an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên” có tác động ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu còn lại trong bộ tiêu chí xã NTM. Đến năm 2020, có 109/124 xã đạt tiêu chí, đạt 87,9% [99, tr.6].

Trong chỉ đạo thực hiện lĩnh vực quốc phòng-an ninh, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có nhiều sự đổi mới, khi không coi đó là lĩnh vực riêng rẽ mà lồng ghép thành một thành tố quan trọng trong phát triển bền vững nông thôn. Quá trình triển khai đồng bộ, có nhiều sáng tạo, đặc biệt là việc vận dụng phương châm “4 tại chỗ”, phát huy sức mạnh của Nhân dân trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Những kết quả trong xây dựng và đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cơ sở, đã giúp cho việc giữ vững sự ổn định tình hình chính trị, không xảy ra điểm nóng, tạo môi trường thu hút đầu tư phát triển KT-XH nông thôn. Tình hình chính trị ổn định, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững đã tạo môi trường sống tốt, an toàn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cư dân nông thôn.

Kết luận chương 3

Trước những diễn biến của tình hình thế giới, khu vực và trong nước trong những năm 2015-2020, trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; thành tựu đạt được trong XDNTM những năm 2010-2015, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đề ra chủ trương, chỉ đạo đẩy mạnh XDNTM giai đoạn 2015-2020 với việc nâng cao mục tiêu, ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề trong lĩnh vực nông nghiệp hàng hóa, giảm nghèo và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, góp phần nâng cao hiệu quả, tính bền vững của chương trình XDNTM.

Với chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời, sáng tạo công tác tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua được đẩy mạnh góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kết quả nổi bật trong giai đoạn 2015-2020 là: Hạ tầng KT-XH được tập trung đầu tư, nâng cấp có chuyển biến rõ nét, góp phần thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, vui chơi, giải trí và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân, nhất là đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống kênh mương và nhà văn hóa thôn. Phát triển sản xuất có nhiều điểm mới, nổi bật. Đặc biệt so sánh với vùng miền núi phía Bắc và vùng Trung du và miền núi phía Bắc, ngành nông, lâm nghiệp thủy sản Tuyên Quang đạt mức tăng trưởng cao hơn, tốc độ giảm nghèo của tỉnh cao hơn mức bình quân của vùng.

Bên cạnh kết quả đạt được, XDNTM giữa các địa phương còn chênh lệch; chất lượng đạt chuẩn tiêu chí ở một số địa phương còn thiếu bền vững. Tiêu chí môi trường vẫn là tiêu chí khó đối với các xã nhất là chất thải sinh hoạt; sản xuất nông nghiệp vẫn còn phân tán, Bộ máy giúp việc BCD các cấp chưa được quy định rõ vị trí pháp lý trong hệ thống các cơ quan và cơ cấu chuyên môn. Từ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM giai đoạn 2015-2020 là cơ sở để đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho giai đoạn sau.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2020)

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, từng bước nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang đã nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển KT-XH, là cơ sở để đưa Tuyền Quang thoát khỏi tình nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Từ năm 2011, Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về XDNTM để thống nhất nhận thức và tập trung lãnh đạo thực hiện nhằm đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn. Nghị quyết số 27-NQ/TU ngày 23/11/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh, nêu rõ quan điểm và mục tiêu: “XDNTM là nhiệm vụ trọng tâm của cả HTCT và toàn xã hội... XDNTM với kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ và từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất hợp lý; gắn sản xuất nông, lâm nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; xây dựng nông thôn ổn định, dân chủ được phát huy giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững” [117, tr.3-4].

Mục tiêu Nghị quyết cho thấy, Đảng bộ tỉnh đã nhận thức được vai trò rất quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển KT-XH, nâng cao đời sống Nhân dân và làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Nhận thức trên được quán triệt, tạo nên sự đồng thuận và thống nhất hành động của cả HTCT từ tỉnh đến cơ sở.

Nhận thức của Đảng bộ tỉnh về tầm quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh ngày càng được nâng lên. Nếu như Đại hội đại biểu

Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020, xác định XDNTM là 01 trong 04 nhiệm vụ trọng tâm; thì đến Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định XDNTM là một trong ba khâu đột phá. Điều đó thể hiện sự phát triển nhận thức của Đảng bộ tỉnh trong lãnh đạo XDNTM, coi đây là một nội dung quan trọng để tỉnh tập trung nguồn lực thực hiện, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống Nhân dân. Nhờ nhận thức đúng đắn vị trí, tầm quan trọng của vấn đề này, đã tạo tiền đề để Đảng bộ tỉnh lãnh đạo thành công XDNTM. Thực tiễn quá trình thực hiện cho thấy các mục tiêu về XDNTM được Đảng bộ tỉnh xác định trong giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020 đều đạt và vượt mức so với nghị quyết đề ra, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân, tạo sự chuyển biến ấn tượng từ tỉnh kém phát triển trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

Trên cơ sở đó, Đảng bộ tỉnh đã tăng cường quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả HTCT và mọi cán bộ, đảng viên, Nhân dân. Tỉnh ủy đã chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tổ chức phong trào thi đua XDNTM cho từng giai đoạn, với sự tham gia của cả HTCT. Do đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Chương trình MTQG XDNTM ngày càng được nâng lên.

Qua khảo sát ý kiến của Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các xã cho thấy, có 28,6% ý kiến biết từ trước năm 2010; 66,4% ý kiến biết từ khoảng năm 2010 [phụ lục 12, câu hỏi 1]. Khảo sát trên cho thấy đội ngũ cán bộ cấp xã có nhận thức về Chương trình MTQG XDNTM từ rất sớm. Việc nhận thức đầy đủ các nội dung về Chương trình MTQG XDNTM sẽ giúp cán bộ, đảng viên có thể triển khai hiệu quả nhất trong thực tiễn. Từ nhận thức đầy đủ về mục tiêu, nội dung các tiêu chí, phương pháp triển khai giúp cho cấp ủy, chính quyền cụ thể hóa vào thực tiễn địa phương, đặt ra mục tiêu cụ thể phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của địa phương; xây dựng lộ trình

thực hiện, lựa chọn tiêu chí làm trước, làm sau để phát huy tối đa các nguồn lực giúp cho quá trình triển khai Chương trình đạt được hiệu quả.

Ý kiến của cán bộ về mức độ quan trọng của chương trình XDNTM đối với sự phát triển KT-XH của địa phương, có 87,2% ý kiến khẳng định rất quan trọng; 12,1% ý kiến khẳng định quan trọng [phụ lục 12, câu hỏi 2]. Khảo sát trên cho thấy, cán bộ lãnh đạo các xã nhận thức rất rõ về vai trò, tầm quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nhận thức trên có ý nghĩa quan trọng hình thành tư duy xác định đường lối và phương pháp chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả cao trong thực tiễn. Thực tế trong giai đoạn 2010-2020, hầu hết cán bộ chủ chốt cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đều rất quan tâm và quyết liệt trong chỉ đạo thực Chương trình mục tiêu XDNTM.

Từ nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của XDNTM, cán bộ, đảng viên đã tích cực tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của người dân trong XDNTM. Trong chỉ đạo thực hiện, cấp ủy, chính quyền các xã luôn quán triệt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”. Qua đó, nhận thức về vai trò “chủ thể” của Nhân dân cũng được nâng lên, góp phần tạo sự đồng thuận, huy động sức người, sức của trong XDNTM.

Qua khảo sát về vai trò của người dân trong XDNTM, có 76,5% ý kiến người dân khẳng định là chủ thể, chủ động thực hiện [phụ lục 13, câu hỏi 4]. Khảo sát trên cho thấy đa số người dân đã nhận thức rõ về vai trò của mình là chủ thể, vừa là người thực hiện và thụ hưởng thành quả của XDNTM. Thực tiễn quá trình tổ chức thực hiện Chương trình MTQG XDNTM đã phát huy vai trò chủ thể thực hiện là cộng đồng dân cư, Nhà nước có vai trò định hướng, hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện. Trong quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, Tỉnh luôn quán triệt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, sau đó điều chỉnh thành “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”. Từ đó, phát huy tối đa sự tích cực, chủ động của người dân trong XDNTM. Nhân dân đã chủ động tham gia đóng góp hàng triệu ngày công, hàng nghìn mét đất, nguyên vật liệu và gần

1.300 tỷ đồng, tạo ra nguồn lực to lớn để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình XDNTM.

Hai là, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời hoạch định chủ trương về xây dựng nông thôn mới phù hợp với thực tiễn địa phương

Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ tỉnh đã kịp thời ban hành chủ trương phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Nghị quyết số 27-NQ/TU, đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo “ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH thiết yếu; triển khai đồng bộ ở tất cả các xã, phấn đấu thực hiện hoàn thành các tiêu chí và bảo đảm phát triển bền vững” [117, tr.3]. Quan điểm trên đã được BCH Đảng bộ tỉnh triển khai nhất quán trong quá trình tổ chức thực hiện XDNTM. Đảng bộ tỉnh chủ trương triển khai đồng bộ 19/19 tiêu chí về XDNTM, nhưng tập trung nguồn lực vào một số lĩnh vực quan trọng, thiết yếu như: trong nhóm tiêu chí về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất, tập trung vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng hàng hóa; nhóm tiêu chí về hạ tầng KT-XH, tập trung vào giao thông, thủy lợi, xây dựng nhà văn hóa, xóa nhà tạm, nhà dột nát; tiêu chí về văn hóa-xã hội-môi trường, tập trung vào xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, phát triển văn hóa gắn liền với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương... Chủ trương triển khai toàn diện các tiêu chí vừa đảm bảo hoàn thành mục tiêu theo quy định của Chính phủ, đồng thời căn cứ vào khả năng điều kiện của tỉnh để tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư trước cho các lĩnh vực quan trọng mà tỉnh có thể mạnh và trực tiếp liên quan đến cải thiện đời sống cho Nhân dân. Mặc dù là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, nhưng với những chủ trương đúng đắn, sát thực tiễn của Đảng bộ tỉnh, nên quá trình triển khai XDNTM của tỉnh Tuyên Quang đã đạt được những kết quả quan trọng, có chiều sâu và chất lượng ngày càng được nâng lên.

Quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tiễn của tỉnh Tuyên Quang. Khảo sát ý kiến Nhân dân đánh giá về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM, giai đoạn 2010-2020, có 96,4% ý kiến khẳng định tương đối phù hợp và phù hợp với thực tiễn địa phương [phụ lục 13, câu hỏi 6]. Khảo sát trên cho thấy, đa số ý kiến Nhân dân đều đánh giá chủ trương, đường lối của Đảng bộ tỉnh là phù hợp với thực tiễn. Với chủ trương của Đảng và bộ tiêu chí của Chính phủ áp dụng chung trên phạm vi cả nước, thì việc các Đảng bộ tỉnh vận dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của các địa phương là rất cần thiết. Vì vậy, quá trình lãnh đạo XDNTM, BCH Đảng bộ tỉnh đã quán triệt và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và Nhà nước, bám sát đặc thù của địa phương và có tham khảo, học tập kinh nghiệm để xây dựng chủ trương, đường lối phù hợp với điều kiện thực tiễn, góp phần quan trọng hoàn thành mục tiêu và nâng cao chất lượng XDNTM tại tỉnh Tuyên Quang. Qua khảo sát ý kiến của Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các xã cho thấy, có 64,5% ý kiến khẳng định: để xác định đường lối, mục tiêu và đề ra nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ cơ sở cần phải căn cứ vào chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ cấp trên, từ đặc điểm thực tiễn địa phương và kinh nghiệm thế giới và các địa phương khác trong nước [phụ lục 12, câu hỏi 3]. Qua đó cho thấy đội ngũ cán bộ cấp xã đã quán triệt và có phương pháp cụ thể hóa hiệu quả chủ trương của Đảng về XDNTM phù hợp với thực tiễn địa phương.

Với đặc thù là một tỉnh miền núi, Đảng bộ tỉnh xác định phải tập trung để phát huy những thế mạnh của địa phương; đồng thời khắc phục những khó khăn, yếu tố không thuận lợi để thực hiện chương trình XDNTM đạt mục tiêu đề ra. Cụ thể như: trong phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, với đặc thù là một tỉnh miền núi, Đảng bộ tỉnh xác định phát triển nông nghiệp hàng hóa mang đặc thù của tỉnh, kinh tế nông nghiệp phải gắn liền với lâm nghiệp và

nuôi trồng thủy sản; trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, tỉnh đã tập trung nguồn lực đầu tư vào các nội dung trọng tâm là giao thông và thủy lợi. Do đó, để nâng cao hiệu quả XDNTM, Tỉnh ủy đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề chú trọng phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và giảm nghèo bền vững như: Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 46-NQ/TU, ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các Nghị quyết trên của Đảng bộ tỉnh đã thúc đẩy sản xuất phát triển, xóa đói, giảm nghèo, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

Trên cơ sở Bộ tiêu chí về XDNTM của CP, Tỉnh ủy chủ trương cần phải cụ thể hóa cho sát với thực tiễn địa phương và dễ cho quá trình triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND, ngày 14/4/2017 về ban hành “Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 269/QĐ-UBND, ngày 03/10/2018 về ban hành “Bộ số tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020”; Quyết định số 72/QĐ-UBND, ngày 11/3/2019 về việc ban hành “Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020”; Quyết định số 73/QĐ-UBND, ngày 11/3/2019 về việc ban hành “Bộ tiêu chí vườn mẫu NTM trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020”. Việc cụ thể hóa các tiêu chí về XDNTM cho thấy, cấp ủy, chính quyền tỉnh đã bám sát quy định của Chính phủ và căn cứ vào đặc điểm cụ thể của tỉnh để bổ sung, chi tiết các tiêu chí, tạo thuận lợi và nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình XDNTM. Quán triệt chủ trương của Tỉnh ủy, trong quá trình thực hiện XDNTM, UBND tỉnh đã chỉ đạo “Rà soát, đánh giá cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, kịp thời bổ sung, sửa đổi, ban hành chính sách: Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đúng phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, theo hướng tạo thuận lợi để người dân, các cấp ủy,

chính quyền cơ sở chủ động triển khai thực hiện” [148, tr.2]. Qua đó cho thấy, trong điều kiện tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ tỉnh đã có chủ trương vận dụng linh hoạt và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ nguồn vốn từ ngân sách TƯ, địa phương, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, nguồn vốn tín dụng, vốn huy động từ doanh nghiệp, đặc biệt tỉnh đã huy động được sự tham gia tích cực của Nhân dân trong đóng góp tiền, ngày công, hiến đất... góp phần quan trọng hoàn thành mục tiêu XDNTM.

Ba là, trong quá trình chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chủ động, sáng tạo, linh hoạt, với những phương pháp, cách làm phù hợp nên đã đạt được những kết quả nổi bật

Xác định XDNTM là một nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy, BCH Đảng bộ tỉnh đã có sự chỉ đạo sát sao và thường xuyên. Trong giai đoạn 2010-2020, Tỉnh ủy đã tổ chức khoảng 269 cuộc họp BCH, Ban Thường vụ, trong đó có 125 cuộc có nội dung liên quan đến vấn đề XDNTM. Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tổ chức tuyên truyền, phát động các phong trào thi đua, xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện. Yêu cầu Đảng đoàn HĐND chỉ đạo HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về quy hoạch, cơ chế, chính sách có liên quan và giám sát quá trình thực hiện. Yêu cầu Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án; phải quyết liệt, linh hoạt trong triển khai thực hiện để hoàn thành mục tiêu đề ra.

Quá trình thực hiện XDNTM, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo các cấp, ngành tổ chức triển khai từng bước chắc chắn, đem lại hiệu quả cao trong thực tiễn. Trong những năm 2010-2015, Tỉnh ủy chủ trương chỉ lựa chọn mỗi huyện, thành phố một xã làm mô hình điểm, tập trung nguồn lực tài chính, huy động lực lượng để thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra; qua đó rút ra bài học kinh nghiệm làm cơ sở triển khai rộng rãi ở giai đoạn sau. Trên cơ sở kết quả đạt được giai đoạn 2015-2020, Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI chủ trương đẩy

mạnh XDNTM với mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 có “trên 30% số xã đạt chuẩn NTM” [43, tr.92]. Với phương pháp chỉ đạo thận trọng, có trọng tâm, trọng điểm tỉnh Tuyên Quang đã khắc phục những khó khăn trong huy động và phân bổ nguồn lực, để đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn.

Đảng bộ tỉnh xác định XDNTM bắt đầu từ hộ gia đình, đến thôn bản, xã. Tùy thuộc lợi thế của từng địa phương để lựa chọn thứ tự ưu tiên các tiêu chí thực hiện, tiêu chí dễ làm trước, khó làm sau, các tiêu chí liên quan trực tiếp đến người dân để vận động thực hiện nhằm tạo thành phong trào thi đua lấy thành tích gắn với công tác thi đua khen thưởng. Trong quá trình triển khai thực hiện, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm đến việc tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng những mô hình, điển hình tiên tiến, những cách làm hay để có những biện pháp triển khai phù hợp, hiệu quả.

Tỉnh luôn quan tâm phát động phong trào thi đua XDNTM sâu rộng trong Nhân dân. Các cấp, các ngành đã vào cuộc mạnh mẽ, tạo thành phong trào và lan tỏa sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân; từ cán bộ đến đảng viên đã ý thức được vai trò trách nhiệm của mình trong tham mưu, chỉ đạo, vận động tuyên truyền, tổ chức triển khai và chung sức XDNTM; người dân phát huy tốt vai trò làm chủ trong việc tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, mục tiêu, lựa chọn hạng mục đầu tư, ưu tiên việc làm trước, làm sau,... đã đáp ứng được nguyện vọng của người dân, củng cố thêm niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Với những chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo quyết liệt của Đảng bộ tỉnh, quá trình XDNTM của tỉnh Tuyên Quang đã đạt được những thành quả quan trọng. Cụ thể:

Về quy hoạch XDNTM: Đến năm 2019 tỉnh hoàn thành công tác quy hoạch chung XDNTM trên địa bàn 129 xã, tất cả các xã đều đã công bố công khai quy hoạch và ban hành quy chế quản lý quy hoạch chung XDNTM, thực hiện cắm mốc quy hoạch và rà soát điều chỉnh quy hoạch đảm bảo phù hợp với

điều kiện thực tế. Tỉnh tiếp tục hỗ trợ một số xã triển khai thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

Về huy động nguồn lực: Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2011-2019 là 14.729,6 tỷ đồng. Trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ là 853,1 tỷ đồng, chiếm 5,79%; Ngân sách địa phương đã bố trí 1.181,4 tỷ đồng, chiếm 8,02%; Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án là 2.518,9 tỷ đồng, chiếm 17,10%; Nguồn vốn tín dụng là 8.142,7 tỷ đồng, chiếm 55,28 %; Vốn huy động từ doanh nghiệp là 754,4 tỷ đồng, chiếm 5,12 %; Vốn Nhân dân đóng góp là 1.279,1 tỷ đồng, chiếm 8,68 %; Vốn tài trợ hợp pháp khác 815 triệu đồng, chiếm 0,005% [154, tr.6]. Trong điều kiện là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, Tuyên Quang cũng như một số tỉnh như Hà Giang, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên... đã chủ động bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện Chương trình XDNTM. Kết quả huy động và sử dụng nguồn lực cho thấy Tỉnh đã vận dụng tối đa ngân sách và tăng cường xã hội hóa với sự tham gia của doanh nghiệp, người dân cùng chung tay hoàn thành mục tiêu XDNTM.

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia XDNTM: Hết năm 2020, toàn tỉnh có 47 xã đạt 19/19 tiêu chí xây dựng NTM (trong đó có 36 xã đã được công nhận, 11 xã đã hoàn thành đang hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định để công nhận); tiêu chí bình quân trên xã tăng từ 14,06 tiêu chí/xã năm 2019 lên 15,08 tiêu chí/xã năm 2020 (Hoàn thành vượt mức so với kế hoạch). Kết quả thực hiện tiêu chí cụ thể như sau: Nhóm 1, xã đạt chuẩn 19 tiêu chí: 47 xã, chiếm 37,9%; nhóm 2, xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 08 xã, chiếm 6,45%; nhóm 3, xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 77 xã, chiếm 62,09%; nhóm 4, xã đạt 9 tiêu chí: 2 xã, chiếm 1,61%; nhóm 5, xã đạt dưới 9 tiêu chí: 0 xã [99, tr.3].

Từ xuất phát điểm năm 2010 chưa có xã đạt chuẩn NTM, đến năm 2015, đã có 10 xã và năm 2020 có 47 xã đạt chuẩn NTM [phụ lục 14]. Số xã đạt chuẩn

NTM đều đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra: Nhiệm kỳ 2010-2015 đạt 10 xã (mục tiêu nghị quyết có ít nhất 7 xã đạt chuẩn NTM), nhiệm kỳ 2015-2020 đạt 47/124 xã, chiếm 37,9% (mục tiêu nghị quyết có trên 30% số xã đạt chuẩn NTM). Tỷ lệ số xã đạt NTM giai đoạn 2015-2020 gấp 4,7 lần so với giai đoạn 2010-2015. Đây là kết quả thể hiện sự cố gắng vượt bậc của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân tỉnh Tuyên Quang trong XDNTM.

Trong những năm 2010-2020, so với các tỉnh trong khu vực miền núi Bắc Bộ, kết quả thực hiện tiêu chí NTM của Tuyên Quang đạt ở mức khá. Đến năm 2020, Tuyên Quang có tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM là 47/124 xã (chiếm 37,9%) cao hơn một số tỉnh lân cận có đặc điểm tương đồng như: Lạng Sơn 49/181 xã (chiếm 27,1%), tỉnh Hà Giang 47/175 xã (chiếm 26,85 %), tỉnh Bắc Kạn 19/112 xã (chiếm 17 %), tỉnh Cao Bằng 20/177 xã (chiếm 11,3 %) [phụ lục 15]. Tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM của tỉnh Tuyên Quang cũng cao hơn mức bình quân chung của khu vực miền núi phía Bắc (với tỷ lệ 37,9%/26,45%). Từ so sánh trên cho thấy, cùng là các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc có đặc điểm điều kiện địa lý tự nhiên, KT-XH khá tương đồng, nhưng kết quả XDNTM có sự khác nhau. Để có được những kết quả như trên, là do Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã có sự nhận thức khá đầy đủ và khá toàn diện về vai trò của XDNTM đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh để đề ra những chủ trương và có phương pháp chỉ đạo thực tiễn phù hợp hiệu quả.

Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM phù hợp và đem lại kết quả cao trong thực tiễn, tạo sự chuyển biến rõ nét, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đưa Tuyên Quang từ tỉnh kém phát triển trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực miền núi Bắc Bộ, sớm hoàn thành mục tiêu, kế hoạch XDNTM giai đoạn 2010-2020. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 tổng kết “Chương trình MTQG XDNTM được Nhân dân đồng thuận ủng hộ với nỗ lực cao và nhiều

cách làm sáng tạo, đạt kết quả tích cực; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, thu nhập bình quân người dân nông thôn (theo giá hiện hành) đạt 2,67 triệu đồng/người/tháng (tăng 1,55 lần so với năm 2015); đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 47 xã đạt chuẩn NTM, vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra, số tiêu chí bình quân đạt trên 15 tiêu chí/xã” [44, tr.47]... “Cơ bản đạt mục tiêu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc” [44, tr.44].

Một trong những yếu tố quan trọng khi đánh giá về kết quả XDNTM là mức độ hài lòng của người dân. Mặc dù là tỉnh miền núi, còn nhiều khó khăn, thu ngân sách của tỉnh còn thấp, nhưng cấp ủy, chính quyền của tỉnh Tuyên Quang đã quan tâm chăm lo thực hiện tốt những vấn đề an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Qua khảo sát, đánh giá của Nhân dân về đời sống vật chất và tinh thần trước và sau khi thực hiện Chương trình XDNTM, có 83,7% ý kiến khẳng định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân sau khi thực hiện Chương trình MTQG XDNTM ở mức tương đối tốt đến rất tốt [phục lục 13, câu hỏi 8]. Khảo sát trên cho thấy những chủ trương của Đảng bộ tỉnh về XDNTM đã tập trung vào những vấn đề thiết yếu, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn và cải thiện đời sống Nhân dân.

Thông qua Chương trình XDNTM đã tác động tích cực đến sự phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung phát triển sản phẩm chủ lực, đảm bảo bền vững, đem lại hiệu quả kinh tế. Tạo sự thay đổi căn bản diện mạo nông thôn; đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của người dân được nâng cao; môi trường nông thôn đã có chuyển biến đáng kể, nhiều vùng nông thôn đã xây dựng và hình thành mô hình cảnh quan xanh, sạch, đẹp; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được giữ vững. Kết quả XDNTM đã góp phần quan trọng đưa Tuyên Quang từ tỉnh kém phát triển trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh

miền núi phía Bắc. Những thành công này là nền tảng vững chắc để tỉnh tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả chương trình XDNTM trong giai đoạn tới.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ thường xuyên của Trung ương để khắc phục khó khăn và hoàn thành mục tiêu XDNTM. Thực tiễn quá trình XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang cho thấy còn nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, nguồn vốn ngân sách đầu tư cho XDNTM; những khó khăn khi thực hiện các tiêu chí trong điều kiện đặc thù của địa phương. Do đó, Tỉnh ủy luôn bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo, tranh thủ sự ủng hộ của Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành liên quan đối với quá trình XDNTM ở Tuyên Quang để triển khai thực hiện và hoàn thành mục tiêu đề ra.

Hai là, sự chủ động, tích cực của Đảng bộ tỉnh; sự đoàn kết, thống nhất và vào cuộc của cả HTCT. Trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh đã bám sát chủ trương của Đảng và Nhà nước, đặc điểm tình hình thực tiễn địa phương và học tập kinh nghiệm từ nước ngoài và các tỉnh lân cận để độc lập, tự chủ trong đề ra chủ trương và quyết liệt triển khai thực hiện. Kết quả của quá trình XDNTM của tỉnh Tuyên Quang trong những năm 2010-2020, cho thấy sự lãnh đạo hiệu quả của Đảng bộ tỉnh, sự đồng lòng, đoàn kết, thống nhất và vào cuộc mạnh mẽ của cả HTCT và toàn xã hội là yếu tố quan trọng, quyết định đến những thắng lợi của chương trình XDNTM.

Ba là, sự đồng thuận và hưởng ứng tích cực của Nhân dân. Với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”; đồng thời, quá trình triển khai của cấp ủy, chính quyền các cấp luôn đảm bảo công khai, minh bạch, đó là những yếu tố quan trọng giúp quy tụ lòng dân, tạo đồng thuận xã hội và sự hưởng ứng nhiệt tình của Nhân dân trong XDNTM. Sự tham gia

tích cực, chủ động của người dân là một yếu tố quan trọng làm nên thành công trong XDNTM ở tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, nhận thức của cấp ủy, chính quyền cơ sở ở một số địa phương về XDNTM chưa đầy đủ và chưa toàn diện. Nhận thức về XDNTM của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa đầy đủ, còn tư tưởng ỷ lại trông chờ vào nhà nước. Một số cấp ủy cơ sở có tư tưởng nóng vội, chạy theo thành tích trong công tác lãnh đạo XDNTM. Việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước và Tỉnh ủy về XDNTM ở một số huyện, xã còn rập khuôn, máy móc, chưa sáng tạo và chưa sát với thực tiễn. Qua khảo sát người dân về sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện XDNTM của đảng bộ, chính quyền xã, còn 8,8 % ý kiến cho là rập khuôn, máy móc, chưa đạt mục tiêu đề ra [phụ lục 13, câu hỏi 7].

Hai là, chủ trương, chính sách thực hiện Chương trình từng năm và giai đoạn đã được tỉnh kịp thời ban hành, nhưng việc tổ chức triển khai thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ còn chậm, đặc biệt trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ vốn hàng năm. Công tác phối hợp, tham mưu chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình của một số ban, ngành có lúc chưa hiệu quả. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình chưa toàn diện, chưa quyết liệt ở một số địa phương, đặc biệt trong triển khai bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu và vườn mẫu NTM. Việc chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với XDNTM còn lúng túng, chưa chọn được các giải pháp tạo sự đột phá, mang lại giá trị cao trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm so với yêu cầu. Kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn chiếm tỷ trọng cao, cản trở đến quá trình CNH, HĐH nông nghiệp. Một số đầu điểm công trình có sự điều chỉnh hoặc thay đổi ảnh hưởng đến việc hoàn thành các tiêu chí NTM theo kế hoạch. Nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách, cũng như huy

động ngoài ngân sách còn thấp so với nhu cầu XDNTM của tỉnh. Năng lực của một bộ phận cán bộ tham mưu, giúp việc thực hiện Chương trình ở cơ sở còn hạn chế, chưa chủ động trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Ba là, kết quả XDNTM tại một số địa phương chưa thực sự bền vững: Chất lượng duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng tiêu chí đã đạt chuẩn còn nhiều hạn chế. Đời sống, thu nhập một bộ phận người dân nông thôn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số địa phương chưa ưu tiên chú trọng đầu tư hạ tầng; chưa quan tâm đúng mức tới phát triển sản xuất, kinh doanh để nâng cao thu nhập bền vững cho người dân. Sự liên kết trong sản xuất kinh doanh còn hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ, phân tán; công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề nông thôn phát triển chậm, thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế; hoạt động của một số HTX nông, lâm nghiệp chưa đạt hiệu quả.

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân khách quan

Một là, Tuyên Quang là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, xuất phát điểm XDNTM ở các xã trên địa bàn tỉnh ở mức thấp (năm 2010, chưa có xã đạt chuẩn NTM, bình quân toàn tỉnh đạt 2,8 tiêu chí/xã). Địa hình đồi núi chia cắt, thường xuyên xảy ra thiên tai lũ quét và sạt lở đất. Hạ tầng cơ sở còn rất khó khăn, nguồn thu từ ngân sách hằng năm thấp, nguồn lực trong dân hạn chế, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập bình quân đầu người thấp. Qua khảo sát ý kiến của Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và Chủ tịch UBND các xã về những khó khăn khi triển khai thực hiện XDNTM, có 83 % ý kiến khẳng định là do điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, xuất phát điểm thấp; 26,2 % ý kiến cho rằng điều kiện tự nhiên, địa hình không thuận lợi [phụ lục 12, câu hỏi 7]. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản dẫn đến Tuyên Quang cũng như một số tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn chưa thể hoàn thành mục tiêu XDNTM nâng cao và NTM kiểu mẫu như các tỉnh khu vực đồng bằng.

Hai là, hệ thống văn bản hướng dẫn và cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện chương trình của Trung ương chậm được sửa đổi hoặc có nội dung chưa phù hợp với tình hình thực tế ở các địa phương, gây khó khăn trong quá trình thực hiện như: tiêu chí về môi trường, thu nhập. Mỗi một chương trình, dự án cho phát triển khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có cơ chế đầu tư khác nhau, nên quá trình thực hiện gặp những khó khăn nhất định.

Nguyên nhân chủ quan

Một là, công tác tuyên truyền, quán triệt về vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; về vai trò “chủ thể” của người dân trong XDNTM chưa tạo được sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức. Qua khảo sát ý kiến của người dân về khó khăn khi triển khai XDNTM, có 60,1 % ý kiến cho rằng một bộ phận người dân còn trông chờ, ỷ lại [phụ lục 13, câu hỏi 3]. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương, đặc biệt là trong giai đoạn đầu chưa thật sự được quan tâm đúng mức, chưa làm hết vai trò, trách nhiệm, chưa quyết liệt để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong tổ chức triển khai thực hiện chưa đồng bộ, thiếu sự sáng tạo. Một số sở, ngành chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực XDNTM, chưa kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình thực hiện.

Hai là, hướng dẫn tổ chức Bộ máy giúp việc BCD các cấp chưa quy định cụ thể về số lượng biên chế tối thiểu, cơ cấu phòng chuyên môn, đặc biệt trong điều kiện đang thực hiện tinh giảm biên chế. Do đó, việc kiện toàn Văn phòng điều phối tỉnh, huyện và bố trí công chức chuyên trách cấp xã được thực hiện nhưng còn kiêm nhiệm, chưa sắp xếp được cán bộ mang tính chuyên nghiệp, thực hiện nhiệm vụ ổn định, lâu dài. Đồng thời cán bộ Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh, huyện biệt phái từ các cơ quan, ban, ngành nên có phần ảnh hưởng đến tư tưởng, công tác bố trí, sắp xếp cán bộ và chất lượng chuyên môn.

Ba là, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nhiều nơi chưa được thường xuyên, chặt chẽ. Công tác kiểm tra, giám sát ở cơ sở

chưa được quan tâm đúng mức, chưa kịp thời chỉ ra và xử lý triệt để những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

4.2.1. Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn của tỉnh

Đổi mới tư duy là yếu tố quan trọng hàng đầu của quá trình hoạch định đường lối, giúp cho việc đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đúng đắn, được Nhân dân đồng tình, ủng hộ. Trong lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang có nhiệm vụ nghiên cứu, quán triệt và chấp hành chủ trương của Trung ương để đề ra đường lối thực hiện có hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương. Thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang lãnh đạo XDNTM có thể rút ra kinh nghiệm như sau:

Một là, Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về XDNTM

Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang luôn xác định đây là Chương trình MTQG mang tầm chiến lược, góp phần xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; liên hệ chặt chẽ giữa phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng XHCN. Đặc biệt Tuyền Quang là một tỉnh nông thôn miền núi còn nhiều khó khăn, thì việc thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG XDNTM có ý nghĩa rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển vượt bậc của địa phương.

Một trong những thành công của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM là giúp HTCT và mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức đúng và đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM để chủ động, triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ tỉnh đã thường xuyên quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên về những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương về XDNTM, để nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong triển khai thực hiện Chương trình.

Quán triệt chủ trương của Trung ương về XDNTM, Tỉnh ủy Tuyên Quang đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Việc học tập, quán triệt nghị quyết về XDNTM được thực hiện một cách nghiêm túc và đa dạng. Bên cạnh việc giới thiệu nội dung nghị quyết, các cấp ủy đã tổ chức nhiều hoạt động như tham quan thực tế, viết bài thu hoạch, thảo luận nhóm... Nhờ đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp và Nhân dân về XDNTM ngày càng được nâng cao. Điều này đã tạo nền tảng vững chắc để các cấp ủy xây dựng những chương trình hành động cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, góp phần thúc đẩy quá trình XDNTM. Bên cạnh việc nhận thức rõ về tầm quan trọng, ý nghĩa và nội dung Chương trình, Đảng bộ tỉnh còn chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường quán triệt về tinh thần trách nhiệm và những nhiệm vụ cụ thể mà mỗi cán bộ, đảng viên phải tích cực chung tay XDNTM. Vì vậy, đã phát huy được tinh thần, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và sự vào cuộc của cả HTCT.

Đổi mới nhận thức của người dân về vai trò, tầm quan trọng của vấn đề XDNTM. Tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức về vai trò của người dân là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính trong XDNTM. Người dân không chỉ chủ động và tích cực tham gia trong phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn... mà còn là tích cực và chủ động thay đổi nhận thức, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp,

kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, quản lý nông thôn thông minh, nâng tầm giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số...

Quán triệt và nhận thức sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, trong quá trình lãnh đạo XDNTM những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang luôn nhất quán và xác định XDNTM là “nhiệm vụ trọng tâm”, “khâu đột phá” trong phát triển KT-XH của tỉnh. Đồng thời, Đảng bộ tỉnh cũng nhận thức rất rõ XDNTM chỉ có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc; vì vậy, phải quan tâm dành nguồn lực đầu tư và triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ tỉnh cũng đã đặt XDNTM trong tổng thể và phối hợp chặt chẽ với các chương trình MTQG khác như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi... Với những nhận thức toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cốt yếu trong XDNTM, nên Đảng bộ tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và đạt được những kết quả quan trọng.

Kết quả XDNTM tỉnh Tuyên Quang từ năm 2010 đến năm 2020 là bằng chứng sinh động chứng tỏ, trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của XDNTM đối với sự phát triển KT-XH của tỉnh, Đảng bộ tỉnh đã xác định chủ trương, đường lối phù hợp và hiệu quả trong thực tiễn, góp phần đưa Tuyên Quang từ tỉnh kém phát triển, trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

Hai là, vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về XDNTM phù hợp với thực tiễn của tỉnh

Từ việc nhận thức sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ tỉnh phải xác định những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp XDNTM đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương. Kinh nghiệm từ quá trình XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang cho thấy, Đảng bộ tỉnh đã bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn

của địa phương; đồng thời thường xuyên học tập kinh nghiệm từ các tỉnh lân cận có đặc điểm tương đồng và cả ở các mô hình của nước ngoài.

Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về XDNTM phù hợp với thực tiễn địa phương trước tiên phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Chỉ có “lấy dân làm gốc” mới tạo nên giá trị bền vững thực sự và nâng cao hiệu quả Chương trình XDNTM. Đây là bài học mang tính tổng quát được rút ra từ quá trình tổng kết 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của tỉnh Tuyên Quang, đó là “mọi chủ trương, chính sách đều xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân” [18, tr.246-247]. Đồng thời, đây cũng là bài học quan trọng được rút ra trong quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM trong những năm 2010-2020. Điều này đã được chứng minh trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng bộ tỉnh luôn quán triệt “XDNTM phải bảo đảm phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được thụ hưởng” [117, tr.3]. Đây là quan điểm cốt lõi và xuyên suốt trong quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM. Vì vậy, mặc dù là tỉnh có nguồn thu ngân sách thấp, nhưng Tuyên Quang đã luôn chú trọng chăm lo đến đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi có nhiều thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; với đa dân tộc và nhiều bản sắc tộc người đậm nét. Nhận thức sâu sắc đặc điểm trên, trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh chủ trương tập trung phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp hàng hóa, với những sản phẩm chủ lực, mang đặc thù của địa phương, thực hiện có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP; phát triển văn hóa trên cơ sở bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm nhằm tạo sự chuyển biến để làm thay đổi bộ mặt nông thôn... Kết quả quá trình XDNTM cho thấy, tỉnh đã phát huy hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh, giá trị đặc thù của địa phương, đồng thời khắc phục những khó khăn của tỉnh miền núi để hoàn

thành mục tiêu đề ra. Đây là một kinh nghiệm quý để các tỉnh, đặc biệt là khu vực Trung du và Miền núi có thể tham khảo trong quá trình XDNTM.

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Trung ương trong Chương trình MTQG XDNTM, các địa phương căn cứ vào đặc điểm điều kiện KT-XH cụ thể để xác định mục tiêu, lộ trình phù hợp. Từ kinh nghiệm của tỉnh Tuyên Quang cho thấy, Đảng bộ tỉnh đã xác định mục tiêu ở từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện của một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn. Trong những năm 2010-2015, tỉnh xác định mục tiêu có 7 xã (mỗi huyện, thành phố 1 xã) đạt chuẩn NTM. Trên cơ sở vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, đồng thời căn cứ vào tiềm lực, ngân sách của địa phương. Trong những năm 2015-2020, trên cơ sở kết quả đạt được, Đảng bộ tỉnh đặt ra mục tiêu cao hơn, phấn đấu có trên 30% số xã đạt chuẩn NTM. Kết quả XDNTM đã chứng minh mục tiêu Đảng bộ tỉnh xác định là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh miền núi.

Để vận dụng tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về XDNTM, Đảng bộ tỉnh đã tham khảo, học tập kinh nghiệm của những địa phương có đặc điểm tương đồng, những nơi có cách làm hay, điển hình và mô hình thành công của nước ngoài. Trong quá trình lãnh đạo XDNTM giai đoạn 2010-2020, Tỉnh ủy Tuyên Quang đã rất quan tâm đến vấn đề học tập kinh nghiệm để đưa ra những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp, cũng như linh hoạt trong chỉ đạo thực tiễn phù hợp với từng giai đoạn. Ví dụ như, thay đổi phương châm trong chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn từ “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” sang “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” là học tập từ kinh nghiệm XDNTM từ mô hình U đông (Hàn Quốc); khi xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chương trình OCOP, tỉnh đã tham khảo mô hình của Nhật Bản hoặc phương châm “dễ làm trước, khó làm sau”, là học tập kinh nghiệm từ một số tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc... Có thể thấy, việc nghiên cứu kinh nghiệm từ các mô hình điển hình, cách làm hay từ các địa phương ở cả trong và ngoài nước, giúp cho quá

trình xác định chủ trương và chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ tỉnh được sâu sát, phù hợp và hiệu quả hơn.

Nhận thức đúng đắn và quán triệt, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước phù hợp với thực tiễn địa phương đã góp phần giúp Tuyên Quang trở thành tỉnh có tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM cao hơn các tỉnh lân cận có đặc điểm tương đồng như: Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn... Đây là kinh nghiệm quan trọng mà các tỉnh ở khu vực miền núi phía Bắc có thể tham khảo trong quá trình triển khai XDNTM trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời đây cũng là kinh nghiệm để các Đảng bộ tỉnh khác tham khảo khi thực hiện đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với những yêu cầu về tính chủ động và hoạch định đường lối đảm bảo tính định hướng, tính hành động, ngắn gọn, dễ hiểu và sát thực tiễn.

4.2.2. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải quyết liệt, chủ động, linh hoạt, có bước đi phù hợp và xuất phát từ thực tiễn của tỉnh

Việc đề ra chủ trương đúng đắn, phù hợp phải gắn liền với công tác chỉ đạo, việc tổ chức thực hiện phải quyết liệt, linh hoạt mới đem lại hiệu quả cao trong XDNTM. Đây là kinh nghiệm được rút ra từ quá trình lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang.

Trước hết, phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tập trung và thường xuyên của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở. Ngay từ năm 2011, khi ban hành nghị quyết chuyên đề về XDNTM, BCH Đảng bộ tỉnh đã coi đây là một nội dung trọng tâm của cả HTCT. Tỉnh ủy đã quán triệt đến cấp ủy, chính quyền, BCĐ các cấp, nhất là người đứng đầu, với quyết tâm chính trị cao, quyết liệt, sâu sát, trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành; tập trung xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng tập thể, cá nhân và chịu trách nhiệm trong triển khai thực hiện.

Kinh nghiệm XDNTM giai đoạn 2010-2020 của tỉnh Tuyên Quang cho thấy, Đảng bộ tỉnh đã rất quan tâm và quán triệt cả HTCT và yêu cầu từng cán

bộ đảng viên phải có quyết tâm chính trị cao, thường xuyên sát sao và có chỉ đạo cụ thể. Xác định XDNTM là nhiệm vụ xuyên suốt, lâu dài, quan trọng, trong những năm 2010-2015, Tỉnh ủy đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD gắn với nhiệm vụ chuyên môn nhằm tạo sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện và lồng ghép tối đa nguồn lực, trí tuệ trong quá trình thực hiện Chương trình XDNTM. Đồng thời, phân công lãnh đạo tỉnh phụ trách các huyện, phụ trách xã mục tiêu đạt chuẩn NTM theo kế hoạch; cử cán bộ thuộc sở, ban, ngành, huyện, thành phố về xã trực tiếp tham mưu, chỉ đạo XDNTM. Thực hiện các khâu của công tác cán bộ, ưu tiên lựa chọn để luân chuyển, biệt phái cán bộ từ các ban đảng của Tỉnh ủy xuống làm bí thư đảng ủy tại các xã điểm. Nhiều Đảng bộ huyện đã xây dựng lộ trình, kế hoạch đúng đắn, đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho từng giai đoạn; thành lập tổ công tác giúp cho Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo trực tiếp các xã, trong đó, đặc biệt tập trung vào các xã điểm; tập trung huy động hiệu quả các nguồn lực trong XDNTM. Cấp ủy các xã đã thực hiện phân công cán bộ chủ chốt phụ trách các thôn, mỗi một cán bộ, công chức phụ trách một tiêu chí NTM; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hỗ trợ Nhân dân trong quá trình thực hiện. Kết quả là Chương trình XDNTM đã huy động được sự vào cuộc của cả HTCT và toàn xã hội, góp phần hoàn thành mục tiêu đề ra.

Quá trình tổ chức thực hiện XDNTM phải linh hoạt, sáng tạo, phát huy tinh thần chủ động, tự chịu trách nhiệm của địa phương cơ sở. Tỉnh đã ưu tiên những việc làm dễ thực hiện trước, khó làm sau. Cụ thể, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện những tiêu chí dễ làm, không đòi hỏi nhiều vốn đầu tư lớn của Nhà nước, mà Nhân dân có thể chủ động thực hiện như: Phát triển kinh tế hộ, trang trại, HTX để nâng cao thu nhập, (tiêu chí 13); những công việc cấp bách góp phần cải thiện đời sống dân sinh được ưu tiên làm trước (Tiêu chí 2.3. đường ngõ, xóm). Phát huy ý tưởng và sự sáng tạo của Nhân dân, nhiều địa phương đã chia nhỏ quá trình thực hiện các tiêu chí XDNTM thành nhiều giai

đoạn để đảm bảo “vừa sức” với người dân trong việc đóng góp kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Trong chỉ đạo thực hiện, Tỉnh ủy đã quán triệt cấp ủy, chính quyền cơ sở phải linh hoạt, sáng tạo, căn cứ vào các nguồn lực được Nhà nước hỗ trợ và điều kiện thực tiễn của địa phương để chủ động tự quyết và chịu trách nhiệm trong huy động nguồn lực, đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình XDNTM.

Phương pháp mô hình thí điểm trong XDNTM được Tỉnh ủy phát huy hiệu quả. Tỉnh ủy đã chỉ đạo lựa chọn các xã ưu tiên XDNTM, đại diện cho từng huyện nhằm phát huy thế mạnh của địa phương và có sức lan tỏa rộng. Trong những năm 2010-2015, tỉnh đã lựa chọn 07 xã (mỗi huyện, thành phố lựa chọn 01 xã) để chỉ đạo điểm về XDNTM. Việc thực hiện thí điểm đã giúp cho Tỉnh ủy rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý để chỉ đạo có hiệu quả hơn trong giai đoạn sau. Qua đây cũng cho thấy, quá trình triển khai XDNTM phải được tiến hành thận trọng, có bước đi phù hợp, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để đem lại hiệu quả cao. Đây cũng chính là phương châm hành động trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng bộ tỉnh.

Chọn nội dung trọng tâm trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Tuyên Quang là tỉnh nằm trong khu vực miền núi phía Bắc địa hình chia cắt, phân tán, không có cảng biển, sân bay... khó khăn trong kết nối giao thông, liên kết vùng. Vì vậy, để đảm bảo giao thương liên kết và đi lại thuận tiện giữa các huyện, xã, thôn, Tỉnh chọn tiêu chí số 2 về giao thông và thủy lợi để tập trung nhiều nguồn lực thực hiện. Trên cơ sở đó BCH Đảng bộ tỉnh ban hành 02 nghị quyết chuyên đề về các lĩnh vực trên để chỉ đạo thực hiện. Quá trình thực hiện cho thấy, nhờ Đảng bộ tỉnh quan tâm và tập trung chỉ đạo những vấn đề trọng tâm, quan trọng nên sau 10 năm thực hiện Chương trình XDNTM (2010-2020), Tuyên Quang là một trong những tỉnh điển hình trong khu vực miền núi phía Bắc về thực hiện tốt tiêu chí về giao thông trong XDNTM.

Thực hiện triệt để phương châm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” để phát huy sự chủ động, sáng tạo của Nhân dân. Thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM cho thấy, xác định rõ quan điểm “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” trong xây dựng và thực thi chính sách; phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của cán bộ cơ sở và cộng đồng dân cư là yếu tố quan trọng quyết định đến sự thành công Chương trình XDNTM. Ví dụ: Chính sách tỉnh hỗ trợ xi măng, vật liệu, Nhân dân đóng góp công làm đường giao thông nông thôn; hỗ trợ cầu kiện bê tông đúc sẵn, Nhân dân làm kênh mương nội đồng... là những cách làm sáng tạo trong tổ chức thực hiện XDNTM.

Từ kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết liệt, chủ động, linh hoạt, có bước đi phù hợp và xuất phát từ thực tiễn là cơ sở để tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh khác trong cả nước có thể tham khảo trong quá triển khai thực hiện chương trình XDNTM giai đoạn tiếp theo. Đặc biệt hiện nay, các tỉnh có thể vận dụng bài học trên để thực hiện tốt chủ trương Đảng và Nhà nước về phân cấp phân quyền với tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” trong cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, để nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, góp phần đưa địa phương bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh và thịnh vượng.

4.2.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó, người dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới

Để đạt được thành công trong XDNTM, kinh nghiệm rút ra là Tuyên Quang đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả HTCT cùng vào cuộc: Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội. Đây là ba thành tố không tách rời nhau, bổ sung và hoàn thiện quy trình lãnh đạo XDNTM. Mỗi tổ chức trong HTCT có những chức năng riêng, nên việc phát huy vai trò của từng tổ chức sẽ đem lại hiệu quả to lớn trong quá trình tổ chức thực hiện XDNTM. Để phát huy vai trò của HTCT, cấp ủy các cấp phải luôn quan tâm đến công tác xây

dụng Đảng và HTCT. Theo đó, thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; nâng cao năng lực điều hành và hoạt động hiệu lực, hiệu quả của chính quyền; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và năng lực giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Đề phát huy vai trò chủ thể của người dân, công tác thông tin, tuyên truyền là rất quan trọng. Theo đó, cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến thực hiện Chương trình NTM để Nhân dân nhận thức sâu sắc về mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình nhằm phát huy vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện các nội dung XDNTM. Phát huy dân chủ, công khai minh bạch là “chìa khóa” triển khai thành công việc huy động người dân cùng chung sức xây dựng hạ tầng nông thôn. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân đã khơi dậy sức mạnh của Nhân dân trong XDNTM, nhất là các tiêu chí về hạ tầng nông thôn. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cũng chính là “đòn bẩy” XDNTM. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và dân chủ, thông qua việc tổ chức họp Nhân dân, bàn bạc, thảo luận, lấy ý kiến về kế hoạch, quy trình, lựa chọn nội dung tiêu chí làm trước, tiêu chí làm sau... trong chương trình XDNTM ở địa phương. Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc gương mẫu đi đầu, nói đúng và làm đúng. Giải quyết tốt vấn đề lợi ích của các tập thể, cá nhân; đảm bảo nguyên tắc lợi ích của mỗi cá nhân, gia đình phải được đặt trong lợi ích chung của cộng đồng thôn, xã và toàn xã hội. Chú trọng chăm lo đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, các vấn đề an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân như: thoát hộ nghèo bền vững, xóa nhà tạm, dột nát,

xây dựng các thiết chế văn hóa để đảm bảo đời sống sinh hoạt văn nghệ, thể thao, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi...tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển và cải thiện đời sống Nhân dân.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân là thực hiện tốt nguyên tắc: “Người dân chủ động đề xuất nội dung thực hiện, Nhà nước hỗ trợ thông qua cơ chế, chính sách” nhằm thống nhất trong thực hiện các nội dung XDNTM, như: Phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với sản xuất và sinh hoạt của người dân... Gia đình cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu thực hiện trước, chủ động trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM, đặc biệt đối với việc thực hiện tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong huy động các nguồn lực XDNTM, đã khuyến khích người dân tham gia đóng góp công sức, ý tưởng để XDNTM. Việc lựa chọn và thực hiện các tiêu chí được tiến hành một cách công khai, minh bạch, dân chủ và tiết kiệm. Theo đó, chính quyền cấp xã nêu chủ trương, định hướng để người tự bàn bạc, hạch toán kinh phí và tổ chức thực hiện. Nhờ cách làm này, Tuyên Quang đã nhận được sự đồng thuận cao từ người dân và đạt được những kết quả quan trọng trong XDNTM.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong việc giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, xóa nhà tạm, nhà dột nát và thoát nghèo đã được triển khai sâu rộng trong toàn dân. Nhiều gia đình, dòng họ đã họp bàn để quyên góp, giúp đỡ người thân sửa chữa, làm nhà ở; đồng thời, các tổ chức đoàn thể xã đã tuyên truyền vận động Nhân dân trong thôn, xã chung tay, hỗ trợ, giúp đỡ bằng công sức, vật liệu xây dựng...để sửa chữa nhà cũ và xây dựng nhà mới.

Phát huy vai trò chủ thể của người dân, bồi dưỡng và phát huy sức dân trong XDNTM là bài học quan trọng để được tỉnh Tuyên Quang phát huy trong giai đoạn mới để hoàn thành mục tiêu XDNTM nâng cao và kiểu mẫu. Đây

cũng là bài học quan trọng để các tỉnh phát huy trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo nhằm xây dựng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

4.2.4. Kết hợp chặt chẽ công tác tuyên truyền với đẩy mạnh phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bởi vậy, mọi chính sách đều phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân và được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Muốn làm được điều đó, Đảng đã không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác tuyên truyền, Người chỉ rõ “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại. Muốn thành công, phải biết cách tuyên truyền” [82, tr.191]. Tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục cũng là một trong những phương thức quan trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục làm rõ, hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó xác định rõ: “Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên...”. Trong XDNTM Đảng đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền kết hợp với tổ chức phong trào thi đua để nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động, tạo sự hứng khởi, quyết tâm cao trong thực hiện nghị của Đảng.

Trong lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang rất coi trọng công tác tuyên truyền, vận động gắn với phong trào thi đua, coi đây là một phương thức quan trọng có ý nghĩa đi trước “mở đường” và tạo sự đồng thuận, phấn khởi thi đua trong Nhân dân. Ngay từ khi mới triển khai Chương trình MTQG XDNTM, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo “các cấp, các ngành thường xuyên tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân phát huy nội lực XDNTM; bổ sung

nhiệm vụ XDNTM vào nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”; tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM”” [117, tr.12]. Thực tiễn Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM cho thấy:

Một là, coi trọng xây dựng kế hoạch tuyên truyền phù hợp với từng giai đoạn. Xác định vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền, ngay sau khi nhận được chỉ đạo của Trung ương về XDNTM, Tỉnh ủy Tuyên Quang đã nhanh chóng vào cuộc. Công tác tuyên truyền phải đi trước, đi vào chiều sâu, cụ thể, dễ hiểu với phương châm “Nói cho dân nghe, nói cho dân biết, nói cho dân bàn, nói cho dân làm và nói cho dân tin”. Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu rõ về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình XDNTM và xác định được trách nhiệm chủ thể của người dân. Trên cơ sở, đó Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành chú trọng xây dựng kế hoạch tuyên truyền với mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, xác định đúng đối tượng tuyên truyền (người tổ chức, triển khai, người thực hiện), tập trung vào những vấn đề trọng tâm, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức cá nhân, chú trọng việc nêu gương và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội căn cứ vào đặc thù riêng của từng tổ chức để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hình thức tuyên truyền sao cho phù hợp. Đây là kinh nghiệm được rút ra từ quá trình triển khai công tác tuyên truyền ở cơ sở.

Hai là, cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Bằng việc tổ chức các lớp tập huấn sâu rộng, toàn bộ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo các cấp, đã được trang bị đầy đủ kiến thức và nhận thức rõ tầm quan trọng của chương trình này. Việc học tập, quán triệt nghị quyết về XDNTM được thực hiện một cách nghiêm túc và đa dạng. Đảng bộ tỉnh đã đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền theo hướng tập trung vào những đối tượng liên quan trực tiếp đến triển

khai thực hiện Chương trình và người dân là người thực hiện và thụ hưởng. Bên cạnh việc giới thiệu nội dung chủ trương của Đảng, Đảng bộ tỉnh, nội dung Chương trình MTQG XDNTM, cấp ủy đã tổ chức nhiều hoạt động như tham quan thực tế, học tập kinh nghiệm, viết bài thu hoạch, thảo luận nhóm,... Nhờ đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy các cấp và Nhân dân về XDNTM ngày càng được nâng cao. Điều này đã tạo nền tảng vững chắc để các cấp ủy xây dựng những chương trình hành động cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, góp phần thúc đẩy quá trình XDNTM.

Đa dạng các hình thức tuyên truyền, thông qua các phương tiện thông tin truyền thông (Báo giấy, báo điện tử; cổng thông tin điện tử của các huyện; trên Website của các cơ quan của huyện, các tổ chức chính trị-xã hội và hệ thống loa phát thanh của các xã, thôn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, vận động; thông qua hình thức, trực tiếp, trực tuyến để đông đảo Nhân dân được tiếp cận thông tin chính thống. Đẩy mạnh tuyên truyền trên mạng internet, mạng xã hội, đặc biệt qua trang facebook, fanpage của các ngành, các cơ quan, đơn vị. Sử dụng hình ảnh, phương tiện trực quan sinh động (panô, áp phích, khẩu hiệu, biển hiệu, tờ rơi, tờ gấp) nhằm tăng tính hấp dẫn, thu hút người tham gia. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong các nhà trường về XDNTM, trách nhiệm của người dân là chủ thể trong XDNTM. Tổ chức những buổi tọa đàm, tập huấn nghiệp vụ, trao đổi thông tin giữa những chuyên gia trong từng lĩnh vực với Nhân dân, mục đích vừa tuyên truyền, vừa hướng dẫn, giúp đỡ Nhân dân trong quá trình tham gia thực hiện các tiêu chí trong XDNTM ở các địa phương. Đồng thời, đây cũng là một kênh để nắm bắt đặc điểm, tình hình mỗi xã để có biện pháp thực hiện cho hiệu quả. Xây dựng các phóng sự tuyên truyền phản ánh kết quả thực hiện Chương trình MTQG XDNTM của các địa phương, những cách làm sáng tạo, những kinh nghiệm của các địa phương trong việc phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân, huy

động tốt các nguồn lực, các nguồn vốn ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình XDNTM.

Ba là, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động XDNTM. Thực tiễn quá trình lãnh đạo XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang cho thấy, việc nêu gương trong công tác tuyên truyền có tác dụng rất to lớn: Cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện và vận động gia đình hiến đất làm đường, bàn giao mặt bằng, góp công, góp sức, góp ý tưởng trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; nhiều đảng viên là hình mẫu trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập để Nhân dân noi theo. Với đặc thù là tỉnh miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, Tuyên Quang đã triệt để phát huy vai trò của người có uy tín là các bí thư chi bộ, trưởng thôn, “già làng”, người hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, nghệ nhân... tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia XDNTM. Đây là một kinh nghiệm quan trọng có thể nhân rộng trên phạm vi các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên-những nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác tuyên truyền phải kết hợp chặt chẽ với tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Trong quá trình triển khai XDNTM, UBND tỉnh xác định: “Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, quán triệt trong các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các tầng lớp Nhân dân nhận thức đúng về Chương trình XDNTM là cuộc vận động lớn, có tác động trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, môi trường ở NT. Đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài trong công cuộc đổi mới hiện nay. Từ đó tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn xã hội, đặc biệt là cộng đồng dân cư ở cơ sở tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ XDNTM” [142, tr.5].

Quá trình triển khai XDNTM ở Tuyên Quang là minh chứng sinh động chứng tỏ việc kết hợp công tác tuyên truyền với tổ chức phong trào thi đua đã đem lại hiệu quả rất to lớn. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, từ đó huy động được sự vào cuộc của cả HTCT và Nhân

dân cùng chung tay XDNTM. Xây dựng được nhiều tấm gương điển hình tiên tiến. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích đóng góp tích cực trong việc huy động nguồn lực XDNTM.

Những kinh nghiệm trong việc thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua trong XDNTM vừa là đặc điểm chung của cả nước, nhưng cũng có tính đặc thù của vùng miền địa phương. Đây là kinh nghiệm để các tỉnh có thể nghiên cứu, tham khảo và vận dụng cho phù hợp với thực tiễn địa phương trong quá trình tổ chức triển khai XDNTM trong giai đoạn tiếp theo.

4.2.5. Tăng cường kiểm tra, giám sát; chú trọng công tác tổng kết, rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm, chăm lo đến công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng. Người khẳng định: “Khi có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích” [82, tr.520] và “Có thể nói rằng: chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra” [82, tr.250]. Thực tiễn quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng luôn khẳng định kiểm tra, giám sát là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo mà không kiểm tra coi như không lãnh đạo. Trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân trên diện rộng. Đó là một kinh nghiệm quan trọng có thể nhân rộng và vận dụng hiệu quả ở giai đoạn tiếp theo.

Thực tiễn lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang cho thấy, công tác kiểm tra, giám sát đã giúp các địa phương xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể nhằm giữ vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, góp phần phát hiện sớm các vấn đề, giúp ngăn chặn kịp thời các sai phạm, vi phạm, tránh để các vấn đề trở nên phức tạp và khó

giải quyết; nâng cao tính minh bạch, tăng cường sự tin tưởng của Nhân dân với Đảng, chính quyền; đồng thời, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở khắc phục những hạn chế, thiếu sót, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình. Kiểm tra, giám sát cũng giúp cho việc rèn luyện ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

Thực hiện lãnh đạo công tác thanh tra, giám sát XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang có một số điểm đáng chú ý sau:

Một là, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Mục đích quan trọng nhất của việc giám sát XDNTM là để ngăn ngừa sai phạm từ lúc còn manh nha, kịp thời đôn đốc quá trình thực hiện để đảm bảo tiến độ, kịp thời phát hiện những khó khăn, bất cập để điều chỉnh đảm bảo hiệu quả, thực chất. Do đó, song song với quá trình triển khai thực hiện Chương trình, Tỉnh ủy Tuyên Quang đã chỉ đạo cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp coi trọng và thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc quá trình thực hiện. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm nhằm phát hiện sai phạm, có kết luận và xử lý kịp thời, tránh để khuyết điểm nhỏ trở thành vấn đề lớn, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả XDNTM. Tỉnh ủy chỉ đạo công tác kiểm tra đã tập trung vào những vấn đề liên quan đến các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng, những vấn đề dễ phát sinh sai phạm, nhạy cảm hoặc liên quan đến quyền và lợi ích trực tiếp, chính đáng của Nhân dân.

Để đảm bảo cho quá trình kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể đã lập kế hoạch chi tiết, cụ thể, xác định rõ đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra. Đa dạng hóa hình thức kiểm tra, trong đó, kết hợp kiểm tra đột xuất, định kỳ với giám sát chuyên đề. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm, ứng dụng để hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường tính minh bạch và

hiệu quả. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng để trang bị cho cán bộ làm công tác kiểm tra có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, pháp luật.

Hai là, tăng cường phối hợp và phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong công tác kiểm tra, giám sát XDNTM. Mỗi tổ chức trong HTCT có vai trò, chức năng, thẩm quyền riêng trong công tác kiểm tra, giám sát; đồng thời, có những vụ việc có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của từng tổ chức. Do đó, trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện XDNTM Đảng bộ tỉnh đã phát huy vai trò, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và tăng cường phối hợp để đảm bảo hiệu quả và triệt để. Cụ thể:

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác kiểm tra, giám sát. Phát huy vai trò của cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở trong việc hoạch định chủ trương thông qua việc ban hành các nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác để định hướng về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải công tác kiểm tra, giám sát về XDNTM. BCH Đảng bộ tỉnh đã cụ thể hóa các quy định của Trung ương để xây dựng hướng dẫn về kiểm tra, giám sát, tạo thuận lợi cho cấp ủy các cấp trong tổ chức thực hiện. Cấp ủy các cấp đã thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong XDNTM. Thực hiện tốt công tác cán bộ trong việc lựa chọn những người làm công tác kiểm tra.

Thường xuyên phối hợp giữa công tác kiểm tra của Đảng với các hình thức kiểm tra, kiểm toán, thanh tra nhà nước. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giúp các cơ quan, đơn vị trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau thực hiện nhiệm vụ. Thành lập các tổ công tác liên ngành để giải quyết các vấn đề phức tạp, vượt quá thẩm quyền của một cơ quan. Xây dựng cơ chế xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm, không bao che, dung túng. Công khai kết quả xử lý để tăng tính răn đe, góp phần phòng ngừa các vi phạm.

Phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong hoạt động giám sát quá trình thực hiện XDNTM. Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội, chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội. Xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm trung vào những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của Nhân dân, trong đó, có vấn đề thực hiện các tiêu chí XDNTM. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động, hỗ trợ để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong các hoạt động giám sát quá trình XDNTM.

Phát huy vai trò của Ban thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với quá trình thực hiện XDNTM. Thực tiễn tại tỉnh Tuyên Quang cho thấy, đây là hai tổ chức có vai trò quan trọng trong việc đại diện cho Nhân dân thực hiện giám sát việc xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và các công trình trong XDNTM. Để phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã tăng cường tổ chức tập huấn nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát. Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng hằng năm. Thường xuyên củng cố, kiện toàn về tổ chức, đảm bảo số lượng thành viên Ban thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong thực hiện các chương trình dự án, chương trình ở cấp xã, cung cấp thông tin cho Ban thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng khi thực hiện các hoạt động thanh tra, giám sát quá trình thực hiện XDNTM.

Ba là, phát huy vai trò của Nhân dân trong kiểm tra, giám sát XDNTM. Bản chất của quá trình XDNTM Nhân dân là người thực hiện và trực tiếp thực hiện thành quả của quá trình XDNTM. Vì vậy, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh đã quán triệt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng”. Tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động, tích cực thực hiện quyền giám sát

theo quy định của pháp luật, góp phần thực hiện tốt Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở quy định về quản lý đầu tư, chất lượng các công trình XDNTM trên địa bàn các xã.

Để thực hiện tốt việc phát huy vai trò của Nhân dân trong giám sát XDNTM, cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung Chương trình, vai trò chủ thể của người dân và trách nhiệm trong kiểm tra, giám sát quá trình XDNTM. Thực hiện tốt việc công khai, minh bạch và cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân về các công trình, dự án XDNTM trên địa bàn cư trú của họ. Thực hiện nghiêm và hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”. Triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn theo tinh thần “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”. Theo đó nhà nước đưa ra chủ trương định hướng, hỗ trợ nguồn lực, Nhân dân bàn, Nhân dân thực hiện và Nhân dân giám sát, nghiệm thu kết quả.

Trong lãnh đạo XDNTM, Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến. Trong những năm 2010-2015, Đảng bộ tỉnh đã chủ trương thực hiện “thí điểm”, chọn mỗi huyện một xã để triển khai và rút kinh nghiệm trước khi triển khai ra nhiều xã ở giai đoạn sau. Trên cơ sở đó, trong những năm 2015-2020, Đảng bộ tỉnh đề ra chỉ tiêu XDNTM ở mức cao hơn, đồng thời, cũng thường xuyên quan tâm đến công tác tổng kết, rút kinh nghiệm để đảm bảo nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí XDNTM.

Việc thí điểm còn được Đảng bộ tỉnh thực hiện ngay cả khi ban hành những nghị quyết mới, để đảm bảo tính khả thi, hợp ý Đảng lòng dân và phát huy hiệu quả cao trong thực tiễn. Thực tiễn quá trình lãnh đạo XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang cho thấy, nhiều nghị quyết trước khi triển khai vào thực tiễn, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo cơ sở tổ chức làm “thí điểm”, chọn một xã, một thôn triển khai; sau đó, yêu cầu các xã, thôn khác đến học tập kinh nghiệm, thống nhất cách làm và triển khai trên diện rộng. Tiêu biểu như việc triển khai Nghị

quyết số 15-NQ/TU, ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XVI) về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hoá, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ Nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020. Nhiều địa phương đã tổ chức làm thí điểm để rút kinh nghiệm trước khi triển khai đồng bộ như tại xã Hòa An, huyện Chiêm Hóa chọn thôn Lãng Hối là thôn điểm trước khi nhân rộng ra toàn xã.

Công tác tổng kết lãnh đạo XDNTM phải được tiến hành trước khi Đảng bộ tỉnh đề ra các chủ trương. Thường xuyên quan tâm “đưa cuộc sống vào nghị quyết”, bằng cách thường xuyên có những khảo sát đánh giá, thăm dò ý kiến Nhân dân, tăng cường học tập kinh nghiệm ở những mô hình hay trước khi “chuyển hóa” thành những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể trong các nghị quyết của Đảng bộ tỉnh. Trong quá trình lãnh đạo XDNTM, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua các cuộc họp đã nhiều lần chỉ đạo Ban cán sự Đảng UBND tỉnh có những báo cáo cụ thể, đề thảo luận, phân tích tình hình, đánh giá đúng thực tiễn trước khi ban hành các nghị quyết về xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển nông nghiệp hàng hóa, chủ trương, chính sách về giảm nghèo bền vững... Đây không chỉ thể hiện là phương pháp mới trong hoạch định đường lối, mà còn thể hiện ở tư duy mới, sáng tạo của cấp ủy các cấp ở tỉnh Tuyên Quang.

Tổng kết thực tiễn XDNTM phải được tiến hành ngay từ cơ sở, đảm bảo tính hệ thống và có sự chỉ đạo tập trung. Thực tế cho thấy, chủ trương của Đảng bộ tỉnh chỉ có thể được đánh giá sự đúng, sai, hiệu quả thông qua quá trình kiểm nghiệm ở thực tiễn cơ sở. Vì vậy, Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo cấp ủy cơ sở thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm, chỉ ra những cách làm hay, sáng tạo và cả những bất cập, hạn chế. Trên cơ sở khái quát từ các địa phương để tổng kết trên phạm vi cấp tỉnh và rút ra bài học kinh nghiệm, nhân rộng các

điển hình tiên tiến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo XDNTM.

Việc tổng kết, rút kinh nghiệm là bài học chung của toàn Đảng, được cấp ủy ở nhiều địa phương thực hiện. Tuy nhiên, cách thức triển khai cũng rất phong phú, đa dạng, nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo. Thực tiễn quá trình lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã để lại những kinh nghiệm quý, giúp các tỉnh khác có thể tham khảo trong quá trình lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về XDNTM trong những năm tới.

Kết luận chương 4

Nhận thức đúng đắn, vị trí, vai trò của NN, ND, NT và XDNTM, quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng, trong những năm 2010-2020, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã kịp thời ban hành chủ trương, biện pháp lãnh đạo XDNTM. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, trong 10 năm (2010-2020), triển khai thực hiện Chương trình, với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là phát huy sức sáng tạo, tinh thần cộng đồng của Nhân dân, nông thôn tỉnh Tuyên Quang đã có những chuyển biến tích cực. Nhận thức của đa số người dân về Chương trình ngày càng được nâng cao; vai trò chủ thể của người dân được phát huy, người dân chủ động tham gia đóng góp ngày công, tiền của làm công trình công cộng; mỗi địa phương đều có cách làm sáng tạo phù hợp với điều kiện của mình. Hạ tầng KT-XH được tập trung đầu tư, nâng cấp và có sự chuyển biến rõ nét, góp phần thay đổi cơ bản bộ mặt nông thôn. Phát triển sản xuất có nhiều điểm mới, nổi bật; đời sống người dân được nâng lên, thu nhập, điều kiện và mức sống của Nhân dân được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm; văn hoá, giáo dục, y tế và môi trường nhiều nội dung có chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao chất lượng.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình lãnh đạo XDNTM của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong những năm 2010-2020 vẫn còn một số hạn chế: Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ về XDNTM chưa thống nhất; chỉ đạo XDNTM có mặt chưa phù hợp với thực tiễn của địa phương; một số tiêu chí chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM (2010-2020), đã để lại những kinh nghiệm quý để Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang tham khảo vận dụng, tiếp tục lãnh đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả XDNTM của tỉnh trong những năm tiếp theo.

KẾT LUẬN

1. Xây dựng NTM là chủ trương chiến lược của Đảng, có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội. Nước ta về cơ bản là một nước phát triển đi lên từ nông nghiệp, nông nghiệp vẫn là “trụ đỡ” của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và XDNTM là nhiệm vụ chiến lược góp phần ổn định tình hình chính trị, KT-XH, xóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Theo đó, Chương trình MTQG về XDNTM là Chương trình mang tính tổng hợp, sâu rộng, toàn diện nhằm thực hiện thành công Nghị quyết 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng; là một Chương trình đúng đắn, hợp lòng dân, đã triển khai đồng bộ, rộng rãi và được Nhân dân đồng tình và tích cực hưởng ứng. Quá trình triển khai Chương trình đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao đời sống mọi mặt cho Nhân dân.

2. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã quán triệt và vận dụng sáng tạo trong quá trình lãnh đạo XDNTM. Trên cơ sở đánh giá đúng tiềm năng, thế mạnh và những hạn chế của địa phương, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đề ra chủ trương đúng đắn và linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo thực tiễn, tạo bước chuyển quan trọng trong thực hiện Chương trình MTQG về XDNTM ở tỉnh Tuyên Quang. Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương trình, với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân, nông thôn tỉnh Tuyên Quang đã có những chuyển biến tích cực. Hạ tầng KT-XH, nhất là giao thông, thủy lợi, thiết chế văn hóa... được tập trung xây dựng, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn, hỗ trợ sản xuất phát triển; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có nhiều chuyển biến theo hướng hàng hóa và tập trung vào đặc sản, lợi thế của địa phương; hình thức tổ chức sản xuất có nhiều đổi mới, thu nhập người dân tăng cao, tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm nhanh; các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đạt kết quả cao; công tác vệ sinh,

môi trường nông thôn tiếp tục được chú trọng; HTCT vững mạnh, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh gắn với Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức XDNTM” có sức lan tỏa sâu rộng, tạo đồng thuận xã hội và thúc đẩy tinh thần tự giác, sáng tạo và tích cực tham gia của Nhân dân trong xây dựng MTM.

3. Trong quá trình Đảng bộ tỉnh lãnh đạo XDNTM, do những yếu tố khách quan và chủ quan nên kết quả lãnh đạo còn những hạn chế như: Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình chưa toàn diện, quyết liệt; chưa có giải pháp tạo được sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp hàng hóa; kết quả XDNTM tại một số địa phương chưa thực sự bền vững; đời sống, thu nhập một bộ phận người dân nông thôn còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao... Để khắc phục những hạn chế nêu trên, trong những năm tới Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang tiếp tục nâng cao nhận thức, xác định vai trò, tầm quan trọng của XDNTM, là cơ sở để đưa Tuyên Quang bứt phá, phát triển trong kỷ nguyên mới. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, phát huy sức mạnh tổng hợp của HTCT và toàn xã hội, đặc biệt phát huy vai trò chủ thể của người dân trong XDNTM. Tiếp tục nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền; đổi mới nội dung phương pháp hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội trong triển khai thực hiện Chương trình XDNTM.

4. Nghiên cứu quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo XDNTM từ năm 2010 đến năm 2020 luận án rút ra năm kinh nghiệm đó là: Một là, Quán triệt, nhận thức sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và vận dụng phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Hai là, Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện phải quyết liệt, chủ động, linh hoạt, có bước đi phù hợp và xuất phát từ thực tiễn. Ba là, Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn xã hội, trong đó người dân là chủ thể trong XDNTM. Bốn là, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua trong XDNTM. Năm là, tăng cường

kiểm tra, giám sát; chú trọng công tác tổng kết, rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện. Những kinh nghiệm trên có giá trị cả về lý luận và thực tiễn, là cơ sở nền tảng để Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang và Đảng bộ các tỉnh khác tham khảo, vận dụng trong quá trình lãnh đạo thực hiện Chương trình MTQG XDNTM trong những năm tới; đặc biệt là trong lãnh đạo XDNTM nâng cao, kiểu mẫu và phát triển nền nông nghiệp hiện đại, nông thôn văn minh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

5. Trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước tiếp tục có những biến chuyển nhanh; khoa học-công nghệ và trí tuệ nhân tạo, xu thế nông nghiệp hữu cơ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... phát triển mạnh mẽ đang tạo ra thời cơ và thách thức mới trong sản xuất nông nghiệp và XDNTM. Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đang đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới như: Cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy và thực hiện chính quyền hai cấp; việc phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương; chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; phát triển “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh”. Do đó, cấp ủy, chính quyền tỉnh Tuyên Quang nâng cao năng lực hoạch định chủ trương và chỉ đạo thực tiễn; đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, XDNTM đi vào chiều sâu, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhất định sẽ tạo ra bước phát triển trong XDNTM, góp phần xây dựng nông thôn Tuyên Quang ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh, hạnh phúc.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Bùi Hữu Thêm (2024), “Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng NTM (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 408, tr. 96 - 101.
2. Bùi Hữu Thêm (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng NTM ở tỉnh Tuyên Quang”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số đặc biệt Quý IV-2024, tr.129 - 137.
3. Bùi Hữu Thêm (2025), “Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện phong trào thi đua xây dựng NTM (2010-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 414, tr. 107-112.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng việt

1. Hiếu Anh (2019), “Bí quyết xây dựng nông thôn mới ở Tuyên Quang”, *Báo Dân tộc điện tử*, ngày 07/10/2019.
2. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2025), *Vai trò của đồng bào Khơmer trong xây dựng NTM ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2016), *Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 15/12/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chiêm Hóa (2008), *Lịch sử Đảng bộ huyện Chiêm Hóa (1940-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Hàm Yên (2010), *Lịch sử Đảng bộ huyện Hàm Yên (1940-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Hang (2012), *Lịch sử Đảng bộ huyện Na Hang (1940-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sơn Dương (2018), *Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Dương (1941-2017)*, Tuyên Quang.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Sơn (2014), *Lịch sử Đảng bộ huyện Yên Sơn (1940-2010)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Tuyên Quang (2009), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Tuyên Quang (1940-2008)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2000), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1976-2005)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), *Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 10/11/1998, về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn*, Hà Nội.

13. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương Đảng khóa IX về đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*, Hà Nội.

14. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5/08/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Hà Nội.

15. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Tuyên Quang (2017), *Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 10/8/2017 về truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017 - 2020*, Tuyên Quang.

16. Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (2015), *Báo cáo số 2693/BC-BCĐ ngày 30/11/2015 sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2011-2015; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2016 - 2020*, Tuyên Quang.

17. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2002), *Con đường CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang (2021), *Tuyên Quang 30 năm đổi mới và phát triển (1991 - 2021)*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

19. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu học tập các Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy, khóa X (Dành cho cán bộ, đảng viên cơ sở)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

20. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh (2019), *Báo cáo kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM*, Tuyên Quang.

21. *Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011)* (2011), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Bích (2007), *Nông nghiệp nông thôn Việt Nam sau hai mươi năm đổi mới - Quá khứ và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Chu Hòa Bình (2009), *Tăng cường xây dựng văn hóa nông thôn, nâng*

cao trình độ văn hóa nông dân, đóng góp cho xây dựng NTM xã hội chủ nghĩa, Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn, kinh nghiệm Việt Nam và Trung Quốc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Phạm Thị Thanh Bình (Chủ biên, 2018), *Nghiên cứu so sánh chính sách nông nghiệp ở Trung Quốc, Thái Lan, Israel và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

25. Nguyễn Trọng Bình - Nguyễn Thị Ngọc Anh (2020), *Sự tham gia của người dân trong quá trình xây dựng NTM ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

26. Bộ Chính trị (2019), *Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”*, Hà Nội.

27. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2004), *Báo cáo đánh giá công tác quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn và kế hoạch phát triển nông nghiệp thời kỳ đổi mới*, Hà Nội.

28. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT, ngày 21/8/2009, hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM*, Hà Nội.

29. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), *Quyết định số 1003/QĐ-BNN-PTNT, Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về NTM*, Hà Nội.

30. Bun-Thoong Chít-ma-ni (2011), *Đảng nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

31. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Chính phủ (2010), *Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*, Hà Nội.

34. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang 2016*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
35. Cục Thống kê tỉnh Tuyên Quang (2021), *Niên giám thống kê tỉnh Tuyên Quang 2020*, Nxb Thống Kê, Hà Nội.
36. Lê Thế Cường (2013), *Thực tiễn hiện đại hóa nông nghiệp đặc sắc Trung Quốc và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam*, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, truy cập ngày 11/01/2013.
37. Nguyễn Xuân Cường (2010), *Quá trình phát triển kinh tế- xã hội nông thôn ở Trung Quốc (1978-2008)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Hồ Chí Diên (2020), *Đẩy mạnh xây dựng NTM ở tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ Nông nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
39. Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên - 1994), *Kinh nghiệm tổ chức quản lý nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Phạm Ngọc Dũng (2011), *CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV*, Tuyên Quang.
42. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015*, Tuyên Quang.
43. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Tuyên Quang.
44. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Tuyên Quang.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, t.II, Hà Nội.

54. Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc (2009), *Vấn đề nông nghiệp nông dân nông thôn kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55. Phạm Đi (2015), “Chương trình “Chấn hưng nông thôn” của Nhật Bản và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam”, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, truy cập ngày 19/3/2015.

56. Phạm Đi (2016), *Xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay (nghiên cứu vùng duyên hải Nam Trung Bộ)*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

57. Nguyễn Điền (1997), *Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn các nước châu Á và Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

58. Nguyễn Ngọc Hà (2012), *Đường lối phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2011)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

59. Đoàn Thị Hân (2017), *Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện chương trình xây dựng NTM tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

60. Lại Ngọc Hải (2008), “Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn - nhìn từ góc độ giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa”, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn/>, truy cập ngày 25/8/2008.

61. Đào Sơn Hải (2023), *Đảng bộ tỉnh Thái Bình lãnh đạo xây dựng NTM, từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị Bộ quốc phòng.

62. Cát Chí Hoa (2009), *Từ NTM đến đất nước mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

63. Trác Vệ Hoa (2008), “Lý luận và thực tiễn cải cách và phát triển nông thôn Trung Quốc 30 năm qua”, tại trang <https://tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 24/12/2008.

64. Nguyễn Văn Hòa (2019), *Đảm bảo lợi ích kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân ở tỉnh Tuyên Quang*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

65. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2017), *70 năm tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng NTM và đô thị văn minh (kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

66. Hội đồng Lý luận Trung ương (2022), *Xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*, Nxb Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

67. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2010), *Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND, ngày 27/12/2010 về cơ chế, chính sách bê tông hoá đường giao thông nông thôn giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Tuyên Quang.

68. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2012), *Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 của HĐND tỉnh về mức hỗ trợ xây dựng một số công trình hạ tầng KT - XH nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2015*, Tuyên Quang.

69. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2015), *Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của HĐND tỉnh về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025*, Tuyên Quang.

70. Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2016), *Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016, của HĐND tỉnh về quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016 - 2020*, Tuyên Quang.

71. Hồ Xuân Hùng (2011), “Xây dựng NTM là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta”, tại trang <https://tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 13/02/2011.

72. Hồ Xuân Hùng (2018), “*NTM Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

73. Ngô Thị Lan Hương (2016), *Đảng bộ thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng bền vững từ năm 2001 đến năm 2013*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

74. Kanha Senthammavong (2024), “*Vai trò của HTCT cấp cơ sở trong xây dựng NTM ở tỉnh Bolikhamxay hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

75. Vũ Trọng Khải (2004), *Tổng kết và xây dựng mô hình phát triển KT - XH kết hợp truyền thống làng xã với văn minh thời đại*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

76. Nguyễn Thành Lợi (2013), “Xây dựng NTM của Nhật Bản và một số gợi ý cho Việt Nam”, Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử, ngày 19/6/2013.

77. Đào Thanh Lưỡng (2018), *Các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo xây dựng NTM trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

78. Lê Quốc Lý (2012), *CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn - Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

79. Tô Trọng Mạnh (2020), *Thực hiện chính sách xây dựng NTM ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Chính sách công, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

80. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

84. Quang Minh (2013), “Xây dựng NTM ở các tỉnh miền núi phía Bắc: Kết quả bước đầu và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Cộng sản*, (13), tr.27-29.

85. Nhật Nam (2019), “Vai trò của MTTQ và các tổ chức thành viên trong xây dựng NTM”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử*, Bộ Nội vụ

86. Phạm Xuân Nam (Chủ biên) (1997), *Phát triển nông thôn*, Nxb Khoa học - Xã hội, Hà Nội.

87. *Nâng cao thu nhập cho nông dân Hàn Quốc* (2013), tại trang www.cmard2.edu.vn, truy cập ngày 23/9/2013.

88. Trần Ngọc Ngoạn (2008), *Phát triển nông thôn bền vững Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

89. Đặng Kim Oanh, Nguyễn Hữu Tài (2020), “Đảng lãnh đạo xây dựng NTM (2008-2020)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (359), tr.51 - 56.

90. “Phát huy vai trò của nhân dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn” (2013), tại trang <http://thongtinhanquoc.com>, truy cập ngày 9/2/2013.

91. “Phong trào đổi mới nông thôn ở Hàn Quốc” (2013), tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn>, truy cập ngày 11/3/2013.

92. Thanh Phúc (2015) “Xây dựng NTM ở Tuyên Quang: Những kết quả vượt trội”, *Báo Tài nguyên và môi trường điện tử*, truy cập ngày 09/01/2015.

93. Vũ Văn Phúc (2013), *Xây dựng NTM những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

94. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Nghị quyết số 100/2015/QH13 về phê duyệt Chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.

95. Chu Hữu Quý (1996), *Phát triển toàn diện KT - XH nông thôn, nông nghiệp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

96. Nguyễn Thị Tô Quyên (2012), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

97. Phạm S (2014), “*Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là yêu cầu tất yếu để hội nhập quốc tế*”, Nxb Khoa học và kỹ thuật.

98. Đỗ Tiến Sâm (2008), *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

99. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), *Báo cáo số 25/BC-SNN ngày 22/01/2021 kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021*, Tuyên Quang.

100. Đặng Kim Sơn (2001), *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp - Lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

101. Đặng Kim Sơn (2008), *Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

102. Đặng Kim Sơn (2008), *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

103. Đặng Kim Sơn (2009), “*Kinh tế nông thôn và sứ mệnh giải cứu*”, tại trang <http://www.tuanvietnam.net>.

104. Phan Xuân Sơn và Nguyễn Cảnh (2009), *Xây dựng mô hình NTM ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

105. Phạm Tất Thắng (2015), “*Xây dựng NTM: Một số vấn đề đặt ra*”, *Tạp chí Cộng sản*, (12), tr.26-29.

106. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày*

16/4/2009 Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về NTM, Hà Nội.

107. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 4/6/2010, Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.

108. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 1620/QĐ-TTg, ngày 20/9/2011, tổ chức phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng NTM”*, Hà Nội.

109. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 695/QĐ-TTg, ngày 8/6/2012, Sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.

110. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016, Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020*, Hà Nội.

111. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016, về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, giai đoạn 2016-2020*", Hà Nội.

112. Trương Thị Tiến (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

113. Tỉnh ủy - HĐND - UBND tỉnh Tuyên Quang (2014), *Địa chí Tuyên Quang*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

114. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2010), *Kết luận số 01-KL/TU ngày 17/11/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ thứ nhất*, Tuyên Quang.

115. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2011), *Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 23/8/2011 về thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XV) về đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2011 - 2015*, Tuyên Quang.

116. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2011), *Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 09/5/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2011 - 2015*, Tuyên Quang.

117. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2011), *Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 23/11/2011 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.

118. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2012), *Chương trình số 13-CTr/TU ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*, Tuyên Quang.

119. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2012), *Kế hoạch số 37-KH/TU ngày 09/7/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn*, Tuyên Quang.

120. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2012), *Kết luận số 73-KL/TU ngày 20/4/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 8 (khóa XV), nhiệm kỳ 2010 - 2015*, Tuyên Quang.

121. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2012), *Thông báo số 236-TB/TU ngày 07/01/2012 của Thường trực tỉnh ủy, Ý kiến tại cuộc họp ngày 05 và 06/01/2012*, Tuyên Quang.

122. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2012), *Thông báo số 391-TB/TU ngày 13/11/2012 của Thường trực Tỉnh ủy ý kiến tại cuộc họp ngày 12/11/2012*, Tuyên Quang.

123. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2013), *Kết luận số 119-KL/TU ngày 08/4/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy kỳ họp thứ 30 họp ngày 08/4/2013*, Tuyên Quang.

124. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2013), *Kết luận số 145-KL/TU ngày 26/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Về một số giải pháp chủ yếu về KT - XH thực hiện trong giai đoạn 2014 - 2015 phấn đấu đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV*, Tuyên Quang.

125. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2016), *Chương trình số 05-CTr/TU ngày 27/2/2016 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI*, Tuyên Quang.

126. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2016), *Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XVI) về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hoá, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2020*, Tuyên Quang.

127. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2016), *Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016 - 2025*, Tuyên Quang.

128. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2017), *Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020*, Tuyên Quang.

129. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2019), *Chương trình số 27-CTr/TU ngày 02/01/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2019*, Tuyên Quang.

130. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2020), *Kế hoạch số 410-KH/TU ngày 20/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Tuyên Quang.

131. Tỉnh ủy Tuyên Quang (2020), *Thông báo số 1273-TB/TU ngày 15/5/2020 của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, kết luận tại buổi làm việc với Đảng đoàn Ủy ban MTTQ tỉnh*, Tuyên Quang.

132. Đoàn Phạm Hà Trang (2012), “Xây dựng NTM: Vấn đề quy hoạch và huy động các nguồn tài chính”, tại trang <http://www.tapchicongsan.org.vn>.

133. Trung tâm Phát triển nông thôn, Dự án MISPA (2006), *Lý luận và thực tiễn xây dựng NTM xã hội chủ nghĩa*, Dịch giả Cù Ngọc Hương, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

134. Đào Thế Tuấn (2005), “Chính sách nông thôn, nông dân và nông nghiệp mới ở Trung Quốc”, tại trang <http://www.socencoop.org.vn>.

135. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Tuyên Quang (2019), Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2019-2024, Tuyên Quang.

136. UBND tỉnh Tuyên Quang (2009), *Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 22/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.

137. UBND tỉnh Tuyên Quang (2010), *Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/3/2010 về việc phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010 - 2020*, Tuyên Quang.

138. UBND tỉnh Tuyên Quang (2011), *Kế hoạch số 15/UBND-KH ngày 26/4/2011 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, năm 2011*, Tuyên Quang.

139. UBND tỉnh Tuyên Quang (2011), *Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 31/12/2011 về triển khai thực hiện Kết luận số 30-KL/TU ngày 02/8/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.

140. UBND tỉnh Tuyên Quang (2011), *Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của UBND tỉnh Tuyên Quang về Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Tuyên Quang*, Tuyên Quang.

141. UBND tỉnh Tuyên Quang (2011), *Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 08/3/2011 về việc phê duyệt Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn*

tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, Tuyên Quang.

142. UBND tỉnh Tuyên Quang (2012), *Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 01/02/2012 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức xây dựng NTM”*, Tuyên Quang.

143. UBND tỉnh Tuyên Quang (2012), *Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 23/3/2012 về thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020*, Tuyên Quang.

144. UBND tỉnh Tuyên Quang (2012), *Quyết định số 70/QĐ-UBND, ngày 29/3/2012 về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030*, Tuyên Quang.

145. UBND tỉnh Tuyên Quang (2013), *Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/6/2013 về thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông xi măng các tuyến đường từ trung tâm cấp huyện đến trung tâm cấp xã giai đoạn 2013 - 2015*, Tuyên Quang.

146. UBND tỉnh Tuyên Quang (2015), *Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 26/10/2015 về thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục và xóa mù chữ giai đoạn 2015-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Tuyên Quang.

147. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), *Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 19/01/2016 về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc Chương trình MTQG về xây dựng NTM, giai đoạn 2016 - 2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Tuyên Quang.

148. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), *Kế hoạch số 45/UBND ngày 08/6/2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020*, Tuyên Quang.

149. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), *Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 28/9/2016 về thực hiện Nghị quyết 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025*, Tuyên Quang

150. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), *Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày*

25/11/2016 về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức xây dựng NTM” giai đoạn 2016 - 2020, Tuyên Quang.

151. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 Về việc phê duyệt Đề án kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Tuyên Quang.

152. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 về việc phê duyệt Đề án bê tông hóa đường giao thông nội đồng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, Tuyên Quang.

153. UBND tỉnh Tuyên Quang (2016), Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 về phê duyệt Đề án xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, to dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Tuyên Quang.

154. UBND tỉnh Tuyên Quang (2019), Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 21/11/2019 về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2010-2020, Tuyên Quang.

155. UBND tỉnh Tuyên Quang (2020), Báo cáo số 181/BC-UBND ngày 24/12/2020 về Kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2020, gắn với thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 20/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá XVI) về tăng cường lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Tuyên Quang.

156. UBND tỉnh Tuyên Quang (2022), Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Tuyên Quang.

157. Vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc (2009), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

158. Văn phòng Trung ương Đảng (2000), Một số vấn đề về CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn nước ta, Hà Nội.

159. Viện Lịch sử Đảng - Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), “Tác phẩm đời sống mới của chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề xây dựng NTM đô thị văn minh hiện nay”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (319), tr.27-32.

160. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

161. Hoàng Công Vũ (2021): *Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lãnh đạo xây dựng NTM từ năm 2010 đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng.

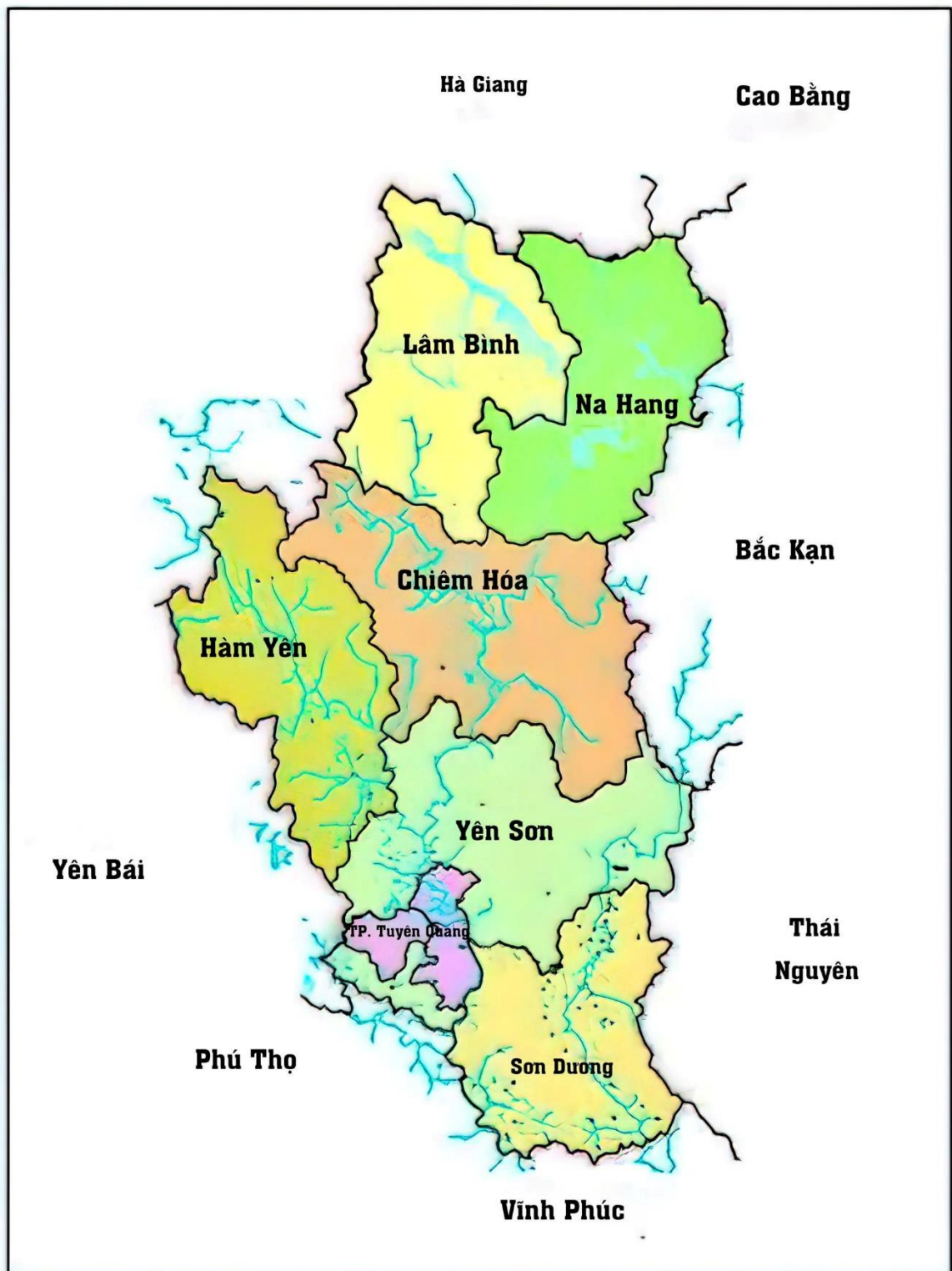
162. Trần Minh Yển (Chủ biên) (2012), *Xây dựng NTM. Khảo sát và đánh giá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tiếng Anh

163. Benedict J. tria Kerrkvliet, Jamesscott (2000), *Vietnam's Rural Transformation*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

164. Frans Ellits (1994), *Agricultural policy in developing countries*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

165. World Bank (1998), *Agriculture and Environment, Perspectives on Sustainable Rural Development*, Ernst Lutz.

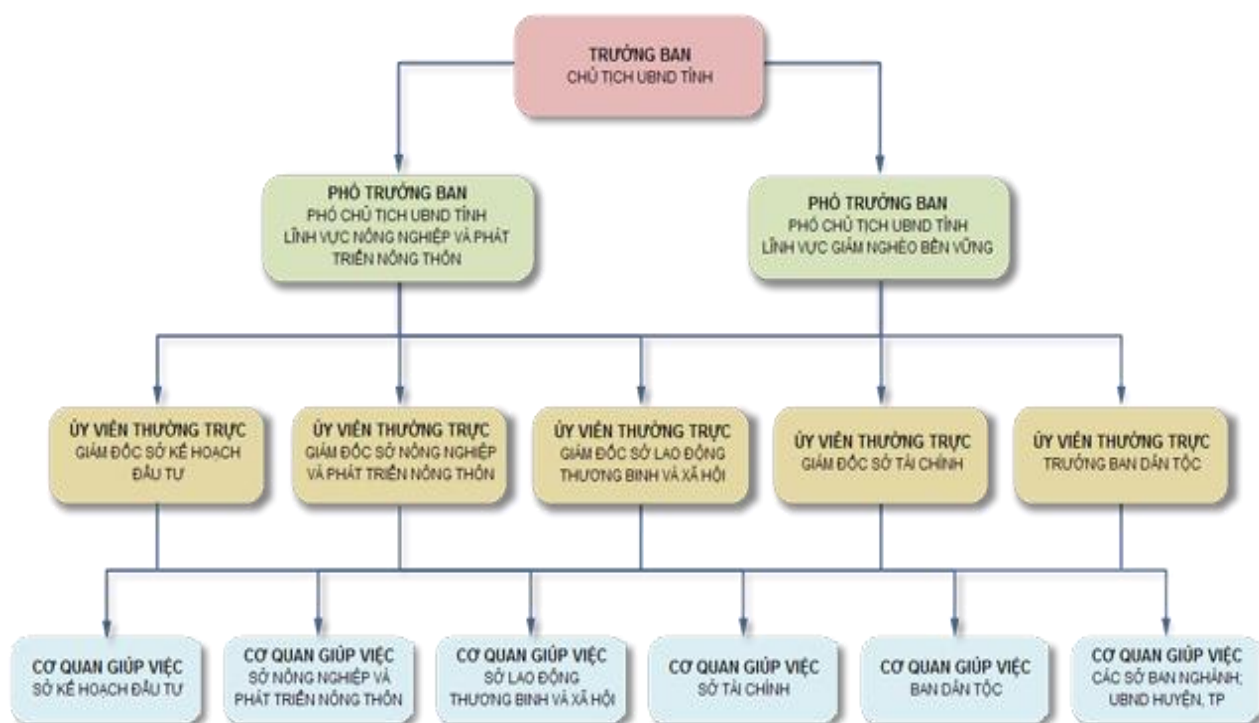
PHỤ LỤC**Phụ lục 1**

Bản đồ hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2020

Nguồn: Sở Nông nghiệp và môi trường Tuyên Quang

Phụ lục 2

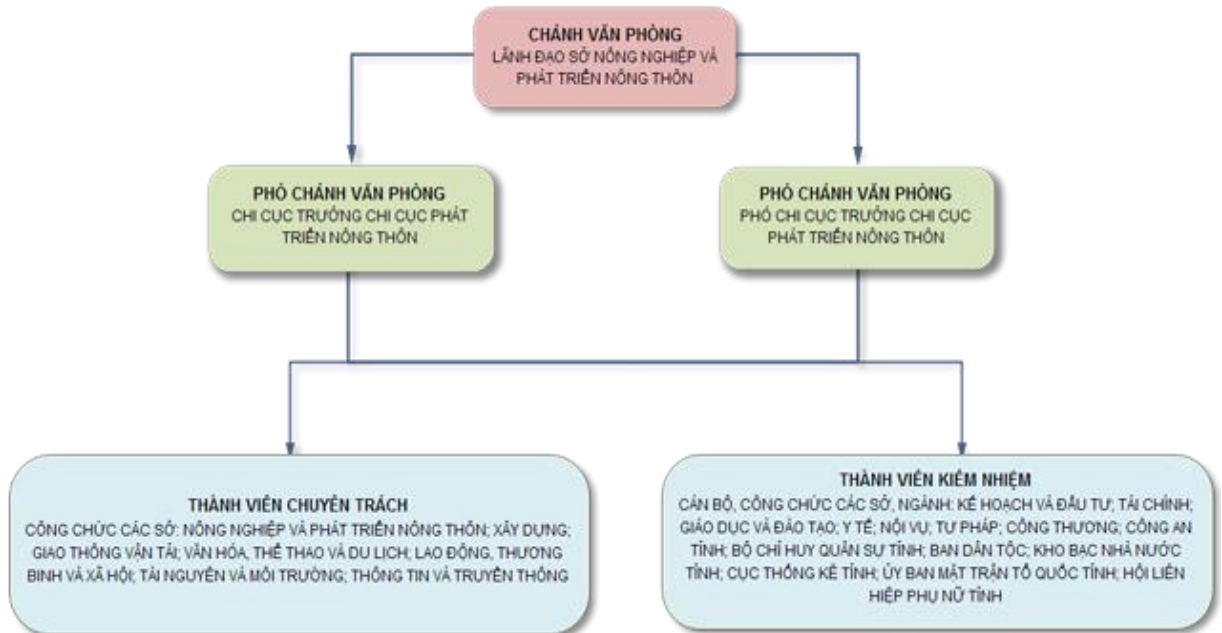
**CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BCD CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG TỈNH
TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**



Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/gioi-thieu/ban-chi-dao-ctmtqg.html>

Phụ lục 4

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MTQG NTM TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



2. CẤP HUYỆN

- BCD huyện
- Văn phòng điều phối

3. CẤP XÃ

- BCD xã

4. CẤP THÔN

- Ban phát triển thôn

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/gioi-thieu/van-phong-dieu-phoi.html>

Phụ lục 3

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ)

A. XÃ NTM

I. QUY HOẠCH

[illegible]

II. HẠ TẦNG KT - XH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí chung	Tiêu chí theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	70%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100%	100% (50cứng hóa)	100% cứng hóa	100% (70% ứng h	100% (70cứ ng hóa)	100% (50cứ ng hóa)	100% cứng hóa	100% (50cứ ng hó
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	65%	50%	100%	70%	70%	70%	100%	50%
3	Thủy lợi	3.1.Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2.Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa	65%	50%	85%	85%	70%	45%	85%	45%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí chung	Tiêu chí theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
4	Điện	4.1.Hệ thống điện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật ngành điện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2.Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	95%	99%	98%	98%	98%	99%	98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp:mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia	80%	70%	100%	80%	80%	70%	100%	70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2.Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu TT thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
7	Chợ NT	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
8	Bưu điện	8.1.Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2.Có Internet đến thôn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1.Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2.Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt	80%	75%	90%	80%	80%	75%	90%	70%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí chung	Tiêu chí theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người /năm so với mức bình quân chung của tỉnh	1,4 lần	1,2 lần	1,5 lần	1,4 lần	1,4 lần	1,3 lần	1,5lần	1,3lần
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	< 6%	10%	3%	5%	5%	7%	3%	7%
12	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	< 30%	45%	25%	35%	35%	40%	20%	35%
13	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc HTX hoạt động có hiệu quả	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

[illegible]

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí chung	Tiêu chí theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
16	Văn hóa	Xã có từ 70% số thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường	17.1.Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia	85%	70%	90%	85%	85%	85%	90%	75%
		17.2. Các cơ sở SX-KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.3.Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4.Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5.Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

V. HTCT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chí chung	Tiêu chí theo vùng						
				TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB sông Cửu Long
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	18.1. Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong HTCT cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" 18.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

B. HUYỆN NTM: Có 75% số xã trong huyện đạt NTM.

C. TỈNH NTM: Có 80% số huyện trong tỉnh đạt NTM.

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục 4**NỘI DUNG SỬA ĐỔI 05 TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NTM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

A. XÃ NTM

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
					TDMN phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung bộ	Duyên hải Nam TB	Tây Nguyên	Đông Nam bộ	ĐB Sông Cửu Long
7	Chợ nông thôn	Chợ theo quy hoạch, đạt chuẩn theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (tr đồng/ người)	Năm 2012	18	13	20	13	16	16	24	20
			Đến năm 2015	26	18	29	18	23	23	34	29
			Đến năm 2020	44	35	49	35	40	40	58	49
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ người làm việc trên dân số trong độ tuổi lao động		≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục THCS		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế		≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
		cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm								
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa								
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm								
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững							
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ								
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	≥95%	≥99%	≥98%	≥98%	≥98%	≥99%	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%	≥70%	100%	≥80%	≥80%	≥70%	100%	≥70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
		hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã								
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]								
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
7	Cơ sở HTTM nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển KT -XH và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã							
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet								
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn								
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	≥75%	≥90%	≥80%	≥80%	≥75%	≥90%	≥70%

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long

				phía Bắc						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥ 45	≥ 36	≥ 50	≥ 36	≥ 41	≥ 41	≥ 59	≥ 50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020	$\leq 6\%$	$\leq 12\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 5\%$	$\leq 7\%$	$\leq 1\%$	$\leq 4\%$
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 85\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$\geq 80\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	≥25%	≥45%	≥40%	≥40%	≥25%	≥45%	≥25%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8%	≤26,7%	≤13,9%	≤24,2%	≤24,2%	≤31,4%	≤14,3%	≤20,5%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước sạch)	≥90% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥98% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥95% (≥65% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

[illegible]

V. HTCT

[illegible]

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh
Tuyên Quang

Phụ lục 6
BỘ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU XÃ NTM NÂNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN
QUANG GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 03/ tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh)

1. Đã được công nhận xã đạt chuẩn NTM theo quy định.
2. Đạt tất cả các tiêu chí, chỉ tiêu xã NTM nâng cao, cụ thể:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Cơ quan phụ trách
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	Quản lý và tổ chức thực hiện đúng quy hoạch xây dựng NTM; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
II. HẠ TẦNG KT - XH				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	70%	Sở Giao thông Vận tải
		2.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (70% được cứng hóa)	
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	70% được cứng hóa	
		2.4. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên, bảo đảm xanh, sạch, đẹp	Đạt	
3	Thủy lợi	Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa 2 vụ được tưới nước chủ động	$\geq 85\%$	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 99\%$	Sở Công thương
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo

6	Thông tin và Truyền thông	Tỷ lệ số thôn, bản có hệ thống loa phát thanh	$\geq 85\%$	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 90\%$	Sở Xây dựng
8	Quản lý, sử dụng công trình hạ tầng KT - XH	Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng KT - XH đã được đầu tư	Đạt	Sở Xây dựng

III. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

9	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn so với mức thu nhập quy định từng năm theo Bộ tiêu chí xã NTM	Tăng 1,2 lần	Cục Thống kê tỉnh
10	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	$\leq 6\%$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
11	Tổ chức sản xuất	11.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng hóa chủ lực của xã gắn với kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		11.2. Đảm bảo 02 yêu cầu sau: - Có HTX thành lập theo Luật HTX năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng - Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm là tiềm năng, thế mạnh của địa phương và giá trị của sản phẩm tăng ít nhất 1,5 lần so với sản phẩm đại trà khác của xã	Đạt	
		11.3. Áp dụng cơ giới hóa đối với cây trồng chủ lực, trong đó mức độ cơ giới hóa khâu làm đất $\geq 85\%$; khâu chăm sóc và thu hoạch $\geq 60\%$	Đạt	
		11.4. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	

12	Lao động có việc làm	Đảm bảo giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	95%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
IV. GIÁO DỤC - Y TẾ - VĂN HÓA - CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG				
13	Giáo dục và Đào tạo	13.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ cấp độ 2; đạt chuẩn và duy trì phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		13.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	$\geq 80\%$	
		13.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	$\geq 65\%$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
		13.4. Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cơ chế chính sách của nhà nước, thông tin khoa học - công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh	100%	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 20\%$	Sở Y tế
		14.2. Đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe và mức hưởng thụ dịch vụ y tế ban đầu cho người dân; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt	
15	Văn hóa	15.1. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và thực hiện tốt hương ước, quy ước cộng đồng	100%	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
		15.2. Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất văn hóa xã, thôn để thu hút đông đảo người dân thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao	Đạt	
		15.3. Có hoạt động bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương	Đạt	

		15.4. Cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện	Đạt	
16	Cảnh quan - Môi trường	16.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	100% ($\geq$ 65% nước sạch)	Sở Nông nghiệp và PTNT
		16.2. Việc thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn xã thực hiện theo quy định	70%	Sở Tài nguyên và Môi trường
		16.3. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq$ 80%	
		16.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq$ 80%	
		16.5. 100% số thôn có hoạt động cải tạo cảnh quan môi trường thường xuyên đảm bảo đường làng, ngõ xóm sáng, xanh, sạch, đẹp	100%	
V. AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG				
17	An ninh trật tự	An ninh trật tự được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh
18	Hành chính công	18.1. Giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt	Văn phòng UBND tỉnh
		18.2. Xã và 100% số thôn được đánh giá xếp loại tốt về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt	Sở Nội vụ
		18.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyên Quang

Phụ lục 7
BỘ TIÊU CHÍ THÔN NTM KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN
QUANG, ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 72/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh)

Áp dụng thực hiện đối với thôn trên địa bàn xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM và đạt các tiêu chí, chỉ tiêu thôn NTM kiểu mẫu, cụ thể:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Cơ quan phụ trách
1	Nhà ở dân cư	1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.	90%	Sở Xây dựng
		1.2. Vật dụng gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	
2	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	2.1. Tối thiểu 90% số hộ đạt các yêu cầu sau: - Có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ít nhất một trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến. - Sản phẩm hàng hóa từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		2.2. Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh.	≥ 90%	
3	Hàng rào, cổng ngõ	3.1. Khuyến khích trồng hàng rào bằng cây xanh được cắt tía thường xuyên; đối với hàng rào được xây dựng bằng các loại vật liệu khác (bê tông, kim loại...) khuyến khích trồng các loại cây hoa để phủ xanh; cổng ngõ được chỉnh trang sạch đẹp.	Đạt (100%)	Sở Xây dựng
4	Đường giao thông	4.1. Đường trục thôn:	Đạt	Sở Giao thông vận tải
		- Tối thiểu 80% số km đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt quy định, trong đó: 100% số km đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa phải có lề đường mỗi bên ít nhất 0,75m (trừ trường hợp bất khả kháng); trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc đạt 100%.	Đạt	
		- Trên tuyến đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa (có rãnh thoát nước) chiều dài rãnh được xây dựng kiên cố phải đạt ≥ 50% tổng chiều dài rãnh thoát nước.	Đạt	

		- Có biển báo hiệu đường bộ tại đầu các trục thôn (biển chỉ dẫn đường...).	Đạt	
		- Các tuyến đường giao thông nông thôn được duy tu bảo dưỡng thường xuyên (vệ sinh, nạo vét rãnh...) đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.	Đạt	
		4.2. Đường ngõ, xóm:	Đạt	
		- 100% các tuyến đường được bê tông hóa đạt chuẩn theo quy định, trong đó: 100% số km đường có lề mỗi bên tối thiểu 0,5m (trừ trường hợp bất khả kháng); trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc đạt 100%”.	Đạt	
		- 100% các tuyến đường có hệ thống rãnh thoát nước (trừ trường hợp bất khả kháng) và thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng.	Đạt	
		4.3. Đường nội đồng:		
		- 100% các tuyến đường được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, trong đó trên 70% được bê tông hóa.	Đạt	
5	Hệ thống điện	- Các tuyến đường đã bê tông hóa (khuyến khích trồng hoa, cây cảnh, cây bóng mát) ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc (nếu có)”.	Đạt	Sở Công thương
		5.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.	100%	
		5.2. Tỷ lệ km đường trục thôn khu vực đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng.	100%	
6	Nhà văn hóa và hoạt động văn hóa - thể thao	6.1. Nhà văn hóa		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		- Tủ sách trong nhà văn hóa có ít nhất 100 đầu sách; quản lý, sử dụng hiệu quả và thường xuyên cập nhật đầu sách mới.	Đạt	
		- Hệ thống trang thiết bị nhà văn hóa gồm: bộ âm thanh; các công cụ, dụng cụ dùng cho hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng địa phương; hệ thống loa phát thanh phải duy trì và đảm bảo hoạt động, thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng,	Đạt	

		phát huy tốt chức năng của nhà văn hóa theo quy định.		
		- Công trình phụ trợ nhà văn hóa gồm: Khuôn viên nhà văn hóa được trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát...; có hàng rào bằng cây xanh, đối với hàng rào được xây dựng bằng các loại vật liệu khác (bê tông, kim loại...) khuyến khích trồng cây (hoa) để phủ xanh. Nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh.	Đạt	
		6.2. Hoạt động văn hóa - thể thao		
		- Có dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt	
		- Có mô hình hoạt động văn hóa - văn nghệ tiêu biểu, mỗi thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút 40% trở lên/ tổng số dân.	Đạt	
9	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	- Có mô hình hoạt động thể dục, thể thao tiêu biểu, mỗi thôn có ít nhất 01 đội thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng tại địa phương hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút 25% trở lên/tổng số dân.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét công nhận “Thôn NTM kiểu mẫu” phải cao hơn từ 1,5 lần so với mức quy định đánh giá tiêu chí thu nhập theo Bộ tiêu chí xã NTM từng năm.	Đạt	Cục Thống kê tỉnh
8	Hộ nghèo	Không có hộ nghèo	Đạt	Sở Lao động - TB và XH
9	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	9.1. Văn hóa:		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn Văn hóa" liên tục tối thiểu 3 năm.	Đạt	
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”.	90%	
		- Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%	

10		9.2. Giáo dục:	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		- Tỷ lệ huy động trẻ dưới 36 tháng tuổi đi nhà trẻ đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 99% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 90% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT (bỏ túc THPT) hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 90% trở lên.	Đạt	
		- Tỷ lệ học sinh tiểu học: Xếp loại giáo dục từ trung bình trở lên đạt ít nhất 98%, không có học sinh bỏ học; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở: Xếp loại yếu, kém không quá 5%, tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%; không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt	
		9.3. Y tế:		Sở Y tế
		- Tỷ lệ dân số thường trú trên địa bàn thôn được quản lý, theo dõi sức khỏe.	$\geq 90\%$	
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT.	95%	
	Vệ sinh môi trường	10.1. Có từ 95% trở lên số hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó tối thiểu 60% số hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		10.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.	Đạt	Sở Xây dựng
		10.3. Có từ 60% trở lên số tuyến đường thôn, xóm có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		10.4. Có mô hình bảo vệ môi trường (HTX, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm) tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên,	Đạt	

		hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.		
		10.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.	Đạt	
11	HTCT và An ninh, trật tự xã hội	11.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.	Đạt	Sở Nội vụ
		11.2. Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu vững mạnh.	Đạt	
		11.3. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận thôn NTM kiểu mẫu, trên địa bàn thôn: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm.	Đạt	Công an tỉnh
12	Chấp hành quy ước, hương ước và các quy định khác của các tổ chức	12.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm quy ước, hương ước; không vi phạm các hình thức kỷ luật (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền).	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		12.2. Đóng nộp đầy đủ, đúng thời gian các khoản thu đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.	Đạt	Sở Tài chính

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh
Tuyên Quang

Phụ lục 8
TIÊU CHÍ XÃ NTM KIỂU MẪU TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN
2019 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

Xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu tỉnh Tuyên Quang là xã đã được công nhận đạt chuẩn xã NTM nâng cao theo quy định; đạt chuẩn các tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 theo quy định tại Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ và đạt chuẩn một trong các tiêu chí sau:

1. Xã NTM kiểu mẫu về Tổ chức sản xuất

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Doanh nghiệp, HTX liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã đạt 100% sản lượng theo hợp đồng liên kết.	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm.	Đạt	
3	Có ít nhất 1 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình sản xuất hữu cơ đạt hiệu quả kinh tế.	Đạt	

2. Xã NTM kiểu mẫu về Giáo dục – Y tế

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở mức độ 2 chiếm 2/3 số trường trên địa bàn xã.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Đạt chuẩn phổ cập Giáo dục tiểu học mức độ 3 (phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2), đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt	
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 15 %	Sở Y tế

3. Xã NTM kiểu mẫu về Văn hóa - Du lịch

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Xây dựng quy chế tổ chức hoạt động của nhà văn hóa xã, thôn; hàng năm có kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

	sinh hoạt văn hóa, luyện tập thể thao thường xuyên của nhân dân.		
2	Đối với điểm hoặc khu du lịch đã được công nhận theo quy định (áp dụng đối với xã có điểm hoặc khu du lịch):	Đạt	
	- Thực hiện tiếp nhận, giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của du khách.	Đạt	
	- Cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn thực hiện tốt việc ứng xử văn minh với du khách.	Đạt	

4. Xã NTM kiểu mẫu về Môi trường

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy định.	$\geq 90\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Sở Xây dựng
	- Tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý theo quy định.	95%	
	- Có mô hình phân loại rác thải tại các hộ gia đình.	$\geq 60\%$	
	- Áp dụng biện pháp xử lý rác thải phù hợp.	95%	
3	Tỷ lệ số tuyến đường trục xã, đường từ trung tâm xã đến huyện và đường trục thôn, liên thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến. Xây dựng môi trường “xanh – sáng – sạch – đẹp, an toàn” (các tuyến đường nêu trên phải được nhựa hóa, bê tông hóa theo tiêu chí NTM nâng cao).	$\geq 60\%$	Sở Giao thông vận tải
4	Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng; hoạt động ít nhất 1 lần/tuần.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	Hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo vệ sinh môi trường:		
	- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 95\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	- Hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo tuân thủ quy định về vệ sinh môi trường.	Đạt	

5. Xã NTM kiểu mẫu về An ninh trật tự

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Tỷ lệ thôn có mô hình bảo vệ an ninh trật tự và hoạt động hiệu quả	100%	Công an tỉnh
2	Có tổ chức các hoạt động để nhân dân tham gia giám sát chính quyền, xây dựng HTCT cơ sở, thực hiện các chính sách xã hội.	Đạt	Ủy ban MTTQ tỉnh

6. Xã NTM kiểu mẫu về Hành chính công

TT	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách
1	Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính.	$\geq 95\%$	Sở Nội vụ
2	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trước và đúng hạn.	$\geq 99\%$	Văn phòng UBND tỉnh

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh
Tuyên Quang

Phụ lục 9
BỘ TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU NTM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG, ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 73/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh
Tuyên Quang)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Chỉ tiêu đánh giá	Cơ quan hướng dẫn, phụ trách tiêu chí
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ được UBND xã xác nhận	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Thực hiện đúng bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế được UBND xã xác nhận	Đạt	
2	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ít nhất một trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Sản phẩm từ vườn	3.1. Sản phẩm hàng hóa từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Tỷ lệ giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hóa phù hợp với kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp của xã, huyện trong tổng giá trị sản phẩm từ vườn	$\geq 70\%$	
4	Môi trường - Cảnh quan	4.1. Có hàng rào bằng cây xanh; đối với hàng rào được xây dựng bằng các loại vật liệu khác (bê tông, kim loại...) khuyến khích trồng cây xanh (hoa) để phủ xanh hàng rào	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		4.2. Hệ thống thoát nước thải đảm bảo hợp vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh; chất thải rắn của hộ gia đình trước khi được tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại theo đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đối với rác thải sinh hoạt cần được xử lý hoặc chôn lấp theo đúng quy định	Đạt	
		4.3. Hạ tầng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (nếu có) phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	
5	Thu nhập	Thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích đối với cây trồng trong vườn so với thu nhập từ trồng lúa trong xã	≥ 5 lần	Cục Thống kê tỉnh

Nguồn: Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh
Tuyên Quang

Phụ lục 10
MẪU PHIẾU KHẢO SÁT

(Dùng cho Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã)

Kính thưa đồng chí để giúp Nghiên cứu sinh thực hiện đề tài Luận án Tiến sĩ: **“Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng NTM từ 2010 - 2020”**, xin đồng chí cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây. Rất mong nhận được sự giúp đỡ của đồng chí!

Thông tin về người được lấy phiếu

- Họ và tên :
- Chức vụ, đơn vị công tác :
- Năm sinh :

1	<i>Đồng chí biết về chương trình MTQG xây dựng NTM từ khi nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	Từ trước năm 2010	☐
	Khoảng năm 2010	☐
	Khoảng năm 2015	☐
	Khoảng năm 2020	☐
2	<i>Đồng chí cho biết mức độ quan trọng của chương trình xây dựng NTM đối với sự phát triển KT - XH của địa phương? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	Rất quan trọng	☐
	Quan trọng	☐
	Bình thường	☐
	Không quan trọng	☐
3	<i>Theo đồng chí để xác định đường lối, mục tiêu và đề ra nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng NTM ở Đảng bộ đồng chí cần phải căn cứ vào cơ sở nào? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)</i>	
	Chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ cấp trên	☐
	Xuất phát từ đặc điểm thực tiễn địa phương	☐
	Kinh nghiệm thế giới và các địa phương khác trong nước	☐
	Tất cả phương án trên	☐
4	<i>Trong quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng NTM ở địa phương để đảm bảo hiệu quả theo đồng chí cần phải</i>	

	<i>có những yêu cầu nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	Chỉ cần thực hiện theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước	☐
	Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước để cụ thể hóa vào thực tiễn địa phương	☐
	Chỉ cần bám sát thực tiễn địa phương để chỉ đạo thực hiện	☐
	Tất cả phương án trên	☐
5	<i>Đánh giá của đồng chí về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng NTM, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	- Phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Tương đối phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Chưa phù hợp	☐
6	<i>Đánh giá của đồng chí về sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng NTM của Đảng bộ, chính quyền xã nơi đồng chí công tác, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	- Linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả	☐
	- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu, hoàn thành mục tiêu đề ra	☐
	- Còn rập khuôn, máy móc, chưa đạt mục tiêu đề ra	☐
7	<i>Theo đồng chí những khó khăn khi triển khai thực hiện xây dựng NTM là gì? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)</i>	
	- Tiêu chí xây dựng NTM của Chính phủ có nội dung chưa phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Điều kiện KT - XH còn khó khăn, xuất phát điểm thấp	☐
	- Một bộ phận người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại	☐
	- Điều kiện tự nhiên, địa hình không thuận lợi	☐
	- Những tác động của thiên tai, dịch bệnh	☐
8	<i>Đồng chí đánh giá về mức độ tham gia của người dân trong xây dựng NTM ở địa phương (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	- Chủ động, tích cực, nhiệt tình	☐
	- Bình thường	☐
	- Không tham gia	☐
9	<i>Theo đồng chí người dân có vai trò như thế nào trong xây dựng NTM? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	

	- Là chủ thể, chủ động thực hiện	☐
	- Chỉ thực hiện khi có chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền	☐
	- Nhà nước thực hiện là chính, nhân dân chỉ tham gia một phần	☐
10	<i>Đồng chí có đánh giá thế nào về kết quả cơ bản trong xây dựng NTM ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2010 – 2020 (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)</i>	
	Làm thay đổi nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân	☐
	Làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nông thôn văn minh, hiện đại	☐
	Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân	☐
	Nông thôn an toàn, môi trường sạch đẹp, giàu bản sắc văn hóa	☐
	Tất cả các phương án trên	☐

*** Khảo sát 141 phiếu dành cho cán bộ xã**

Phụ lục 11
MẪU PHIẾU KHẢO SÁT
(Dùng cho Nhân dân)

Kính thưa Ông (Bà) để giúp Nghiên cứu sinh thực hiện đề tài Luận án Tiến sĩ: **“Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng NTM từ 2010 - 2020”**, xin Ông (Bà) cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây. Rất mong nhận được sự giúp đỡ của Ông (Bà)!

Thông tin về người được lấy phiếu

- Họ và tên :
- Địa chỉ thường trú :
- Năm sinh :

1	<i>Ông (Bà) biết về Chương trình MTQG xây dựng NTM từ khi nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	Từ trước năm 2010	☐
	Khoảng năm 2010	☐
	Khoảng năm 2015	☐
	Khoảng năm 2020	☐
2	<i>Ông (Bà) cho biết mức độ quan trọng của Chương trình xây dựng NTM đối với sự phát triển KT - XH của địa phương? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	Rất quan trọng	☐
	Quan trọng	☐
	Bình thường	☐
	Không quan trọng	☐
3	<i>Theo Ông (Bà) những khó khăn khi triển khai thực hiện xây dựng NTM là gì? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)</i>	
	- Tiêu chí xây dựng NTM của Chính phủ chưa phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Điều kiện KT - XH còn khó khăn, xuất phát điểm thấp	☐
	- Một bộ phận người dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại	☐
	- Điều kiện tự nhiên, địa hình không thuận lợi	☐
	- Những tác động của thiên tai, dịch bệnh	☐
4	<i>Theo Ông (Bà) người dân có vai trò như thế nào trong xây dựng NTM? (chọn 1 đáp án đúng nhất)</i>	
	- Là chủ thể, chủ động thực hiện	☐
	- Chỉ thực hiện khi có chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền	☐
	- Nhà nước thực hiện là chính, nhân dân chỉ tham gia một phần	☐

5	Ông (Bà) đánh giá về mức độ tham gia của người dân trong xây dựng NTM ở địa phương (chọn 1 đáp án đúng nhất)	☐
	- Chủ động, tích cực, nhiệt tình	☐
	- Bình thường	
	- Không tham gia	☐
6	Đánh giá của ông (bà) về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng NTM, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)	☐
	- Phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Tương đối phù hợp với thực tiễn địa phương	☐
	- Chưa phù hợp	☐
7	Ông (Bà) đánh giá về sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng NTM của Đảng bộ, chính quyền xã, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)	
	- Linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả	☐
	- Đảm bảo đáp ứng yêu cầu, hoàn thành mục tiêu đề ra	☐
	- Còn rập khuôn, máy móc, chưa đạt mục tiêu đề ra	☐
8	Đánh giá về đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương nơi ông (bà) sinh sống so với trước khi xây dựng NTM? (chọn 1 đáp án đúng nhất)	☐
	- Rất tốt	☐
	- Tương đối tốt	☐
	- Bình thường	☐
	- Chưa tốt	☐
9	Ông (Bà) có đánh giá thế nào về kết quả trong xây dựng NTM ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2010 – 2020 (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)	
	Làm thay đổi nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân	☐
	Làm thay đổi bộ mặt nông thôn; nông thôn văn minh, hiện đại	☐
	Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân	☐
	Nông thôn an toàn, môi trường sạch đẹp, giàu bản sắc văn hóa	☐
	Tất cả các kết quả trên	☐

*** Khảo sát 524 phiếu dành cho Nhân dân**

Phụ lục 12
TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT
(Dùng cho Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã)
Đường link lấy phiếu khảo sát ý kiến từ cán bộ thông qua Google biểu mẫu:
<https://forms.gle/ekPNnw2kSnjnqj5G7>

Phiếu điều tra luận án tiến sĩ - Dùng cho cán bộ xã

Gửi

Câu hỏi Câu trả lời 141 Cài đặt

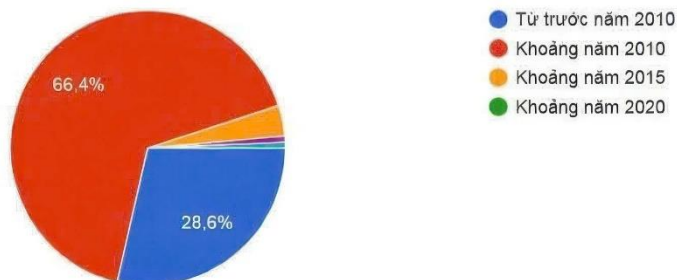


PHIẾU KHẢO SÁT (Dùng cho Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã)

MôIkinh thưa đồng chí để giúp Nghiên cứu sinh thực hiện đề tài Luận án Tiến sĩ: "Đánh giá tính Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ 2010 - 2020", xin đồng chí cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây. Chúng tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của đồng chí!

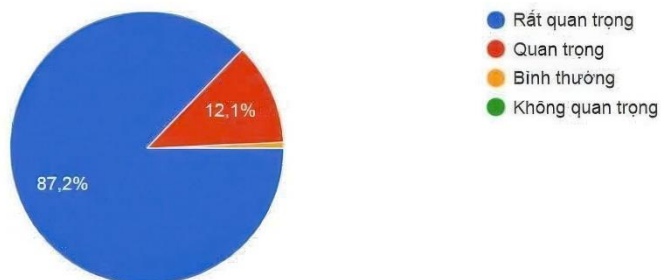
Câu hỏi 1: Đồng chí biết về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ khi nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

140 câu trả lời



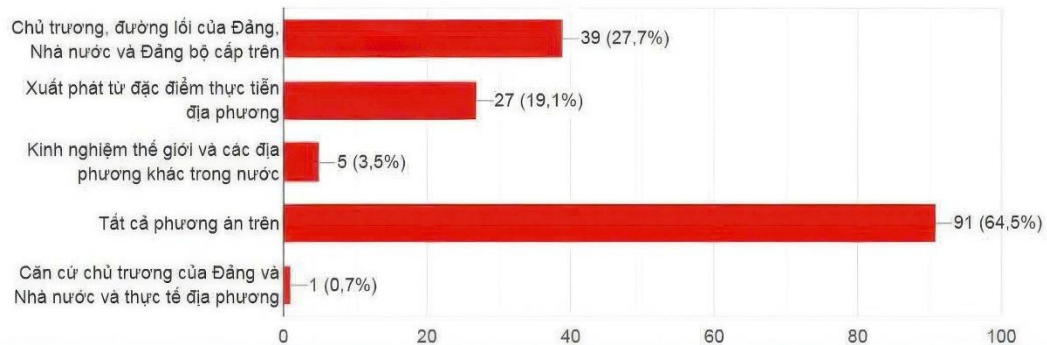
Câu hỏi 2: Đồng chí cho biết mức độ quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

141 câu trả lời



Câu hỏi 3: Theo đồng chí để xác định đường lối, mục tiêu và đề ra nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng nông thôn mới ở Đảng bộ đồng chí cần phải căn cứ vào cơ sở nào? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

141 câu trả lời



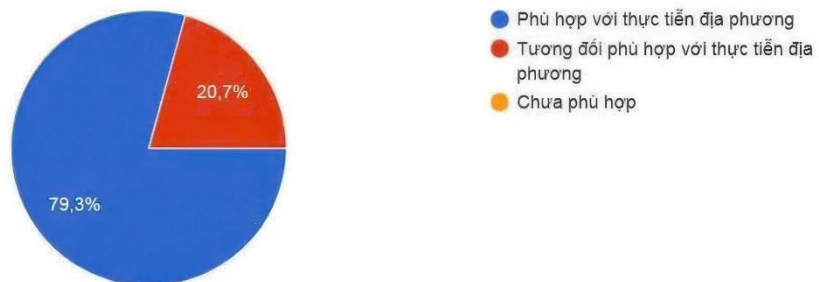
Câu hỏi 4: Trong quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới ở địa phương để đảm bảo hiệu quả theo đồng chí cần phải có những yêu cầu nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

141 câu trả lời



Câu hỏi 5: Đánh giá của đồng chí về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

140 câu trả lời



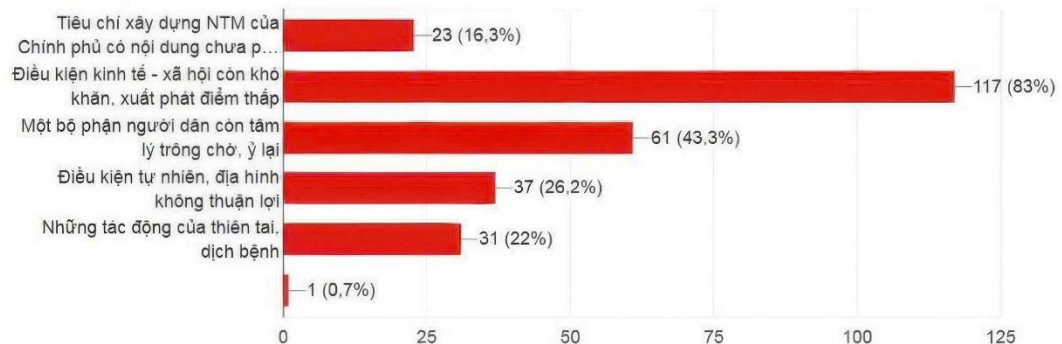
Câu hỏi 6: Đánh giá của đồng chí về sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ, chính quyền xã nơi đồng chí công tác, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

141 câu trả lời



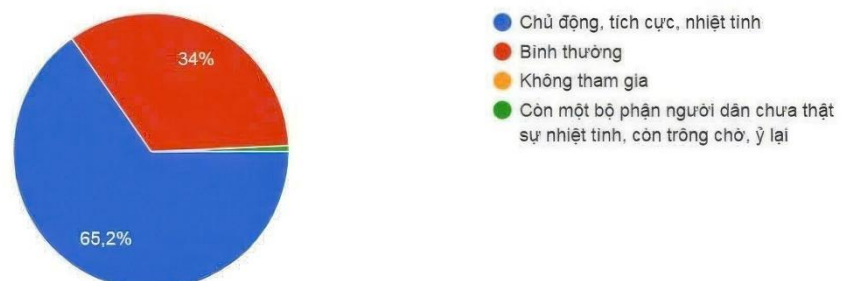
Câu hỏi 7: Theo đồng chí những khó khăn khi triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới là gì? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

141 câu trả lời



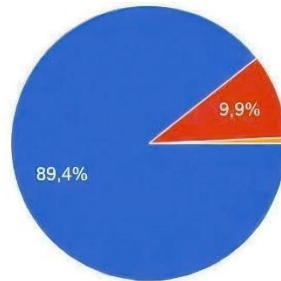
Câu hỏi 8: Đồng chí đánh giá về mức độ tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương (chọn 1 đáp án đúng nhất)

141 câu trả lời



Câu hỏi 9: Theo đồng chí người dân có vai trò như thế nào trong xây dựng nông thôn mới? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

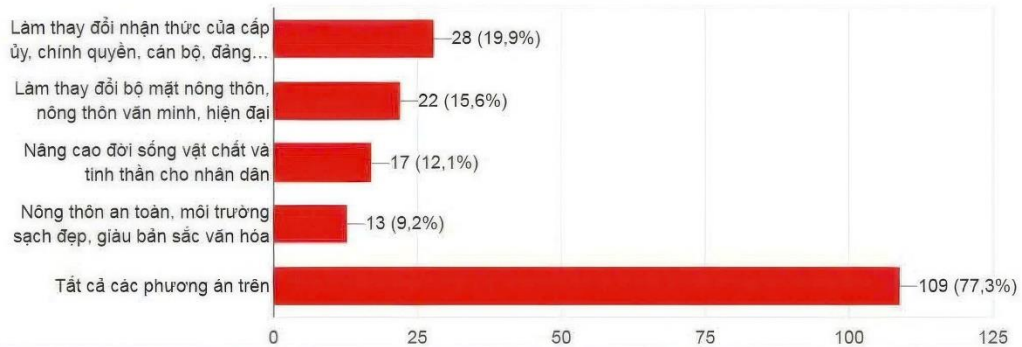
141 câu trả lời



- Là chủ thể, chủ động thực hiện
- Chỉ thực hiện khi có chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền
- Nhà nước thực hiện là chính, nhân dân chỉ tham gia một phần

Câu hỏi 10: Đồng chí có đánh giá thế nào về kết quả cơ bản trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2010 – 2020 (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

141 câu trả lời



Phụ lục 13

TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT

(Dùng cho Nhân dân)

Đường link lấy phiếu khảo sát ý kiến từ Nhân dân thông qua Google biểu mẫu: <https://forms.gle/SQr1YsyB5cGELNQc8>

Phiếu điều tra luận án tiến sĩ - dùng cho nhân dân

Câu hỏi Câu trả lời 624 Cài đặt



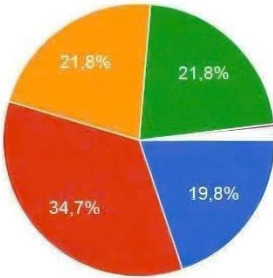
PHIẾU KHẢO SÁT (Dùng cho nhân dân)

B I U E

Kính thưa Ông (Bà) để giúp Nghiên cứu sinh on thực hiện đề tài Luận án Tiến sĩ: "Đánh giá tính Tuyến Quang lãnh đạo xây dựng nông thôn mới từ 2010 - 2020", xin Ông (Bà) cho biết ý kiến của mình về các nội dung dưới đây. Chúng tôi rất mong nhận được sự cộng tác của Ông (Bà).

Câu hỏi 1: Ông (Bà) biết về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới từ khi nào? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

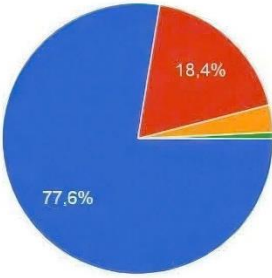
524 câu trả lời



- Từ trước năm 2010
- Khoảng năm 2010
- Khoảng năm 2015
- Khoảng năm 2020

Câu hỏi 2: Ông (Bà) cho biết mức độ quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

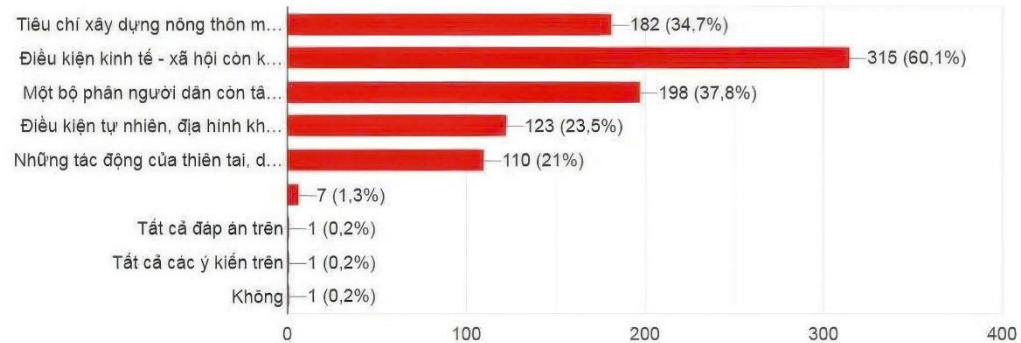
522 câu trả lời



- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

Câu hỏi 3: Theo Ông (Bà) những khó khăn khi triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới là gì? (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

524 câu trả lời



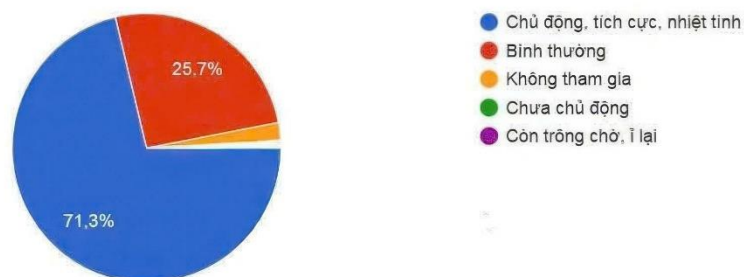
Câu hỏi 4: Theo Ông (Bà) người dân có vai trò như thế nào trong xây dựng nông thôn mới? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

523 câu trả lời



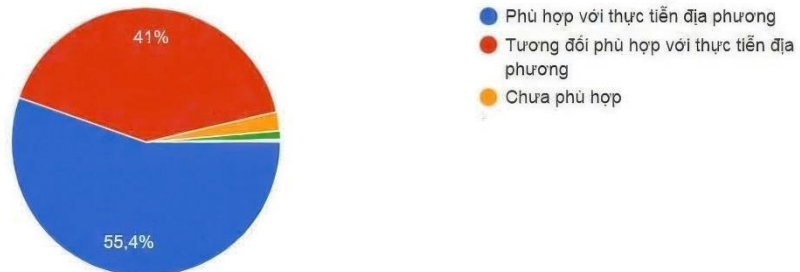
Câu hỏi 5: Ông (Bà) đánh giá về mức độ tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới ở địa phương (chọn 1 đáp án đúng nhất)

522 câu trả lời



Câu hỏi 6: Đánh giá của ông (bà) về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

520 câu trả lời



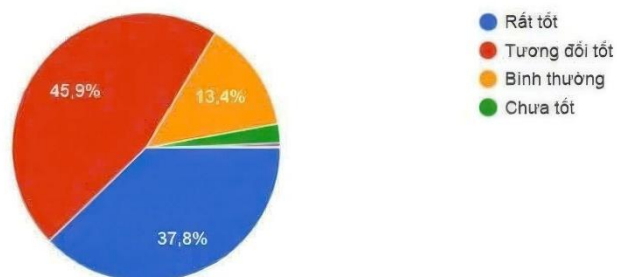
Câu hỏi 7: Ông (Bà) đánh giá về sự chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới của Đảng bộ, chính quyền xã, giai đoạn 2010-2020? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

523 câu trả lời



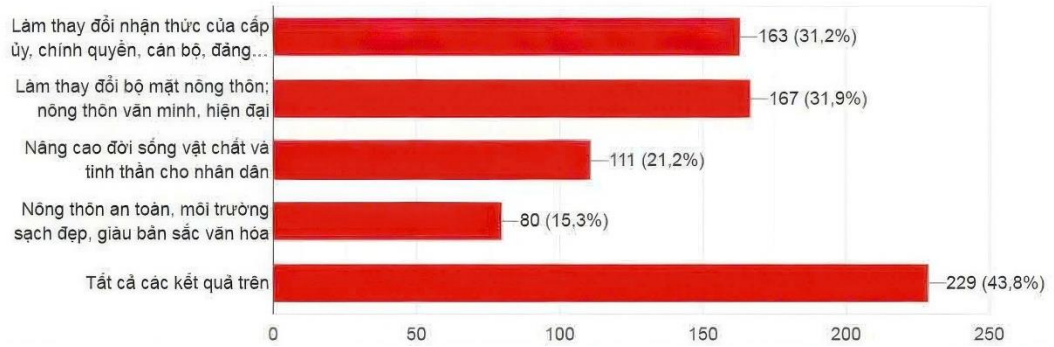
Câu hỏi 8: Đánh giá về đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương nơi ông (bà) sinh sống so với trước khi xây dựng nông thôn mới? (chọn 1 đáp án đúng nhất)

521 câu trả lời



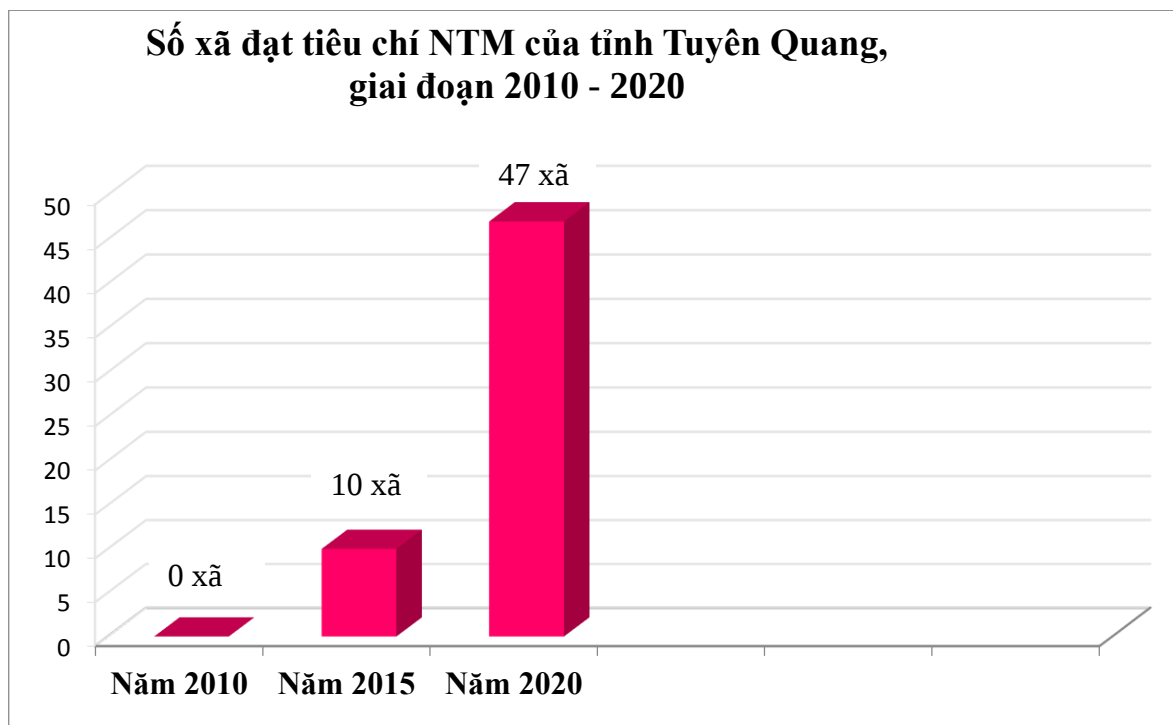
Câu hỏi 9: Ông (Bà) có đánh giá thế nào về kết quả trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2010 – 2020 (Có thể chọn 1 hoặc nhiều đáp án)

523 câu trả lời



Phụ lục 14

**BIỂU ĐỒ TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÂY DỰNG
NTM TỈNH TUYỀN QUANG, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020**



Nguồn:

1. UBND tỉnh Tuyền Quang (2019), *Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 21/11/2019 về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tuyền Quang, giai đoạn 2010-2020*, Tuyền Quang

2. Báo cáo số 25/BC-SNN ngày 22/01/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Phụ lục 15

**TỔNG HỢP SỐ XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NTM
CỦA MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC (2010 - 2020)**

TT	Tên tỉnh	Tổng số xã	Số xã đạt chuẩn	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Tuyên Quang	124	47	37,9	
2	Lạng Sơn	181	49	27,1	
3	Hà Giang	175	47	26,9	
4	Bắc Kạn	112	19	17,0	
5	Cao Bằng	177	25	14,1	

Nguồn:

1. Báo cáo số 25/BC-SNN ngày 22/01/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

2. Báo cáo số 52-BC/TU ngày 02/02/2021 của Tỉnh ủy Lạng Sơn về Tổng kết Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 12/8/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng NTM tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011-2020;

3. Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 25/7/2022 của BCH Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

4. Báo cáo số 164/BC-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

5. Báo cáo số 4217/BC-BCĐ ngày 29/11/2019 của BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh Cao Bằng về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2010-2020.

Phụ lục 16
MỘT SỐ HÌNH ẢNH XÂY DỰNG NTM
TỈNH TUYỀN QUANG



Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/:443/tin-tuc/tang-cuong-thong-tin-tuyen-truyen-ve-xay-dung-nong-thon-moi-548.html>



Người dân thôn Làng Mãn, xã Đại Phú tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng NTM trên sách, báo

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/:443/tin-tuc/xa-dai-phu-huyen-son-duong-tinh-tuyen-quang-but-pha-trong-xay-dung-nong-thon-moi-133.html>



Bê tông hóa đường giao thông nội đồng góp phần quan trọng phát triển sản xuất tại xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn

Nguồn: <https://baotuyenquang.com.vn/10-su-kien-noi-bat-cua-tuyen-quang-nam-2020-do-bao-tuyen-quang-binh-chon-140578.html>



Lực lượng dân quân tự vệ phối hợp với người dân thôn Mùòng, xã Phù Lưu kiên cố hóa kênh mương bằng cầu kiện bê tông đúc sẵn

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/:443/tin-tuc/trien-khai-chuong-trinh-kien-co-hoa-kenh-muong-o-ham-yen-893.html>



Đồng chí Nguyễn Văn Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh cùng lãnh đạo huyện Sơn Dương thăm mô hình trồng dưa công nghệ cao tại xã Kháng Nhật – Năm 2020.

Nguồn: <https://tuyenquang.dcs.vn/DetailView/11822/5/Son-Duong-but-pha-phat-trien.html>



Đoàn công tác Văn phòng Điều phối NTM Trung ương cùng lãnh đạo huyện Hàm Yên thăm quan mô hình trồng bưởi da xanh tại xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/:443/tin-tuc/van-phong-dieu-phoi-nong-thon-moi-trung-uong-lam-viec-tai-huyen-ham-yen-1879.html>



Cam sành Hàm Yên lọt vào top 10 trái cây nổi tiếng và có giá trị nhất Việt Nam.

<https://trangtraiviet.danviet.vn/cam-sanh-vietgap-ham-yen-dem-trai-ngot-cho-hang-tram-nong-dan-trieu-phu-88811120-d39909.html>



Nông dân sử dụng máy thu hái chè nguyên liệu tại vùng sản xuất chè xã Mỹ Bằng, huyện Yên Sơn

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong-chung/can-co-giai-phap-giu-vung-cac-tieu-chi-nong-thon-moi-56.html>



Người dân xã Thổ Bình (Lâm Bình) hân hoan trên những tuyến đường hoa rực rỡ sắc màu

Nguồn: <https://baotuyenquang.com.vn/nong-thon-moi-o-tho-binh-can-bo-cung-dan-lo-157495.html>



Cổng chào tại xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (đạt chuẩn xã NTM nâng cao năm 2020)

Nguồn: <https://baotuyenquang.com.vn/10-su-kien-noi-bat-cua-tuyen-quang-nam-2020-do-bao-tuyen-quang-binh-chon-140578.html>



Huyện Sơn Dương tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2011 - 2015

Nguồn: <https://nongthonmoituyenquang.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong-chung/son-duong-so-ket-5-nam-xay-dung-nong-thon-moi-95.html>



Các tập thể, cá nhân nhận Bằng khen có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Tuyên Quang chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020

Nguồn: <https://khuyennongvn.gov.vn/chuong-trinh-nganh-nong-nghiep/xay-dung-nong-thon-moi/tuyen-quang-tong-ket-10-nam-thuc-hien-chuong-trinh-xay-dung-nong-thon-moi-19422.html>